VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

VĂN HỌC PHẢN KHÁNG &
PHONG TRÀO NHÂN VĂN GIAI PHẨM
SỐ 27 THÁNG 4 NĂM 1988

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Lê Tâm : *Ba mươi năm sau bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" của Phan Khôi, trang 1* * **Trần Thị Kim Lan :** *Edna, truyện ngắn, trang 18* * **Thụy Khuê** : *Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, trang 23* * **Nguyễn Việt Thường :** *Thơ, trang 37* * **Nguyễn Thị Tiêu Dao :** *Những cây bút phụ nữ phản kháng tại Liên bang Xô viết, trang 42* * **Nguyễn Bá Trạc :** *Xuân về trên đảo Bidong, thơ trang 57* * **Lê Mỹ Hương :** *Hai mảnh tim tươi của một nhà thơ, trang 59* * **Như Chi :** *Cõi Chết, thơ trang 66* * **Hồ Trường An :** *Trang sách thần tiên, truyện ngắn trang 67* * **Trịnh Y Thư :** *Dịch ba bài thơ của Solzhenitsyn, trang 85* * **Nguyễn Hiền Thảo :** *Ngủ không được, truyện ngắn trang 89* * **Bùi Bảo Trúc :** *James Arthur Balwin, Chấm dứt một bản blues, trang 100* * **Nguyễn Mạnh Trinh :** *Buổi chiều ở phố núi, thơ trang 106* * **Nguyễn Hoàng Nam :** *Mưa, nhớ người phía Bắc, thơ trang 108* * **Võ Kỳ Điền :** *Bút pháp Kiệt Tấn qua "Nụ Cười Tre Trúc", trang 109* * **Thế Uyên :** *Vài nhận xét về cuốn "Lịch sử dân tộc Việt Nam" của Phạm Cao Dương, trang 117* * **Đỗ Khiêm :** *Lỗi tại vì đêm, thơ trang 126* * **Triều Khê** : *Góp ý về bài "Bể dâu trong tiếng Việt" trang 127* * **Hoàng Liên :** *Ánh sáng và Bóng tối, hồi ký trang 135* * **Mai Kim Ngọc :** *Muôn Kiếp Cô Liêu, trích đoạn truyện dài, trang 144.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết
Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : 45831912
Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.

Thư từ tiền bạc xin gửi về : **Văn Học**
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA
Phone : (714) 832.8445

Lê Tâm

Ba mươi năm sau bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" của Phan Khôi.

Trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ ngày 24 tháng 10 năm 1987, Nguyên Ngọc (nhà văn), tổng biên tập mới của báo Văn Nghệ tiết lộ: *"Sắp đến sẽ có nghị quyết của bộ chính trị về văn hoá văn nghệ. Tôi cũng được biết sau khi có nghị quyết rồi, Ban văn hoá văn nghệ trung ương sẽ chuẩn bị 23 biện pháp triển khai trong thời gian mấy năm. Biện pháp đầu tiên là: sau khi công bố nghị quyết bộ chính trị, dự kiến sẽ có một chỉ thị xem lại các vụ án văn học nghệ thuật trước nay, kể từ vụ "Nhân văn giai phẩm". Tức là làm rõ ra, thí dụ: vụ Nhân Văn Giai Phẩm bây giờ là thế nào? Anh nào có tội, anh nào không có tội? Làm cho rõ. Có những vụ án đã thành văn bản, tức là có án hẳn hoi, nhưng cũng có những vụ án không có án chính thức nào cả, nhưng có một đồng chí nào đó "rất to" nói một điều gì đấy. Và thế là thành án."*

Lời tuyên bố trên đây của tổng biên tập báo Văn Nghệ đưa ra sau hai tuần lễ trước đấy, một cuộc gặp gỡ của *"gần một trăm nhà văn, nghệ sĩ và nhà văn hoá"* với ông Nguyễn văn Linh, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội trong hai ngày 6 và 7 tháng 10 năm 1987. Trong cuộc gặp gỡ này, Nguyễn khắc Viện, người đã phát biểu những lời lẽ sau đây: *"Trong những năm qua văn học nghệ thuật của ta chưa đóng được đầy đủ vai trò của nó. Vì bị trói buộc. Sự lãnh đạo văn nghệ nhiều lúc còn thô sơ, tỉa cành bắt sâu trong một vườn hoa quý lại dùng dao búa làm rừng khai hoang... Những người làm báo, viết văn, làm phim được nhắc nhở: phải làm như thế này, không được làm như thế kia! Bị trói buộc bởi một loại 'hủy kỵ'... Lâu lâu lại nổ ra một vụ án: bài báo này, quyển sách kia, cuốn phim nọ bị kết án là 'xét lại', là 'chống đảng', là 'có tính kích động'... Mà thông thường bản án nào cũng*

có kỳ hạn, mãn hạn ra tù, còn bản án văn học thì cứ mãi mãi treo lơ lửng trên đầu..., một bản án chung thân, có khi còn hại đến cả con cháu...", đã đưa ra *"kiến nghị"* đòi xét lại vụ án Nhân Văn.

Cho đến nay người ta vẫn chưa nhận được tin tức gì về cái *"Nghị quyết"* sắp đến của *"Bộ chính trị về văn hoá văn nghệ"* của Việt cộng, mà Nguyên Ngọc đã hí hửng tiết lộ ở đoạn trích dẫn trên đây. Tuy nhiên, có một điều người ta có thể chắc chắn rằng những lời phát biểu của những người cầm bút dưới chế độ Việt cộng trong lần gặp gỡ với Nguyễn văn Linh vừa qua, về vấn đề đảng lãnh đạo văn nghệ, không có điều gì mới lạ hơn bài viết *"Phê bình lãnh đạo văn nghệ"* của cụ Phan Khôi đăng trên Giai Phẩm mùa Thu tập I cách đây ba mươi năm.

Trước khi xem xét đến những điều cụ Phan Khôi đã đem ra chỉ trích đảng trong vấn đề lãnh đạo văn nghệ, và ngày nay sau ba mươi năm những điều ấy còn tồn tại đến mức độ nào, tưởng cũng nên tóm lược lại những nguyên nhân đã đưa đến cơ hội cho giới trí thức miền Bắc lúc bấy giờ vùng lên phê phán mạnh mẽ mọi cơ cấu của đảng và nhà nước, mà trong đó ở địa hạt văn nghệ sự đóng góp của cụ Phan Khôi được coi là một phần quan trọng.

Để làm dịu nỗi căm phẫn của người dân Nga đã đến mức không còn chịu được nữa dưới chế độ cộng sản, ngày 20 tháng 2 năm 1955 Krushchev đọc diễn văn hạ bệ Stalin trong kỳ đại hội đảng lần thứ 20. Trong bài diễn văn này Krushchev kể tội Stalin nào đã lưu đày các dân tộc thiểu số, thủ tiêu hàng vạn đảng viên đối lập, u mê trước hiểm họa xâm lăng của Đức Quốc Xã và ngu đần trong việc điều khiển chiến tranh... Ngoài việc lên án như thế, Krushchev còn hủy bỏ luận thuyết của Stalin cho rằng *"cách mạng nhất thiết phải bạo động, và càng tới xã hội chủ nghĩa thì đấu tranh giai cấp càng quyết liệt."* Krushchev đưa ra một chính sách đối nội, đối ngoại xem ra có vẻ mềm dẻo hơn và hứa hẹn sẽ dân chủ hoá chế độ. Nhưng chẳng bao lâu sau đấy, khi phong trào đòi hỏi tự do ở Nga mới rục rịch, Krushchev đã vội vàng trở lại chính sách tàn bạo của Stalin và thẳng tay đàn áp.

Tuy tình hình trong nước không đến nỗi bức thiết như Liên Sô, nhưng để gọi là rập khuôn theo hệ thống toàn thế giới, ngày 25 tháng 5 năm 1956, Lục Định, cục trưởng cục tuyên huấn đảng cộng sản Trung quốc, triệu tập giới trí thức Trung Hoa đến viện Hoài Nhân Đường ở Bắc Kinh để nghe ông ta đọc một bài diễn văn dài dòng, nhan đề *"Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh"*. Trong bài diễn văn này, Lục Định đưa ra chủ trương lờ mờ về *"tranh luận xây dựng trong nội bộ đảng"* và *"những cuộc tranh đấu để tiêu diệt những phần tử phản động..."* Năm sau, nhóm La Long Cơ nổi lên chống đảng, nhưng đã bị đập cho *"một trùy vỡ sọ chết tươi"* như

lời Lục Định cảnh cáo!

Khi Mikoyan sứ giả của Krushchev sang Hà nội để giải thích về chính sách mới, thì cuộc "cách mạng ruộng đất" ở miền bắc ở giai đoạn chót. Vì thế, mãi đến tháng 8 năm 1956 đảng cộng sản Việt nam mới công bố nghị quyết của đại hội đảng cộng sản Liên Sô lần thứ 20, và họ tuyên bố sửa sai. Trước tiên họ dùng báo chí để giải thích việc sửa sai, rồi tổ chức học tập về nghị quyết đại hội lần thứ 20 của đảng cộng sản Liên Sô. Họ hạ bệ hai nhân vật cao cấp của đảng trong cuộc cải cách ruộng đất là Trường Chinh, tổng bí thư đảng, và Hồ viết Thắng, thứ trưởng phụ trách cải cách ruộng đất. Đồng thời họ cho Võ Nguyên Giáp đứng ra thay mặt trung ương đảng thú nhận sai lầm và hứa hẹn sửa chữa. Mặt khác, đảng cộng sản Việt nam cũng ra lệnh thả 12 ngàn đảng viên bị cầm tù vì bị quy là địa chủ trong dịp cải cách ruộng đất, trong số những người này có người đã bị kết án tử hình.

Hậu quả của chiến dịch sửa sai này của đảng cộng sản Việt Nam là cuộc nổi loạn của nông dân ở Quỳnh Lưu, và trên hết là cuộc nổi dậy của giới trí thức miền bắc, tiêu biểu là nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Nhưng cuối cùng, cũng như các cuộc nổi dậy ở Poznan 28 tháng 6 năm 1956, Budapest 23 tháng 10 năm 1956, ở Liên Sô và Trung Quốc 1957 đã bị dập tắt bởi bạo lực. Cộng sản Việt Nam ra lệnh bắt bớ, giam cầm, thủ tiêu, tẩy não.. giới trí thức miền Bắc.

Như đã tóm lược ở trên, vì tình hình đột biến ở Liên Sô và các nước cộng sản khác đã là nguyên nhân khiến cho Việt cộng phải nới tay trong chính sách cải cách ruộng đất của họ. Họ bắt buộc phải tổ chức cho nhân dân những buổi học tập để đả thông chính sách mới của Krushchev. Giới văn nghệ sĩ ở Hà nội cũng được cho học tập, và đây là một buổi học tập được ghi lại trên báo Nhân Văn số 2 như sau: *"Đợt học tập của giới văn nghệ sĩ tháng 8 vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn nghệ. Phát triển sự việc như thế nào, xây dựng trung ương đảng như thế nào, Nguyễn đình Thi tổng kết quanh co như thế nào, Nguyễn hữu Đang tham luận mạnh bạo như thế nào, anh chị em đã nghĩ những gì... báo Nhân Dân biết rõ. Thế rồi bè phái lãnh đạo văn nghệ vẫn cứ ngoan cố làm thinh... tuyệt nhiên không giải quyết một nguyện vọng nào của anh chị em."*. Cùng lúc với sự tấn công đồng đảo và mãnh liệt vào giới lãnh đạo văn nghệ của đảng như thế, ngày 29 tháng 8 năm 1956 Giai Phẩm Mùa Thu tập I ra đời, trong đó bài *"Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ"* đã như một quả đấm nghìn cân vào huyệt tử của đối thủ!

Có lẽ trước bài viết của cụ Phan Khôi xuất hiện, bộ mặt xấu xí của giới lãnh đạo văn nghệ của đảng chưa bao giờ bị lôi ra ánh sáng

phanh phui huych toẹt đến như vậy. Trong bài viết này, cụ Phan Khôi đề cập đến nhiều sự việc, được dẫn chứng bởi những kinh nghiệm bản thân cụ, từ nạn bè phái, húy kỵ trong sinh hoạt văn học của đảng, đến vấn đề tự do của văn nghệ sĩ... Chẳng hạn, về nạn bè phái trong văn nghệ, cụ Phan Khôi đưa ra một bằng chứng qua vụ chấm giải thưởng văn học kỳ cục của đảng năm 1954-1955, đến nỗi người ta nghĩ rằng không còn sự kỳ cục nào kỳ cục hơn: "*Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong ban chung khảo. Nếu chỉ ở trong ban chung khảo mà thôi, còn khá: thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở trong ban sơ khảo nữa (!).*". Thật là một trò hề hết sức lố bịch mà có lẽ ngoài chế độ cộng sản ra người ta khó lòng tìm thấy một trò hề tương tự như thế ở một nơi khác. Ngay cả với: "*Trường thi phong kiến ngày xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng: Một người nào đó có con em đi thi, thì người ấy có được cất cử cũng phải "hồi tị", không được đi chấm trường. Bây giờ cả đến chính mình cũng đi thi mà cũng không "hồi tị": một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã "liêm chính" cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái miệng đã bị "vú lấp"*. Chính vì có tình trạng bịt mồm bịt miệng người dân như thế, ba cai văn nghệ mới đủ trơ trẽn vừa đóng vai học trò đi thi, vừa là ban sơ khảo, thấy vẫn chưa chắc ăn nên ba "vị" ngồi luôn cả ghế chung khảo cho tiện sổ sách... để rồi sau đấy cả ba đều vẻ vang lãnh giải!

Vì mọi cái "*miệng*" đã bị vú lấp như vậy nên các quan, và cai văn nghệ của chế độ mới mặc sức tung hoành. Họ đặt điều húy kỵ này nọ để vu cáo hãm hại những người cầm bút khác không chịu đứng vào hàng ngũ xu nịnh, nô dịch nhất mực tung hô bác, đảng muôn năm như họ. Từ đấy nảy sinh ra vấn đề húy kỵ trong sinh hoạt văn học của đảng. Về vấn đề này, cụ Phan Khôi đưa ra một bằng chứng sống thực khác, đó là trường hợp của Trần Dần: "*Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ "Người" viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ "Người" viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ chủ tịch thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ "Người" không phải để xưng Hồ chủ tịch. Tôi nghe và tưởng như ở trong chiêm bao: chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê mỗ tố cáo ông Nguyễn mỗ trước ngai vàng, trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về Hoàng thượng mới phải đài, thế mà tên Nguyễn mỗ viết thư cho bạn, dám xài chữ không phải thuộc về Hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp hội văn nghệ... Đó là cái thói húy kỵ trong văn chương của thời phong kiến còn rớt lại... Thử so sánh mà xem có phải mấy ông quan lãnh đạo của tôi cũng sợ bóng sợ gió như mấy ông quan trường ấy không?*

Người ta làm cho tôi cảm thấy qua việc ấy rằng nước Việt Nam ngày xưa, triều đại là triều đại Thiệu Trị, Tự Đức, cái nguồn văn chương là Tứ Thư Ngũ Kinh, còn nước Việt Nam ngày nay cũng là triều đại gì đó, chỉ khác cái nguồn văn chương Mác-xít chứ cái thói húy kỵ của quan trường thì không khác.".

Nhưng lên trên hết trong bài viết này của cụ Phan Khôi là vấn đề tự do của văn nghệ sĩ dưới sự lãnh đạo của đảng. Cụ Phan Khôi tiết lộ cho biết quan niệm về tự do của văn nghệ sĩ như thế nào dưới con mắt đảng, qua sự ví von của ông Trường Chinh như sau: *"Ví như một kẻ đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, giật ngang lấy đi, rồi nói rằng đó là tự do của mình vì mình thích cái cặp da.".* Ở một kẻ chức quyền không có gì quan trọng khi thốt lên câu đó người ta chỉ bực mình mà bảo rằng: thật không còn gì thô bạo bằng! Nhưng ở một người như ông Trường Chinh, một cán bộ lãnh đạo đảng đầy uy lực, người ta không những chỉ lắc đầu bảo như thế, mà còn cảm thấy lạnh mình. Lạnh mình vì sự thô bạo ấy lại nằm trong đầu óc một kẻ đầy quyền lực!

Đọc lại các lời lẽ chính thống của Lê Nin về vấn đề văn học của đảng, người ta cũng không thể tìm thấy một lời lẽ thô bạo nào có thể so sánh được với lời lẽ trên đây của ông Trường Chinh. Thời kỳ trước những năm 1905-1907, tức là thời kỳ đảng cộng sản Liên Sô chuẩn bị cướp chính quyền, Lê Nin viết: *"Tất cả văn học của đảng, dù là địa phương hay trung ương phải phục tùng một cách vô điều kiện hội nghị của đảng và những tổ chức địa phương hay trung ương của đảng, sự tồn tại của một nền văn hoá của đảng mà không liên hệ với đảng theo tổ chức thì không thể dung nạp được.* Lê Nin toàn tập, cuốn x.". Sau khi đã cướp được chính quyền rồi Lê Nin viết tiếp về vấn đề này: *"Trong lãnh vực đó* (tức lãnh vực văn học nghệ thuật), *tuyệt đối phải bảo đảm một sự tự do rộng lớn cho sáng kiến cá nhân, cho các khuynh hướng cá nhân, bảo đảm sự tự do tư tưởng và sức tưởng tượng, sự tự do về hình thức và nội dung.* Lê Nin toàn tập, cuốn x.". So với quan niệm về tự do của kẻ cướp đường, mà ông Trường Chinh đã tưởng tượng ra để cáo buộc người văn nghệ sĩ dưới quyền lãnh đạo của đảng, người ta ngỡ ngàng tưởng rằng ngay từ thời Lê Nin tiếng Glasnost đã được Lê Nin dùng rồi! Người cộng sản hay nói *"sáng tạo"*, thích nói *"sáng tạo"*, ngay cả trong địa hạt *"phát huy và sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê Nin"*. Cho nên trong trường hợp tiết lộ trên đây của cụ Phan Khôi, nghĩ cho cùng cũng không có gì đáng ngạc nhiên cho lắm vì đấy là chuyện thường tình trong nội bộ những người cộng sản!

Quan niệm về tự do của văn nghệ sĩ đã được đảng ví von như thế, cụ Phan Khôi còn nói năng gì được nữa? Ấy vậy mà cụ vẫn kèo

nài. Cụ nhận rằng: *"Đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhưng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ thông tri, chỉ thị không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e rằng chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng "sở dĩ tao tha thiết đến mày là tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mày."* Đã cởi mở với nhau như thế rồi, văn nghệ đồng ý. *Nhưng phần nghệ thuật này là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi được tự do trong phần ấy.".* Nhưng chính trị, tức đảng, đã chẳng chịu vỗ vai *"mày, tao"* với văn nghệ, mà trái lại: *"Trong văn nghệ không cứ ngành nào sáng tác hay "sản xuất", đều hầu như bị ban thường vụ của Hội* (văn nghệ) *xỏ sẹo dắt đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. "Phục vụ công nông binh" và "Phục vụ kịp thời", cái đó đã đành rồi: quần chúng văn nghệ* (tức văn nghệ sĩ) *bực mình còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó.".* Người văn nghệ sĩ bị đảng xỏ sẹo dẫn đi, như thế tưởng đã đành bó tay cam phận, nhưng chưa hết, còn *"ngoài những cái đó"!.* Vậy *"ngoài những cái đó"* là cái gì? *"Cái tác phong lãnh đạo* (văn nghệ) *ấy hiện nay đã truyền nhiễm khắp Hà nội rồi. Một toà soạn nào đó cũng có quyền chữa bài của tôi, vứt bài của tôi. Mà phải chi đáng chữa mà chữa, đáng vứt mà vứt cho cam. Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, có một nhà báo, giấu làm gì? Nói ngay ra là nhà báo Tổ Quốc — nhà báo Tổ Quốc viết thư cậy tôi viết một bài. "Viết một bài về chuyện miền Nam", như thế là đã ra đề cho tôi "làm bài" đó, tưởng cũng đủ lắm rồi. Trong thư ông đại chủ bút còn "dàn bài" cho tôi nữa: như là "yêu cầu" thế này, "mục đích" thế nọ, và hạn từ một ngàn rưỡi đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá...".* Thân phận những người cầm bút chẳng khác nào cảnh cụ mô tả trong một bài thơ làm hồi cụ còn ở trong chiến khu với kháng chiến:

"Đánh đùng một cái
Kêu éc éc ngay
Bịt mồm, bịt miệng
Trói chân, trói tay
Từ đấy đến dao
Chẳng còn xa là bao"

"Cái dao", thanh sắt lạnh trong tay những đao phủ thủ *"cận thị"* chính trị, múa may tiêu hủy hết hương sắc của nghệ thuật. Đối với bọn đao phủ thủ này thì nghệ thuật bắt buộc hoặc là một mầu đỏ hay chỉ một mầu vàng, chứ không thể nào lẫn lộn xanh vàng tím đỏ. Người văn nghệ sĩ mặc dù đã chịu bán mình cho đảng để tồn tại, như thế tưởng đã đủ, nhưng không, cái nghiệt ngã trong sự lãnh đạo của đảng không chịu dừng lại ở đấy. Đảng không những

chỉ nắm lấy phần xác mà còn muốn nắm luôn cả phần hồn trong tay. Đến nước ấy cụ Phan Khôi chỉ còn biết mượn thơ cụ Đồ Chiểu mà thốt lên: *"Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu. Ở thời cụ, cụ đã kêu lên:*

Ở đây nào phải trường thi
Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng !

Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!" Không còn được là mình nữa thì cụ Phan Khôi là gì? Những người cầm bút làm văn học dưới sự lãnh đạo của đảng là gì? Là thi sĩ máy! Đảng bảo thế: *"Với một chiếc máy sửa đổi đôi chút để nó có thêm trí nhớ và có cả chút lý luận, người ta có thể dùng máy phiên dịch và viết văn...* Báo Tổ quốc, số 41.". Con người văn nghệ sĩ đã bị đảng đánh giá đơn giản như thế, thì sự kèo nài của cụ Phan Khôi xin được *"con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không phải con tằm"* nữa, đã được đảng đáp lại rằng đòi hỏi ấy chẳng khác gì hành động của một kẻ cướp, rồi xỏ mũi dắt đi *"lãnh đạo"* là điều tất nhiên rồi!

Mất tự do, văn nghệ sĩ chỉ còn là cái máy, và cái máy văn nghệ này chỉ sản xuất ra độc một loại *"cúc vạn thọ"*, vì: *"dù sao đi nữa "máy" vẫn chỉ là "máy". Khả năng của máy chỉ có hạn. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất dù được Nghiêm văn Túc nâng niu đến mấy đi nữa, cũng trở nên tầm thường khô cạn và nhạt nhẽo... Nông trường Con Én đã bắt đầu ngấy những vần điệu nhai đi nhai lại mãi... Những bài về thời sự chính trị của thi sĩ "máy" từ bài thứ vài nghìn trở đi được phóng thanh sáng sáng, chiều chiều đã làm cho các bà già buồn ngủ, các ông già bực rọc, bức tóc vặt râu, các cậu con trai bịt lỗ tai, các cô con gái thanh xuân thì nguyền rủa "khổ lắm, biết rồi, cũ lắm rồi"...* -- Thi Sĩ Máy của Như Mai, Nhân Văn số 5.".

Giá trị của một nền văn học được xem như là công cụ của đảng là như thế. Là tiếng hót của những con vẹt lặp lại mãi sự nghèo nàn đến phát ngấy. Tưởng không cần phân tích cặn kẽ, tự nó đoạn văn châm biếm trên đây của Như Mai cũng đã là một định nghĩa đúng đắn về cái bản chất nô dịch của một nền văn học của đảng rồi. Cái bản chất văn học ấy đã kéo dài suốt chiều dài của lịch sử đảng, và bây giờ ba mươi năm sau bài *"Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ"* của cụ Phan Khôi, cái bàn tay thô bạo đã nhào nặn lên bản chất của nền văn học ấy lại một nữa bị lôi tuột ra ngoài ánh sáng.

Cùng lúc với cuộc nổi dậy của giới trí thức miền Bắc, cụ Phan Khôi đã thẳng thắn tố cáo sự lãnh đạo nhằm nô dịch văn học của đảng. Thế nhưng vào lúc ấy tiếng nói sang sảng của cụ đã bị dập tắt bởi bạo lực, cụ bị vu cáo là phản động, bị bọn bồi bút đặt điều nói

xấu và mắng nhiếc mãi. Nhưng sự thật bao giờ cũng là sự thật. Lời lẽ tố cáo của cụ Phan Khôi, ba mươi năm sau, một lần nữa lại được lặp lại bởi những văn nghệ sĩ, những người đang hì hục khuân những tảng đá nặng nghìn cân trên chặng đường xây dựng nền văn học của đảng, cũng là những người đang ngửa cổ nhìn lên lưỡi gươm treo bằng sợi chỉ trong thần thoại Hy Lạp. Ba mươi năm qua đã có bao nhiêu lần lưỡi gươm tử thần ấy phập xuống? Những người còn lại, đang ngửa cổ nhìn lên lưỡi gươm treo lơ lửng trên mặt, đã nói những gì trên thân phận mình?

Trả lời một câu hỏi khơi mào của ông Nguyễn văn Linh trong cuộc gặp gỡ vừa qua với những văn nghệ sĩ và nhà văn hoá của đảng: *"hình như từ sau ngày giải phóng đất nước đến nay những thành tựu văn học của chúng ta nghèo hơn trước...?"* trong khi những cai văn nghệ Huy Cận, Tế Hanh... nó vòng vo Tam Quốc (một cách chạy trốn sự thật của những con chồn già hoá cáo), thì nhà lý luận văn học của đảng, Hồ Ngọc, đã trả lời thẳng vào câu hỏi như sau: *"Vâng, văn nghệ ta nghèo, vừa nghèo vừa lạc hậu như đất nước ta hiện nay vậy."* Ông Hồ Ngọc phân tích nguyên nhân đã đưa đến tình trạng thê thảm như thế là do sự lãnh đạo thô bạo của đảng, mà ông Hồ Ngọc gọi là *"Mối quan hệ giữa chính trị và văn học"*. Vấn đề này bao lâu nay chưa được đảng đem ra ánh sáng giải quyết, mà chỉ tự quyết định lấy âm thầm trong bóng tối, cho nên *"trong thực tiễn của đời sống văn học nghệ thuật đã đẻ ra biết bao nhiêu chuyện rắc rối, thậm chí đau lòng."* Đảng đã âm thầm quyết định lấy *"mối quan hệ"* này như thế nào? *"Đã đồng nhất, thậm chí đồng hoá văn nghệ với chính trị, coi văn nghệ là công cụ của chính trị, phục vụ chính trị một cách thô thiển và đơn giản"*; và phương cách lãnh đạo ấy của đảng ra sao? "Nhà thơ Lưu quang Vũ mô tả như là: *"... chỉ cần một cái đầu tối cao suy nghĩ cho mọi cái đầu."* Về vấn đề tự do của văn nghệ sĩ, một vấn đề sinh tử của văn nghệ, đã được nhà phê bình văn học Nguyễn đăng Mạnh ví von như con chim *"trói nó lại thì nó không hót. Hoặc nó hót vớ vẩn."* Cái đòi hỏi sinh tử này của văn nghệ, ba mươi năm trước cụ Phan Khôi đã được đảng đánh giá như một hành động của kẻ cướp, ba mươi năm sau trở thành mối đe dọa kề cận trong đời sống của người sáng tác: *"rõ ràng là người viết luôn luôn có mối lo, nói là sợ thì quá đáng, nói sờ sợ thì đúng hơn. Sợ trên, sợ chung quanh, và nỗi sợ ấp ủ ngay trong bản thân mình."* *"Sờ sợ"*, không đúng. Đấy chỉ là cảm giác của người chờ đợi quá lâu lưỡi hái của tử thần lơ lửng trên đầu mình!

Nếu ba mươi năm trước cụ Phan Khôi đã đưa ra một thí dụ điển hình về nạn bè phái trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của đảng, qua vụ chấm giải thưởng văn học kỳ cục của đảng 1954-1955,

ngày nay tệ trạng ấy vẫn không có dấu hiệu gì sút kém *"câu hay thì chê là dở, cái dở lại tưởng là hay, bốc lên..."* như lời phát biểu của nhà văn Nguyễn quang Sáng. Nghĩa là ba mươi năm sau cụ Phan Khôi, trên mâm cỗ của đảng vẫn hiện diện đầy đủ những quan văn nghệ, cai văn nghệ vừa nhấm nháp vừa bốc thơm những "con thuyền Nghệ An" của nhau!

Lướt nhanh qua những lời lẽ trên đây để rồi người ta dừng lại thật lâu ở một giọng nói khác sang sảng, đanh thép không kém gì giọng nói của cụ Phan Khôi cách đây ba mươi năm. Đó là những lời phát biểu của nhà văn Dương thu Hương. Bài phát biểu này sau đấy đã không được Việt cộng cho đăng lại trên báo chí của họ xuất bản ở trong nước, ngay cả sự có mặt của bà Dương Thu Hương trong buổi gặp gỡ với Nguyễn văn Linh cũng không được nhắc đến. Trong bài phát biểu nhà văn Dương Thu Hương đã mạnh mẽ tố cáo bộ máy đàn áp văn nghệ sĩ của đảng và thực chất nô dịch, vô liêm sỉ của tầng lớp văn nghệ sĩ và trí thức do đảng đào tạo để phục vụ chế độ. Sau đây là toàn văn bài phát biểu của bà, được đăng lại trên báo Việt cộng Đất Nước, ở hải ngoại:

Đôi Điều suy nghĩ về
Nhân Cách của Người Trí Thức.

Đã nhiều năm nay, *nền văn hoá văn nghệ của chúng ta có một tiêu đề chung:* xây dựng con người xã hội chủ nghĩa — và hạn hẹp hơn: xây dựng một đội ngũ trí thức mới, trí thức xã hội chủ nghĩa. Tất cả chúng ta đều biết rằng: *đó là một khẩu hiệu tốt đẹp và hấp dẫn.* Tuy nhiên việc đề ra một mục đích với việc thực hiện mục đích ấy là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Về trước, là một ước mơ êm ái nhẹ nhàng. Về sau, là cả một quá trình thực hiện lâu dài và phức tạp. Làm sao để chúng ta có một đội ngũ trí thức mới?... Trả lời câu hỏi ấy không phải riêng một cá nhân nào, dù là nhà học giả vĩ đại, hay nghệ sĩ lỗi lạc. Trả lời câu hỏi ấy phải là Đảng, nhà nước và toàn thể chúng ta. Với cương vị một người viết, tôi xin được bày tỏ vài suy nghĩ của mình.

Năm 1980, tại Hội nghị 35 năm văn học Việt Nam (tại Viện bảo tàng cách mạng), tôi đã phát biểu ý kiến về nhược điểm của nền văn học Việt nam trong hiện tại. Cụ thể, ý kiến đó là: *Văn học phải bám sát đời sống của dân tộc và phản ánh nó trong quá trình vận hành lên phía trước. Nhà văn phải biết tự hào về nhân dân, về tổ quốc mình, nhưng cũng phải nhìn rõ những nhược điểm của dân tộc và phải báo trước cho dân tộc mình các hiểm họa có thể tới. Chúng ta có quá nhiều nhà thơ và các anh hùng, nhưng thiếu những người làm kinh tế, người đóng tàu bè và xây nhà máy, người phát triển kinh tế mậu dịch và người vượt biển, mở rộng đời sống của dân Việt lên bề mặt các đại dương.*

Sau bài phát biểu ấy, một cán bộ lãnh đạo văn hoá cao cấp của Đảng đã lên phản bác ý kiến của tôi. Đồng chí đó răn đe rằng cần phải tận dụng lực lượng công an, an ninh chính trị để làm việc với các văn nghệ sĩ. Đó không phải là một bài phát biểu đơn thuần về quan điểm. Đó là những lời lẽ đàn áp công khai của một cá nhân có quyền lực. Còn giá trị chinh phục của tư tưởng bằng giá trị âm. Khi đồng chí lãnh đạo ấy xuống, tức khắc có các môn đệ lên công kích theo. Giờ nghỉ trưa, cả hội trường không ai dám ngồi chung với tôi một bàn vì sợ liên lụy. Có đồng nghiệp đồng lứa tuổi với tôi, trước đó một giờ còn nói những lời tương thân tương ái, sau một giờ liền vu tôi mắc chứng tâm thần, điên, hoặc lảng tránh không giáp mặt.

Tình trạng này kéo dài nhiều tháng sau... Công an Cục 78 tới cơ quan tôi tra hỏi. May mắn rằng xí nghiệp phim truyện có một đội ngũ lãnh đạo trung thực. Họ đã trả lời Cục 78 rằng tôi là người tình nguyện vào vùng Bình Trị Thiên mười năm chống Mỹ và là người phụ nữ duy nhất trong đoàn nghệ sĩ của xí nghiệp lên chiến trường chống bành trướng năm 1979, bởi vậy tôi không thể là người phản quốc... Tuy nhiên, vì tình thân, cán bộ tổ chức cũng khuyên tôi không nên phát biểu ở bất cứ hội nghị nào khác nữa. *Đó là cái giá phải trả cho một ý kiến chân thành.*

Chưa hết từ 1980 tới nay, giáo sư Đ. (người được tin cậy của vị lãnh đạo cũ) luôn nêu tôi lên như một hiện tượng xét lại, suy thoái, nhìn cách mạng bằng con mắt ảm đạm, các cán bộ an ninh phải đề phòng... Bảy năm trôi qua, tôi xin được phép nhắc lại ý kiến của mình... Trước tiên, để xác tín lại các tư tưởng đó. Sau nữa, để nêu lên một hiện tượng cụ thể mà chúng ta có thể phân tích trên nhiều chiều về mối quan hệ giữa cán bộ lãnh đạo với văn nghệ sĩ, trí thức và nhân cách của người trí thức trong một thời điểm lịch sử.

Một thí dụ thứ hai : Vào khoảng năm 1982-83, người được quyền tối cao xét duyệt các kịch bản phim truyện là một cán bộ phụ trách Ban văn hoá văn nghệ. Trong một cuộc họp hội đồng xét duyệt, đồng chí ấy đã bác bỏ hai kịch bản: một của tôi, một của một biên kịch nam, cũng trạc tuổi tôi. Người biên kịch kia đã đưa kịch bản tới nhà riêng của vị lãnh đạo thuyết phục. Tôi không rõ các thủ thuật và phương thức thuyết phục của anh ta, nhưng rút cuộc kịch bản đã được thông qua. Nhiều người chung quanh thấy vậy, vì nhiệt tình nên đã khuyên tôi mang kịch bản tới nhà vị lãnh đạo xin được duyệt. Lúc ấy, tôi đã đáp: nhà văn đưa kịch bản tới buồng riêng cấp trên xin được duyệt là người vô liêm sỉ. Và cái người ký duyệt kịch bản tại buồng riêng, giẫm đạp lên lẽ phải và sự công bằng, cũng là một người đê tiện. Tất nhiên, thái độ ứng xử như thế đã được lãnh đủ hời âm.

Giờ đây, tôi nhắc lại ví dụ này cũng chỉ vì nó biểu hiện khá rõ một mối quan hệ không lành mạnh trong quá khứ. Mối quan hệ này đã dẫn tới các hệ quả không lành mạnh, làm méo mó hệ thống quan niệm của xã hội và vai trò và nhân cách của người trí thức chân chính. Có lẽ do những kinh nghiệmđau đớn của chính cá nhân mình, tôi cảm nhận rõ ràng rằng khi các cán bộ của Đảng tự cho phép mình đóng vai trò khủng bố, răn dạy văn nghệ sĩ và trí thức, khi họ không tìm được cách minh giảng cho luân lý của mình bằng lẽ phải mà bằng các phương tiện tận diệt văn nghệ sĩ và trí thức, thì họ sẽ chỉ tập hợp được những tên lính làm thuê, những tên nô lệ cho danh vọng và cái dạ dày của mình. Những kẻ đó không phải văn nghệ sĩ và trí thức chân chính mà là những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, *thực chất là lớp công chức thuộc địa.* Đám người ấy, không có lý tưởng nào khác hơn là lợi ích bản thân, không có chân lý nào được họ tôn thờ hơn là các dục vọng chứa đựng trong con người họ. Về nhân cách, rất xa, *còn rất xa họ mới với tới vai những nhà nho thời trước.* Vậy có lý gì để có thể nhắm mắt mà tin rằng họ là những trí thức của chủ nghĩa xã hội?...

Không một thượng tầng kiến trúc nào được xây cất trên hư vô. *Cơ sở kinh tế của đất nước ta hiện nay chưa phải là cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đây mới là thời điểm vận hành của con tàu: ta trên con đường tiến tới chứ hoàn toàn không phải là đã tới. Vậy, trên một nền móng ngổn ngang, luôn biến động như vậy, chúng ta phải nhìn kết cấu thượng tầng một cách khoa học hơn và bình tĩnh hơn.* Trong đội ngũ văn nghệ sĩ và trí thức hiện nay, có bao nhiêu phần trăm là những người có tư tưởng xã hội chủ nghĩa đích thực và bao nhiêu phần trăm kẻ cơ hội, ngụy trá?... Hãy để cho các nhà thực tiễn đo đếm và tổng kết.

Riêng tôi, tôi tin chắc rằng : chỉ khi nào Đảng thật sự nhận rõ chức năng khám phá và dự báo của người nghệ sĩ, chức năng phát hiện, hướng dẫn phát triển xã hội của các nhà khoa học chân chính, lúc ấy Đảng mới tập hợp được đông đảo đội ngũ trí thức — những con người, bằng sự nhạy bén của trí tuệ và với khả năng tinh nhạy của xúc cảm, biết rõ được điểm mạnh và điểm yếu, các xung động và biến thiên dòng sống của dân tộc mình, đau đớn trước nỗi đau đớn của dân tộc và lo âu trước nỗi lo âu dân tộc phải nếm trải.

Không phải vô cớ mà năm 1975, trong khi nhiều người đang hoan hỉ trước tương lai rực rỡ của đất nước, đang tràn trề lạc quan trước sự phồn vinh sắp tới, thì có nhà khoa học đã dự báo: nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ đói. Thời xưa, nếu có những ông trạng mà mỗi lời sấm truyền của họ được nhân dân coi như những chân lý vĩnh định, thì ngày nay, cũng không thiếu những ông trạng,

những nhà khoa học mà nhỡn quan của họ, sức phóng của tư duy vượt qua các khuôn khổ bình thường. Vấn đề là: Đảng có tin cậy họ không, có trọng dụng họ hay không?

Trong nhiều năm qua, tình trạng kinh tế của đất nước ta vô cùng gay cấn. Khắp nơi, đều diễn ra những sự thực hiển nhiên của nạn tham nhũng hà hiếp quần chúng. Khắp nơi, cái đói gõ cửa nhiều nhà, đặc biệt là tầng lớp cán bộ ở đô thị và nông dân miền đồng bằng Bắc bộ và Trung bộ. Nền sản xuất vướng mắc, đổ bể ở nhiều mức độ, nhiều khâu... Đã nhiều lần, tôi tự hỏi: Liệu rằng các nhà lãnh đạo chính trị, các nhà văn, các nhà báo và dân chúng có nhớ tới những bài báo, những cuốn sách ca ngợi nền kinh tế phồn vinh của chúng ta, mới đây còn reo rắt trên loa phóng thanh, trên đài truyền hình và hiện nhan nhản trên các tờ báo hay không?... Chẳng lẽ rằng mọi người lại chóng quên đến thế?... Và, nếu như không quên, liệu họ có tìm ra đường dây hệ quả nào giữa những tiếng hót véo von ấy với tình trạng kinh tế thảm thương của chúng ta ngày nay?...

Thực sự là, trong một thời gian dài vừa qua, đại bộ phận trí thức chân chính, những người tôn trọng lẽ phải và sự thật, đã im tiếng. Sự thực là, những ai thấu hiểu sứ mạng chân chính của văn nghệ đều không thể chấp nhận những ngôn từ giả trá, nhằm dựng trên bề mặt của tờ giấy một trạng thái lạc quan ngụy tạo để che đậy đời sống thực của dân tộc đầy biến động và hiểm nguy. Sự thực là, những dòng chữ lừa mị cũng gây nên tội ác đối với đời sống chung của nhân dân đúng như những bản thống kê kinh tế ma và những bản báo cáo thành tích gian dối.

Trong trí nhớ của chúng ta, còn các ví dụ sống động như sau: *Một ông giáo sư nào đó đã ra sức chứng minh rằng ăn sắn bổ hơn ăn gạo. Một ông tiến sĩ khác chứng minh ăn rau muống bổ hơn thịt bò. Một ông khác nữa kêu gọi bớt ăn đường vì đường hại thận, trong khi thực tiễn lượng đường của cán bộ và nhân dân hầu như chỉ là thứ tượng trưng. Tôi không phủ nhận rằng rau muống nhiều vitamin hơn thịt bò, nhưng việc chứng minh thiên lệch rằng rau muống bổ hơn thịt bò là điều giả trá.Nửa cái bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng nửa sự thực không phải là sự thực. Những nhà trí thức kia, lẽ ra phải dùng kiến thức và sự thông minh của mình để tìm cách hợp lý hoá và thúc đẩy nền sản xuất, sao cho xã hội nhiều gạo hơn, nhiều thịt bò hơn, nhiều đường hơn..., thì đáng buồn hơn, họ dùng trí thông minh của mình để chứng minh cho những điều giả dối.*

Thêm một ví dụ nữa, một nhà văn danh tiếng, *trước hôm được trao cho một chức vụ cao trọng, đã nhìn các nhà lãnh đạo Đảng với con mắt cay độc, khinh thị*... Sau hôm nhận chức, lãnh

quyền, ông ta liền tung hô chính những người ấy, ngợi ca ve vuốt họ, xin được làm hạt cát của họ.

Nói chung, tôi không muốn dẫn thêm những ví dụ đau lòng, nhưng tôi cần khẳng định thêm lần nữa rằng: Những người đó không phải văn nghệ sĩ, trí thức đích thực. Bởi vì, họ chỉ có tâm hồn của những kẻ nô lệ, những tên công chức thuộc địa. *Dù hiện tại, họ có được Đảng và nhà nước trọng dụng, chúng tôi cũng không công nhận họ. Họ không thể đại diện cho chúng tôi. Chúng tôi là những con người, chúng tôi đứng trên đôi chân của mình. Còn bụi, dẫu là bụi vàng hay bụi bạc, thì cũng sẽ bị cuốn theo các làn gió.*

Sự tồn tại của giống nòi bao giờ cũng qua hai giai đoạn: giai đoạn chiếm lĩnh, chinh phục, và giai đoạn bảo tồn, hoàn thiện. Chúng ta đã trải qua những cuộc chiến tranh liên tiếp. Điều kiện ấy đem lại không ít các yếu tố cản trở công cuộc xây dựng hoà bình. Một dân tộc muốn tồn tại và hoàn thiện không chỉ cần có khả năng chống đỡ ngoại xâm. Dân tộc đó còn phải có khả năng tạo dựng và vận động để mỗi lúc mỗi tự hoàn thiện mình.

Tôi nghĩ rằng số phận dân ta thực khắc nghiệt. *Nhưng chẳng có cách nào hơn là nhìn thẳng vào sự khắc nghiệt của thân phận mình, tự cứu mình vượt qua các hiểm nguy. Chúng ta đã thắng trong chiến tranh. Nhưng chúng ta chưa có thắng lợi trong xây dựng kinh tế thời bình. Cần phải nhìn thẳng vào sự thật ấy. Và sau đó, cần phải đặt ra quyết tâm sắt thép là: Chúng ta phải thắng trong trận đấu khốc liệt này. Đất nước ta phải tồn tại và hoàn thiện. Nhân dân ta, một nhân dân đã chịu quá nhiều đau khổ, quá nhiều lòng nhẫn nại và đức hy sinh, cần cù trong lao động và dư đủ trí thông minh để vượt thắng, nhân dân ấy có quyền hưởng hạnh phúc và phải được hưởng hạnh phúc.*

Nhưng muốn có được điều mong ước ấy, trước hết bộ phận tinh nhuệ nhất trong cộng đồng dân tộc phải thực sự là cái lõi xám của nhà nước. Bởi vì phần năng động nhất trong các quốc gia ngày nay chính là trí thức. Một khi cái phần lõi xám đó chưa hoàn thiện thì không bao giờ xã hội hoàn thiện được."

Đành rằng những lời lẽ trên đây của nhà văn Dương Thu Hương chưa bao giờ đi quá lý lẽ của một người còn tin tưởng vào đảng, nhưng người ta cũng có thể nghĩ rằng trong hoàn cảnh của một buổi "được phép" phát biểu như thế, một người dù bị áp bức ra sao cũng không thể nói gì khác hơn được. Song dù sao đi nữa đấy vẫn là những lời mạt sát thậm tệ cái không khí, những cơ chế của đảng và những con người xu nịnh đảng, đã bao năm nay như một bóng đen dày đặc phủ ngập tâm hồn những người văn nghệ còn biết liêm sỉ dưới chế độ đảng.

Bên cạnh những lời lẽ mạnh mẽ, cường điệu như thế của nhà văn Dương Thu Hương, người ta còn bắt gặp đâu đấy rải rác trên báo chí của đảng thời gian vừa qua những bài viết của những người cầm bút khác, "tranh thủ" cái dịp "cởi trói" này của ông Nguyễn văn Linh để tìm phe cánh, nói lên những suy nghĩ của họ về hiện tình văn học đang ấp ủ bao lâu nay trong lòng. Một trong những bài viết đáng để ý đến là của nhà văn Nguyễn Minh Châu đăng trên báo Văn Nghệ số 49 và 50.

Bằng một giọng trầm tĩnh nhưng chua chát và sâu sắc, ông bảo: "Thú thật, chừng ba bốn năm trở lại đây, tôi cứ hay nổi lên những cơn ngán giấy bút hay so sánh mình với những anh em bạn bè cầm bút một sách suôn sẻ bình thản, *được trời đất ban cho một cái tạng nhà văn luôn luôn sẵn sàng thích nghi với mọi thứ lý luận và luật lệ văn học, họ thật sướng, viết ra trang giấy mà trong bụng chẳng bao giờ có điều gì phải sợ sệt, lo lắng, như một người bao giờ cũng sống đĩnh đạc, cứ thẳng đường chính rộng lớn mà đi, còn mình thì y như một kẻ gian phi lúc nào cũng như đang lén lút thu giấu cái gì quốc cấm trong cạp quần hay dưới áo. Nghĩ mà buồn quá, nghề giấy bút nó chẳng nuôi gì được mình mà chỉ thấy nó hành mình.*"

Ông đem cái ý nghĩ của mình mà ông tự chế diễu là lẩn thẩn, và đấy cũng là giấc mơ của người dân Việt Nam đang lầm than dưới bàn tay áp bức của đảng, qua việc: *"so sánh mình với các nhà văn của những đất nước hàng trăm năm bình ổn, các nhân vật của họ phải chịu những nỗi đau khổ, dằn vặt thật là sang trọng, chứ đâu như cái đám nhân vật của mình, không những cái đau khổ, hoạn nạn, mà cả cái vui, cái hạnh phúc của họ nó cũng nhem nhuốc, nhớn nhác, tội nghiệp quá!* Hỡi ôi, bao giờ nhân vật của mình mới được sang trọng, để cho mình cũng sang trọng lây!"

Người văn nghệ sĩ bị cướp đoạt tự do. Thủ phạm của vụ cướp đoạt này là đảng. Nhưng ông lại tố cáo thủ phạm một cách khác: "Có lúc tôi lại đem công việc của chúng ta *so sánh với công việc của các nhà văn tiền chiến cầm bút trước cách mạng, gọi là các nhà văn hiện thực phê phán, ví dụ như ông Nam Cao chẳng hạn, có lần ông ấy la lối, hô hoán ầm lên rằng thiên hạ vít hết lối của ngòi bút ông ấy, viết cây chuối hay con chó hoặc kẻ say rượu đều phạm húy, đều có người đe đánh, đe đốt nhà. Bị ép đến vậy tưởng không viết được gì, thế mà cuối cùng, cả một đời cầm bút của Nam Cao trước Cách mạng số năm có là bao nhiêu đâu, vậy mà đủ để lại khá nhiều, nhất là có thể có cái quyền viết rất thực, bao nhiêu lẽ đời, sự đời, bao nhiêu khuôn mặt người đời thực đến thế, Chí Phèo thực đến thế. Thật là vừa được viết vừa được nói."* Nhưng, như ông nói *"Quả thật tôi không có tài rào đón"*, nên ông không giữ được lối nói

bóng nói giỏ bao lâu, và đã nói huỵch toẹt ra ngay sau đấy:

"Quả thật tôi không có tài rào đón, che chắn, nhưng cầm bút viết văn đến một lúc ngồi nghĩ lại cũng tự nhiên sinh ra giận mình, đến phát chán mình, chán cả cho đồng nghiệp, bè bạn. Điều đáng buồn nhất là những người phải xoay trở, *vặn vẹo cây bút, phải làm động tác giả nhiều nhất là những nhà văn có tâm huyết, có tài, muốn văn học phải có cái gì của văn học, muốn gửi gắm một cái gì riêng của mình đến với người đọc, chứ không muốn văn học chỉ là một sự minh họa.* Trong khi đó những cây bút minh họa hoặc ca ngợi một chiều thì lại thoải mái, người viết cầm bút thoải mái chẳng có gì phải luồn lách, phải đắp đậy, rào đón, chỉ phải cái nó công thức và sơ lược, nó nhạt, và càng ngày người đọc càng thấy nó giả, mỗi ngày người đọc càng thấy rõ ở những tác phẩm minh họa và ca ngợi một chiều một sự giả dối không thể nào bào chữa nổi, đắp đậy nổi so với cuộc đời thực bên ngoài.

Chứ như đám chúng tôi, từ lớp nhà văn trẻ đến lớp nhà văn già được chăm sóc chăn dắt kỹ lưỡng quá đi mất. Sao lại như vậy nhỉ, sau bốn chục năm nhìn trở lại, những nhà văn tiêu biểu của nền văn học phần đông, *nếu không phải là tất cả, đều có tỳ vết trong lịch sử đời cầm bút? Rồi thì từ đấy bắt buộc sinh ra một cái thói quen* không biết bắt đầu từ lúc nào mà tôi nghĩ nó rất thảm đối với tư cách của một người nghệ sĩ, hễ cầm bút là phải nghĩ đến né tránh, che chắn, rào đón, đối phó. Có vẻ tuồng như mỗi nhà văn mỗi khi ngồi trước trang giấy là cùng một lúc phải cầm hai cây bút: *một cây bút để viết cho người đọc bình thường, cho đời, một cây bút khác viết cho đạo, lo việc che chắn, viết cho lãnh đạo văn nghệ đọc. Mà cái ngọn bút thứ hai này — buồn thay — các nhà văn cầm lâu ngày để tự bảo vệ mình cho nên cũng lắm kinh nghiệm, mà cũng tài hoa lắm!*

Tôi không hề nghĩ rằng mấy chục năm qua nền văn học cách mạng — nền văn học ngày nay có được là nhờ bao nhiêu trí tuệ, mồ hôi và cả máu bao nhiêu nhà văn — không có những cái hay, không để lại được những tác phẩm chân thực, nhưng về một phía khác, cũng phải nói thật với nhau rằng: *mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ đã có sẵn, cho chữ nghĩa những văn bản vốn đã có sẵn mà chúng ta quy đẩy đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn. Nhà văn chỉ được giao phó công việc như một cán bộ truyền đạt đường lối, chính sách bằng hình tượng văn học sinh động và nhiều lý do từ những ngày đầu Cách mạng, các nhà văn cũng tự nguyện tự giác thấy nên và cần làm như thế (thậm chí có phần nào các nhà văn mới đi theo cách mạng và kháng chiến còn*

coi đó là cái mới, là hoàn cảnh "lột xác".)

Từ đấy rồi trở thành thói quen. Thói quen của một người vốn quen đi trong một hành lang hẹp, vừa hẹp vừa thấp. *Lần lượt bắt đầu là các nhà văn tiền chiến rồi hết lớp người cầm bút này đến lớp người cầm bút khác. Với một khả năng thích nghi hết sức ghê gớm, các nhà văn đã thích nghi với văn học minh họa như thích nghi với cách sống gian khổ, thiếu thốn trong chiến tranh, những nhà văn tuy đều cảm thấy thiếu thốn và bức bối nhưng lại tự dụ dỗ mình và khuyên nhủ lẫn nhau tự bạt chiều cao cho thấp đi khỏi chạm trần, tự ép khuôn khổ chiều ngang lại để khỏi kềnh càng, để đi lại được thoải mái trong cái hành lang kia."*

Một nền văn học xây dựng trên sự thiếu chân thực như thế, kết quả là chỉ có những sáng tác phẩm *"đánh mất tính tư tưởng — nghĩa là những tư tưởng mới và độc đáo mang tính khái quát cuộc đời của riêng từng nhà văn. Như một người đánh mất phần hồn chỉ còn phần xác, hoặc chỉ còn phần hồn do nhà nước bao cấp"!* Đó cũng là thứ văn chương *"muốn viết một câu trung thì phải viết một câu ninh."* Đến đây, không còn kềm giữ được nỗi uất hận trong lòng, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã bật khóc trên giòng chữ mình: *"Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn. Vì thế mà từ xưa tới nay có bao nhà văn nhà thơ đã đi ở ẩn ngay trong tác phẩm?* Chúng ta vắng thiếu những cây thông đứng sừng sững. Có một nhà văn đàn anh nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: *"Tao còn sống, còn cầm bút được đến bây giờ là nhờ biết sợ!"*. Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giường, *nước mắt tuôn lã chã, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng.* Có người cầm bút đến lúc sắp bước sang thế giới bên kia vẫn chưa dám thốt lên một câu nói thật tự đáy lòng, không dám viết hồi ký thực, vì sợ để liên lụy đến đời con cái. Có người lại biến cái sợ cái hèn thành một thứ vật trang sức và thách thức, vật biểu hiện của sức sống dai dẳng."

Hèn, vì sợ ! Cả một đời cầm bút lúc sắp chết cũng không dám thốt lên một câu từ sự thật đáy lòng mình! Thật không còn cay đắng và tủi nhục nào hơn thân phận người cầm bút dưới chế độ cộng sản Việt Nam ngày nay.

*
* *

Bối cảnh mà từ đấy tiếng nói tắt nghẽn trong khi tim người văn nghệ sĩ bị áp bức thoát lên phản kháng chế độ, thời điểm bài viết của cụ Phan Khôi xuất hiện, và buổi gặp gỡ của ông Nguyễn văn Linh với văn nghệ sĩ của chế độ có những sự trùng hợp, nhưng cũng có những sự dị biệt. Sự dị biệt đáng để ý nhất là, bài viết của cụ Phan Khôi đã xuất hiện trong một phong trào quần chúng nổi

dậy chống áp bức, còn cuộc gặp gỡ của ông Nguyễn văn Linh với các văn nghệ sĩ của chế độ, mà từ đấy tiếng nói uất nghẹn của những người đang bị bịt mồm bịt miệng được thốt lên, là một mưu đồ tranh giành quyền lực của phe phái trong nội bộ đảng cộng sản. Song chính nhờ vào điều này mà những điều cụ Phan Khôi đưa ra phê phán cách đây 30 năm được lập lại một cách sâu rộng và gần như được công khai hoá trước dư luận trong nước, và họ — những người lập lại lời nói của cụ Phan Khôi 30 năm sau — chưa có dấu hiệu gì là đang bị đàn áp. Sự an toàn mong manh này sẽ kéo dài đến chừng nào cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ đảng chưa ngã ngũ. Sau đấy điều gì sẽ xảy ra cho thân phận những con người đang ngửa cổ nhìn lưỡi gươm treo lơ lửng trên mặt mình? Điều ấy dường như người ta có thể đoán ra được: hoặc là lưỡi gươm sẽ phập xuống, hoặc là con người sẽ chết khô héo trong nỗi khiếp sợ. Đấy là một quy luật, khi mà những lời lẽ phản kháng của văn nghệ sĩ chưa trở thành bão tố đánh bật được gốc rễ của một tầng lớp thống trị trên vùng đất sống của họ. Phản kháng và phản kháng mãi, bởi vì không bao giờ nghệ thuật và chính trị lại có thể đạt được một thỏa hiệp nào. Và lên trên hết cả, dẫu yêu thương ra sao cũng không bao giờ có một cuộc kết hôn giữa "lãnh đạo" và nghệ thuật. Đấy là một sự ngang trái, nhưng cũng từ đấy mà liêm sỉ và nhân cách của người nghệ sĩ bay vút lên hay rã mục trở về với cát bụi.

LÊ TÂM
14-3-87

Đánh dấu 13 năm lưu vong
Nhà xuất bản Văn Nghệ sắp phát hành:

TÙ NGỤC
VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY

tập thơ mang trọn thân phận đất nước sau ngày 30.4.1975 của :

NGUYỄN NGỌC THUẬN

Phát hành vào tháng 4.1988

Trần Thị Kim Lan

Edna.

Cho con trai tôi. Phải nhìn thấy tình thương nơi này, con ạ!

Lời Toà soạn : *Trong thư gửi cho Văn Học, Chị Trần Thị Kim Lan viết : " Chuyện của tôi là những va chạm hằng ngày trong cuộc sống lẫn lộn trắng, đen, vàng, những người khác màu da do hoàn cảnh đẩy đưa đã thực sự gần gũi với chúng ta, đã chia sẻ với chúng ta từng chút vui buồn. Tôi muốn, và có tham vọng mong mọi người cùng muốn, vượt ra khỏi một chút cái tình dân tộc để vươn tới tình nhân loại. Bởi vì nghĩ cho cùng, mọi con người đều cùng chung một ước mơ có được hạnh phúc và tránh đi những đau khổ dù ở hình thức nào. Cái ý hướng của tôi chắc chắn không có gì mới lạ, nhưng tôi muốn đóng góp thêm một chút tiếng nói của một con người ".*

Truyện ngắn Edna *sau đây (cùng những truyện ngắn khác của Trần Thị Kim Lan mà Văn Học sẽ lần lượt đăng tải) đều có một cái nhìn nhân ái dịu dàng về những bạn láng giềng dị chủng, khác hẳn tâm trạng cô đơn hay thái độ tự cô lập của rất nhiều người Việt khác ở hải ngoại. Văn Học trân trọng giới thiệu Trần Thị Kim Lan với bạn đọc, và hy vọng ước vọng của Chị được nhiều người chia sẻ.*

— Xe này ra phố Boston, chạy thẳng không ngừng.

— Tôi biết. Cám ơn chị.

— Lên xe nhanh đi. Trời xấu quá!

— Dạ, trời thật xấu.

— Ô... ô... ô... Xin lỗi. Từ nãy giờ cứ ngáp hoài. Tôi mệt.

— Không sao. Tôi sẽ ngáp với chị. Tôi cũng đang mệt. Thiếu ngủ.

— Tôi mong cho chóng đến ngày nghỉ phép. Lần này tôi đi Hawaii. Chị có bao giờ đi Hawaii chưa? Một nơi thiên đàng. Tôi sẽ nằm dài trên bãi cát với người yêu. Chẳng làm gì cả. Hoàn toàn không làm một chút gì cả. Chỉ ăn, đi chơi và phơi nắng. Mặt trời. Cây xanh. Tuyệt lắm. Nhất là đi với người yêu.

— Tôi mừng cho chị.

— Tôi cũng mừng cho tôi. Năm năm trời với một thằng chồng đốn mạt, rượu chè, tồi bại cuối cùng tôi thoát được nó.

— Chị có con không ?

— Không. Con cái mà làm gì, nhất là có với một thằng khốn

nạn. Cám ơn Thượng Đế. Vụ ly dị xong năm ngoái. Tôi khoẻ. Chị biết không, phải tiếp tục tìm kiếm. Thằng này không được tìm thằng khác. Anh bạn trai của tôi bây giờ tuyệt lắm. Tôi yêu anh ấy. Yêu lắm. Oh yes, I sure love him. Chị biết gì không. Anh này da trắng...

Chị ngập ngừng dò xét phản ứng của tôi rồi nói tiếp:

— ... Một người da trắng tuyệt vời. Này, chị nhìn phía bên kia, chỗ góc đường nhỏ đó. Hai đứa tụi này đậu xe buýt lại, ngồi với nhau một chút. Chỉ hai đứa tôi thôi. Có khi anh ấy mua cho tôi một ly cà phê, một bánh ngọt. Anh ấy tử tế lắm. Thỉnh thoảng anh ấy nhấn kèn đòi qua mặt xe tôi, và khi đến gần, với tay trao cho tôi một bông hồng. Tôi sung sướng lắm chị ạ. Oh, I just love him.

Tôi quên mệt, bắt đầu chú ý người đàn bà đối thoại. Tôi quen với giọng Mỹ miền Bắc nên nghe giọng miền Nam của chị thật là lạ. Tiếng chị trầm, khàn, đục. Hát nhất định phải hay. Chị hơi hô, hàm răng trắng xanh, đều, chắc. Phấn hồng tô trên má hóa thành màu tím sẫm pha một chút sắc đỏ trên làn da đen mun lốm đốm những mụn khô. Tóc ngắn xoăn từng lọn nhỏ xíu bám quíu vào nhau. Đôi mắt nhỏ với đường viền lông nheo xoăn tít vô cùng linh động trong kính chiếu hậu. Chị đeo hoa tai có hai vệt đen, trắng. Bộ đồng phục thẳng nếp. Người rắn rỏi. Mông hơi to, chân dài quá đà, giày kiểu đàn ông bóng loáng.

Chị điều khiển chiếc xe buýt cồng kềnh như một em bé nhanh nhẹn đang ngồi lái chơi trong chiếc xe nhỏ. Chị bóp kèn inh ỏi, chửi thề, văng tục vài tiếng rồi quay sang nói chuyện tiếp với tôi, người hành khách duy nhất trên xe chị hôm đó. Xe đang ra xa lộ, gió luồn vun vút, chị cố la cho tôi nghe:

— Chị đi đâu đây ?

Tôi hét lại :

— Tôi đi học lớp đêm.

— Còn học à. Chịu khó vậy. Làm nghề gì?

— Dạy học.

— Cô giáo thật à ?

Chị quan sát tôi với vẻ ngạc nhiên.

— Trông không giống cô giáo. Hiền lành vậy mà cô giáo à. Làm sao trị nổi học trò?

Tôi cười nhẹ đáp lời chị :

— Ngày sắp tàn. Giờ này tôi hết dữ rồi. Mệt rồi chị.

— Có gia đình chưa ?

— Có lâu rồi. Bây giờ thì không. Có một đứa con. Ba cháu mất.

— Ấy chết. Xin lỗi chị. Tôi...

— Không sao, chuyện đã lâu, tôi không còn nhớ gì nữa.

— Có bồ không ?

— Không.

Chị đưa mắt liếc nhanh, nhìn tôi đánh giá, hỏi một cách hoài nghi:

— Sao vậy ? Giỡn hoài. Người thế mà không có bồ.

— Thật ra cũng có vài lần nhưng không xong.

— Làm gì mà không xong. Ai biểu kén. Để cho đàn ông họ thương, họ chìu chuộng, dại gì. Chán bỏ, kiếm thằng khác.

Thấy chị nhiệt tình tôi cố bào chữa cho cái tội không có bồ của tôi:

— Thì chị biết đó. Cũng có những cuộc gặp gỡ, nhưng người thì già quá, người trẻ quá. Người mình thương người ta không thương. Người mình không thương, thương. Rồi có người thấy thương mà không thấy thích hoặc ngược lại. Đại khái như vậy.

— Ừ. Đó là cuộc đời. Tôi biết cuộc đời quá mà. Bởi vậy tôi không bỏ một chút gì có sự vui trong đó. Tôi hưởng hết. Hưởng cái gì đang có. Quăng mẹ cái gì làm mình buồn. Tôi lái xe như vầy vài năm nữa thôi. 45 tuổi hưu trí non. Cuộc đời ngắn quá mà. Xin lỗi à, làm việc chừng đó đủ rồi.

Nhân lúc chị dừng xe ở trạm thuế giữa xa lộ tôi cúi đầu nghĩ ngợi: Đàn bà. Lái xe buýt rành nghề. Những ngày nghỉ phép phong lưu ở bãi biển. Một người yêu khác màu da. Dĩ vãng thảy bỏ. Nụ cười tươi. Cõi lòng mở rộng.

Chị bỗng rồ máy xe vọt mạnh la lớn:

— Ngủ hả ? Thấy gì không? Tôi mới đi một đường lãi lướt với anh chàng trong phòng thu thuế.

Tôi lơ đãng hỏi :

— Được không ?

— Được chứ. Vui vậy mà. Anh chàng này dễ thương. Đàn ông bây giờ làm biếng cua đào lắm. Đàn bà tụi mình phải làm siêng tấn công họ mới được.

Tôi định nói đa số đàn bà Việt Nam chúng tôi là những công chúa ngủ trong rừng, đợi hoàng tử đến hôn trên đôi mắt. Và vì thế có nhiều nàng tóc đã điểm sương vẫn còn đang trong giấc ngủ mong chờ. Ai có bạo gạn bạo phổi thức dậy đi tìm hoàng tử thì bị hạ giá ngay.

Nhưng thôi, nói vậy dài dòng quá. Tôi đáp gọn:

— Tấn công sợ họ đánh giá thấp mình chị ạ.

Chị nạt tôi:

— Thấp gì? tại sao thấp. Họ cao lắm sao? Không có ai đặc biệt cả. Ai cũng như ai. Mọi người bình đẳng.

Tôi tiu nghỉu ngó mông. Hai chữ "bình đẳng" của chị tôi suy nghĩ trọn đời cũng không xong. Thấy cái vẻ đăm chiêu của tôi chị

tưởng tôi buồn, giảm tốc độ xe, nhìn tôi ái ngại nói:

— Thiệt, chị phải có bồ mới được. Để tôi kiếm cho. Sống vậy buồn chết. Chị buồn không? Có bà con gì ở xứ này không?

— Không.

— Sao đến đây chi vậy? Chừng nào về xứ?

— Không về được chị à.

— Tại sao không ?

— Tại vì tôi là người Việt Nam.

— Người Việt Nam rồi sao không về được?

— Chiến tranh. Cộng sản. Tôi không phải là người của họ. Tôi được dùng, không được tin. Tôi muốn làm một người công dân tốt ở trên đất mình, phục vụ quê hương. Tôi muốn ở lại, nhưng tôi phải bỏ đi. Chị có biết không, ở xứ tôi... Tôi còn muốn nói thêm nữa nhưng chị cắt lời tôi, một tay lái xe, tay kia đưa lên tỏ vẻ tức tối:

— Chiến tranh. Tôi không hiểu vì sao có chiến tranh. Tại sao người ta phải đánh nhau. Tôi tức lắm chị ạ. Tức lắm. Thế giới này điên rồi. Con người không còn tình nữa. Tại sao phải phân biệt màu da. Tôi nói thiệt với chị tôi không hiểu vì sao có chiến tranh...

Tôi không còn nghe tiếp chị nói gì. Tôi đang suy nghĩ. Chị này còn tức. Tôi ngạc nhiên về sự tức giận của chị. Chứ như là chiến tranh mới xảy ra hôm qua, lần đầu tiên trên thế giới này. Đã từ lâu tôi chỉ biết thấm thía sự chịu đựng. Sự chịu đựng đời đời, thế hệ này qua thế hệ khác vì chiến tranh, áp bức. Và bây giờ là sự chịu đựng của kiếp người lưu lạc. Sự chịu đựng làm mòn mỏi tâm hồn, làm đau dần thân xác, làm cách biệt với người thân ở quê hương.

Sự chịu đựng về những bất công, khinh rẻ. Kỳ thị ở xứ người. Nó làm lung lạc tinh thần, lấy đi niềm lạc quan sinh khí con người... Không, tôi không nghĩ tiếp. Tôi phải dành một chút sức lực để ngồi nghe trọn bài giảng tối nay. Rồi còn ngày mai và còn ngày mai nữa. Tôi phải quên tất cả. Phải lấy cho được bằng cấp. Xong bằng này đến bằng khác. Phải đủ chữ đủ lời để đối đáp khi bị lấn lướt, chèn ép, hiếp đáp. Phải kiếm tiền nuôi thân, nuôi con. Phải giúp họ hàng thân quyến, bạn bè. Tôi không còn sức để nghĩ về chiến tranh hoà bình, tình yêu, và hình như lòng tốt cũng mòn dần...

Tôi vịn thành ghế đứng lên từ giã xuống xe. Chị ngưng nói tự bao giờ, nhìn theo tôi lưu luyến nói lời tạm biệt ân cần.

Chúng tôi trở thành đôi bạn. Mỗi lần gặp gỡ trên xe, chị bình phẩm về cuộc đời, về con người rất hăng. Và tôi mỏi mệt suy nghĩ, đào sâu thêm vấn đề, phát triển rộng ra từng ý của chị. Đối chiếu. Tự vấn. Thở dài.

Có hôm chị đùa, thấy tôi đang đứng chờ xe, chị đạp ga phóng

nhanh bỏ tôi một khoảng khá xa rồi đậu xe lại chờ. Tôi chạy đến xe. Hụt hơi. Chúng tôi cười ha hả. Chị nói:

— Chạy khoẻ không cưng? Lúc nào cũng thấy mệt. Bọn giáo sư chúng mày làm gì mà mệt. Đi chơi đêm quá mệt chứ gì?

Chúng tôi cười hì hì. Thấy chúng tôi quá vui hành khách trên xe mỗi người biểu lộ một thái độ. Một vài cô gái trẻ mỉm cười nhẹ. Những người đàn bà lớn tuổi thoáng nhíu mày. Thanh niên và đàn ông dững dưng. Một cụ già người Ý gật gật đầu.

Tôi quen dần và ưa nghe những chữ đượm tình của chị. Chị gọi tôi bằng cưng, bằng người yêu dấu, người thân mến và cả bằng con lúc cần. Chào người yêu dấu. Hello Sweetheart! Cẩn thận đường trơn cưng nhé! Be careful, honey. Có gì buồn hả con? Something is bothering you, baby?

Có một lần chị làm tôi thật sung sướng và cảm động. Hôm đó không phải ngày tôi đi học. Tôi đang đi bộ trên đường ở chợ về, tay bưng tay xách khệ nệ. Tôi bỗng nghe tiếng kèn xe liên tiếp vang cả khúc đường. Tôi ngẩng lên tìm hiểu. Xe buýt của chị đang đậu giữa đường. Mặc cho hành khách tò mò nhìn chị, mặc cho tiếng kèn xe hối thúc phía sau, chị vẫn không xê dịch xe. Chờ cho tôi nhìn thấy chị, chị hất mặt tỏ ý bảo tôi lên xe nhanh. Tiếng kèn xe inh ỏi làm tôi rối cả ruột. Tôi lính quýnh lắc đầu ra dấu cho chị biết nhà ở trước mắt. Chị nhấn một tiếng kèn thật dài chào tạm biệt. Tôi nhìn theo xe lòng tràn hạnh phúc.

Có lần tôi nghỉ học mấy hôm vì bị bệnh. Chị gặp lại tôi làm mặt giận mỉa mai bảo chơi cho cố đến nỗi bị bệnh. Tôi thật tình phân trần nói cái dở là không biết chơi, cả đời chỉ biết cần cù đi học, đi làm. Xong lại đi làm đi học. Chị săn sóc, bảo phải giữ gìn sức khoẻ.

Lần cuối cùng ngồi trên xe chị, tôi nói:

— Hôm nay là ngày học chót của tôi khoá này. Chị lại sắp sửa đổi tuyến đường xe. Khoá sau có lẽ chúng ta không còn gặp nhau. Chúng ta nên tạm chia tay bây giờ chị nhé!

Tôi bước đến gần chỗ chị ngồi. Chị nồng nhiệt giang hai tay, ngẩng mặt chờ đợi một cái hôn. Chúng tôi siết chặt vai nhau, và từ giã bằng những lời chăm sóc dặn dò. Tôi nói với chị:

— Tên tôi là Kim, chị tên gì?

— Edna. Một cái tên lạ nhưng đó là tên tôi.

Khi tiếng kèn giã biệt đã xa và bóng xe đã khuất, tôi cúi đầu bước đi, lẩm bẩm: Edna.

Edna, chị là người bạn, một mối thân tình quí báu trong đời tôi, trên đất nước mà tôi vẫn nghĩ muôn đời xa lạ.

TRẦN THỊ KIM LAN

Thụy Khuê

Phong trào Nhân Văn Giai phẩm.

Lời thưa: Có lần được đọc trên báo Người Việt dòng tựa lớn: "Nguyễn hiến Lê, ông là ai?" chúng tôi đã ngậm ngùi. Ngậm ngùi cho nhà học giả, ngậm ngùi cho thế hệ đôi mươi chưa được biết Nguyễn hiến Lê.

Nhớ lại dịp ghé Hànội thăm gia đình cuối năm 1984, chúng tôi đã lục lọi trong ký ức người thân, lứa tuổi 40, 50, 60... hỏi họ về kỷ niệm những ngày sôi bỏng "Nhân Văn Giai Phẩm", phần lớn đều ù ờ, có người không biết, có người nghe nói, tóm lại, hầu hết đều đã ngỡ ngàng... như tôi nói đến một chuyện không có thực, hay chưa bao giờ xảy ra trên đất nước.

Nhờ người quen đưa lại tiệm sách lớn nhất Hà Nội, tôi không ngây thơ đến đỗi hy vọng tìm ra bút tích Phan Khôi, Trần Dần... nhưng cũng mong mỏi mua được vài cuốn sách giá trị về lịch sử, biên khảo hay văn học... Hỏi đến cuốn Chống Nguyên Mông của Hà văn Tấn, hay Từ điển Văn học, cũng không có nốt. Người bán nhã nhặn trả lời:

— "Chị mua làm gì? Mua cho ai? Giấy giới thiệu đâu?"

Hoặc:

— Hiện chưa có sẵn, còn phải chờ!

— "Bao lâu?"

— "Sáu tháng, một năm, tùy cơ sở ấn loát!"

Chỉ có sách Các Mác, Lê-Nin thì xếp hàng dẫy, với tay lấy được. Có người mua cân về làm việc riêng, nghe đâu còn rẻ hơn giấy vệ sinh bán ngoài thị trường.

Ở Paris, người đọc được biệt đãi hơn nhiều: Một dạo, bạn có thể đến Nhà Việt Nam mua "Trăm hoa đua nở trên đất Bắc" của Hoàng văn Chí. Phải chăng "tự do tư tưởng" chỉ là món quà dành cho những người -vì một lý do nào đó- mới "xứng đáng" được hưởng?

Hôm nay, chúng tôi khơi đống tro tàn, tìm lại dấu vết những ngày "Nhân Văn giai phẩm" để gửi gấm thế hệ "Nguyễn hiến Lê, ông là ai?" và để trao gió đem về Hà Nội, cho những người đã lớn lên, đã sống, đã thở không khí "Nhân Văn giai phẩm" mà không được quyền biết đến sự hiện hữu của nhóm người đã sống và đã chết với ngòi bút của mình.

"Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi (Cụ Hoàng văn Chí, soạn giả Trăm Hoa Đua Nở trên đất Bắc) đã hẹn với các bạn ở lại là hễ có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ". Tuy trình bày dưới sự bảo trợ của Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, Cụ Hoàng văn Chí tức Mạc Định, trong hai năm (56-58) thu thập tài liệu, làm việc một mình (nhờ người bạn ở Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến, đem báo chí từ Bắc vào Nam). Tập Trăm Hoa Đua Nở xuất bản vào tháng giêng 1959. (theo phỏng vấn cụ Hoàng văn Chí, Từ Nguyên, Tự Do số 50).

Ngoài tập Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, chúng tôi may mắn có người bạn ở Paris cho mượn tập tài liệu nhan đề: "Bọn Nhân Văn giai phẩm trước tòa án dư luận" (trong bài này xin gọi vắn tắt là Bản Án).

Vụ án Nhân Văn giai phẩm chấm dứt, các văn nghệ sĩ bị đi học tập, cầm tù, phần lớn đã viết bản tự thú, Nhà xuất bản Sự Thật cho in Bản Án, dầy 370 trang, vào tháng 6 năm 1959, dưới chiêu đề: "tài liệu sưu tầm", "xếp loại và trình bày một cách có hệ thống để giúp các bạn có một tập tài liệu toàn diện dùng để tham khảo hiện nay và sau này" (Bản Án, trang 8).

Nhờ tập "tài liệu dùng để tham khảo" này mà chúng ta biết được "cuộc giao phong trên mặt trận tư tưởng kéo dài gần 3 năm trời (55-58) (...). Nhưng, tuy nhóm phá hoại Nhân Văn giai phẩm đã bị vạch mặt, tư tưởng "Nhân Văn giai phẩm" chưa hẳn là đã hoàn toàn bị quét sạch" (trang 6 và 7). Chúng ta đọc được những lời buộc tội đôi khi vô cùng khiếm nhã giữa người với người, không thể chép lại được ở bất cứ bản văn nào, của giới trí thức và văn nghệ sĩ đã công nhận sự "lãnh đạo sáng suốt của Đảng": Tố Hữu, Phạm Huy Thông, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Hữu Tước, Hồ Đắc Di, Hồng Cương, Đặng Thái Mai, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Bằng Sĩ Nguyên, Ngụy Như Kontum, Hằng Phương, Nguyễn Văn Bổng, Vũ Đức Phúc, Hồng Chương, Quang Đạm, Hoàng Trung Thông, Lương Xuân Nhị v.v...

Chúng tôi dựa vào sự sắp đặt của Bản Án, để biết "tội" nặng nhẹ của mỗi người, chép lại những lời nào có thể chép được, hoặc phỏng theo những đoạn lời lẽ "không thể lập lại lần thứ hai", cốt giữ ý chính, để độc giả có một ý niệm rõ ràng về hoạt động và ảnh

hưởng của phong trào Nhân Văn giai phẩm. Chúng tôi trích dẫn rất ít những tác phẩm đã in trong Trăm Hoa Đua Nở, coi như độc giả có thể tìm thấy dễ dàng tập sách này.

Chỉ dựa trên hai tập tài liệu, chúng tôi biết là thiếu sót vô cùng. Viết về một đề tài là cầu mong học hỏi thêm về đề tài ấy, thế nên, chúng tôi hy vọng được sự chỉ giáo của những bậc thức giả, về những điểm chúng tôi còn thắc mắc hoặc chưa biết, và sửa chữa những sai lầm không sao tránh được.

Đầu năm 1955, trong quân đội, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Hoàng Cầm đã bắt nguồn phong trào phản đối Đảng: Một mặt lên tiếng phê bình đả kích tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu. Một mặt đòi:

"Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ

Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội

Thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội

Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội Văn Nghệ, không qua cục Tuyên Huấn và Tổng Cục Chính Trị"

(Tố Hữu, Bản Án trang 24)

Cùng lúc đó báo Nói Thật của Hoàng Công Khanh trích đăng bài "Sự chia tay giữa văn nghệ và chính trị" của Lỗ Tấn.

Nhưng đến tháng 6 năm 1956, trí thức miền Bắc mới chính thức nổi dậy chống đối công khai, với "Giai phẩm Mùa Xuân" do Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sĩ Ngọc, Tử Phác, Phùng Quán, Nguyễn Sáng, Tô Vũ chủ biên. Ngoài những bài đả kích sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng, còn có bài "Nhất Định Thắng" của Trần Dần: Giai phẩm Mùa Xuân bị tịch thu ngay tức khắc. Trần Dần bị bắt. Bản Án xác nhận:

"Nhân cơ hội đó, tất cả các lực lượng đối lập với chủ nghĩa xã hội đều ngóc đầu dậy chống lại sự lãnh đạo của đảng và chính phủ. Bọn phản động trong Công Giáo hành động phá rối trật tự ở Nghệ An, Nam Định v.v..."

(Hồng Cương, trang 17)

Ba tháng sau, Đảng phát động chính sách sửa sai, trí thức miền Bắc lợi dụng cơ hội phát hành giai phẩm mùa thu (Tập I) ngày 29/8/1956 với bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" của Phan Khôi.

Ngày 15/9/1956 Bán Nguyệt San Nhân Văn số 1 ra đời cuối tháng 10/1956 ở đại học, các giáo sư Trương Tửu, Trần Đức Thảo huy động sinh viên, cho ra tờ Đất Mới với Phùng Quán, Trần Quang Đoài (được một số thì bị đình bản).

"Sự chống đối của chúng không còn tính chất văn nghệ nữa mà đã trở thành một cuộc chống đối về chính trị công khai. Nhóm

"giai phẩm" chống Đảng về văn nghệ đã biến thành nhóm phá hoại chính trị trắng trợn "Nhân Văn-Giai Phẩm" (.....) Từ Nhân Văn số 4 trở đi (.....), thì chúng đã chuyển hẳn sang chống đối về chính trị, kích động quần chúng biểu tình chống lại Đảng và chính phủ ta nhân lúc Quốc hội ta đang họp."

(Hồng Cương, Bản Án trang 18-19)

Cuối tháng 11/1956, Đảng hạ lệnh đóng cửa tờ Nhân Văn, tịch thu Nhân Văn số 6.

"Sau khi báo "Nhân Văn" bị đóng cửa, chúng không chịu tự phê bình nhận tội trước giới văn nghệ và nhân dân ta, mà lại tiếp tục hoạt động ngấm ngầm phá hoại việc chuẩn bị Đại Hội Văn Nghệ. Chúng đã chuyền tay nhau một số văn thơ và câu đối bí mật do chúng làm ra để đả kích chế độ ta."

(Hồng Cương, Bản Án trang 20)

Sắc lệnh ngày 15/12 được ban hành, cấm tự do báo chí; trừ những báo của Đảng, chấm dứt số phận những tờ Giai Phẩm, Trăm Hoa, Đất Mới.

Đảng cho ra tuần báo Văn thay thế với Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng.

Báo Văn tồi quá, không lôi kéo được độc giả. Bị chỉ trích, báo Văn đổi thái độ, bỏ bớt những bài ca tụng, thêm dần những bài đả kích Đảng. Chẳng bao lâu, những cây bút cũ của Nhân Văn-Giai Phẩm lại xuất hiện trên báo Văn. Chiến dịch khủng bố và đàn áp văn nghệ sĩ bắt đầu ở Văn số 36 ra ngày 10/1/58, đăng bài Ông Năm Chuột của Phan Khôi, bị cấm. Văn bị đình bản hẳn. Chấm dứt phong trào Nhân Văn Giai Phẩm các văn nghệ sĩ phải đi chỉnh huấn.

Phần lớn phải viết bài thú tội.

Bốn người không chịu đi chỉnh huấn: Thụy An, Nguyễn Hữu Đăng, Trương Tửu, Phan Khôi.

Sau cuộc chỉnh huấn, các văn nghệ sĩ vẫn phải đi học tập cải tạo: tội nhẹ lao động gần, tội nặng đầy lên miền rừng thiêng nước độc. Theo tài liệu của cụ Hoàng văn Chí, số người bị bắt lên đến 304. Chúng tôi chép lại trang 309, 310, trong bản án nói về việc này:

"Đầu năm 1958, có hai cuộc hội nghị của anh chị em công tác văn nghệ, nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam, kết hợp với 2 bản Tuyên Ngôn và Tuyên Bố của hội nghị các Đảng Cộng Sản và các Đảng Công nhân họp ở Mạc Tư Khoa cuối năm 1957. Hội nghị đầu tháng 2 năm 1958; gồm có 172 người dự. Hội nghị sau, tháng 3 năm 1958, gồm có 304 người dự.

Qua hai cuộc hội nghị ấy, tất cả những "nhân vật" bỉ ổi đã được phát hiện (.....)

Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại "Nhân Văn Giai Phẩm" bao gồm những tên đầu sỏ, những "cây bút" đã viết "hoặc nhiều hoặc ít" cho "Nhân Văn Giai Phẩm" như:

Thụy An, Nguyễn hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn văn Tý, Phùng Quán, Hoàng tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huê, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn khắc Dực, Hoàng tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê đại Thanh v.v...

Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt). Và cũng không phải tất cả những "cây bút" trên đây đều có những hành động phá hoại giống nhau, hoặc phá hoại với những mức độ giống nhau. Có bọn đầu sỏ, có bọn phụ họa....".

Theo Tố Hữu, sự phân phối công tác như sau:

- Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm hoạt động ở hội Nhà Văn
- Trần Duy, Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng ở hội Mỹ Thuật.
- Chu Ngọc, Hoàng tích Linh ở hội Nghệ Sĩ Sân Khấu
- Tử Phác, Văn Cao, Nguyễn văn Tý, Đặng đình Hưng ở hội Âm Nhạc.

Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, là những nhà tư tưởng của phong trào. Thụy An, Nguyễn hữu Đang liên lạc, huy động và khuyến khích anh em. Trần Thiếu Bảo (chủ nhà in Minh Đức) in các Giai Phẩm, giúp đỡ tiền bạc và phương tiện để phát hành báo Nhân Văn. Nhà in Minh Đức còn là trụ sở của các cuộc họp báo Nhân Văn và Đất Mới.

Qua lời buộc tội của Nguyễn Đình Thi, chúng ta biết đường lối, chủ trương của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm.

1/ Cho chủ nghĩa cộng sản là không nhân văn, là chà đạp con người. Coi những người cộng sản là những người khổng lồ không tim (Trần Duy). Văn học xã hội chủ nghĩa là công thức, giả tạo, đẻ ra những thi sĩ máy (Như Mai). Đòi quyền tự do cá nhân, tự do sống đời sống tình cảm riêng tư của mỗi con người.

Đem bục công an máy móc đặt giữa tim người
Bắt tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước"
(Lê Đạt)

2/ Phản đối chuyên chính, đòi dân chủ, tự do trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Đả kích mậu dịch, quản lý hộ khẩu, các bộ máy nhà nước. Đòi tự do đối lập.

3/ Chống sùng bái cá nhân. Cho sự lãnh đạo của Đảng là Đảng trị, là độc đoán, mâu thuẫn với quyền lợi căn bản của con

người.

4/ Đề cao chủ nghĩa quốc gia, tư sản, đả kích Liên xô, cho sự giáo dục con người ở Liên Xô là rập khuôn. Văn học nghệ thuật Liên Xô là công thức.

5/ Chống chính sách cải cách ruộng đất. (Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn quan trọng "Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo" ngày 30-10-56, trước Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội. Ông phân tích những sai lầm của chế độ: đi từ sai lầm cải cách ruộng đất ở thôn quê sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành, đến chính sách kinh tế bóc lột tận xương tận tủy. Ông truy nguyên nguồn gốc các sự sai lầm và trình bày những nguyên tắc mới để sửa sang lại guồng máy luật pháp chính trị, văn học, kinh tế.) (toàn bộ bài diễn văn in trong tác phẩm Trăm Hoa Đua Nở)

6/ Về văn nghệ, chủ trương phát triển "trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng". Chối bỏ sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao khẩu hiệu "trả lại văn nghệ cho văn nghệ sĩ"

(Theo Nguyễn Đình Thi, Bản Án trang 114)

*

* *

Họ là những ai?

Thụy An. Tên bà được nêu lên hàng đầu trong "hàng ngũ phản động" với cái tựa "con phù thủy xảo quyệt" và những lời độc địa nhất đã dành cho bà.

Trong địa hạt tiểu thuyết, nữ sĩ Thụy An đã tiên phong với cuốn "Một linh hồn". Bà đã cộng tác với báo Phụ Nữ Tân Văn (Sàigòn) là chủ nhiệm các báo Đàn Bà Mới (Saigòn) và Đàn Bà (Hànội). Là phóng viên chiến tranh, bà đã tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí, nắm chức quyền giám đốc Việt Tấn Xã.

Bà tích cực tranh đấu trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng theo lời khuyên của Nguyễn hữu Đang, không lộ mặt trên báo. Tuy vậy, thời gian này, Bản Án cũng kê khai bà viết hai truyện ngắn *Bích-xu-ra* và *Trường hợp tòng quân của Thiếu úy Lâm.*

Là con nuôi cụ Phan Khôi, bà thường ra vào câu lạc bộ Hội nhà văn (lời Bằng Sỹ Nguyên: Như vắt ngửi thấy máu, Thụy An như rắn bò tới câu lạc bộ Hội nhà văn phun nọc độc mạt sát "chế độ ta bần cùng hóa nhân dân" (trang 120) để liên lạc và nâng đỡ tinh thần, giúp đỡ quần áo, tiền bạc cho văn nghệ sĩ. Trong bản tự thú, sau khi công nhận chịu ảnh hưởng rất nhiều của bà, Lê Đạt viết:

"Mỗi lần ở nhà Thụy An ra là mỗi lần tôi thấy mình tài giỏi thêm, oán Đảng thêm, và chán nản thêm...

Lòng tin tưởng của Đảng của tôi mất dần cho đến khi Thụy An nói đến "những con người không đất đứng", tôi cũng tự hỏi: "đất đứng của mình ở đâu?"

Không chịu đi chỉnh huấn, bà bị bắt giam vào nhà tù Hỏa Lò Hànội. Khi bị bắt bà đã tự chọc mù một mắt. Trong Bản Án không thấy bản tự thú của bà. Có lẽ bà không hề viết lời tự thú.

Sau này có nguồn dư luận cho rằng khi miền Nam rơi vào tay Cộng sản, bà chọc mù nốt mắt thứ nhì.

Nguyễn hữu Đang là con một ông chánh tổng ở Thái Bình. Nguyễn hữu Đang đã sớm tham gia các phong trào ái quốc. Trước 1942, ông hoạt động trong phong trào truyền bá quốc ngữ. Năm 1942, khi ảnh hưởng Việt minh lên cao, ông tham gia Văn Hóa Cứu Quốc. Ngay từ 1945, Nguyễn hữu Đang đã liên lạc mật thiết với Trần Thiếu Bảo (sau này là chủ nhà xuất bản Minh Đức). Trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến, Nguyễn hữu Đang tổ chức Thanh Niên Xung Phong và sau đó làm Thanh tra Bình dân học vụ. Đến năm 1947, Nguyễn hữu Đang mới chính thức vào Đảng. Nhưng vài năm sau đó, ông bắt đầu chán nản, tự ý bỏ cơ quan.

Năm 1951, ông ly khai Đảng, và từ đó xa Đảng khi ở Cầu Bố, khi Hậu Hiền, ông lên tiếng đả kích Đảng, chống đối cách mạng.

Nguyễn hữu Đang là linh hồn của tờ Nhân Văn, ông tìm tiền, kiếm giấy, thu xếp việc ấn loát và viết bài, nhưng lại ký tên người khác (theo Mạnh Phú Tư, Bản Án trang 50). Trong lời tự thú, Trần Dần viết về Nguyễn hữu Đang:

"Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được. Sẽ không có tham luận với những đề nghị: gặp Trung ương, ra báo... mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn".

Nguyễn hữu Đang chủ trương công kích thẳng và kịch liệt, không dè dặt và kín đáo như các học giả: "Nhân lớp học 18 ngày do hội Văn Nghệ tổ chức, Nguyễn hữu Đang nhảy ra đọc một bản tham luận "nảy lửa" nhằm đả kích vào đường lối văn nghệ của Đảng (.....)

Đang dùng lời Hồ chủ tịch đăng trên báo làm lá chắn để đánh vào Cán bộ Đảng (Nhân Văn số 1). Hắn trích dẫn Cổ học tinh hoa không có lời phê phán mà dụng ý khêu gợi sự nghi ngờ của người đọc về bản chất chế độ"

(Thiều Quang, Bản Án trang 128)

Vì không chịu đi chỉnh huấn, ông bị bắt giam vào Hỏa lò Hànội. Theo cụ Hoàng văn Chí, dường như ông đã tự tử sau khi bị bắt. Giả thuyết này chắc đúng vì:

"Mãi về sau, mới gần đây thôi, Đang còn nói với một người bạn: "Khi tao chết, tao chỉ còn ân hận là lúc đó không làm được mạnh hơn nữa!" Đang hậm hực vì đã không thực hiện được mưu

đồ "lật đổ" Đảng, "thay đổi chế độ".

(Như Phong, 12/5/1958, Bản Án trang 124)

Trần Thiếu Bảo. Xuất thân trong một gia đình giàu có ở Thái Bình, Trần Thiếu Bảo mở hiệu sách Minh Đức (sau trở thành nhà xuất bản) trước ở Thái Bình, đến 1954 rời về phố Phan Bội Châu, Hànội. Trần Thiếu Bảo chống Việt Minh từ đầu, có tiếng là Mạnh Thường Quân trong giới văn nghệ sĩ. Cùng với Nguyễn hữu Đang, Trương Tửu, ông tổ chức lễ kỷ niệm Vũ Trọng Phụng (khi ấy, Vũ Trọng Phụng chưa được vinh thăng như bây giờ). Nhà xuất bản Minh Đức lợi dụng chuyện "khai thác vốn cổ" để tái bản những sách "có hại" của Tự Lực Văn Đoàn như Tiêu Sơn Tráng Sĩ v.v... Nhà xuất bản Minh Đức cũng là trụ sở các cuộc họp báo Nhân Văn, in Giai Phẩm, Đất Mới. Trần Thiếu Bảo xuất tiền bạc, giúp phương tiện in các báo đó.

Trương Tửu. Nhà văn, giáo sư đại học văn khoa, lý thuyết gia của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm.

Trương Tửu bước vào làng văn với loạt bài phê bình những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn trên báo Loa. Khi Mặt Trận Dân Chủ của Việt minh được bành trướng, ông:

"nằm im trên gác xép phố cửa Đông, hàng Gà, ngày ngày liên kết với bạn bè tờ-rốt-kít Lương Đức Thiệp, Thái văn Tam, chửi đổng Mặt Trận dân chủ và tuyên bố với xung quanh rằng: "văn nghệ không làm chính trị để giữ sức độc lập của trí thức"

(Bùi huy Phồn, Bản Án trang 57)

Trương Tửu viết bài đả kích Mặt trận dân chủ trên báo Quốc Gia và Thời Thế.

Cùng với Nguyễn Đức Quỳnh, thành lập nhóm Hàn Thuyên. Nhóm Hàn Thuyên theo chủ trương cộng sản đệ tứ, in những sách của Lương Đức Thiệp, Thái văn Tam, Nguyễn Tế Mỹ, Nguyễn hải Âu, và Nguyễn Bách Khoa (tức Trương Tửu).

Hồ Hữu Tường ra Bắc gặp Trương Tửu, thành lập Ủy Ban Văn hóa Bắc bộ.

10-9-1945, Trương Tửu cho xuất bản cuốn, "Tương lai văn nghệ Việt Nam", trong đó ông nhắc đến "cái hôm nay đen tối và chật hẹp, ông nhắc lời André Gide khuyên các nhà văn, nhà nghệ sĩ hãy "reo rắc vào tâm trí mọi người chất men bất phục tòng và phản kháng".

(theo Hoài Thanh, Bản Án trang 65)

Tuy vậy khi toàn quốc kháng chiến, ông cũng đi theo trào lưu 9 năm trời.

"Tửu đã nói gì khi giảng dạy? Tửu đã vu khống Đảng là hiện tượng tha hóa". "Trường đại học có Đảng trị"

- "Có Đảng cụ thể và Đảng trừu tượng, cụ thể bao giờ cũng có

sai lầm, vậy mỗi giai đoạn cần có một Đảng mới".

"Trung ương Đảng chia hai phe". "Con người mới là con người ở nông thôn chống thu mua, ở thành thị chống mậu dịch, trí thức chống chính sách báo chí". Tửu gây ý thức thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Cụ thể là tấn công vào cán bộ lãnh đạo của Đảng trong đại học (.....) Tửu đề cao quá đáng Vũ Trọng Phụng (.....) để nói rằng "không có Đảng lãnh đạo nhà văn vẫn viết được những tác phẩm có giá trị và Văn nghệ sĩ còn sáng suốt hơn Đảng, cố vấn cho Đảng, phát hiện vấn đề cho Đảng biết"

(Bàng Sĩ Nguyên, Bản Án trang 119, 120)

Theo cụ Hoàng văn Chí, Trương Tửu không chịu đi chỉnh huấn, bị cất chức giáo sư đại học, cả gia đình vợ con bị rút giấy phép buôn bán. Về sau không biết số phận của ông ra sao.

Trần Đức Thảo. Ông nổi tiếng về tài học. Đỗ đầu vào trường Normal Supérieuse ở Pháp năm 1936. Thạc sĩ triết học, trong thời kỳ ở Pháp, ông cộng tác với Jean Paul Sartre, tham gia nhóm Les Temps Modernes. Sau này, ông kiện Sartre về một cuốn sách viết chung mà Sartre không muốn xuất bản. Những năm 44-45 ông hoạt động cho hội Việt kiều.

"Ngay từ năm 1945, Thảo công kích những người đem tư tưởng Mác – xít truyền bá cho kiều bào, công nhân, cho rằng công nhân không có văn hóa, không tiếp thu được, hay tiếp thu "máy móc" thì "nguy hiểm" (!). Còn đối với đảng cộng sản Pháp, thì Thảo có một lập luận phản động rằng: đảng Pháp, tuy có uy tín đấy, nhưng trình độ lý luận Mác-xít khó lòng cao, vì hầu hết những cương vị cao trong Đảng đều do công nhân nắm (!)"

(Phạm Huy Thông (Bản Án, trang 69))

Khi phái đoàn Việt Minh đồng chí hội sang Pháp năm 1946, vẫn theo Phạm Huy Thông, Trần Đức Thảo đả kích phái đoàn, cho chính sách ngoại giao của Việt Minh là đầu hàng và phản bội, và đảng Cộng sản Pháp có đầu óc đế quốc thực dân. Ông chống lại hiệp ước sơ bộ 6-3-1946.

Năm 1949, tại Đại hội Hòa Bình thế giới ở Paris, ông lên tiếng cảnh cáo đại biểu Liên Xô và đại biểu Pháp là phản bội các dân tộc thuộc địa.

Trở về nước năm 1951, ông được bổ nhiệm làm giáo sư đại học.

Giáo sư thạc sĩ Phạm huy Thông viết về người bạn cũ của mình:

"Thật ra "thành tích" học thuật cũng như "thành tích" chính trị của Thảo ở Pháp trước đây, nhìn lại toàn là những "thành tích" bất hảo (.....)". Trong thư gửi hội nghị học tập của trường đại học, Hoàng Cầm có viết: "Tôi nhớ rất rõ: trước (Nhân Văn) số 4,

trong một buổi họp nhà Trần Duy, 55 đường Trần Quốc Toản, lần đầu tiên Trần Đức Thảo đến họp. Vấn đề hôm ấy do Trần Duy nêu ra là: Ta nên chuẩn bị cái hướng số 4 như thế nào? Một số như Trần Dần và tôi phát biểu là: "thêm một bài về tự do dân chủ thôi. Trần Đức Thảo nói: "Tôi thấy cần phải bớt vấn đề văn nghệ đi, nếu cần thì rút bớt cả sáng tác, để bàn nhiều về chính trị. Phải chuyển mạnh sang các vấn đề chính trị, vì tình hình trong nước và thế giới có nhiều tài liệu khác nữa, ta thấy đường lối chính trị của nhóm Nhân Văn là do Trần Đức Thảo trực tiếp và chủ yếu vạch ra. (.....)".

Mượn cớ "phát huy tự do dân chủ" Thảo đã bày vẽ cho chân tay của mình trong sinh viên đả kích sự lãnh đạo của Đảng ở nhà trường (.....), giáo sư Nguyễn Lân, phụ trách môn giáo dục học, trường Đại học Sư Phạm, đã phát biểu. "Tôi còn rùng mình khi nghĩ đến hoạt động của bọn Trần Đức Thảo. Nếu bọn chúng thực hiện được ý muốn thì không những giáo sư đảng viên, mà đầu của những người lương thiện trung thành với chế độ như tôi cũng đều treo lên ngọn cây."

(Phạm Huy Thông, Bản Án trang 74 và 134)

Trần Đức Thảo được hưởng chế độ quản thúc suốt đời. Năm 1977 có người thân ở Pháp về thăm ông kể lại: Mỗi lần nói điều gì, ông nhìn trước nhìn sau xem có ai rình rập nghe trộm, rồi mới thì thào vào tai người nghe những điều hoàn toàn vô hại.

Phan Khôi. Cụ Phan Khôi sinh năm 1887 tại Quảng Nam, mất năm 1959, cháu ngoại cụ Hoàng Diệu.

Năm 1907, cụ Phan Khôi ra Hà Nội tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Ít lâu sau phong trào bị khủng bố, cụ trở lại Quảng Nam, hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng. Bị Pháp bắt, cụ học tiếng Pháp trong tù. Ra tù, cụ làm nghề viết báo. Hơn nửa thế kỷ, từ Nam chí Bắc, cụ cộng tác với các báo: Nam Phong, Lục tỉnh Tân Văn, Thực Nghiệp Dân Báo, Hữu Thanh, Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn... Những bài bút chiến của cụ gây không khí sôi nổi hào hứng trên văn đàn những năm 30-40.

Khi toàn quốc kháng chiến, cụ ở Việt Bắc giữ việc phiên dịch chữ Hán, chữ Pháp sang tiếng Việt.

Thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, cụ viết "phê bình lãnh đạo văn nghệ" trong Giai Phẩm mùa thu, phơi trần sự thật của chế độ chỉ huy tư tưởng. Tác phẩm quan trọng này cũng như Ông Bình Vôi (giai phẩm mùa thu, tập I), Ông Năm Chuột (Văn số 36), là những truyện ngắn nói lên cái hủ lậu, thối nát, bất tài của giai cấp lãnh đạo, đều được in toàn bộ trong Trăm Hoa đua nở, chúng tôi chỉ ghi lại một vài câu đã được phổ biến rộng rãi trong quần chúng:

"Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu!".

"Nhược bằng bắt hết mọi người viết, phải viết theo lối với mình thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết". Cuối đời cụ viết Nắng Chiều (bị cấm). Tư tưởng trong Nắng Chiều có phần quyết liệt hơn, mô tả sự đấu tranh giai cấp như một chủ nghĩa bóc lột tàn nhẫn giữa người với người.

Trần Dần. Trần Dần là một trường hợp đặc biệt trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Đi theo kháng chiến từ hồi trẻ. Ông đã hăng say với sức tấn công ồ ạt của Việt Minh vào mặt trận Điện Biên, sáng tác cuốn "Người người lớp lớp" và được Đảng tin dùng. Tuy là đảng viên nhưng Trần Dần vẫn giữ nguyên vẹn tâm hồn nghệ sĩ. Năm 1954, yêu một người con gái thuộc thành phần tiểu tư sản (gia đình đã đi di cư), ở phố Sinh Từ, bất chấp sự ngăn cấm của Đảng, Trần Dần lấy người con gái ấy. Đầu năm 1955, cùng với Hoàng Cầm, Lê Đạt, Tử Phác, chủ trương việc phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, và việc phản đối chính sách văn nghệ trong quân đội. Trần Dần bị Tố Hữu bắt giam. (Tố Hữu lúc ấy phụ trách Lãnh Đạo Văn Nghệ).

Khi Giai Phẩm Mùa Xuân (tháng 3-56) ra đời, Hoàng Cầm cho in bài thơ Nhất Định Thắng của Trần Dần, nói lên cái hận chia đôi đất nước:

"Trời vẫn quật muôn vàn tảng gió.
Bắc Nam ơi! Đứt ruột chia đôi.
Tôi cúi xuống quỳ xin mưa bão.
Chớ đổ thêm lên đầu họ, khổ nhiều rồi!"

Rồi cảnh đói rét thê thảm của miền Bắc:

"Trời mưa to lụt cả gian nhà.
Ôm tất cả, che mưa cản gió
Con chó mực nghe mưa là nó rú
Tiếng nó lâu nay như khản em a
Thương nó nhỉ - nó gầy - lông xấu quá.
Nó thiếu ăn - Hay là giết đi ư?
Nó đỡ khổ - Cả em đỡ khổ
Em thương nó - Ừ thôi chuyện đó."

và sự hoài nghi của những người ở lại:

"Ôi! xưa nay Người vẫn thiếu tin Người
Người vẫn thường kinh hoảng trước tương lai".

Giai Phẩm mùa xuân bị tịch thu ngay. Đảng vịn vào chữ Người viết hoa, có ý ám chỉ Bác, mang Trần Dần ra đấu tố và giam vào hỏa lò Hà Nội. Trần Dần lấy dao cứa cổ tự vận nhưng không chết.

Mấy tháng sau, Đảng phát động phong trào sửa sai, giới trí thức lợi dụng cơ hội, xuất bản Giai Phẩm Mùa Thu và Nhân Văn. Hoàng Cầm viết bài "Con người Trần Dần" trong Nhân Văn Giai Phẩm số 1, biện hộ cho Trần Dần. Trần Dần được thả.

Cuối năm 1957, báo Văn quay ra chống Đảng, in bài "Hãy đi mãi" của Trần Dần, trong đó ý chí tìm tự do càng quyết liệt hơn:

"Hãy đi mãi!
dù trên biển cả
sống như người vật vã
khắp đại dương
... Nhưng chẳng thể rúc kèn cũ rích,
Vác loa mồm kêu:
"Hiện tại rất thiên đường!"
...Tôi có thể mặc thây
ngàn tiếng chửi tục tằn
Trừ tiếng chửi:
Sống không sáng tạo!"

Trần Dần tự thú: "Nêu cảnh thất nghiệp, hàng ế, đi Nam, hai năm không thống nhất... và luôn luôn nhắc lại điệp khúc: "Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ" để nhấn mạnh Đảng là nguyên nhân của cái xã hội thê thảm này.

"Những sáng tác của tôi đều vào cái loại đả kích các chính sách của Đảng cả, nếu đọc cả đống như thế, người ta sẽ cảm thấy sự lãnh đạo của Đảng là một sự ngột ngạt, không thể nào sống nổi".

"Người sáng tác phải có gan như nhà viết sử thời xưa, vua chém đi sáu người, đến người thứ bảy vẫn chép sử đúng sự thật, vua đành chịu vậy!"

"Tôi hay nói với anh em: "võ phải cho kín mới được. Trước hở quá rồi."

"Chỉ có chui vào sáng tác, tức là cái giáp trụ rắn nhất, đánh cũng không chết!"

(Trần Dần tự thú, Bản Án trang 311, 312, 313)

"Những ngày cuối cùng của cuộc tranh đấu quyết liệt, Trần Dần nói như một tên tướng bại trận: "Nhân Văn đến đây mới thật chết"

(Tố Hữu, Bản Án trang 35)

*
* *

Đọc xong Bản Án dầy 380 trang, chúng ta không còn xa lạ với những lời lẽ ca tụng "chân thành":

"Chúng ta yêu quý toàn bộ văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhất là văn nghệ Liên xô, vì nó phản ảnh một cách chân

thực và sinh động đời sống của một xã hội tốt đẹp"

"Chỉ những kẻ vong ơn bội nghĩa, không còn là người Việt Nam chân chính, mới có thể có những lời phụ bạc (với Liên xô) như bọn "Nhân Văn Giai Phẩm"

(Tố Hữu, trang 154)

Hoặc:

"Chúng ta nhận thấy ở dịp này sự sáng suốt và lòng nhân đạo lớn lao của Đảng. Đảng đã giúp chúng ta đạt được cái kết quả rất phấn khởi là hôm nay, sau một tháng mười ngày học tập, chúng ta nhìn thấy đông đủ mặt nhau đây, không một người nào rơi rụng.

Đảng đến với chúng ta thật chí tình. Đề nghị anh chị em văn nghệ chúng ta đem hết nhiệt tình đáp lại ơn Đảng"

(Thế Lữ, trang 300)

Thế Lữ, người mà Nguyễn Tường Bách ghi trong tập hồi ký của ông "Nhà thơ Thế Lữ, người giàu tình cảm nhưng yếu ớt, mới nghe tiếng chính trị đã xua tay. Anh không muốn tham gia vào một hoạt động chính trị nào, bất cứ ở thời nào", đã viết về Phan Khôi:

"Lão chọn một vai phản nghịch cho cuộc đời mình (....) Đó là một cách "lưu danh thiên cổ" mà lưu danh thối cũng được, miễn là có lưu" (Bản Án, trang 82)

Thi sĩ Hằng Phương (vợ nhà văn Vũ Ngọc Phan) cũng đã hăng hái viết:

"Bọn đó (Nhân Văn Giai Phẩm) đa số có vợ rồi lại bỏ vợ. Phụ nữ là nạn nhân của chúng. Lại có những kẻ mà khi đến chơi nhà bạn, bạn phải dặn vợ mình khi chồng đi vắng thấy đến là phải đóng cửa kêu lên!"

(Bản Án, trang 296)

Những lời của Hằng Phương làm chúng ta thêm nghi vấn: Nhìn chân dung bà hồi còn trẻ, thấy yêu kiều lắm, chẳng biết bà có là "nạn nhân" của "bọn vô lại" ấy hay không?

Đọc trên dưới 80 bài trong Bản Án, tuy cùng một luận điệu, nhưng mỗi người viết trong một hoàn cảnh khác nhau:

Thế Lữ, "con người yếu ớt", có lẽ đã viết để giữ vững ghế chủ tịch hội nghệ sĩ sân khấu, hay để khỏi bị "rơi đầu" như bao nhiêu văn nghệ sĩ khác.

Hằng Phương không thế, đọc tiểu sử bà, thấy bà sáng tác tới tám bài thơ ca tụng Hồ chủ tịch, mỗi bài có một nét "khơi gợi" riêng. Năm 60 tuổi (1968), bà còn gia nhập đội nữ thanh niên xung phong ở cầu Câm (Nghệ An), vậy bà hẳn không phải là loại "yếu ớt" như Thế Lữ. Riêng về việc sáng tác thi đề lãnh tụ, bà đã vượt xa Tố Hữu (tuyển tập Tố Hữu chỉ có hai bài: Bác ơi và Theo Chân Bác (Trường thi), bà chỉ kém Chế Lan Viên (trong tập Hoa Trước Lăng Người (1977), đếm được 12 bài).

Ba mươi năm trôi qua, chúng ta tự hỏi: ngày nay "tiêu chuẩn tư tưởng" của những nhà văn miền Bắc có gì thay đổi? Để tìm lời giải đáp, chúng tôi xin trích dẫn đoạn đầu cuốn "Các Nhà Văn Nói Về Nhà Văn" (Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới - Hội Nhà Văn Việt Nam- 1985).

"Đây là một tập sách có tính chất tư liệu. Nó sưu tập, tuyển trích, sắp xếp, hệ thống hóa ý kiến của các nhà văn Việt Nam. (.....) Những người soạn sách coi tiêu chuẩn số một của việc trích tuyển là tiêu chuẩn tính Đảng. Các ý kiến đều phải thể hiện tư tưởng văn nghệ Mác-xít-Lê-nin-nít và đường lối văn nghệ của Đảng (.....) Những lời phát biểu của chủ tịch Hồ chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng là những luồng ánh sáng lớn chiếu rọi trên con đường phát triển của nền văn nghệ dân tộc ta trong thời đại mới. Những người cầm bút ngày nay chỉ có đặt mình trong vùng ánh sáng ấy mới có thể suy nghĩ được một điều gì đúng đắn"

(Chủ biên Nguyễn Đăng Mạnh)

Chúng tôi cũng xin ghi thêm vài quan niệm của giới lãnh đạo văn nghệ hiện thời:

"Muốn vậy (tức là muốn sáng tác tốt) phải đứng ở chỗ đứng của Đảng, nhìn theo cách nhìn của Đảng, nghĩa là phải vững quan điểm, đường lối chính sách của Đảng".

(Tố Hữu, trang 42)

"Biết ơn chủ nghĩa Lê nin, biết ơn đường lối văn nghệ của Đảng ta, đã làm cho anh chị em chúng tôi hai mươi năm nay trở thành người có ích".

(Chế lan Viên, trang 73)

Xem như thế, 30 năm qua, "tiêu chuẩn tư tưởng", "tiêu chuẩn sáng tác" vẫn không có gì thay đổi.

Ngòi bút, dưới chế độ chỉ huy tư tưởng, có thể giúp văn nghệ sĩ lập lại những điệp khúc lạ đời qua bao thập niên không hề thấy chán chường, mệt mỏi.

THỤY KHUÊ

Thơ Nguyễn Việt Thường

Lời Toà soạn : Văn Học hân hạnh giới thiệu loạt thơ của một cây bút mới xuất hiện lần đầu : Nguyễn Việt Thường, một sinh viên ở Madison, WI, Hoa Kỳ. Thơ Nguyễn Việt Thường có một sắc thái riêng biệt, ngôn ngữ đơn giản nhưng bàng bạc hồn tính dân tộc, một điều ít thấy ở những nhà thơ trẻ trưởng thành nơi xứ người.

Xin trân trọng giới thiệu Nguyễn Việt Thường với quí bạn đọc .

Văn Học

Con cũng muốn làm thơ như Thầy vậy

Con cũng muốn làm thơ như Thầy vậy,
Chừng mực ý lời, câu cú luật niêm.
Giận cuộc đời sao giống như giăng bẫy,
Quay quắt ban ngày, trăn trở ban đêm.

Nên con làm thơ liều như đánh bạc,
Chữ nghĩa trào ra thì viết xuống đầy trang.
Không chọn lựa ý hiền hay tứ ác,
Gió thổi bay, chữ nghĩa đứng cười khàn.

Con làm thơ cho ngày mồng Một Tết,
Giống như con ngồi khóc giữa Ba mươi.
Thiên hạ kể gì ngày tàn, năm hết,
Vẫn chạy đua đến chí chết đời người.

Tết của con đâu có mùi rượu nếp,
Không cả vị thơm của thố mứt gừng.
Nhưng đâu đó có tiếng Thầy nhè nhẹ,
Làm thơ đi con. Thơ là mùa Xuân.

Thơ là tháng năm. Thơ là nước mắt,
Chảy tan từ gợn tuyết lạnh trong tâm.
Sẽ tưới dịu cho con dòng uất ức,
Sẽ dẫn con về với Vú và các em.

Và con đã làm thơ như con muốn,
Như con ăn cơm, như con ngủ giấc ngoan.
Mỗi chữ một suối nguồn con tự hưởng,
Trong dòng đời vốn dĩ quá tuênh toang...

Thư Ba tôi

Ba tôi biểu tôi,
Muốn viết gì cứ viết.
Đừng mãi chần chừ ngó trước nhìn sau.
Con cứ viết thiệt thà như nói chuyện,
Đừng bày đặt vẽ tô tới tấp mực màu.

Nhớ,
Mấy cái ý thức là chuồng giam lỏng,
Trí con bay ra để gặp cuộc đời.
Còn sứ mệnh ! Cái trò đùa chẹn họng.
Làm nhà văn, chứ đâu phải ông trời...

Đừng,
Quay cuồng tính số chương, số chữ,
Bắt nhân vật mình triết lý, đình công.
Viết bình thường, như đói ăn, mệt ngủ,
Nhân vật vẫn giống con như khi tính chuyện vợ chồng.

Con viết về cây cau, dây trầu xanh lá,
Về áo bà ba nâu của Ngoại năm xưa,
Cỗ xe bò già, đường lá tre, xâu cá,
Chuyện đôi co, cãi vả buổi chợ trưa.

Hay về gánh xôi, tiếng rao dài trong phố,
A..a..i..i..ai chè hông...!
Bánh mì nóng hổi đơ...ây !
Chi tiết nhỏ, nhưng là kinh cứu độ,
Cho dòng văn con,
Đôi lúc trật trầy...

Rất có thể, con viết về ông Chín,
Thầy thuốc rắn ngày xưa ở chợ Phước Thiền.
Hay ông già câm ở đình Phước Tĩnh,
Sống lặng yên, mà chết cũng lặng yên...

Có thể được con viết về dì Bình,
Bán ròng trái cây, nuôi lớn đàn con.
Đứa đi làm thầy, đứa đi làm lính,
Đứa nuôi má tật nguyền vì khóc đứa chết non...

Cũng có thể con viết về chú Sáu,
Chuyên làm thơ Đường và giữ trường chay.
Chi tiết nhỏ nhưng tấm lòng không nhỏ,
Những mảnh đời khốn khó vẫn tuyệt hay...

Con nên nhớ Việt Nam mình lắm chuyện,
Nhà bên này nhớ con, con bên đó, thư từ.
Nội cái xa nhà đủ làm tim xao xuyến,
Nói gì con còn cả khối suy tư.

Cứ từ từ đừng ép tim rung động,
Cố buộc lá rơi khi hãy còn xanh.
Viết là viết về cái gì mở rộng,
Miễn làm sao giữ được cái tâm thành.

Để nhớ Cha tôi, người thương yêu tôi nhất.

Hoa trắng

Bên khung cửa nâu
Một bông hoa trắng
Trăng hoá như sầu
Mối sầu im lặng.

Hoa đứng một mình
Hồn nhiên cánh trắng
Riêng với cõi mình
Nuốt trôi nỗi đắng.

Trong căn phòng xanh
Ghế bàn quạnh quẽ
Nỗi buồn loanh quanh
Trông hoa lay nhẹ.

Chút xíu thiên nhiên
Trong không gian nhỏ
Hoa cười nụ hiền
Tưởng màu trăng, gió.

Cười nụ không màu
Bên khung cửa mở
Chối cả mối sầu
Vì hoa trắng nở.

Tuyết rơi trên hồ Mendota

Đường trơn đổ,
Những hàng cây quạnh quẽ,
Dốc nghiêng nghiêng , áo trắng hiu buồn.
Trời khóc ai về,
Tuyết bay khe khẽ,
Áp mặt hồ, gió ru giấc chim muông.

Chừng nào áo trắng tan,
Cho nắng gọi người trở lại,
Mặt hồ lung linh sắc tái,
Đời bỗng trải khăn tang.

Nhớ nắng lắm nắng ơi,
Cất giúp ta lòng trĩu nặng.
Trả về bên kia đồi trắng,
Mùa rực rỡ nắng rơi.

Mặt hồ căng căng lượng tuyết,
Như hè thơm gió căng buồm,
Mùa đông ngủ ngoan đâu biết,
Có người ngồi khóc, cô đơn.

Ngồi khóc trong màu tuyết trắng,
Dốc đứng bên lake Mendota,
Khóc băng dòng khô lặng lẽ,
Khóc đời mình và khóc quê xa...

Tuyết rơi trên thành phố lạ,
Tuyết rơi kín mặt hồ buồn,
Tuyết rơi đầy vai khách lạ,
Tuyết rơi đẫm mặt ta buồn...

Nguyễn Thị Tiêu-Dao

Những cây bút phụ nữ phản kháng tại Liên-bang Xô-Viết.

Kể trước người sau, bốn người đàn bà, trẻ nhất là 32 và lớn nhất là 43 tuổi, bị chính quyền cộng sản Liên Xô đặt trước hai chọn lựa: hoặc đi tù ở Siberia, hoặc bị trục xuất khỏi nước vì can tội cầm bút chống chế độ và nhất là đòi quyền được đối xử bình đẳng với nam giới như Hiến pháp cộng sản đã công nhận. Cả bốn người đàn bà cuối cùng đành chọn lựa đời sống lưu đầy sang Tây phương tự do, bỏ lại đằng sau những người thân thuộc, bằng hữu và nhất là các thành viên khác của phong trào trong số đó có một số sau đó bị bắt, bị cầm tù. Họ lên đường lưu vong vào cuối năm 1980, với hy vọng từ bên này bờ tự do họ sẽ có thể tiếp tục đấu tranh cho không chỉ 130.4 triệu phụ nữ Xô Viết (so với 111.3 triệu đàn ông) không phân biệt chủng tộc tại Liên Xô mà bao gồm cả giới phụ nữ tại các nước cộng sản khác được quyền đối xử như những con người toàn diện.

Họ là tiểu thuyết gia kiêm bình luận gia Natalya Malakhoskaya, 32 tuổi, họa sĩ kiêm thi sĩ Tatyana Mamonova, 36 tuổi, thi sĩ Yuliya Voznesenskaya, 39 tuổi, và thần học gia Tatyana Goricheva, 43 tuổi.

Gặp nhau tại những buổi sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng trí thức phản kháng (dessident community) tại Liên Xô, ý thức về đời sống xã hội lầm than và tư cách chính trị và xã hội bất bình đẳng của người phụ nữ mặc dù những khoa trương về "thành quả" giải phóng phụ nữ của chế độ, những người đàn bà ấy họp nhau lại cùng xuất bản tập san kín (samizdat) nhan đề *Niên Giám, Phụ Nữ và Nước Nga* (nguyên tác bằng tiếng Nga, được dịch sang Anh ngữ là *Almanac, Women and Russia).* Trước sau, tập san *Niên Giám Phụ Nữ* ra được bốn số, được đánh máy thành nhiều bản và phổ biến bằng cách chuyền tay nhau, lôi kéo được nhiều phụ nữ khác

đóng góp bài vở viết về đời sống của chính họ và của những người họ quen biết. Không một ai trong nhóm họ biết tới phong trào phụ nữ giải phóng được phát động mạnh mẽ tại các nước Âu Mỹ và tại Nhật kể từ thập niên 1960. Động lực thúc đẩy họ hoạt động khởi đầu mang tính chất xã hội và nhân bản. Chính nhu cầu tìm tới căn rễ của vấn đề đã đưa đẩy họ sang phạm vi chính trị. Họ lên tiếng vì không thể tiếp tục chấp nhận những khoa trương loè bịp đầy mùi đạo đức giả của chính quyền cộng sản độc tài Liên Xô trên cả hai phương diện đối nội và đối ngoại — một mặt kêu gào hoà bình trong khi tích cực xây dựng bộ máy chiến tranh khiến tiêu hao tài nguyên quốc gia lẽ ra phải được sử dụng để nâng cao mức sống của người dân; gây căm thù nơi người dân đối với cái gọi là mưu đồ đế quốc của các nước Tây phương không ngoài mục đích vô hiệu hoá những chống đối có thể có của dân chúng đối với những thất bại về kinh tế của chế độ (điển hình là bài nhận định sâu sắc và chính xác với ít nhiều mỉa mai, "Chúng Ta Cần Hoà Bình và Chúng Ta Cần Thế Giới," của Ekaterina Alexandrova, một cây bút phụ nữ thuộc Lenigrad, Cộng hoà Nga Xô.).

Những cây bút phụ nữ phản kháng Xô Viết này "khác hẳn với những nhân vật chống đối chế độ mà bạn đã đọc hay nghe nói tới đây," nữ ký giả Robin Morgan của tạp chí *Ms,* Hoa Kỳ, viết. "Họ hoạt động thuần túy vì những đau đớn, phẫn uất, tinh thần dấn thân, và kỳ vọng riêng tư — và không được cái vinh quang, những tiếp xúc và hỗ trợ sẵn sàng (từ thế giới bên ngoài) dành cho những tên tuổi văn chương lớn như Solzhenitsyn. Họ phải đối đầu với không chỉ những đàn áp đến từ các giới chức cầm quyền Xô Viết kết án họ là phản quốc và "phản cách mạng," mà còn cả với những chê bai, khinh mạn đến từ nhiều thành viên thuộc nam giới trong cộng đồng trí thức phản kháng tại Liên Xô, cũng như tại hải ngoại kết án họ là nhảm nhí và chia rẽ... (trong khi thực tế) những người đàn bà này chỉ đòi hỏi những quyền làm người tối thiểu...".

Trước khi đề cập tới hoạt động của những cây bút phụ nữ phản kháng qua tập san *Niên Giám Phụ Nữ,* những khó khăn khi họ phải đương đầu với cơ quan KGB và kết thúc bằng cuộc lưu đầy của bốn cây bút nòng cốt, và lý do tại sao chính quyền Xô Viết tỏ ra e ngại phong trào phụ nữ phản kháng trong khi tiếp tục dung dưỡng cộng đồng trí thức phản kháng tại Liên Xô; tưởng cũng nên nhắc qua về đời sống của giới phụ nữ tại Liên Xô khiến từ đó nảy sinh phong trào chống chế độ do những người đàn bà cầm bút khởi xướng vào cuối thập niên 1970.

Thực tại về đời sống của phụ nữ tại Liên-Bang Xô-Viết.

Nhà cầm quyền Liên Xô thường khoe khoang về thành quả giải phóng phụ nữ của cuộc cách mạng cộng sản trong những tài liệu phổ biến ra ngoài và đã được nhiều người, kể cả một số trong giới học giả, sử dụng và phổ biến với không một ý thức về sự thực ở phía sau ra sao. Theo những tài liệu này thì phụ nữ chiếm từ 27 phần trăm đến 50 phần trăm đại diện trong các cơ cấu đảng và hành chánh địa phương, từ 36.5 đến 54.9 phần trăm trong hệ thống tư pháp, và là một đa số trong giới trí thức, đặc biệt y sĩ. Những con số này có thể phản ảnh số lượng, song chúng không phản ảnh thực chất vai trò của phụ nữ trong những sinh hoạt kể trên.

Theo nhóm *Niên Giám Phụ Nữ* (NGPN), những khía cạnh mà các con số thống kê trên đã không tiết lộ, đó là sự thiếu vắng hoàn toàn đại diện phụ nữ trong cơ quan đầu não quốc gia, Politburo; trong cơ chế Ủy Ban Trung Ương đảng thì cho đến năm 1984 vẫn chỉ có khoảng 4 phần trăm là đại diện phụ nữ, và từ 1984 tới nay thì chẳng có được lấy một mống; không có một phụ nữ nào hiện nắm giữ chức bộ trưởng; và rất ít phụ nữ nắm địa vị then chốt trong ba trung tâm quyền lực gồm ngành cảnh sát, quân lực và ngoại giao. Mặc dù phụ nữ chiếm đa số trong các ngành sinh hoạt như y tế, văn hoá, an sinh xã hội và các dịch vụ tiêu thụ; tuy nhiên đây lại là những ngành sinh hoạt vốn thường được xếp hàng sau chót trong dự án ngân sách quốc gia.

Theo nhóm *NGPN*, chính vì sự thiếu vắng đại diện nữ giới trong những cơ cấu quan trọng của quốc gia mà những nhu cầu của giới phụ nữ, những người vốn vẫn được chính quyền cộng sản ca ngợi là thành phần nòng cốt của quốc gia vì đa số và vì vai trò kinh tế xã hội mà họ nắm giữ, đã không được quan tâm và săn sóc; không những thế, họ còn bị chế độ lợi dụng khai thác một cách triệt để. Những vấn đề đời sống hàng ngày của người dân nói chung và đặc biệt của giới phụ nữ nói riêng trong chế độ cộng sản Nga Xô "chẳng những nhiều mà thường khi nan giải đến độ chúng tôi đôi khi chỉ muốn nằm xuống và chết đi cho yên chuyện," như Nina Yarina, Leningrad, đã diễn tả qua phần mở đầu bài cảm nghĩ sau khi đọc tập *samizdat* đầu tiên của nhóm *NGPN*.

Viết về đời sống điển hình của phụ nữ Xô Viết, Vera Golubeva, một thị dân của thành phố hải cảng Arkhangelsk phía bắc Cộng Hoà Nga, đã nói lên, trong một bài viết gửi cho *NGPN*, nỗi đau đớn của bà khi nhìn thấy người phụ nữ Nga oằn oại dưới công việc sở lẫn việc nhà như sau: "Căn cứ vào giới truyền thông thì mọi sự ở Liên Xô đều tuyệt vời. Chúng ta có mọi thứ cần cho cái gọi là hạnh phúc ở đời: một mái nhà, một việc làm, và đã hẳn là chúng ta không đói. Tóm lại, nếu bạn nghe truyền thanh hay đọc báo thì bạn sẽ thấy là chúng tôi quả có một đời sống phồn thịnh tại

Liên Xô.

"Thế nhưng, nếu mọi sự đều tốt đẹp thì người dân phải lấy làm mãn nguyện và sung sướng chứ tại sao chỉ cần nhìn vào mặt họ bạn cũng thấy là khó mà tin được là họ rất hài lòng với đời sống của họ. Nét mặt của người dân là những biểu lộ nỗi lo âu, tuyệt vọng, hoặc sự lãnh đạm hoàn toàn. Nếu bạn biết họ hơn chút nữa, bạn sẽ thấy được là họ rất mong muốn một thay đổi cho đời sống riêng cũng như công. Nữ giới đặc biệt là những người bất mãn. Đôi khi chỉ cần nhìn họ thôi cũng đủ đau lòng.

"Mệt nhoài sau công việc ở sở, người đàn bà hối hả chạy tới nhà giữ trẻ. Còng mình dưới sức nặng của gói thực phẩm (vừa xếp hàng cả tiếng mới mua được), họ kéo theo đám con lếch thếch đằng sau. Chen chúc giành giựt với đám đông tại bến xe buýt, đặt chân được vào xe rồi là bắt đầu một cuộc chen chúc giành giật khác để kiếm một chỗ ngồi nếu còn có được một chỗ ngồi. Cuối cùng, họ về tới nhà. Tại đây, cả đống việc khác đang chờ họ: cơm nước phải nấu, chồng con phải lo cho ăn. Giặt giũ lau chùi thì chờ đó vì họ không có thì giờ cho những loại việc này. Họ không thể hy vọng gì ở sự đỡ đần của các ông chồng.

"Sáng hôm sau, những người phụ nữ này, với nét mặt nhăn nhó và vô cảm, lại tiếp tục đưa con cái tới trường hoặc nhà giữ trẻ rồi hối hả tới sở. Họ làm việc một cách máy móc, vô cảm hứng, không chút nhiệt thành" ngay cả đối với ngành nghề lẽ ra đầy tính chất sáng tạo như nghề sản xuất truyền hình chẳng hạn. Lý do đơn giản là vì nhu cầu của cơ quan trong mục đích đạt chỉ tiêu sản xuất đã được qui định, do đấy, điều quan trọng là lượng, không phải phẩm. Bất cứ một khối óc sáng tạo nào rồi cũng bị mai một trong khung cảnh làm việc cứng ngắc ấy vậy.

Đã hẳn phụ nữ ở đâu, trong hệ thống xã hội nào hiện nay thì cũng phải cáng đáng một lúc hai vai trò — săn sóc gia đình, con cái và mưu sinh phụ với chồng. Tuy nhiên, đặc biệt tại xã hội Liên Xô, một nước thuộc loại siêu cường, người phụ nữ Xô Viết dù cho có sẵn đồng lương trong tay nhưng kiếm được thực phẩm và gia dụng để mua lại là một vấn đề khác. "Cứ theo như báo chí mô tả thì chúng ta không có một vấn đề kinh tế nan giải nào hết," Vera Gobuleva viết tiếp. "Quả thật là không có gì gọi là vấn đề hết nếu bạn đừng bận tâm tới một sự kiện đơn giản là tại Arkhangelsk, người dân không có gì để ăn cả. Các tiệm thực phẩm trong thành phố thiếu cả những món căn bản nhất như bơ, thịt hay sữa (sữa dành cho các bệnh nhân bệnh tiểu đường thì sẵn nhưng phải có thẻ đặc biệt mới mua được). Mặc dù đây là một thành phố hải cảng cỡ lớn và bận rộn, nhưng súc sích hay phó mát hay cá đều không sẵn. Các quầy hàng và cửa tiệm bầy đầy những gói súp khô và đồ hộp rẻ

tiền. Hiển nhiên là nhà cầm quyền nghĩ rằng như vậy là đủ cho người dân tiếp tục sống và làm việc một cách bình thường. Trong vài trường hợp hiếm hoi, thường là trước các ngày lễ, thịt và gà mái sống xuất hiện; thế nhưng khi biến cố này xảy ra, bạn sẽ có dịp chứng kiến cảnh tượng những con người từ lâu sống không có những thức ấy. Với những con mắt ngụt lửa, cả gia đình đổ xô tới những chỗ có bán các thức ăn quý này. Họ phải đi cả gia đình vì mỗi người chỉ được phép mua có nửa ký. Và bởi vì không phải lúc nào cũng có dịp may đó nên mọi gia đình bị buộc phải mua một số lượng lớn để dự trữ. Trong đám người xếp hàng để mua thịt, bạn có thể hình dung trong đầu mọi người một câu ước duy nhất, "Mong là thịt còn khi tới lượt mình!" Đó đây bạn nghe những câu chửi thề; những vụ giành giựt, đánh lộn xảy ra là thường. Người ta trở nên dữ dằn chỉ vì một miếng thịt không mua được mặc dù có tiền. Tình trạng này đặc biệt gây khó khăn cho phụ nữ bởi vì họ đóng vai chính trong việc đi kiếm thực phẩm cho gia đình." Đàn ông Xô Viết, theo lãnh tụ phong trào giải phóng phụ nữ Tatyana Mamonova, "độc chiếm có một loại xếp hàng duy nhất, đó là trước các tiệm bán rượu."

Cảnh tượng trên xảy ra "vào đúng lúc phát thanh và truyền hình hồ hởi tường thuật sự gia tăng mức sinh hoạt của người dân Xô viết," Vera Golubeva mỉa mai viết tiếp. "Lời tường thuật nghe hấp dẫn tới độ bạn không khỏi cảm thấy ganh tị với những ai đó (có được mức sống như giới truyền thông mô tả). Mỗi ngày người dân Xô Viết điểm tâm, ăn trưa, ăn tối bằng những khẩu hiệu choáng ngợp đã phải nghe nhiều lần tới độ họ phát ngấy tới tận răng" (không phải chỉ mới 'tới tận cổ' như tục ngữ Việt).

Lập gia đình, cáng đáng vừa việc nhà lẫn việc sở kiêm luôn cả việc chạy đây chạy đó, xếp hàng, cãi cọ để tìm mua thực phẩm, đã trở thành cái thân phận điển hình của đa số phụ nữ Liên Xô. Điều này khiến ta liên tưởng đến câu tục ngữ cổ của Việt Nam về thân phận người đàn bà ngày xưa, "có chồng như gông đeo cổ.". Đã vậy, người phụ nữ Xô Viết ngay cả trong thời đại nguyên tử hôm nay và mặc dù những thừa nhận bình quyền trên pháp lý với nam giới mà thực tế cũng không khác với người phụ nữ Việt trong xã hội cổ ở chỗ "không có chồng (cũng) khổ lắm". Bởi vì mặc dù trên pháp lý, người phụ nữ Xô Viết có quyền sống độc thân; song trên thực tế, người phụ nữ độc thân không có được sự trọng nể về mặt xã hội, nghĩa là chưa phải là một con người toàn vẹn. Độc thân mà lại không có một công ăn việc làm nào có thể bị bắt và bị bỏ tù về tội "ký sinh trùng", tức ăn bám vào xã hội. Bởi đó, người chồng là cái "bia" cần thiết đối với người phụ nữ Xô Viết, nhất là ở trường hợp của một nữ nghệ sĩ sáng tạo vốn thường không có một nghề nghiệp

nhất định, mà sáng tác trong xã hội cộng sản chỉ được coi là một nghề nếu làm việc cho nhà nước thay vì là sáng tác tự do. Theo đó, truyền thống và lề luật xã hội đã buộc nhiều phụ nữ, có lẽ kể cả đàn ông Xô Viết, không còn nhìn hôn nhân như một cứu cánh mà là một phương tiện, từ đấy, chính giá trị của người đàn ông cũng bị suy giảm theo và các thành viên của nhóm *NGPN* đã không khỏi chua sót trước sự suy đồi trong ý nghĩa của đời sống lứa đôi, đặc biệt là thái độ thụ động của nam giới — những người đầu gối tay ấp của họ.

Đứng trước thực trạng bất bình đẳng, lầm than của người phụ nữ Xô Viết, một số phụ nữ cầm bút đã cuối cùng hợp nhau lại và cất lên tiếng nói của họ thay vì "nằm xuống và chết đi cho yên chuyện." Từ chỗ đặt vấn đề, nhóm *NGPN* đã đồng thời đi tìm căn nguyên của những vấn đề đặt ra: đó là cơ cấu chính trị độc tài đầy những dối trá lường gạt về cả đối nội lẫn đối ngoại của hệ thống Xô Viết. Những người đàn bà này không có những đặc lợi đặc quyền nào để mất nên họ đã mạnh dạn làm cái việc mà đa số đàn ông Xô viết thuộc hàng ngũ trí thức phản kháng chỉ mới suy tưởng tới. Nữ tiểu thuyết kiêm bình luận gia Natalya Malakhovskaya, một trong bốn người đàn bà cầm bút bị đầy đi biệt xứ, đã không lộng ngôn, khi được hỏi về sự khác biệt giữa một trí thức phản kháng thuộc phái nam và một người thuộc phái nữ ở Liên xô, và bà đã trả lời như sau: "Các ông thì từ nhiều năm qua mới chỉ ngồi nghĩ làm thế nào để chấn chỉnh tình trạng, còn các bà thì bắt tay vào hành động ngay từ khởi thủy... Nga có ngạn ngữ, 'mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên'. Chúng ta có thể tạo nên một ngạn ngữ, bằng cách thêm vào ngạn ngữ trên câu, 'và hành sự tại nữ'."

Sự thành hình của nhóm "Niên Giám Phụ Nữ".

Người khởi xướng việc xuất bản tập *NGPN* là Tatyana Mamonova, một họa sĩ kiêm thi sĩ, sinh vào ngày 10-12-1943, ngày mà tám năm sau đó được chọn là Ngày Nhân Quyền Quốc Tế. Do những kinh nghiệm bản thân của một người đàn bà lớn lên trong một xã hội vốn còn mang nặng truyền thống cổ xưa trọng nam khinh nữ, bên cạnh những điều đã chứng kiến được trong chế độ độc tài Liên Xô, và do chỗ ngày sinh của bà trùng với Ngày Nhân Quyền Quốc Tế, Mamonova tự coi mình có bổn phận phải tranh đấu cho quyền làm người của giới phụ nữ. Điều khiến Mamonova quan tâm đặc biệt, đó là việc không phải người phụ nữ không được hưởng một nền giáo dục học đường ngang với nam giới, mà là sau khi tốt nghiệp rồi, phụ nữ thường không có chỗ sử dụng và phát triển sở học của mình, và đây mới là điều bi thảm. Mamonova ngây thơ nghĩ là tình trạng này có thể thay đổi được. Từ những suy

nghiệm ấy, bà bắt đầu, từ thập niên 60, viết bài đặt vấn đề phụ nữ và sự bình đẳng trong các ngành nghề với nam giới, và gửi tới tạp chí phụ nữ *Aurora,* một cơ quan xuất bản chính thức tại Liên xô. "Thế nhưng sau khi bài viết của Mamonova được kiểm duyệt rồi thì chẳng còn gì nữa là những ý kiến của tôi nữa. Ngay từ thập niên 1960 tôi đã bị cơ quan KGB gọi tới để hỏi thăm sức khoẻ. Hồi ấy tôi rất ngây thơ và tôi tin là vấn đề (bình đẳng của nữ giới) có thể được giải quyết qua ngả chính thức tại Liên xô."

Thất vọng trong việc cộng tác với tạp chí của chính quyền *Aurora,* Mamonova xoay qua tham gia trong nhóm hoạ sĩ tự do và trưng bầy tranh thủy thái họa cỡ nhỏ trong một số cuộc triển lãm của nhóm này với tư cách là nữ họa sĩ duy nhất trong nhóm. Có lẽ vì là một phụ nữ duy nhất có tác phẩm trưng bầy và cũng có thể vì những tác phẩm của bà có khả năng lôi kéo sự chú ý đặc biệt của giới thưởng ngoạn (gồm các ký giả ngoại quốc và các nhân vật thuộc giới ngoại giao ở Leningrad mà "các hoạ sĩ phái nam trong nhóm trở nên ganh tị với tôi và tôi đã rời khỏi phong trào. Từ đấy tôi có dịp tiếp xúc sâu rộng với các nhân vật ngoại giao thuộc các quốc gia khác nhau; họ giới thiệu bằng hữu của họ đến nhà tôi ở Leningrad để xem và mua tranh của tôi, nhờ vậy mà tôi nuôi sống được gia đình tôi. Họ cũng tạo cho tôi cơ hội làm quen với giới báo chí Tây phương và phong trào phụ nữ giải phóng thế giới." Từ đấy Mamonova đã mạnh dạn tụ họp một số những cây bút phụ nữ lại và bắt đầu dự tính cho ra đời tập san *NGPN.* Một trong những nhân vật trí thức phản kháng phái nữ mà Mamonova tiếp xúc với đầu tiên là nữ thần học gia Tatyana Goricheva vì những quan tâm đến các vấn đề nữ giới, những chuyên biệt về phần tâm linh, của nhân vật này.

Tatyana Goricheva sinh năm 1937, năm được coi là cao điểm của những vụ bắt bớ, tù đầy, thủ tiêu dưới thời Staline. Tốt nghiệp đại học Leningrad về ngành triết, Goricheva trở thành giáo sư môn Triết tại đại học Leningrad, "nhưng chỉ được hai tháng," Bà cho ký giả Robin Morgan của tạp chí *Ms* biết là vì bà đã "không dạy học trò về chủ nghĩa Mác-xít; mà dạy về triết lý hiện sinh và phân tâm, và tôi chỉ có thể dạy (về các chủ đề này) khi viên hiệu trưởng không còn làm việc tại trường đó. Đối với họ (dạy về triết lý hiện sinh và phân tâm) là một trò khôi hài." Do đấy, Gorichev bị buộc phải nghỉ dạy. Sau đó bà xin được một chân nghiên cứu về xã hội tại một viện bảo tàng. Nhưng chẳng được bao lâu, "cơ quan KGB chấm dứt công việc đó luôn hộ tôi." Năm 1975, cùng với chồng, bà xuất bản một tạp chí lấy tên là *37,* số của căn phòng chung cư của hai vợ chồng bà và cũng là năm cao điểm độc tài của Staline. Họ cũng thường xuyên tổ chức những cuộc hội thảo kín về tôn giáo và triết

học. Do những sinh hoạt văn hoá này của bà mà Mamonova tìm tới đề nghị cùng hợp tác xuất bản *NGPN*. Qua Goricheva, Mamonova quen biết thêm với tiểu thuyết kiêm bình luận gia Natalya Malakhovskaya và thi sĩ Yuliya Voznesenskaya.

Natalya Malakhovskaya sinh năm 1948. Hồi nhỏ bà muốn theo học về âm nhạc hoặc hội họa nhưng cha mẹ bà không chấp thuận vì "chúng tôi đang sống dưới chế độ tôn sùng cá nhân Staline — và họ sợ là nếu để tôi làm theo sở thích của mình tôi có thể trở thành kẻ gây rối... Tôi quyết định chọn văn chương... đó là môn duy nhất không đòi hỏi phải có thầy dậy." Khi bà muốn viết luận án về nhà văn hiện đại Nga, Andrei Platonov, người đã bị chính quyền cộng sản kết án, trường đại học bà theo học không chấp thuận cho bà chọn đề tài này. Sự dằng co kéo dài tới một năm, chán nản, Malakhovskaya đành bỏ cuộc và bỏ học luôn để đi kiếm việc làm vì con trai của bà lúc ấy đã ba tuổi và lương của chồng bà, một chuyên viên khoa học tại một bảo tàng viện, chỉ có 84 rúp không đủ cho gia đình chi dùng. Nhưng muốn đi làm thì phải kiếm chỗ gửi con. "Ở Mỹ, bạn nghe vô số những tán dương về hệ thống trung tâm giữ trẻ toàn hảo tại Liên Xô. Sự thực trái ngược hẳn," Malakhovskaya cho ký giả Robin Morgan của bài *Ms* biết. Ngay sau ngày đầu được gửi vào nhà giữ trẻ, đứa con ba tuổi mạnh khoẻ của bà ngã bệnh, phải đưa và nhà thương. "Cháu nó trà trộn với một đám trẻ bệnh hoạn. Có tới từ 25 đến 30 trẻ cả thảy mà chỉ có hai người lớn trông coi — một y tá và một chị lo vệ sinh. Trẻ đái ướt, dơ bẩn nhưng không được rửa ráy thường xuyên. Tôi biết có những trường hợp y tá mở cửa sổ để lũ trẻ bị đau (có nghĩa là sẽ được gửi và nhà thương chữa trị) — bởi vì họ không có cách nào trông nom cả lũ cho xuể được. Ngoài ra, vì nạn khan hiếm thực phẩm nên người lớn thường ăn cắp những món ngon để giữ riêng cho họ." Con đau, việc mất, chồng vì bất mãn sinh nghiện ngập rồi chính mình, vì thiếu chất dinh dưỡng cũng bị bệnh phổi và thận, nhưng Malakhovskaya cũng cố gắng hoàn thành được một cuốn tiểu thuyết song lại không được phép xuất bản. Sau khi từ miền nam chữa bệnh phổi lành và trở lại Leningrad vào năm 1975, bà mới chính thức gia nhập phong trào trí thức văn nghệ sĩ phản kháng tại Liên Xô và tham gia vài bộ biên tập của nhóm *37* do vợ chồng Goricheva chủ xướng. Tuy nhiên, điều đã khiến bà trở nên kiên quyết hơn theo đuổi chủ trương chống chế độ chính là do Hiến chương 77 của một nhóm trí thức phản kháng Tiệp Khắc chống lại những vi phạm nhân quyền đã được bản Hiệp Ước Helsinski nhìn nhận và vụ án xử nữ thi sĩ Yuliya Voznesenskaya (sẽ nói tới ở đoạn sau). "Tôi đã nhìn thấy bóng tối và ánh sáng," Malakhovskaya kể, "và tôi nghĩ là tôi không thể tiếp tục thụ động

thêm được nữa." Malakhovskaya quyết định nhập hẳn cuộc chơi,nhưng sớm trở nên thất vọng vì những cây bút phái nam, trong đó có chồng Goricheva, trong nhóm *37* cho là bà quá hung hăng, cạn tầu ráo máng với chế độ. "Mấy ông chồng này mới đúng là kỳ đà cản mũi. Họ còn nhát sợ nữa là đằng khác." Đúng lúc Malakhovskaya trở thành chống đối ngay cả với nhóm trí thức chống đối chế độ vì tính chất ôn hoà của họ, thì bà được Goricheva giới thiệu với Tatyana Mamonova và dự án xuất bản tờ báo kín *NGPN*.

"Như do một trực giác, tôi cảm thấy tôi đang đứng trên đỉnh một ngọn núi và có thể nhìn thấy bao quát xung quanh, bởivì đột nhiên tôi thấy là trong phong trào phụ nữ tôi có thể nói tất cả những gì tôi muốn nói — tất cả," Malakhovskaya tâm sự. "Chẳng hạn như vấn đề sinh nở: tại Liên xô phụ nữ không được quyền dùng thuốc mê khi sinh nở và đây là một sự thiếu tôn trọng đối với phụ nữ. Sự thiếu tôn trọng này lan tràn ở mọi phạm vi sinh hoạt khác trong xã hội. Tôi nhận ra cái mục tiêu quan trọng nhất, đó là tranh đấu cho những kẻ bị áp bức nhất trong xã hội chúng tôi. Trong vòng có ba giờ đồng hồ tôi viết xong một bài về vai trò của người mẹ trong gia đình... Rồi chúng tôi bắt đầu thu thập các bài vở khác. Dĩ nhiên là chúng tôi không có phương tiện làm phóng ảnh, do đấy tôi đánh máy năm bài và người đánh máy cho Mamonova cũng đánh thêm năm bài nữa. Rồi cùng với nhau, rất mau, chúng tôi hoàn tất tờ tạp chí."

Khác với ba nữ sĩ kể trên, Yuliya Voznesenskaya, sinh năm 1941 và có một khả năng hài hước đặc biệt bên cạnh một thi tài thiên phú, đã có quyết định khá sớm về việc bà sẽ phải sống ra làm sao khi chọn làm một thi sĩ. "Khi tôi 18 tuổi," bà tâm sự với ký giả báo *Ms*, "tôi đã khám phá ra là nếu tôi muốn gầy dựng một gia đình thì tôi cần một nghề khác để nuôi dưỡng thơ của mình; tôi cũng nhận biết được rằng có hai loại thơ, chính thức dưới sự chỉ đạo của chế độ và không chính thức phản kháng, và rõ ràng là tôi chọn loại thơ không chính thức." Năm 20 tuổi, cùng với các bạn, Voznesenskaya lập ra một hội thơ của những nhà thơ không chính thức, còn gọi là "nền văn hoá thứ hai" (second culture), và đã hẳn là bị KGB theo dõi, làm khó dễ. Năm 1963 bà đi tù lần đầu về tội chống lại và "hành hung" nhân viên chính phủ, và bị đuổi ra khỏi trường đại học. Hai lần bà tìm cách vượt biên giới nhưng không thành. Trở lại Leningrad, bà tích cực tham gia sinh hoạt trong nhóm trí thức phản kháng, được nữ thi sĩ tên tuổi Tatyana Gnidech, người đã từng đi tù 10 năm vì tội làm thơ, đỡ đầu. Ngoài việc cộng tác với nhóm 37, bà còn tham gia bộ biên tập tạp chí hài hước chính trị, *Red Dissident*, nhằm giễu cợt những tạp chí của

chính quyền như *Red Weaver, Red Farmer,* chẳng hạn. Bị một tay nằm vùng tố cáo, nhóm của bà bị bắt và bị kết án tù. "Vì nhà cầm quyền biết là tôi sẽ dùng phiên xử án như một diễn đàn, nên họ đề nghị với tôi chấp nhận bản án lưu đầy qua hoặc Tây phương hoặc Đông phương. Tôi từ chối đi Tây phương và chọn Đông phương — nhưng mà là Siberia." Dù ở tù, bà vẫn tiếp tục lén sáng tác thơ, viết sách. Bà hoàn tất một tập thơ mang tựa đề *Từ Trong Tay Áo,* được đặt tựa như vậy vì "những bài thơ đó được viết trên những mảnh giấy vụn và tôi giấu chúng trong tay áo của tôi," đã được xuất bản bằng Nga ngữ ở Tây phương. Bà cũng còn ghi nhận về đời sống của các nữ tù nhân thành một tập nhan đề *Bông Cúc Trắng.* "Chính thời gian này tôi bắt đầu quan tâm đến vấn đề phụ nữ, trước đó tôi không phân biệt vấn đề nào là của đàn ông và vấn đề nào là của đàn bà. Nhưng trong tù tôi khám phá ra thân phận đặc biệt của phụ nữ và đó là một thân phận thê thảm. Các bạn tù nữ của tôi đã giúp tôi rất nhiều vì họ biết tôi đang viết một cuốn sách về họ. Không có sự giúp đỡ ấy chắc là tôi đã không thể viết xong cuốn sách này và chuyển ra ngoài. Khi tôi viết xong câu văn cuối cùng, lời nói cuối cùng của họ là, "Chúng tôi trông chờ chị cho xuất bản cuốn sách đó."

Trở lại Leningrad sau khi mãn hạn năm năm tù, Vovnesenskaya nghĩ rằng bà phải tranh đấu để cải thiện đời sống lao tù của người phụ nữ thay vì tham gia những sinh hoạt chính trị chống đối chỉ có tính cách hình thức và, dù muốn dù không, đã gián tiếp tiếp tay trang hoàng cho chế độ một bộ mặt cởi mở (vì có chống đối) và tiến bộ (vì còn chống đối thay vì bị đàn áp thẳng tay). Vovnesenskaya ý thức rằng chính những sinh hoạt chống đối này đã lôi kéo sự chú ý của dân chúng trong nước cũng như thế giới khỏi những cảnh sống lầm than của nhiều thành phần khác trong xã hội, trong đó bất hạnh nhất là những kẻ đang sống trong sự lãng quên ở chốn lao tù, "Chính lúc đó Natalya Malakhovskaya đến gặp tôi và đề nghị tôi tiếp tay với tờ báo phụ nữ giải phóng. Thoạt đầu tôi tự hỏi: phụ nữ giải phóng là cái gì? Nhưng khi *Phụ Nữ* và *Nước Nga* (tên của ấn bản đầu tiên của *NGPN)* được hoàn thành, tôi ngạc nhiên là nó phong phú hơn tôi tưởng." Khi KGB biết Vovnesenskaya tiếp tay với *NGPN,* họ đã gọi bà đến cơ quan trình diện." Họ (nhân viên KGB) bảo với tôi, 'Yuliya V., làm sao mà chị lại đi hợp tác với tờ báo đó? Chị là một nhà thơ chân chính, đã từng xuất bản ở Tây phương, vậy mà chị lại liên hệ với một tờ báo như làm vậy!' Tôi khám phá ra là họ rất sợ phong trào phụ nữ giải phóng. Tôi nghĩ với riêng tôi là KGB hiểu là có lẽ cuối cùng chúng tôi đi hơi xa. Do đấy tôi bảo với họ là tôi thích tờ báo đó và tôi có ý định tham gia vào ban biên tập. Họ bảo tôi là tờ báo đó có một giá

trị nghệ thuật rất kém. Tôi liền đáp lại là trong trường hợp đó thì tôi càng nên nỗ lực để nâng cao trình độ nghệ thuật của nó vậy. Rồi sau đó tôi đến gặp nhóm chủ trương và bảo với họ, "Tụi KGB gửi tôi tới đây! Nào ta bắt tay vào làm việc thôi!" Kể từ đấy, *NGPN* được tổ chức thành một hội hẳn hoi, dĩ nhiên là bất hợp pháp, với sự tham gia tích cực của tác giả *Bông Cúc Trắng*, Yuliya Vovnesenskaya.

Với sự xuất hiện của tạp chí *NGPN*, phong trào phụ nữ giải phóng chính thức thành hình tại Liên Xô. Mỗi số *NGPN* được mở đầu với một bài nhận định của ban biên tập với nội dung nhằm đánh đổ huyền thoại là phụ nữ Liên Xô đã được cách mạng vô sản giải phóng, tiếp theo là những bài viết về những cảnh đời phụ nữ tại các cộng hoà (tương đương với tiểu bang) trong Liên Bang Xô Viết — những người mẹ, người nữ công nhân, người nữ chuyên viên, người nữ tù nhân, v.v... —, và kết thúc bằng lời kêu gọi đóng góp bài vở, những ghi nhận về đời sống hàng ngày trong giới độc giả. Nhiều thư từ, bài vở của nữ độc giả thuộc mọi tầng lớp xã hội được gửi về đáp ứng đã khiến nhóm chủ trương quyết định mở rộng diễn đàn, thay vì là diễn đàn của một nhóm trí thức, nghệ sĩ, *NG* trở thành diễn đàn chung của mọi giới phụ nữ Liên Xô không phân biệt chủng tộc, thành phần xã hội. "Chúng tôi muốn tạo một phong trào của đa số, có tính cách dân chủ," Mamonova cho biết. Mặc dù sự di chuyển khó khăn trong nội địa Liên Xô, tờ *NG* cuối cùng đã đến tay được những phụ nữ tại các cộng hoà Hồi giáo trong lãnh vực Liên Xô, nơi chính quyền Xô Viết thường khoe khoang về thành tựu giải phóng phụ nữ Hồi khỏi mạng che mặt và phong tục gả bán trong hôn nhân. Và để tạo sự hỗ trợ từ thế giới bên ngoài, nhóm *NG* đã chuyển lén được số báo đầu tiên sang Tây phương và được cơ sở Sheba Feminist Publishers tại Tây Âu dịch sang Anh ngữ và phát hành vào năm 1980 dưới nhan đề *Woman and Russia, First Feminist Samizdat*. Trong khi đó tại Liên Xô, "nam giới trong cộng đồng trí thức phản kháng xem chừng e ngại chúng tôi. Tôi (Mamonova) không nghĩ là (khoa học gia) Sakharov e ngại. Ông ta là một người khác thường, một nhà dân chủ đích thực. Tôi được nghe nói về phản ứng tốt của ông (đối với phong trào phụ nữ)."

Nhóm *NGPN* không phải chỉ đương đầu với sự rẻ rúng, khinh mạn và có phần nào ganh tị của đa số thành viên phái nam của cộng đồng trí thức phản kháng tại Liên Xô về thành quả gặt hái được của nhóm trong quần chúng phụ nữ Xô Viết và sự hỗ trợ từ thế giới bên ngoài; họ còn phải đương đầu với cơ quan KGB nữa.

KGB nhập cuộc.

Như nữ tiểu thuyết gia Natalya Malakhovskaya đã nói về một đặc tính của phụ nữ — họ không chỉ ngồi đó bàn tính làm thế nào cải thiện đời sống, mà họ bắt tay ngay vào việc. Ngay từ số *samizdat* đầu tiên, nhóm *NGPN* cho thấy họ không viển vông bàn về các lý thuyết dân chủ tự do trừu tượng dành cho độc giả trí thức, mà họ tấn công thẳng vào bộ mặt đạo đức giả của chế độ xung quanh những khoa trương về thành quả giải phóng phụ nữ qua những mô tả sống động về thực trạng lầm than của phụ nữ Xô Viết trong cái gọi là "thiên đường xã hội chủ nghĩa". Với lối viết đơn giản, gần như tâm sự do đấy để tác động người đọc, những vấn đề xã hội đặc biệt liên hệ đến nữ giới, như sinh nở, ngừa thai, phá thai, nhà giữ trẻ, đời sống gia đình, nghề nghiệp, những cuộc săn tìm thực phẩm, đời sống lao tù của giới phụ nữ, v.v... đã phản ảnh thực tại đời sống của trên 130 triệu đàn bà trong xã hội Xô Viết. Họ đã nói lên quyết tâm đi vào đời sống của đại đa số quần chúng phụ nữ mặc dù chính họ lúc đầu không ý thức được điều đó. Họ đồng thời cũng cho thấy khuynh hướng tách rời khỏi cộng đồng trí thức phản kháng mà lâu nay chế độ cố tình duy trì thay vì triệt hạ thẳng tay vì nhu cầu trang hoàng cho chế độ và vì biết ảnh hưởng hạn hẹp của nó trong quần chúng tại Liên Xô. Chế độ do đấy không thể không lo ngại trước phong trào tranh đấu đòi nhân quyền cho phụ nữ Liên Xô.

Một mặt tìm cách chia rẽ nhóm chủ trương (như việc gọi nữ thi sĩ Yuliya Vovnesenskaya lên cơ quan trình diện, ca ngợi bà là một nhà thơ chân chính đồng thời miệt thị nhóm *NGPN);* mặt khác KGB phát động chiến dịch theo giõi, đe dọa, hạch hỏi từng cá nhân hội viên *NGPN* nhằm làm nản chí những người trong nhóm chủ trương. Người được KGB chiếu cố đầu tiên là Tatyana Mamonova.

"KGB kêu tôi tới trình diện vào tháng 11, 1979, rồi liền sau đó vào ngày 10-12," Mamonova cho biết. "Lần sau này họ bảo thẳng với tôi là nếu tôi còn tiếp tục các hoạt động phụ nữ và ra số *samizdat* thứ hai, họ sẽ bắt tôi... Khi tôi gửi bản thảo số đầu ra nước ngoài, tôi đã nhận được những phản ứng tốt và điều này tự nó đã trở thành một vũ khí phòng vệ hữu hiệu." Do đấy, thay vì gọi nạn nhân tới trình diện, hạch hỏi, đe dọa bất bớ, KGB xoay ra tạo áp lực bằng những cách khác để tìm cách trục xuất Mamonova ra khỏi nước với hy vọng dẹp tắt phong trào. "Có những áp lực rất nặng đến từ gia đình và bạn bè tôi khuyên tôi nên thỏa thuận để khỏi bị trục xuất. Gia đình bên chồng tôi cũng làm áp lực nữa. Họ nói là họ sẽ ra toà để tranh đấu cho quyền được nuôi dưỡng Phillipe (con trai của Mamonova)... Tôi tưởng mình phát điên lên được. Áp lực đến từ mọi phía — các giới chức hành chánh, KGB,

cơ quan dân vệ, họ hàng quyến thuộc, rồi chồng tôi bị bên quân đội kêu tới trình diện nhập ngũ để sang phục vụ tại Afghanistan. Anh ấy từ chối không chịu tuân lệnh song áp lực đó vẫn tiếp tục đè nặng. Cũng trong thời gian này, tiếc thay, xảy ra sự nứt rạn trong nhóm... một (trong những lý do) là vấn đề tôn giáo... Tôi đã nghĩ thật nhiều về vấn đề nên ở lại và tìm cách nào để tranh đấu một cách hữu hiệu hơn trong hệ thống, hay... đã đến lúc bước ra khỏi hệ thống để tranh đấu từ bên ngoài..."

Các thành viên khác của nhóm *NGPN*, như Natalya Malakhovskaya, ngoài những áp lực như Mamonova phải chịu đựng, còn có thêm loại áp lực khác cũng không ngoài mục đích áp đảo tinh thần. "Tôi (Malakhovskaya) luôn nghĩ là họ (KGB) thế nào rồi cũng bắt tôi bỏ tù. Họ thường xuyên theo dõi tôi và bắt tôi tới trình diện tại cơ quan KGB và cơ sở dân vệ. Cuối cùng thì họ tới chờ tôi ngay trước cửa nhà. Khi tôi về nhà vào buổi tối luôn luôn có vài người theo sau rình rập. Họ bày ra trò giả bộ định cưỡng hiếp để khủng bố tinh thần. Tôi đã không ngủ được suốt đêm sau lần đầu trải qua cảnh đó...". Không phải chỉ mình Malakhovskaya đã trải qua kinh nghiệm này, mà ngay cả Vovnesenskaya cũng đã nếm mùi. "Một trong cách khủng bố ngu xuẩn nhất mà KGB đã áp dụng đối với phụ nữ là dàn cảnh một vụ hiếp dâm giả tạo (nghĩa là để người đàn bà thoát vào lối cuối nhưng sau đó là một cảnh sống trong nỗi kinh hoàng)," Vovnesenskaya cho biết. "Một tên KGB thuộc loại 'cuồng dâm' đó một lần đợi tôi ở trước cửa nhà vào lúc hai giờ đêm. Gần chỗ tôi ở là một con phố đầy gái mãi dâm chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp, vậy mà hắn chờ có mình tôi thì chỉ có KGB chớ còn ai vào đó nữa. Hôm ấy trời mưa tuyết và tôi thấy nhiều dấu chân của hắn đi vòng vòng in trên tuyết, có lẽ hắn đã chờ tôi nhiều tiếng đồng hồ. Qua kinh nghiệm, bạn có thể phân biệt ai là kẻ cuồng dâm thứ thiệt và ai là thứ KGB trá hình."

Áp lực nhóm *NGPN* buông bút không được, KGB tìm mọi cách để trục xuất họ ra khỏi nước bằng những cách thức khác nhau. Cuối cùng, những người đàn bà chủ trương phong trào phụ nữ giải phóng đành ngậm ngùi dời bỏ quê hương ra đi vì biết số phận nào sẽ dành cho họ nếu họ tiếp tục không thỏa hiệp với chế độ, nghĩa là buông bút, và không cả chấp nhận bản án lưu đầy. "Bọn KGB tựa một lũ găng tơ vậy," Vovnesenskaya kể. "Vào năm 1976, có một thời kỳ xảy ra nhiều vụ hỏa hoạn đáng nghi ngờ. Chẳng hạn tụi họ đốt cháy một cái biệt thự của một nhân vật trí thức phản kháng ở Moscow. Tiếp theo là giai đoạn khủng bố bằng các vụ tai nạn xe hơi. Năm ngoái tôi bị nhiều xe theo dõi, chưa có tai nạn nào xảy ra, nhưng họ gây cho bạn cái cảm tưởng là họ sẽ

cán bạn bất cứ lúc nào. Và đôi khi cũng đã có tai nạn xảy ra thực. Một lối cảnh cáo tương tự cũng đã xảy ra cho Irina Kaplun ở Moscow. Chị ấy là sáng lập viên của một nhóm chuyên điều tra về kế hoạch dùng các phương pháp trị bệnh tâm trí để trừng trị tù chính trị. Chị ấy từ chối không chịu đi cư. Và ngày 22 tháng 7 (1979), chị ấy bị xe đụng chết. Như vậy là quá hiển nhiên. Chồng chị ấy, Chủ tịch Phong trào Nghiệp đoàn Tự do Kinh doanh, bị trục xuất ra khỏi nước. Đứa con của họ mới một tuổi hiện sống một mình không cha mẹ... (Vì thế khi sang tới Tây Âu và) nghe tin các bạn nữ đồng nghiệp của tôi được chính quyền đề nghị cho 'đi cư,' tôi đã điện thoại cho họ bảo, 'Sang đây lẹ lên, có rất nhiều việc cần làm ở bên này."

Thay lời kết.

Từ ngày định cư tại Tây Âu, Goricheva và Vovnesenskaya (cả hai, cũng như Malakhovskaya, đã ly dị) tách rời khỏi nhóm *NGPN* để chung sức xuất bản tờ tạp chí *Maria*, cùng tên với hội mà họ đã lập từ khi còn ở trong nước nhằm chống lại chế độ Xô Viết và tranh đấu cho tự do tôn giáo trong khuôn khổ Giáo hội Cơ đốc Nga, đặt nặng tinh thần truyền thống quốc gia Nga. Trong khi đó, Mamonova (định cư tại Pháp cùng với chồng và con trai) tiếp tục duy trì đường lối chủ trương của *NGPN*, tức tranh đấu cho nhân quyền phụ nữ nói chung trên bình diện quốc tế. Bà và các bạn đã xuất bản số *NG* thứ năm bao gồm cả những sáng tác hoặc phỏng vấn của những phụ nữ khác tại các nước cộng sản như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Trung Cộng, cùng phối hợp chặt chẽ với phong trào phụ nữ giải phóng thuộc các quốc gia tự do trên thế giới. Năm 1983, Mamonova tổng hợp một số bài tiêu biểu trong các số *NGPN* đã xuất bản và đúc kết thành một cuốn sách do nhà xuất bản Harper ấn hành dưới tựa đề *Women and Russia—Feminist Writings From the Soviet Union*.

Ước vọng của Mamonova là có được dịp "trở về (Liên Xô) một cách công khai và tập hợp phụ nữ (thành tổ chức hẳn hòi) trong vòng 5, 10 năm tới." Theo bà, "phụ nữ vốn vị tha... vì là người trực tiếp ban phát sự sống nên biết thiết tha đến sự sống... có bản chất chống chiến tranh... có thể cứu vãn thế giới (khỏi nạn diệt vong bởi các vũ khí nguyên tử, hoá học) nếu được phép tham chính cách tích cực tại các nước kể cả Xô Viết." Để có thì giờ và nghị lực tham gia đời sống chính trị, đặc biệt tại Liên Xô, theo Mamonova thì "những vấn đề căn bản liên hệ tới người phụ nữ cần được ưu tiên giải quyết, như nạn hiếp dâm, phá thai, sinh nở, việc săn sóc con trẻ" và hằng hà sa số những vấn đề liên hệ khác ảnh hưởng tới phẩm chất của người phụ nữ đặc biệt bị coi rẻ trong các xã hội

cộng sản cũng như các nước chậm tiến. Điều làm Mamonova bận tâm là bà có cảm tưởng phụ nữ, không chỉ riêng tại Xô Viết mà cả tại các quốc gia khác, "được giáo dục trong tinh thần kình chống và ghét bỏ lẫn nhau." Bà "thiết tha kêu gọi phụ nữ hãy thương yêu đùm bọc hỗ trợ lẫn nhau" trong nỗ lực xây dựng nhân phẩm của chính mình.

Trước khi chấm dứt, tưởng cũng nên nhắc qua về đời sống của phụ nữ Xô Viết hiện nay dưới chính sách gọi là "cởi mở" của Nga Xô là 1985 tới nay. Theo một bản tường tình của Hội đồng Phụ nữ Xô Viết (đã đăng tải trên tờ nội san *Trud* (Lao Động) vào đầu năm 1987 và được hãng thông tấn AP trích thuật lại) thì phụ nữ Xô Viết vẫn tiếp tục là kẻ bại trận trong cuộc tranh đấu đòi quyền bình đẳng trên các phương diện kinh tế, xã hội và chính trị. Bài tường trình do nữ phi hành gia Valentina Tereshkova, người mà nhóm *Niên Giám Phụ Nữ* gọi là "chậu kiểng" của chế độ, đọc trong một hội nghị phụ nữ tại Moscow vào tháng 1, 1989. Tereshkova, qua bản tường thuật này, thực ra chỉ lặp lại những điều nhóm *NGPN* đã đề cập tới sáu năm về trước. Người ta không khỏi tự hỏi đã tới lúc "chậu kiểng" Tereshkova biết đi, biết nói, hay cũng lại chỉ là một thứ "chậu kiểng" khác trong chính sách canh tân nhằm mê hoặc Thế Giới Tự Do vốn ngây thơ, cả tin của chùm Điện Kremlin Gorbachev?

NGUYỄN THỊ TIÊU DAO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Neylya Vasil'evna, "Soviet Women in the Life of Society: Achievement and Problems," *International Social Science Journal,* Vol. 35, n.4, 1983, pp. 737-46.

2. *Women and Russia, First Feminist Samizdat,* Sheba Feminist Publishers, 1980.

3. Tatyana Mamonova, chủ biên, *Women and Russia; Feminist Writings from the Soviet Union,* Harper, 1983.

4. Margaret E. Leahy, *Development Strategies and the Status of Women: A Comparative Study of the U.S., Mexico, the Soviet Union, and Cuba,* Lynne Rienner Publishers, 1986.

5. "First Feminist Exiles From The Soviet Union," phỏng vấn Tatyana Mamonova, Tatyana Goricheva, Natalya Malakhovskaya, và Yuliya Vovnesenskaya, do Robin Morgan thực hiện, tạp chí *Ms,* số tháng 11, 1980.

Nguyễn Bá Trạc

Xuân về trên đảo Bidong

Đêm giao thừa
bảy nghìn người đập vách tôn thay pháo
Tiếng vui mừng
xen lẫn buồn lo
Cơn ác mộng qua chưa
Mùa xuân tới bao giờ ?

Nhưng sau Tết sẽ ra sao
sẽ đi đâu
Đời tha hương vẫn những chuyến tầu
chờ đợi bao lâu ?

Khi Tết đến
vết thương mưng mủ
Vết thương đời / mãi chẳng mọc da
Đạn vẫn nổ trong tim người
trong tim lịch sử
trên linh hồn / trên máu xương
trên thây người lính cũ
Mảnh tâm tình tan tác trời xa
Những niềm đau như nứa tuốt thịt da

Nhìn về quê
Anh chị em
cô dì / chú bác / mẹ cha
Người yêu dấu
Bước ra đi chắc trọn đời xa cách
Mấy người đi
mà có một ngày về
Nuốt tủi nhục
uống chung niềm cay đắng

Câu chuyện dài
đã mấy chục năm
Bên kia người heo hắt lầm than
người mất hút / xó rừng hốc núi tối tăm
Bên này người trôi giữa đại dương
Biển sâu mất xác / đảo hoang dựng mờ

Bé gái mười hai
mang thai hải tặc
Bé trai mười một đội vành khăn trắng
Mắt con thơ đẫm lệ
Tìm bóng cha chỉ thấy sóng bạc đầu
Cháu ơi
hãy xếp vành khăn lại
một mai đây mang tới phương nào

Đêm giao thừa
bảy nghìn người đập vách tôn thay pháo
Tiếng vui mừng xen lẫn buồn lo
Cơn ác mộng qua chưa ?
Mùa xuân đã tới tự bao giờ ?

Vui như Tết / nụ cười vẫn nở
Nỗi đau buồn đem giấu giữa trăng sao
Đêm hôm nay / gió muôn trùng họp mặt
Đưa những thân dừa vươn ngọn tới trời cao

Mùa xuân đến tự bao giờ
Có nghe gió biển phất cờ đuôi nheo ?

Dẫu trời chẳng nở cành mai
Nhìn ra hải đảo vẫn hay xuân về....

Pulau Bidong tháng 2.1988
Nguyễn Bá Trạc

Lê Mỹ Hương

Hai mảnh tim tươi của một nhà thơ.

(Trích trong Phần 7, Chương I: Phạm Duy— Văn Cao của "Nửa thế kỷ Phạm Duy")
Lê Mỹ Hương

... Lúc bấy giờ một cách mạng Nhân Văn Giai Phẩm bùng nổ. Tôi gọi đó là cuộc cách mạng vì cách mạng có nghĩa là thay cũ đổi mới — chính cộng sản cũng nhìn nhận như vậy. Mà thực vậy cuộc cách mạng nào lại chẳng có tham vọng là thay cũ đổi mới? Nếu không vậy thì không ai phí sức tổn máu để đi làm.

Có lẽ những vị trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm nhận định rằng Miền Bắc lúc bấy giờ đầy dẫy những tệ lậu không ai dám nói ra thì mình nói ra, để sửa đổi để thay thế hoặc để xoá bỏ hoàn toàn những bộ phận những mảnh lớn mảnh bé nào đó) hoặc toàn bộ cơ cấu xã hội chủ nghĩa cũng nên. Hơn nữa đảng Cộng Sản lấy "phê bình và tự phê bình làm qui luật tiến bộ" (có in rõ trong điều lệ ai ai cũng rõ — thì dùng văn chương nghệ thuật để phê bình đảng một tí, thì đã sao nào? Có lẽ đảng sẽ rất hoan hô, khuyến khích và tưởng lệ công trạng cho những người lên tiếng phê bình.

Ngày xưa ở bên Tàu, một dãy đất núi liền núi sông liền sông với nước ta, có quan hệ lịch sử và văn hoá sâu sắc với nước ta rồi cả ở tại nước ta nữa, những nhà thơ làm thơ can gián, chế diễu các hoàng đế, các hoàng tử, công tử, truyền khẩu trong dân gian, có ai bị tù tội gì đâu. Vậy thì ở thế kỷ hai mươi này, trong lúc Cụ Mao "dạy" chỉ có hai hạng người không có khuyết điểm: "Đó là trẻ sơ sinh và người nằm trong quan tài, cụ Hồ cũng đã "dạy": "nhân vô thập toàn" và khuyên các cháu hãy "tự tu" hằng ngày với quyển "Kinh Nhật Tụng" của XYZ,... — vậy thì ta xin phê bình đảng! người nói không có tội gì, người nghe dù không có lỗi, thì cũng lấy đó làm răn. Đó cũng lại là lời vàng ngọc của cụ Mao.

Thế nhưng... Nhân Văn Giai Phẩm mới chỉ phê sơ sơ mà đảng

đã nổi cơn thịnh nộ tày đình. Họ đại hội tố Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bằng tiếng nói của "quần chúng văn nghệ sĩ" xong rồi còn dựng Toà án Nhân dân để xử án... mà những kẻ bị tố là phản động hoặc bị kêu án không ai lạ, là những công thần của đảng: Văn Cao, Hoàng Cầm, Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hữu Loan, Tử Phác, Nguyễn Hữu Dang, Sỹ Ngọc, Nguyễn Sáng, Tạ Hữu Thiện, và còn nhiều nữa mà tôi không nhớ hết — toàn những người từng nằm gai nếm mật với đảng ở quanh hang Pắc Pó.

... Tôi có gặp hoặc được dịp nói chuyện với tất cả những nghệ sĩ kể trên. Trong đó, Văn Cao và Hoàng Cầm, với tôi có một vài kỷ niệm nhỏ. (Tôi trích mấy đoạn sau đây trong một chương sách của tôi đang viết để bổ túc cho bài của Phạm Duy viết về bài thơ "Tâm Sự Đêm Giao Thừa" của Hoàng Cầm đăng trên số Xuân Văn Học 1988.

Lúc đó văn nghệ sĩ Hà Nội chia làm ba phe rõ rệt. Phe thứ nhất là nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, phe thứ hai là phe chống Nhân Văn Giai Phẩm, phe thứ ba là phe khi chống đảng khi theo đảng, hoặc lừng khừng chống theo đều không rõ, hoặc ngấm ngầm chống đảng mãi sau mới biết như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Kim Lân, Hà Minh Tuân, Đoàn Giỏi, v.v...

... Hoàng Cầm đứng thủ khoa trong bảng A cùng với Văn Cao. Ai nghe danh Hoàng Cầm cũng giật mình. Giật mình vì hai lẽ: Cái ông đã từng làm hai bài thơ hay nhất trong thơ kháng chiến chống Pháp lại chống đảng à? Còn lẽ thứ hai: Giữ mình cẩn thận, kẻo bị kẻ rình rập báo cáo với Tố Hữu rằng mình có bắt tay, có nói chuyện, còn cười tình, hoặc có đến gần Hoàng Cầm,... thì khốn.

Lúc đó tôi còn trẻ lắm, trẻ và non và ngơ ngác giữa cái Hà Nội nhốn nháo khóc mếu cười cợt nghi ngờ, không rõ mình nên khóc hay cười giữa cái "chợ trời thiệt giả đâu chân lý" đó? Đọc Nhân Văn Giai Phẩm thì thấy Nhân Văn Giai Phẩm đúng, nhưng khi nghe Tố Hữu nghiến răng lên án Nhân Văn thì cái "đúng" kia bị nghiến tiêu giữa hai hàm răng đó.

Có một lần tôi gặp Hoàng Cầm ở Hà Nội, đi băng qua đường Hai Bà Trưng, quần nâu áo sơ mi trắng dép cao su. Tôi đã gặp và đã biết anh đâu đó ở Hà Nội nên lần gặp này tôi nhìn rất lâu. Tôi cũng đi bộ, nên không sợ ai đụng (chưa mua nổi xe đạp). Đối với tôi, Văn Cao, Hoàng Cầm là những tiên thánh chớ không phải là người phàm. Nên gặp họ là tôi mê mải nhìn. Có lẽ vì thấy có người ngó mình châm bẩm như vậy nên anh cũng nhìn lại tôi hơi lâu và hơi mỉm cười nữa. Chắc anh không biết tôi là ai, nhưng tôi biết rõ anh: chính trị viên Đoàn Văn Công Tổng Cục Chính Trị của Nguyễn Chí Thanh. Với chức vụ này, anh còn là chính trị viên tiểu đoàn. Và phải là đảng viên. Cũng chẳng sao, thiếu gì đảng viên

đồng sàn dị mộng với đảng, ly khai chạy tét ghèn nữa là đảng khác. Như Picasso, Howard Fast trả thẻ đảng vào cuối đời mình vào lúc 7, 8 chục tuổi trên đầu.

Như Hoàng Cầm nữa, bỏ đảng lập mặt trận khác chống đảng.

Ngoài ra tôi còn được nghe hai "âm thanh majeur Hoàng Cầm" trong các cuộc đấu tố Hoàng Cầm vắng mặt ở đại đình của Hoàng Cao Khải ở Thái Hà ấp. Nhiều nhà văn có tiếng đã đích thân đứng lên trước hằng ngàn văn nghệ sĩ toàn Hà nội lớn tiếng tố cáo "tội" và bới móc sự trụy lạc của Hoàng Cầm. Nguyễn Huy Tưởng — đảng viên do Trường Chinh kết nạp, đại biểu quốc hội tỉnh Bắc Ninh, kịch tác gia, tiểu thuyết gia cự phách có bài đăng trên Nhân Văn số 2 (Vở kịch Vũ Như Tô — nội dung là một tên bạo chúa nhờ nhà kiến trúc sư họ Vũ xây lâu đài cho hắn, khi lâu đài xây xong, hắn đem đày rồi giết họ Vũ. Niệm ý: đảng ta cũng thế đó) — đã đứng lên phủ nhận những điều đó là sai là bịa đặt. Nguyễn Huy Tưởng nói: "Hoàng Cầm là một nhà thơ trước cách mạng và là một nhà giáo, có trụy lạc chăng thì cũng là cái trụy lạc mà tất cả chúng ta đều có, tức là mê vẻ đẹp mỹ nhân và lắm khi say rượu và làm thơ trong lúc say. Tôi biết rõ Hoàng Cầm không phải là người trụy lạc bằng chứng là anh ấy đã đi theo suốt cuộc kháng chiến với chúng ta, đã sáng tác hơn hẳn cả nhiều người trong chúng ta nữa và còn lãnh đạo một đoàn văn công kháng chiến cho tới về Hà Nội. Tôi không bênh vực Hoàng Cầm nhưng chúng ta không nên bôi nhọ, bằng thứ nhọ lấy chính từ sự "sáng tạo" của chúng ta. Điều này e rằng toàn bộ lời lẽ của chúng ta tố cáo Nhân Văn Giai Phẩm chỉ rặt là sự bịa đặt."...

Nguyễn Huy Tưởng bị mất chức đại biểu quốc hội ở phiên họp Quốc Hội lần ngay sau đó, vì lời "bênh vực" này, đồng thời bị thất sủng rất nặng vì ngoài lời lẽ kể trên Nguyễn Huy Tưởng còn bị tố cáo giao du thân mật với Hoàng Cầm và Văn Cao, Nguyễn Tuân. Nguyễn Huy Tưởng đứng lên, mỉa mai: "Tôi có đi ăn chả cá với họ (tức nhóm Nhân Văn Giai Phẩm) ở hàng chả cá, không biết đó có phải là giao du thân mật không?" Lời trả của Nguyễn Huy Tưởng làm cả hội trường cười rộ lên trước cặp lông mày nhíu lại của Tố Hữu.

Tôi còn biết Hoàng Cầm từ trong Kháng Chiến Nam Bộ. Hồi đó tôi mới bỏ trường đi kháng chiến. Hình như 1949-50 chi đó. Lâu quá rồi, ai mà còn nhớ nổi năm tháng mù sương qua? Tôi biết chữ khá nên được cho làm "thầy cò" ở nhà in của Viện Văn Hoá Kháng Chiến Nam Bộ do Thạc Sĩ Hoàng Xuân Nhị từ Đức Quốc về phụ trách. Ông thầy cũ Quốc Văn của tôi là thi sĩ, cũng làm việc dưới quyền ông Nhị. Một hôm thầy tôi đem vào nhà in giao cho tôi một bài thơ đã in chữ chì trên một tờ báo nào, được cắt ra. Thầy

tôi dặn: "Cho chạy máy ngay! Chạy đêm. Sáng tôi vào chở (bằng xuồng) nhé!" Lại còn dặn thêm: "Em chữa thật kỹ, chấm phẩy, và đừng để sai dấu hỏi ngã và một chữ nào!" rồi thầy về. (Ông là giáo sư Nguyễn văn Chí).

Tôi cầm lấy mẩu báo, nhìn :

"Đêm Liên Hoan" chữ to đậm loại Europe. Bên cạnh có hình hai anh vệ quốc quân nhảy múa quanh lửa trại. Tôi đọc luôn một mạch rồi cắt ra từng mảnh giao cho Ê-kíp sắp chữ. Thừa lệnh cấp trên, không cần hỏi ý kiến của trưởng ban ấn loát, tôi ra lệnh ngay cho xén giấy khổ vở học trò, lấy cả loại Blanc Fin để in những bản đặc biệt. Còn bìa thì tôi ra lệnh cho tổ mộc bản khắc luôn trên cây lồng mứt là thứ cây có sớ rất mịn màng và rất khó kiếm. Chữ ĐÊM LIÊN HOAN tôi kẽ bằng mực Tàu theo loại Europe "co" lớn, còn tên tác giả thì xếp chữ chì.

Bản "vỗ" đầu tiên được đưa cho thầy cô vào lúc cơm chiều. Tôi đang bưng đĩa nhôm cơm, tay cầm bút chữa bản vỗ (bản dập cũng thế) ướt mèm. Thú vị vô cùng. Cậu học trò mê mải đọc bài thơ, đọc từ mẫu bản vỗ ráp lại. Tôi vốn thích thơ từ thuở bé nên gặp bài thơ hay tôi càng mê mẩn. Tôi chưa nhận ra nó hay đến mức nào, nhưng, cũng như người đàn bà đẹp, mới nhìn qua cũng đã gợi cảm rồi, thì thơ cũng thế, thơ hay, đọc qua cũng biết là hay, lựa là phải nghiên cứu ngửa cứu.

In có 300 bản thôi chớ có máy móc đâu mà chạy nhiều. Máy đẩy rouleau, cán mực bằng tay lên chữ. Nêm bằng gỗ để giữ những khối chữ nằm chắc dưới ống trục lăn. Ba người mới sử dụng nổi một cái máy hủ-lô nặng chình chịch.

Thơ đã đi ngay vào lòng người thợ in. Họ vừa đẩy máy vừa hí hửng "ngâm" hay la hét khoái trá:

Đêm liên hoan, trời ơi, đêm liên hoan
Đầu nhấp nhô như sóng biển ngang tàng
Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
Vì say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn.

Do đó mà thức đến khuya, thợ in vẫn thấy khoẻ khoắn và đòi in thêm. Nhưng thầy Cò sợ không kịp cho sự chuyên chở vào sáng sớm, nên bảo: "Xong ba trăm bản này rồi ta sẽ tái bản nữa!"

Độ 4 giờ sáng, tôi phải đập thêm người dậy để xếp bản in thành sách. Có tất cả 300 bản "Đêm Liên Hoan" trên giấy journal còn 10 bản trên giấy Blanc Fin (số này là do sáng kiến của tôi chớ không có lệnh của thầy. Có lẽ ổng quên chăng.) Gói buộc xong thành 6 gói thường còn loại blanc fin thì gói riêng để cầm tay.

Xong xuôi tất cả thì vừa sáng. Chưa bao giờ trong đời tôi thức một đêm sáng bạch nhật như lần này. Rừng tràm vừa ngập nắng mai, ong mật vừa tỉnh giấc rủ nhau đi hút nhụy hoa tràm thì

thầy tôi chèo xuống tới.

Tôi khoe công ngay bằng cách trao cho thầy một bản blanc fin. Thầy kêu lên:

— Tôi quên dặn em. Em giỏi lắm! Nhưng mà còn thiếu!

— Dạ thiếu chi thầy ?

— Mà tại tôi, không phải tại em. Là..., mà cũng không phải tại tôi. Đến lúc nãy ông Ba (tức ông Hoàng Xuân Nhị) mới nhớ ra, bảo tôi vô gạch thêm 1 hàng chữ ở trang sau cùng như thế này: *"Các Đoàn Văn Hoá Kháng Chiến Tỉnh và các Ty Thông Tin Tuyên Truyền tỉnh có nhiệm vụ in thêm để phân phát cho dân và bộ đội."* Chậc! Tôi tưởng em chưa in xong, ai dè in mau quá! Bây giờ làm sao?

Tôi đáp ngay :

— Dạ, đâu có sao thầy ! Tôi cho anh em gỡ bìa ra, rồi xếp chữ in bằng tay như kiểu in bột nếp nhấp nháy là xong.

— Vậy thì làm ngay đi! Ông Ba đang sốt ruột chờ xem bản in đem ra Viện!

— Dạ, thầy cầm bản Blanc Fin về trước cho ông Ba xem, rồi khi xong hết, em chở ra Viện sau.

Thầy tôi vừa giở từng trang vừa gật gù khen:

— Đẹp lắm. Chữ rõ lắm !

Số là tôi lại cũng có sáng kiến xếp nhiều loại co chữ trong suốt bài thơ, chỗ nào tôi cho là hay nhất thì tôi cho in chữ đậm hẳn lên, đoạn nào thơ mộng thì in chữ nghiêng:

"Chúng ta cùng một mẹ hiền
"Lúa thơm bầu sữa bông mềm áo tơ

thì in chữ nghiêng — rồi đến hai câu tiếp :

"Chúng ta cùng một mối thù
"Cùng quen với tiếng đạn vù bên tai.

thì in chữ đậm, v.v...

Tôi được thầy tôi cho biết là bài thơ này đã được báo Tổ Quốc trên Chiến Khu VIII in lần đầu tiên và do một anh Vệ Quốc Quân từ Bắc đi bảo vệ phái đoàn trung ương do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đem vào, làm trưởng đoàn đúng lúc thầy tôi đi công tác trên Đồng Tháp Mười. Trong lúc số báo đang in bài thơ thì trận tổng ruồng to nhất Kháng Chiến Nam Bộ xảy ra do Trung tướng Pháp Bondis đích thân chỉ huy. Số báo đang chạy đã phải ngưng lại và nhà in phải đem chôn giấu. Sau khi lính Pháp rút khỏi Tháp Mười báo mới tiếp tục in. Và bản "chính" của bài thơ mà thầy tôi giao cho tôi in là cắt từ báo Tổ quốc Chiến Khu VIII đó và bỏ vô ba lô đem về khu IX này.

Thầy tôi còn cho biết bản vỗ của bài thơ trên báo Tổ Quốc là do thi sĩ Nguyễn Bính chữa và cũng in ban đêm.

Thầy tôi cầm bản giấy blanc fin nõn nà trên tay và nói: " — C'est de la vraie poésie!"

— Thiệt là châu ngọc thật là gấm hoa! Chính Nguyễn Bính đã bảo đây là bài thơ hay nhất trong những bài thơ hay nhất nói về dân tộc Việt Nam. Còn ông Ba thì cứ kêu lên từng chập khi đọc bài này: "Cái anh này tài thật, thơ hay thật. Đây mới thật là thơ!"

Một mặt tôi cho xếp chữ ngay cái câu "in thêm" thầy tôi vừa bảo, một mặt cho người lật bìa sau ra. Chữ chì cập nẹp gỗ buộc dây bố thành một thỏi dài in lên mực rồi dùng tay ấn lên bìa sau của quyển thơ. Xong rồi xếp lại như cũ.

Thơ chở trên xuồng kháng chiến thơ mộng, đẹp đẽ, vinh quang biết bao! Thơ nằm trên lưng anh giao liên đi khắp Nam Bộ, băng qua lộ Đông Dương, vượt sông Cửu Long anh dũng và truyền cảm biết bao! Thơ đi vào lòng người kháng chiến bằng trăm vạn ngã.

Tôi mãi mãi tôn vinh Hoàng Cầm đã cho dân tộc một đoá hoa kỳ diệu và trường cửu: Đêm Liên Hoan.

... Vài năm sau đó, tôi về Cần Thơ. Ở đây tôi gặp anh Tài và Huy Hà như những người bạn vong niên. (tức Sơn Nam và Kiên Giang Hà Huy Hà) Sơn Nam thì hấp dẫn tôi bằng những bài thơ Lục Bát của Huy Cận như Đẹp Xưa, Ngậm Ngùi... bằng giọng ngâm thảm não cũng như gương mặt của anh. Và những bài thơ của Nguyễn Bính, trong đó tôi còn nhớ (bài thơ Xuân) có mấy câu sau đây như một điệp khúc:

... Bữa nay là Xuân, mai còn Xuân
Xuân đã sang đò, nhớ cố nhân
... Bữa nay là Xuân mai còn Xuân.
Xác pháo đầy đường nhớ cố nhân

... Mùa Xuân, Mùa Xuân, Mùa Xuân rồi
Giờ đây chín vạn bông trời nở
Duy có tình ta khép lại thôi.

Bài này Nguyễn Bính có chép tay tặng tôi ở Hà nội sau Nhân Văn Giai Phẩm.

Giọng ngâm của Anh Tài rất độc đáo, tôi chưa nghe ai ngâm thơ như anh ấy. Nó truyền cảm lạ lùng, nhưng chỉ trong phòng và riêng lúc tâm sự với nhau thôi. Còn Huy Hà thì lúc nào cũng rên rỉ một cách vô cùng thích thú:

Tôi có người vợ nghèo
Đời vất vả gieo neo
Từ khi chồng đi lính
Nhà tranh bỗng hắt hiu

Lần hồi rau cháo dăm phiên chợ...

Huy Hà thuộc lòng cả bài thơ này. Anh có cái sắc-cốt cũ rách nhưng lúc nào cũng đầy thơ hay và ca dao kháng chiến của anh là làm xong bài nào anh cũng đưa cho tôi xem.

"Làng tôi mấy gốc trâm bầu..."

Tôi được Huy Hà cho xem cả ảnh vợ anh. Và còn có ý cáp đôi em vợ cho tôi. Do đó hai bên rất thân nhau. Anh nói về gia đình và vợ con anh, lúc đó ở Rạch Giá đâu ở vùng Xẻo Rô. Do đó mà tôi hiểu thêm vì sao anh thích bài thơ "Tâm Sự Đêm Giao Thừa" của Hoàng Cầm, không phải chỉ vì kỹ thuật cao.

Và tôi thuộc bài "Tâm Sự Đêm Giao Thừa" cũng là do sự ngâm nga của Huy Hà. Nhưng Huy Hà, nhà thơ Nam Bộ, bỏ về thành năm 1950, mang theo cả cái tâm sự "vợ nghèo đời vất vả gieo neo" của một đồng nghiệp ở Việt Bắc và coi như đó là tâm sự của chính mình.

Người đàn bà Việt Nam, người vợ trẻ, trong thơ Hoàng Cầm sống mãi như một bức tranh, một hình tượng mà nhìn vào đó người ta (những người VN cũng như người ngoại quốc) — sẽ kinh ngạc và hiểu chúng ta và dân tộc Việt Nam hơn, cũng như người ngoại quốc và chúng ta nghe bản nhạc Mẹ Việt Nam của Phạm Duy mà hiểu và yêu đất nước ta hơn. Tôi nghĩ rằng người vợ của Hoàng Cầm đã hoá thành Mẹ Việt Nam của Phạm Duy.

Tôi mãi mãi tôn vinh Hoàng Cầm, Phạm Duy, Văn Cao, những nghệ sĩ đã đốt pháo Giao Thừa cho mùa Xuân Thanh Bình rực rỡ của dân tộc....

Kể từ sau Nhân Văn Giai Phẩm, văn nghệ Hà Nội có gì? Thơ hết còn là thơ, nhạc hết còn là Nhạc. Và văn chỉ là đất cục bỏ trên giấy lẫn khẩu hiệu.

Sau khi Phạm Duy cầm cành Hoa Trắng về Hà Nội, Văn Cao ở lại mòn mỏi và chết dần, đến nay thì chết hẳn. Sau khi đè bẹp Nhân Văn Giai Phẩm, treo bút Hoàng Cầm, thơ chết, Tố Hữu còn ra ma nữa là ai khác.

Nhà phê bình Hồ Ngọc đã phải than thở và nói thẳng mặt Nguyễn văn Linh: "Văn học ta nghèo nàn thảm hại như đất nước ta vậy!" Bởi tại "đảng dùng dao mổ bò làm cỏ vườn thượng uyển nên nát hết cả hoa thơm." (Hồ Ngọc và Nguyễn Khắc Viện nói với NVL trong cuộc họp văn nghệ sĩ, 10-87, tại Hà nội do NVL chủ tọa).

Hoàng Cầm nhà thơ vĩ đại của dân tộc ta cũng như bao nhiêu nhân tài khác bị dao mổ bò chém bổ, nhưng Hoàng Cầm vẫn còn sống, sống mạnh, sống mãi, đi khắp bốn phương trời với Lá Diêu Bông trên tay.

LÊ MỸ HƯƠNG

Như Chi

Cõi Chết

Tiếng trăn trở của đêm
Lời than muôn cây cỏ
Tiếng cười một hạt sương...
trong cõi chết của tôi
im lặng và trống rỗng.

Nỗi băn khoăn của rừng
Nỗi buồn của bóng tối
Đã hoà trong bình minh
Đã tan trong ánh sáng
và thênh thang hư không.

Trong cõi chết của tôi
Mọi vật đều Như-Thế
Đã dừng lại cả rồi
Những kiếm tìm vô vọng.

Hồ Trường An

Trang sách thần tiên.

Hồi 11 giờ trên đài phát thanh, tổng thống Dương Văn Minh gọi các binh sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa buông súng. Từ Tân Định, Kim Đính thu xếp đồ đạc về Phú Nhuận. Thiệt tình, vừa tảng sáng, nàng cùng mẹ là bà Hai Điểm khăn gói quả mướp tản cư ra Tân Định vì đêm qua, đêm 24/4/75, tụi Cộng sản rót pháo dồn dập vào vùng Tân Sơn Hòa. Phú Nhuận là khu ở gần Tân Sơn Hòa nên thỉnh thoảng có trái đạn súng cối lọt vào, một trái rớt gần nhà hàng bò bảy món Duyên Mai làm chết hai ba người, còn một trái rớt cạnh giếng nước, sau nhà nàng, may mà không làm chết ai.

Trên con đường Võ Di Nguy băng qua Cầu Kiệu, hai bên đường súng ống kẻ rã ngũ vứt ngổn ngang. Lòng Kim Đính nao nao, dù nàng mừng rỡ thôi từ đây hết còn chiến tranh, Và chuyện gần hơn, cuộc pháo kích vào thủ đô coi như chấm dứt. Thần kinh nàng trải qua 4 ngày căng thẳng, giờ mềm dịu trở lại.

Thành phố ồn ào kẻ xuôi người ngược, rồi vào lúc năm giờ chiều trở nên vắng ngắt đến rợn người. Suốt đêm hôm đó, cả thành phố tối thui vì điện bị cúp.

Bên nhà thím Bảy Chung, có tiếng cười lao xao, rồi tiếng thím ta rít lên the thé:

— Nè hai con đĩ Long Vương, Hà Bá, tụi bây mau mau cắt cụt hết móng tay móng chưn cho tao, rồi lấy thuốc rửa, tẩy cho hết lớp sơn đỏ loét kia đi. "Họ" vào đây rồi. Tụi bây mà còn xảnh xẹ son son phấn phấn và sơn móng tay móng chưn là chết với họ. Họ sẽ lấy giấy nhám chà lên mặt lên môi bây, lấy kềm rút hết móng tay móng chưn bây, tao nhắc bây lần này là lần thứ mười, bây liệu hồn đó.

Kim Đính nhìn mẹ qua ánh nến chập chờn. Chuyện bọn bộ đội khi chiếm Phước Long, có rọc quần patte, lấy giấy nhám chà lên mặt son phấn và rút móng tay móng chưn các cô gái tân thời,

vẫn là chuyện có thật mà đám người vượt thoát từ Phước Long về Saigon kể lại, sau khi trình bày những móng tay bị sưng vù và cái mặt bị chà bắt đầu mưng mủ. Làm sao ai có thể tin được kẻ cuồng tín gặp hồi chiến thắng giở chuyện động trời đó? Vậy mà là chuyện có thật, vì ẩn *trong chuyện bài trừ tàn tích đồi trụy do Mỹ Ngụy để lại* là nhiều chuyện thanh toán các mối tư thù bên trong nữa. Nhưng dù được lồng ẩn trong nguyên do chính yếu nào, việc hành thân hoại thể kẻ khác vẫn là chuyện dã man, bất người trong cuộc hay người nghe chuyện có cảm tưởng khi giặc Mông Cổ hồi xưa chiến thắng ở đâu, cũng đối xử dã man với dân bại trận ở đó như vậy.

Bà Hai Điểm nói nhỏ với con gái:

— Tao chôn giấu vòng vàng ở dưới đít lu nước rồi. Nhưng mày cũng nên tìm cách giấu mấy hũ kem, hộp phấn, chai dầu thơm đi. "Họ" xét nhà nếu không cà khịa lôi thôi thì cũng tịch thâu hết, uổng lắm!

Mâm cơm tối với tô canh khoai môn nấu tôm khô dọn lổng chổng. Hai mẹ con nhai nuốt một cách máy móc. Bà Hai Điểm thẫn thờ:

— Tao vái trời thằng Kim Lân còn sống sót trở về.

Kim Lân là ông anh độc nhứt của Kim Đính theo mặt trận tiền phương của Quân Đoàn III ra trấn nhậm ở phi trường vào tháng ba dương lịch vừa qua. Vào trung tuần tháng 4, Phan Rang thất thủ vì cộng quân tràn vào bằng chiến thuật biển người. Kẻ nào chạy vào Saigon bằng đường biển thì thoát khỏi lưới địch. Kẻ nào bỏ chạy bằng đường rừng thì đều bị địch túm ráo trọi. Trong số kẻ vượt biển về Saigon, có Năm Giáo, bạn của Kim Lân. Hắn quả quyết Kim Lân bỏ chạy bằng đường rừng. Bà Hai Điểm chỉ biết khóc lóc, cầu nguyện Phật trời, rồi đi xem đồng cốt ở ngõ hẻm Thầy đội Có. Con đồng bảo:

— Tiền hung hậu kiết. Tháng sáu tới sẽ có tin về.

Bà cốt Miên ở gần chợ Trương Minh Giảng cũng trấn an:

— Xin bà cốc và dì nữ đừng có lo. Cậu nam đi theo đường cọp chạy, tuy gặp nhiều tiếng cắc bùm, tuy như chim sa lưới vậy mà vẫn có ông bà khuất mặt khuất mày phò hộ. Vài tháng nữa là cậu nam về sum họp với bà cốc và dì nữ.

Kim Đính tổng hợp hai lời đồng cốt kia rồi khuyên mẹ:

— "Họ" mần thịt tướng tá tai to mặt bự, chớ đương thèm dụng đến thứ thằn lằn cắc kè, thứ trung sĩ đi làm tà lọt cho Đại tá Tham Mưu Trưởng mặt trận tiền phương như anh con đâu nà.

Sáng hôm sau là ngày lễ lao động. Lúc sao vừa lặn, bóng tối vừa loãng, thì cô Thiên Kim vốn hành nghề ký giả từ mười năm qua, gõ cửa nhà bà Hai Điểm, rồi bảo:

— Kim Đính! Mở cửa đi em. Hai chị em mình đi đăng ký.

— Đăng ký? Bộ chị giả ngộ với em sao chớ? En còn là sinh viên mà...

— Thì đăng ký bên ngành ký giả.

Kim Đính mở cửa he hé đủ cho cô Thiên Kim lách vào. Nàng xua tay:

— Chị là ký giả thứ thiệt. Còn em chỉ viết mục "vườn hoa văn nghệ", "mái lều thơ" thôi, em mà đi đăng ký thì thiên hạ sẽ cười ê mặt.

Cô Thiên Kim ngon lành:

— Em cứ lựa mấy bài em viết về tuổi trẻ để làm bằng, rồi đi đăng ký với chị. Họ mà cho em vào hàng ngũ ký giả văn nhơn rồi thì em khỏi phải đi dân công, lao động...

Cuộc đổi đời đột ngột làm phần đông dân miền Nam lảo đảo, sững sờ. Chuyện bày biểu vô lý vậy mà cũng làm cho Kim Đính bùi ngận cả tai và nàng sốt sắng nhận lời.

Cô Thiên Kim quả là người dễ nhuộm theo màu sắc thời cuộc. Hằng ngày cô ăn mặc diêm dúa, nhưng hôm nay là ngày đầu tiên của cuộc đổi đời nên cô mặc chiếc áo dài đen, khoác chiếc phu la bằng tơ mịn màu trắng kẻ ô đen, xa trông như như chiếc khăn rằn. Cô tô môi lợt, dậm má hường cũng lợt. Cô không đeo một món trang sức nào, chớ không như mọi ngày cả dếnh một hiệu kim hoàn lên người.

Cái cô gái giả làm ký giả này lúc nào cũng ba bộ nữ trang giả, một bộ cô đeo trên mình, hai bộ cô để trong hộc tủ ở nhà. Ba sưu bộ đó được cô đeo luân phiên trong tuần lễ, nhìn vào cô mà lối xóm bắt mệt. Sợi dây chuyền lớn, làm chị làm em với sợi dây lòi tói niềng xe ba bánh, mặt mề đai dây chuyền bự tổ chảng cỡ mặt bánh trung thu, bông tai lớn cỡ bông vạn thọ; đã vậy còn có cà rá, vòng nhẫn, trâm cài chéo ngực, trâm giắt mái tóc rườm rà, làm người đối diện có cảm tưởng cô quần cả người vì sức nặng của nữ trang.

Ba năm rồi, vừa khi bước chân vào đại học văn khoa, Kim Đính sanh sửa làm văn nghệ văn gừng. Tuổi hăm hai là trong chặng tuổi lồng lộng vòm trời thoảng ướt hơi sương lãng mạn, nên Kim Đính nhất định viết văn, chui đầu vào "báo giới". Cảm thấy tên Kim Đính của mình quê quê, như tên các nữ tướng trong truyện Tàu, nên nàng lấy một hơi hai ba bút hiệu vừa đẹp thơ mộng, vừa "không giống ai", nào là Kiều Mộng Tuyên, nào là Điệp Thiên Lý, nào là Sương Sa Trinh, nào là Hồ Mộng Điệp Ảnh. Mỗi tên có chữ kêu lẻng kẻng, nhưng ráp lại có thành ý nghĩa hay không thì Kim Đính chẳng cần, miễn là đọc tên lên nghe du dương như tiêu thiều, nhã nhạc là được rồi. Nội chỉ chọn bút hiệu cho mình là cũng đủ cho Kim Đính mệt sật sừ, mệt khờ khạo luôn!

May mà ở bước đầu, Kim Đính được cô Thiên Kim, chủ biên trang tuổi hồng, tuổi ngọc của một tờ tuần san "giúp đỡ". Cô bắt đầu đăng những bài thơ nho nhỏ xinh xinh của Kim Đính, rồi tới tùy bút, đoản văn mà không trả tiền nhuận bút. Đề tài của Kim Đính là đôi tình nhân trong giới sinh viên có khung cảnh *"con đường Duy Tân cây dài bóng mát"*, có những cô gái *"nghe chuyện tình thư sinh"*,có cuộc hẹn hò ở quán nước để chàng và nàng *"uống ly chanh đường, uống môi em ngọt!"* Chẳng những lấy đề tài trong lời nhạc Phạm Duy, Kim Đính còn thuổng một vài hình ảnh cực kỳ âu yếm trong thơ Nguyên Sa, trong văn của Nguyễn Thị Hoàng, trong lời đối thoại các cuốn phim đề cao tình yêu đợt sóng mới từ Âu Mỹ nhập cảng vào. Cô Thiên Kim khuyên:

— Thời buổi này, văn nghệ trẻ thường ca ngợi mối tình "anh tiền tuyến em hậu phương", sao em không viết những mối tình đó? Nhã Ca, Lệ Hằng cho nữ nhân vật mình yêu lính. Nữ thi sĩ Lệ Khánh ở Đà Lạt, nữ thi sĩ Lệ Khanh ở Trảng Bàng, nữ thi sĩ Lý Thụy Ý ở Huế, nữ thi sĩ Ngô Kim Thu ở Đại học Văn Khoa Saigon làm thơ ca tụng lính xả láng nên lính tráng ủng hộ họ rần rần. Em nên noi theo gương họ, viết cho chị một bài tùy bút, *theo mưa đưa về giới tuyến, đi trong sương thương về nẻo tiền đồn...*

Khốn nỗi, trái tim Kim Đính vốn dại dột, không theo cuồng lưu thời đại để yêu lính chiến. Nàng đã yêu chàng sinh viên Văn Khoa, mảnh khảnh, gầy gầy, tươi mát, đẹp lãng mạn thơ mộng như hình ảnh kép Anthony Perkins trên màn ảnh. Chàng tuy gầy như thế mà mỗi chiều thứ bảy dám rủ Kim Đính đi bơi ở hồ tắm Yết Kiêu (Thị Nghè), hoặc hồ tắm Thiên Nga ở cuối giốc cầu Phan Thanh Giản. Chàng gầy mà thân thể đầy đặn, cánh tay và cặp đùi chắc nịch, cái bụng thật thon, làn da ngời ngời ánh sắc trẻ trung khỏe mạnh. Có đi tắm, đi bơi, rồi uống chung một ly nước cam (một ly có cắm hai ống hút) với chàng, khi về nhà, Kim Đính múa bút một cây vi vút, văn thơ tràn ngập nắng vàng bãi cát, biển khơi xanh, đồi thông biếc, thảm cỏ thêu hoa, chim xôn xao, bướm dập dìu; đủ thứ chất liệu mùa hè nườm nượp hiện dưới ngòi bút của nàng.

Bỗi lỡ yêu chàng sinh viên rồi, Kim Đính coi cấp bực nào trong quân đội cũng như nhau, từ anh binh nhì "đơ dèm cùi bắp" tới ông sĩ quan thượng cấp cũng "nêm xối xèng". Nàng cũng chẳng để ý gì tới binh chủng, anh chàng phi công cỡi mây đè gió, anh chàng nhảy dù treo tòng teng giữa trời, anh chàng thiết giáp ngồi chễm chệ trên chiến xa, anh chàng lính canh trên đồn vắng chiều xuân cheo leo, hay anh lính kiểng lính huê trong văn phòng, thiệt tình tất cả không có liên quan gì với tình ảnh của Kim Đính ráo trọi. Anh lính, chàng sĩ quan tử trận cũng chỉ gợi cho nàng tình

nhân loại chung chung. Anh sĩ quan, anh lính văn phòng khéo léo dắt đào đi cho thượng cấp được thưởng chương mỹ bội tinh, hay họ bị muỗi đốt, rệp chích được tưởng thưởng chiến thương bội tinh đối với nàng thì cũng vậy... thôi, có gì gọi là nhục nhã!?

Sáng hôm nay, nghe cô Thiên Kim đề nghị, Kim Đính mừng khấp khởi. May mà thuở trước nàng không yêu lính nên không làm thơ, viết đoản văn tùy bút để ca tụng lính. Nàng chỉ ca tụng sinh viên, ca ngợi tuổi trẻ. Kim Đính tin chắc rằng rồi đây dưới chế độ mới, sinh viên và tuổi trẻ là hai vấn đề Đảng và nhà nước sẽ quan tâm, lớp giấy dù có khác nhưng cái sườn của lồng đèn thì vẫn y nguyên. Nàng sẽ có cơ hội ca tụng sinh viên và tuổi trẻ dài dài. Tuổi trẻ và sinh viên dưới chế độ mới chắc sẽ hồng hào, mới mẻ hơn, dẫu có kém thơ mộng đôi chút.

*
* *

Cô Thiên Kim dắt theo ngoài Kim Đính còn có năm cô gái nữa cô nào cũng có ngực, có eo, có mông đáng được trình diễn, dù có cô mặt mụn như cái bánh tráng nướng, dù có cô da đen mốc mốc như cái bánh tổ phơi chưa đúng cữ nắng, dù có cô mắt mí lót, lông nheo vừa cụt vừa thưa. Hỏi ra, đây là các cô vũ sexy trong các hộp đêm Mỹ, trong các căn cứ Mỹ. Vũ sexy ở các sân khấu đại nhạc hội như Xuân Trang, Thu Thủy, Tuyết Nhung, thì chỉ lột có 60%. Còn vũ ở các club Mèo thì *một chăm phần chăm* là cái chắc, đó là không thể kể vụ ngủ nghê với Mỹ để kiếm chác thêm tí tiền xe pháo, mỹ phẩm, quà vặt.... Cô Thiên Kim giải thích:

-- Vũ sexy... cũng là một môn vũ. Các cô vũ sexy vẫn được gọi là vũ công - ballerine hay danseuse - còn mấy cô khiêu vũ trong dancing thì gọi là các em vũ nữ - cavalier - đâu có thể gọi là nữ nghệ sĩ được?

Cô Thiên Kim đúng là tay biện bác giỏi, nên mấy cô nữ vũ công sexy được ghi vào sổ đăng ký dành cho các nghệ sĩ trình diễn.

Trụ sở tạm thời để cho văn nghệ sĩ đi đăng ký là toà đại sứ Đại Hàn, nhỏ mà xinh, tường phấn kẻ bông hoa chạy hồi văn màu tươi, phơn phớt.

Khi thấy tên mình được viết vào sổ đăng ký, Kim Đính yên lòng lắm. Nàng thấy mình cũng nghệ sĩ như ai, dù dưới chế độ cũ, nàng chỉ là cô em văn nghệ ở mục *"mái lều thơ"*, ở mục *"vườn hoa văn nghệ"*. Nhưng mà nếu cái chế độ trước kéo dài thêm vài năm nữa, chắc mẻm là nàng sẽ là cây bút viết về tuổi trẻ tình yêu, như Dung Saigon, như Nguyễn Thảo Uyên Ly, như Nguyễn Đức, rồi theo cái vèo vi vút, nàng sẽ thành một Nhã Ca thứ hai, mấy hồi. Mà kìa, trong sổ đăng ký có biết bao là tên nhà văn cỡ bự, nhà thơ cỡ lớn, nhà biên khảo nặng ký. Những nhân vật đó trước cuộc đổi

đời, đối với Kim Đính là những nhân vật kính nhi viễn chi, những Thái sơn, Bắc đẩu chỉ để nàng chiêm ngưỡng, chớ đâu được đến gần họ, hoặc cùng họ đứng chung một tờ báo, một tạp san?

Giữa lúc cô Thiên Kim cùng Kim Đính và các cô nữ vũ công sexy lục tục kéo ra ngoài gánh phở lưu động thì một đoàn người trai trẻ có xồn xồn có, mặt mày quê ệch bước vào đăng ký. Ông xồn xồn, hàm trên đầy răng vàng tỏa hào quang, cất giọng khàn đặc:

— Chúng tôi xin đăng ký

Viên cán bộ người Bắc hỏi:

— Các ông làm gì trước thời Mỹ Ngụy?

— Dạ chúng tôi làm báo. Tờ báo X có nhà in riêng. Chúng tôi là thợ in, thợ sắp chữ, xếp ty-pô, thợ đóng và cắt xén. Chúng tôi làm báo.

Viên cán bộ phì cười:

— Như vậy các ông nên đi đăng ký bên công nhân. Ở đây là nơi đăng ký văn nghệ sĩ, những kẻ có dính líu tới nghệ thuật, chữ nghĩa.

Ông xồn xồn cãi chày, cãi cối:

— Riêng tôi, tôi làm thầy cò réc tưa, tôi còn sửa bản vỗ. Tôi cũng cầm bút, cũng dính líu tới chữ nghĩa. Tôi là... cũng làm đẹp cho văn hóa vậy.

Viên cán bộ bực mình:

— Thôi được, tôi tạm ghi tên các ông. Còn mấy người kia nên đăng ký bên công nhân.

Ông xồn xồn mặt mày hớn hở, phơi phới kéo cả bọn ra. Khi cô Thiên Kim trờ tới thì một tên oắt tặc tuổi cỡ mười lăm, mười sáu, mặt mày quạu đeo bước tới chào cô. Cô Thiên Kim tươi cười, đợi cả bọn tới gốc cây xong mới hỏi han:

— Tửng, em đi đâu đây?

Tửng nói nhỏ:

— Chị coi, suốt ba năm nay, em làm thợ sắp chữ trong nhà in. Mỗi ngày em loay hoay với ba bốn thứ kiểu chữ đứng, kiểu chữ xiên, cỡ nhỏ, cỡ bự, cỡ vừa. Em cũng... dính líu tới chữ nghĩa, chớ sao không. Vậy mà cái ông quan ngài cán bộ không cho em đăng ký. Chưa chi mà họ muốn làm ngặt em. Cách mạng gì họ, cách mạng chỉ có lỗ miệng thôi. Đây là thứ cách... miệng!

Cô Thiên Kim suyt nhỏ, nguýt thằng Tửng rồi kéo Kim Đính cùng năm cô gái kia bỏ đi. Các cô vũ sexy hôm nay cũng vui lắm. Một cô tự xưng là Thắm Thúy Nga bàn với bốn cô kia:

— Hôm nay là ngày mới. Chị em mình hùn nhau đãi chị Thiên Kim và chị Kim Đính một chầu ăn sáng để thắt chặt tình nghệ sĩ... Nghệ sĩ sáng tác yêu thương nghệ sĩ trình diễn.

Bốn cô kia hoan nghinh nhiệt liệt. Thiệt tình, cô Thiên Kim là ký giả, nhưng đôi lúc cô cũng viết tùy bút, viết truyện xì xằng. Ông xếp ty-pô đôi lúc nửa đùa nửa thiệt, kêu cô là nữ sĩ. Cô viết bài nào, khi đăng báo xong cô cắt ra dán vào tập riêng. Văn chương của cô cầu lấy ba bốn chục thúng giạ đựng mới hết. Ngặt số phần cô còn hắc ám, nên cô chưa cho xuất bản được một cuốn sách nào để cô hãnh diện với đời, để tên tuổi cô khỏi teo tóp, lu câm. Tuy nhiên trong thâm tâm, cô biết cô là nghệ sĩ sáng tác.

Ăn uống phè phỡn xong, năm cô gái chia tay, Thẩm Thúy Nga nhắc lại biệt danh của các bạn mình với Kim Đính

— Em xin nhắc chị... chị gì đây, hả chị Thiên Kim?

Thiên Kim đỡ lời:

— Đây là em Kim Đính. Nhưng khi viết báo, nó lấy nhiều bút hiệu lắm.

Cô gái mặt mụn:

— Thì mới nãy chị đây đăng ký bằng bút hiệu gì thì mình kêu cho nó gọn.

Kim Đính đỏ mặt:

— Mới nãy, em khai em là Sương Sa Trinh.

Thẩm Thúy Nga nghiêm trọng:

— Đây là chị Hoàng Yến Oanh (chỉ cô gái mặt mụn), còn đây là chị Phương Mỹ Dung (chỉ cô gái mặt đen mốc), đây là chị Hà Lệ Thanh (chỉ cô gái mắt mí lót có lông nheo vừa cụt vừa thưa), còn đây là chị Thiên Kiều Dung (chỉ cô gái có cái trán vồ). Còn em là Thẩm Thúy Nga, chắc chị chưa quên. Tụi em phỏng theo tên các minh tinh ca sĩ như Thẩm Thúy Hằng, Hoàng Oanh, Phương Dung, Hà Thanh, Thiên Trang mà đặt biệt hiệu. Thời đại mới, chắc cách mạng hoan nghinh tên đẹp. Tên xấu háy cũng là tàng tích nghèo đói, chủ bại.

Chia tay các nữ nghệ sĩ vũ công xong, hai chị em cuốc bộ ra Nhà Hát Tây, nơi đó dùng làm trụ sở cho các ký giả, phóng viên đăng ký. Khi vừa chui ra Nhà Hát Tây, cô Thiên Kim:

— Ủa, thầy Bàn! Sao thầy còn ở đây? Tui tưởng...

Thầy Bàn đây là người đàn ông tuổi gần năm mươi, trán cao và láng, tóc hơi thưa, đeo mục kính dầy cộm. Nguyên thầy là kẻ bàn thời cuộc thiệt hay, vốn là sĩ quan cấp bậc trung tá, làm việc ở Bộ quốc phòng, lấy biệt hiệu là ký giả Lòi Răng. Thầy ta có cái méo mó nghề nghiệp, đụng chuyện gì cũng đưa lên bàn giải phẫu, lý luận sắc bén hơn lưỡi dao cạo, ngay cả chuyện khoa học huyền bí thầy ta cũng bàn thiệt hay. Bọn đồng cốt, thầy bàn xâm ở vỉa hè Lăng Ông Bà Chiểu còn thua thầy xa lắc cỡ hàng chục cây số. Bàn hay như vậy, mà lúc Cộng sản đánh úp mặt trận tiền phương của quân đoàn III tại Phan Rang thầy có đủ điều kiện xuống tàu *ô rờ*

lui khỏi đất nước Việt Nam khốn khổ, nhưng thầy ở lại. Lý do: thầy vốn giàu, có tiệm vàng ở chợ An Đông, có năm căn phố lầu. Thầy sợ ôm vàng xuống tàu, giữa lúc hỗn quan hỗn quân, đạo tặc chúng *khoắng* hết vàng của thầy thì đau cho thầy biết bao nhiêu! Ở lại với vàng trong cái chủ nghĩa cướp cạn ban ngày ban mặt của cộng sản, mai sau, có cơ hội vượt biển với vàng bạc còn nguyên, thầy sẽ kể công với kiều bào rằng thầy ở lại với dân tộc trong thuở đầu khó khăn (thiệt tình lúc đó, dân mình làm sao tưởng tượng trên đường vượt biển có nhiều hải tặc).

Trong đám người chen chúc giữa cuộc hội họp các ký giả phe bại trận miền Nam, cùng vài ký giả phe giải phóng, cô Thiên Kim kéo Kim Đính Sương Sa Trinh vào cho kỳ được. Trừ Thiên Kim ra, các cô nữ ký giả thuộc loại săn tin choai choai đều ăn mặc quần áo nhẩn nha, phấn son lộng lẫy. Trong đám nữ ký giả của Mặt Trận giải phóng được mời tham dự gồm có hai mụ, một cô, cả ba đều mặc quần áo bằng vải xiêm đen, cổ quàng khăn rằn. Hai mụ ăn trầu xỉa thuốc, nhưng ăn trầu vén khéo, nên răng vẫn trắng, dù kẻ răng, nướu răng, lưỡi và môi thấm nước cốt trầu đỏ thén. Dĩ nhiên, mặt trận phải tuyển lựa kẻ ăn nói dẻo quẹo và sắc bén, lời nói thao thao, trơn như mỡ, nhưng chỉ quanh đi quẩn những chữ *tiến bộ, nhằm vào quần chúng, lô gíc, ý thức hệ, đảng tính, giai cấp đấu tranh, quá độ vân vân...*

Sau khi ra khỏi phòng thuyết trình hội thảo, Kim Đính đã thấy trưa trờ trưa trật, và cảm thấy tô phở không còn một cọng giá sống dính vào bao tử nữa. Thầy Bàn trờ tới, cô Thiên Kim hỏi:

— Nè, ông Thầy Bàn. Ông nghĩ sao về buổi thuyết trình vừa rồi?

Ông Thầy Bàn ngáp ủ ê rồi chỉ đám nữ ký giả phe bại trận màu mè hực hỡ như bươm bướm bảo:

— Rồi đây mấy cái cô này sẽ mặc quần áo vải xiêm đen, cổ vắt khăn rằn. Còn hai mụ, một ả vừa rồi sẽ ăn mặc như minh tinh.

*

* *

Tâm hồn và đầu óc Kim Đính vốn là những tờ giấy trắng sẵn sàng đợi chép những chép thần tiên. Thì đó, hồi cái *"trào"* ông Thiệu, nàng vừa mới lớn lên, đã biết pha cho mình một bình mực tím để chép thơ Nguyễn Bính, thơ tiền chiến vào tập bìa bọc sa teng màu xanh da trời, và với mực tím và ngòi bút lá tre, nàng đã viết thư tình trên giấy *bơ luya* mỏng lét như cánh chuồn chuồn với màu tươi phơn phớt như màu mạ non, màu hường lợt, màu tím hoa cà, màu tím sen. Kim Đính chỉ dùng viết BIC để ghi *cua* trong giảng đường đại học, để viết tùy bút, đoản văn ca tụng tình yêu sinh viên, học sinh rồi giao cho cô Thiên Kim để đăng lai rai. Thiệt tình, dưới

chế độ cũ, Kim Đính làm thơ, viết văn không khá. Nhưng trong thâm tâm, nàng vốn mơ có ngày được nổi danh như *chị* Nhã Ca, *chị* Dung Saigon. Dù chưa hề quen biết hai nhà văn nữ đó, nhưng hễ nói chuyện với lũ bạn, nàng vẫn bảo với họ rằng *"chị Nhã viết như thế này, chị Dung viết như thế kia"*, làm như hai nhà văn nữ đó là đồng nghiệp của mình không bằng. Dưới chế độ cũ, Kim Đính cứ tha hồ thả giấc mơ mình leo lên cái địa vị của *chị Nhã, chị Dung* của nàng, giấc mơ nàng sẽ bẻ quẹo qua địa vị của ai đây? Nhưng ai cấm Kim Đính mơ mộng lai rai, ao ước sơ sịa từ khi nàng theo cô Thiên Kim đi đăng lý ở Hội Văn Nghệ Sĩ, ở Hội Ký Giả? Chu choa ơi, giấc mơ của nàng rồi đây dù cứ bị bẻ quẹo qua hướng khác, nhưng bản chất của nó vẫn là bản chất của giấc mơ xưa cũ, cũng lởn vởn truyện tình đôi lứa trẻ trung. Chắc chắn nàng phải viết mối tình của các thanh niên xung phong, các chàng bộ đội trẻ, những dũng sĩ liệt sĩ thuở *"chống Mỹ cứu nước"*, thanh niên tiên tiến, phải chửi rủa tàn tích Mỹ Ngụy sơ sơ theo chỉ thị, phải đề cao chuyện lành mạnh xây dựng. Được rồi! Kim Đính sẽ viết theo *đơn đặt hàng* của cấp trên, miễn là nàng được thả tình yêu vài bài viết. Nàng tin chắc nhờ có tình yêu do niềm rung động chơn thành của mình, bài viết theo chỉ thị dù có khô khốc như rơm rạ, như dăm bào, hoặc lạt nhách như bã mía, cơm nguội đi nữa, thì tình yêu sẽ tưới mát nó ngay, giúp thấm sinh lực cho từng tình tiết.

Nhưng mà than ôi, các thanh niên xung phong, các thanh niên tiên tiến trong xóm của Kim Đính trông sao mà nản ơi là nản! Đó là tụi trốn lính cũ, tụi xì ke ma túy, tụi đá cá lăn dưa, tụi trời đánh thánh đâm gì đâu á. Nay *"cách mạng"* về tụi nó *"đón gió"* giỏi, đưa thì vào đội tiên tiến này, đưa tham gia vào đội xung phong kia. Hồi chế độ cũ, tụi nó tụ họp ở ngõ hẻm quẹo qua lò bún để chọc gái, hễ thấy bóng cảnh sát thì tìm cách chui rút trong xóm. Lại nữa trong xóm nàng có nhiều ngõ hẻm nhỏ hẹp tối tăm, là sào huyệt của bọn dao búa. Cảnh sát dù có *"chó lửa"* cũng không dám léo hánh tới đó. Tụi nó hễ nghe động tịnh là kéo về những ngõ hẻm đó, tha hồ chích choác ma túy. Nay chúng trở mặt, ra vẻ *"tác phong cách mạng"* một cách trơ trẽn, suồng sã. Chúng đón mấy cô mặc quần patte, kéo vào trụ sở rọc ống quần họ, không quên đưa tay ngọc thọc tay ngà vào *chỗ cấm kỵ* của họ. Còn các chàng bộ đội non từ ngoài Bắc vào trông sao mà lùn thấp, trông khi đôi mắt của Kim Đính quen nhìn người có tầm vóc cao, hơi gầy gầy cũng không sao, miễn là tầm vóc vượt lên 1m67, cao hơn nữa hoặc vạm vỡ, lực lưỡng càng hay. Bọn bộ đội non này, hễ thấy gái miền Nam, nhứt là gái Sàigòng là cặp mắt hấp háy, bọn đó có vẻ vừa nhút nhát vừa gian hùng. Còn các chàng dũng sĩ từ rừng xanh ra da dẻ mốc cởi, mặt mét chằng mét trởng vì sốt rét, có kẻ mặt vàng ẻo, mắt vàng

ngầu vì bịnh đau gan, điệu bộ họ lù đù, sắc mặt họ lầm lì trông mà chán ngắt. Cầm bút lên mà đưa những mẫu người kể trên vào văn chương thì cũng ức hiếp cho nàng biết bao; họ đã làm tắt rụi giấc mơ lãng mạn của nàng. Vả lại, một tuần lễ sau ngày 30/4/75, Kim Đính theo mẹ ra chợ trời mua đầu chợ bán cuối chợ, đầu tắt mặt tối, khi hai mẹ con về tới nhà thì trời đã chạng vạng, khắp xóm đã lên đèn. Nàng vừa đặt nồi cơm, soong canh, mẻ cá lên bếp vừa thở giốc. Cơm nước xong, đầu óc nàng đã tối sầm vì cơn buồn ngủ kéo đến rồi, còn đâu cầm nổi cây viết nữa.

Hai ngày sau ngày lễ Lao Động (1/5/75), nhóm văn nghệ sĩ nằm vùng thời chế độ cũ sắm một cuốn tập giấy khổ lớn, bìa cứng. Họ bảo phe cầm bút bại trận:

— Anh chị em hãy ghi cảm tưởng của mình với cuộc cách mạng đánh Mỹ cứu nước vào cuốn sổ này và nhớ ghi địa chỉ. Chúng tôi sẽ trình sổ lên ban Tuyên Huấn, lên cơ quan Văn Hóa ở Hà Nội.

Câu nói sao mà bùi ngậm cả tai! Những văn nghệ sĩ nào đã lỡ dính hoặc mắc kẹt trong guồng máy *"ngụy quân, ngụy quyền"*, tha hồ mà suy tôn bác Hồ của người Cộng sản, hoặc tán dương *"cách mạng"* một câu vi vút. Nhưng mà ủa lạ này, chiều chiều, từ máy vô tuyến truyền thanh lẫn máy vô tuyến truyền hình cũng đọc bản thông báo của Hội Đồng Quân Quản rằng các văn nghệ sĩ nào đã kẹt *"ngụy quân"* thì nên đăng ký về phía *"ngụy quân"*, còn văn nghệ sĩ nào đã kẹt *"ngụy quyền"* thì đăng ký bên *"ngụy quyền"*. Ôi thôi, cô Thiên Kim nghe bản thông báo đó mà tá hỏa tam tinh, hai ông anh của cô là hai nhà văn quân đội, cấp bực Thiếu tá, Trung tá thì làm sao chạy khỏi cái chuyện *"học tập cải tạo"* đây. Bà con của cô đã đi tập kết hồi nẫm ra Bắc, giờ trở vào Nam thăm bà con, có rỉ tai cô rằng:

— Học tập cải tạo là hình thức bắt bỏ tù, không có tòa án thiệt thụ để kêu án.

Kim Đính có người anh một cha khác mẹ, cũng là dân đi tập kết, may mắn được vào Nam trong mấy ngày đầu sau khi miền Nam thất thủ. Bà Hai Điển gặp thằng con ghẻ mừng quính, nhờ hắn đi kiếm Kim Lân giùm bà. Hắn ầm ừ, ấm ớ. Bà mổ gà, phanh cá làm cơm thết đãi hắn tươm tất. Hắn nhìn tủ sách Kim Đính trầm trồ. Suốt ngày, hắn chúi mũi vào các pho chưởng của Kim Dung vừa xem vừa tấm tắc. Kim Đính còn lôi các dĩa hát, băng nhạc ra chạy cho anh mình nghe. Tới chừng nghe nhạc Nam Mỹ do các danh ca Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ như Catherine Valentine, Sara Montiel, Trios Los Panchos hát, hắn ta hỏi:

— Nhạc này giống nhạc Cuba quá.

Kim Đính ngây thơ hỏi:

— Người anh em xứ Cuba nói tiếng gì vậy anh?

— Tiếng Y Pha Nho.

Trước khi từ giã trở về Bắc, Kim Long, người anh một cha khác mẹ của Kim Đính buồn rầu bảo nàng:

— Em rán mà giữ sách này rồi bán lậu, được khối tiền đấy.

Người anh khác mẹ vừa đi thì Kim Lân lẽo đẽo trở về. Bà Hai Điểm mừng quính. Bà chỉ cái ảnh khổ 6x9 của đứa con ghẻ, bảo thằng con trai ruột:

— Anh mầy đó. Thằng Kim Long nó vào đây thăm tao với con Kim Đính.

Kim Lân mang chứng sốt rét trong mấy tháng gian khổ vừa qua. Mình mẩy anh hôi hám, tóc tai xụ xộp, râu ria lổm chổm. Kim Đính đi xoay sở thuốc ký ninh, thuốc nivaquine cho anh, trong khi bà mẹ pha nước ấm, bảo anh tắm gội, cạo râu... Kim Lân sau khi o bế thân thể, râu tóc, cứ nằm li bì trên giường vật vã từng cơn nóng lạnh đến tối tăm mặt mũi, nhưng khi anh được tiêm hai mũi quinimax thì cơn sốt thưa dần... Kim Đính nhìn anh mình bồi hồi thương cảm. Anh nàng hiền hậu, đời sống bình thường lành mạnh, chỉ tội kém thông minh, thi trung học đệ nhất cấp hoài không đậu, nhưng vẫn được học trường Võ Bị Đồng Đế để ra Trung sĩ, vui vẻ đi vào tác chiến, bị thương ở mông, được phái làm tà lọt cho một ông tham mưu trưởng một sư đoàn. Con người đó dù không tài ba, khí phách, nhưng tấm lòng như trăng rằm làu làu, không mặc cảm, không tị hiềm, ưa giúp đỡ mọi người... Con người như vậy đó mới đáng đưa vào văn chương, còn hơn là lũ sinh viên đón gió, làm cách mạng 30.

Bà Hai Điểm từ khi có đứa con ghẻ tới thăm, đứa con ruột sống sót trở về, nên hăng hái buôn bán ở chợ trời. Kim Đính, ngay lúc Hội văn nghệ sĩ giải phóng cho ra thông cáo những văn nghệ sĩ phe bại trận ai lỡ kẹt *"ngụy quân, ngụy quyền"* thì phải đăng ký bên *"ngụy quân, ngụy quyền"*, nàng bắt đầu mất tin tưởng chế độ mới chút ít rồi. Tới chừng khắp phường khóm đang mở cuộc học tập về chiến dịch bài trừ văn hóa phẩm phản động và văn hóa phẩm đồi trụy thì nàng hơi ngờ ngợ có điều gì không ổn, có một cái gì mất quân bình của chủ trương một chế độ. Cảm giác dù chỉ mù mờ nhưng cũng đủ làm nàng xốn xang khi nàng nghĩ tới việc Tần Thủy Hoàng thuở xưa đốt sách, giam cầm, bắt bớ kẻ sĩ... Nhưng dù sao nàng cũng còn nắm nuối tin tưởng chế độ mới, rồi ra đâu cũng vào đó, cuộc sống sẽ ổn định dần, và nàng sẽ cầm cây bút viết truyện thần tiên, truyện lứa đôi theo sự hướng dẫn của đường lối Đảng...

Từ khi có Kim Long về thăm, gia đình nàng coi bộ sáng giá chút đỉnh. Bà Hai Điểm khoe với xóm giềng:

— Thằng Hai Kim Long tuy là con ghẻ của tui, nhưng khi má

nó chết, chính bà ngoại nó cầm trầu cau cưới tui về cho ba nó, nên nó kính tui như mẹ ruột vậy.

Tưởng vậy là êm xuôi, tấm ảnh 6x9 của Kim Long sẽ là cái bùa hộ mạng cho gia đình bà Hai Điểm. Nhưng vào một buổi tinh sương nọ, đang lúc Kim Đính nấu cháo cho Kim Lân thì có tiếng đập cửa. Bà Hai Điểm run lập cập, bỏ mặc nồi cháo đang sôi lụp bụp trên bếp, chạy ra mở cửa, đầu óc lảo đảo với ý nghĩ:

— Trời ơi! An ninh trên phường tới *"thăm"* rồi đây!

Nhưng không phải là toán an ninh, mà là toán thanh niên xung phong cầm đầu bởi thằng Năm Lò Bún. Nguyên tên Năm này là dân đào ngũ thời chế độ cũ, sau đó hắn dùng tiền để mua một thẻ căn cước khai tuổi cao để hợp thức hóa tình trạng miễn dịch của mình. Hắn để râu xồm cho có vẻ lớn thêm 10 tuổi... nên hắn có thêm cái hỗn danh là Năm Râu Kẽm, vì bộ râu hàm của hắn cứng đơ và to sợi như những sợi lông cước. Nhà hắn ở gần lò bún, hễ rảnh rang là hắn đi o mèo, hoặc qua chùa Quán Thế Âm để sách động người trong xóm dự cuộc thuyết pháp của mụ vải già lưu đạn Huỳnh Liên. Hễ có mụ vải già lựu đạn thì có thêm mụ Ngô Bá Thành, cả hai rắc nọc phản chiến, rải độc tố chửi Mỹ *"tưới hột sen"*. Năm Lò Bún kiêm Năm Râu Kẽm làm cò mồi, vỗ tay từng chập theo từng câu nói của diễn giả để cho thính giả vỗ tay theo.

Mặt Năm Râu Kẽm đã tối như trời lúc chạng vạng, nhá nhem, khi dếnh bộ râu kẽm vào thì nó tối sầm, tối đậm như đêm ba mươi Tết. Năm Râu Kẽm cứ suốt ngày o bế bộ râu, tỉa mỏng ở ria mép, vét nạo bên quai hàm vừa cụt vừa hẹp, không cho mấy sợi râu lẻ tẻ không được mọc bậy về phía bên má. Có một lần Kim Đính cùng cô Thiên Kim đi chợ gần bên trụ sở Thông Thiên Học, bị Năm Râu Kẽm chọc. Vốn là tay đáo để, cô Thiên Kim bảo:

— Nè anh Năm, chung quanh miệng anh râu mọc tùm lum. Anh mà ăn tiết canh dính quanh mép anh; ngó miệng anh tui tưởng như mình mỗi tháng một lần nhìn phía dưới rún của mình.

Nay thì *"cách mạng đã về"*, công lao thậm thụt phản chiến của Năm Râu Kẽm cất nhắc hắn ta lên làm đại diện phường. Trong thời kỳ làm thẻ kiểm tra giả để chạy tội đào ngũ, Năm Râu Kẽm bị bắt buộc để râu làm già, giờ đây hắn "thiến" phăng bộ râu đi, tóc hớt gọn, cốt cho khuôn mặt mình trẻ trung, sáng sủa hơn. Chưa đỡ ức, hắn còn tham gia chức trưởng toán thanh niên xung phong để trà trộn trong nhóm người trẻ tuổi, và để được lây cái không khí, cái sinh lực của họ...

Năm Râu Kẽm đi cặp với một tên cán bộ thứ thiệt, mà sau này bà Hai Điểm mới biết đó là tên chính ủy cùng toán thanh niên gậy gộc, mặt mày cứng lạnh như nước đá mới đông. Hắn bảo bà Hai Điểm:

— Thưa bác, hôm nay tụi cháu đến đây yêu cầu bác giao những văn hóa phẩm đồi trụy cùng văn hóa phẩm phản động cho tụi cháu, để tụi cháu thiêu hủy hết cái tàn tích thoái trào, hủ bại do Mỹ ngụy để lại.

Kim Đính lòng đau như cắt khi thấy toán thanh niên lục lọi khắp nhà mình. Chúng quơ chúng hốt những pho chưởng Kim Dung những cuốn tiểu thuyết của Quỳnh Dao, những tác phẩm của Duyên Anh, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Nhã Ca, Dung Saigon... mà nàng đã chắt chiu mua sắm từ bao năm qua. Những cuốn sách đó nàng bọc bìa bằng plastic trong suốt, dự định khi nào có tiền nàng sẽ bọc bìa da mạ chữ vàng. Khi bàn tay của Năm Râu Kẽm rờ tới hai cuốn Pháp Việt Tự Điển và Việt Pháp Tự Điển của Đào Đăng Vỹ, Kim Đính la lên:

— Đây là hai cuốn tự điển chứ không phải là tác phẩm phản động hay tác phẩm đồi trụy gì đâu. Xin quý ngài buông tha cho.

Năm Râu Kẽm điềm nhiên xài xể Kim Đính:

— Cô vẫn còn khư khư ôm cái óc nô lệ, hũ bại. Cách mạng đã đánh đuổi tên đầu sỏ Đế quốc Mỹ, dân tộc ta là dân tộc vinh quang, dân tộc anh hùng, không cần phải học tiếng bọn cựu thực dân Pháp làm gì. Rồi đây, chúng ta sẽ học tiếng của người anh em Liên xô, dân tộc đồng chí thân yêu của chúng ta...

Hai cuốn Tự điển chui vào tay nải của Năm Râu Kẽm, trong khi đó mắt hắn quét qua tên chính ủy, hai đứa cùng nở một nụ cười thật khó hiểu mà Kim Đính tự hỏi đó có phải là nụ cười châm biếm hay nụ cười đồng lõa đây?

Tới lúc tên chính ủy rờ tới chồng dĩa, phước chí tâm linh Kim Đính hùng hổ sấn tới:

— Chồng dĩa này thâu các nhạc phẩm của nghệ sĩ Cuba đó. Chồng dĩa này của anh Hai tôi, ảnh hiện giữ chức trưởng ban tuyên huấn huyện Nhà Bè đó.

Bàn tay tên chính ủy rụt về. Hắn lẫn Năm Râu Kẽm nhìn Kim Đính nghi hoặc. Thật tình Kim Đính chẳng hiểu ngành Tuyên huấn là ngành gì? Bên Nhà Bè có tổ chức ban Tuyên huấn hay không? Và anh Kim Long của nàng giữ chức vụ gì bên đó? Nhưng trong phút nguy nan của chồng dĩa đủ cỡ *45 tours, cỡ 35 tours* nàng bịa bừa, bịa ẩu, bịa lếu láo để bảo vệ nó. Nàng gượng làm tỉnh khạc ra một tràng hung hãn:

— Mấy người thử hát một dĩa mà nghe thử. Đây là loại nhạc thán oán xã hội cũ của xứ Cuba. Anh Hai tui dầy công sưu tầm, để viết một bài đả kích xã hội thối nát cũ của xứ Cuba khi xứ này chưa có đồng chí Fidel Castro đứng ra đuổi tụi Mỹ ra khỏi Vịnh Con Chó để lãnh đạo xứ sở đó.

Đôi mắt tên chính ủy trở nên lấm lét. Trong khi đó, bàn tay

của tên Năm Râu Kẽm rút khỏi chồng dĩa... Thế là, chuyện bịa bá vơ của Kim Đính đã cứu thoát chồng dĩa đó. Thiệt tình, Kim Đính quên cái việc Fidel Castro bài Mỹ, việc hắn cướp sống chính quyền. Nàng quên tuốt vụ hạm đội Mỹ rình rập ở ngoài vịnh Con Heo nên nàng gán cái tên Con Chó cho cái vịnh ấy. Mà cái tên Con Heo hay Con Chó đâu có cần thiết gì đối với một kẻ có đầu óc văn chương tươi mát, mịn màng như nàng. Mai kia mốt nọ nàng sẽ âu yếm tặng cho cái vịnh ấy những tên vĩ đại hơn như Vịnh Con Bò, Vịnh Con Voi thì với trình độ kiến thức eo hẹp, Năm Râu Kẽm và lũ *lâu la* cà chớn cũng chẳng thắc mắc làm gì...

Khi toán bài trừ văn hóa phản động và đồi trụy đi khỏi, nước mắt Kim Đính ứa ra. Nàng không bảo vệ được sách mơ mộng, lãng mạn, chẳng có dấu vết nào gọi là đồi trụy, là phản động. Cái chính sách gì mà kỳ quái. Ở địa phương này thì ra chỉ thị không nên rọc quần ống loa của phụ nữ, không tịch thâu sách vở loại thơ mộng. Vậy mà ở địa phương khác, ở phường khóm khác, bọn an ninh, bọn thanh niên xung phong vẫn xắn xả làm những chuyện vi phạm những điều mà ở địa phương kia ngăn cấm.

Chừng tới xế, cô Hai Xuân Đào cùng cô em qua chơi, cho biết:

— Lạ quá hén! Ở đây tịch thâu sách phản động, sách đồi trụy mà họ không có đốt như ở phường khác... Chèn ơi,thằng Năm Râu Kẽm nó rinh sách vở về nhà ê hề. Nhà nó giờ đây biến thành một tiệm sách đó.

Cô Ba Hạ Huệ, em gái kế của cô Hai Xuân Đào cười:

— Mai mốt nhà nó sẽ biến thành cái thư viện cho bà con coi. Phường của mình là thí điểm tiên tiến, nên mấy ông cán bộ ở ngoài Bắc vào đây đốc xúi thằng Năm mở chiến dịch tịch thu sách trước. Mấy phường khóm khác thì êm ru, chẳng có ai lý tới việc sách vở cả.

*
* *

Sau cái Tết năm Bính Dần, những kẻ dính mắc vào việc đi học tập cải tạo vẫn chưa thấy về. Rồi đó, chiến dịch bắt bớ văn nghệ sĩ phe bại trận vì đã lỡ viết *văn phản động* hồi chế độ trước đã làm cho giới trí thức miền Nam xửng dửng, bàng hoàng. Cái cuốn tập mà Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng yêu cầu văn nghệ sĩ phe bại trận ghi cảm tưởng và ghi địa chỉ là một cái bẫy cực kỳ tinh xảo. Bọn cán bộ văn nghệ phe thắng trận đã nắm chặt địa chỉ của văn nghệ sĩ phe bại trận rồi. Và đối chiếu theo danh sách ghi tên các văn nghệ sĩ viết sách phản động do cục R cũ cung cấp, bọn an ninh nửa đêm xông vào tóm gọn *"những kẻ phản động"* ngon ơ. Bọn an ninh đến từng nơi mà văn nghệ sĩ ở được bọn an ninh nằm trong Hội Văn

Nghệ Sĩ Giải Phóng điều động, hễ tóm ai là tóm gọn, không kịp trở tay xoay sở tình thế.

Vào một buổi sáng, cô Thiên Kim mặc bộ đồ vải xiêm đen đến kêu cửa nhà bà Hai Điểm. Cô từ giã về quê của cô là quận Nha Môn thuộc tỉnh Sadec cũ, đi kèm bên cô là cô Thục Quỳ cũng là ký giả, cũng mặc quần áo đen vắt khăn rằn. Cô Thiên Kim ngâm thơ i ỉ:

Văn chương chi nữa mà mong
Về quê trồng rẫy cho xong cuộc đời

Lời thầy Bàn bắt đầu ứng nghiệm: nữ ký giả miền Nam tới lúc mặc bô vải... Và rồi, trong Khóa Bồi Dưỡng Chính Trị dành cho văn nghệ sĩ phe bại trận, Kim Đính cũng ghi tên tham dự... Vào ngày đầu nhập khóa, mắt Kim Đính hoa lên: hai mụ một ả ký giả *"giải phóng"* đã từng thuyết trình trong cuộc họp lần đầu tiên, sau ngày 30/4/75 tại trụ sở Hội Ký Giả Việt Nam có xin tham gia với tính cách dự thính và quan sát. Họ mặc quần tây áo sơ mi tay dài, đi giày cao gót. Tóc họ đã uốn từng lọn quăn như đít con ốc gạo và được chải công phu. Hai mụ lớn tuổi cũng vẫn ăn trầu, nhưng răng được chà kỹ cho trắng hơn, môi họ tô son lợt. Vì không thạo cách ăn mặc tân thời, họ có vẻ giống mấy con điếm quê quê ở thành Ô ma vào thời kỳ Pháp thuộc. Đó là lối so sánh của ông thầy Bàn cùng học tổ *Văn* với Kim Đính vậy.

Ngay vào ngày đầu nhập khóa, Kim Đính cũng như mấy ba mấy cô nhà văn, nhà thơ, nhà báo nữ ăn mặc xoàng xĩnh, không dám đeo nữ trang, không dám tô son điểm phấn. Nhưng khi thấy hai mụ một cô ký giả giải phóng đã ăn mặc đỏm dáng, cho nên một phần vì quen thói cạnh tranh duyên sắc nằm sẵn trong tánh đàn bà, một phần muốn làm rạng mặt cách ăn thói ở trang nhã của người miền Nam, hôm qua chị em tao ngụy trang thành sâu, hôm nay chị em tao trở lại cốt con bươm bướm.

Ngồi trong lớp dành cho tổ Văn, Kim Đính còn đầu óc đâu mà nuốt nổi những bài học khô khan, những bài học nhắm về đường hướng văn nghệ mới trong văn chương. Vậy thì cuộc đời muôn màu, muôn vẻ là đâu? Văn chương gì mà chỉ gồm hai thứ người: phe chính diện thì đi theo đường lối Đảng để có muôn vàn khả năng làm đẹp mặt xã hội, làm đẹp mặt cuộc đời. Còn phe phản diện là thứ nặng đầu óc phong kiến, thực dân, đế quốc, chuyên môn phá bỉnh các guồng máy trong xã hội, chuyên môn khuấy động lòng người và tiêu diệt mầm móng tốt đẹp của con người. Ôi Kim Đính vốn mẫn cảm với những niềm rung động trữ tình *rất người*. Nàng muốn viết những cuốn sách tình yêu, chẳng cần nam nhân vật của mình vá trời lấp biển, đức hy sinh to lớn như đại dương, nàng cũng chẳng cần nữ nhân vật nữ mình coi rẻ tình yêu, húc đầu vào chuyện

lao động sản xuất để đưa đất nước vào mức độ vinh quang mà Đảng và Nhà nước nhắm tới. Vì từ khi có vụ bài trừ văn hóa phẩm phản động và văn hóa phẩm đồi trụy Kim Đính đã thấy rằng chủ nghĩa Cộng sản đã tạo ra một thế mất thăng bằng rồi; cái gì cuồng tín, cái gì quá khích thường làm cho lòng người dao động, mà lòng người dao động rồi thì cuộc đời sẽ dao động theo — *Tâm và Cảnh vốn tương ứng*. Ngay từ lúc đất nước bị ném vào một tình thế chông chênh. Đim Đính bắt đầu xem kinh Phật. Nàng bắt đầu sợ bất cứ chủ thuyết nào, do bất cứ nhà thông thái nào đề xướng ra. Con người làm sao thấu suốt và nắm vững mọi vấn đề để mà đề xướng ra chủ thuyết? Hừ, chủ thuyết nào cũng đề cao vấn đề này, đả phá vấn đề kia. Mà than ôi, cái thiên đường thì khác nào hòn bột vo tròn như bánh trôi nước, xinh xắn, đẹp đẽ, nếu anh làm cho chỗ này lồi lên thì chỗ kia phải lõm xuống, cái vóc dáng tròn trịa đã mất, bánh trôi nước đã hư, khó lòng cái nhân đậu ngon lành vào... Ôi, Nát Bàn (sự thực tối hậu, sự thực tuyệt đối) kia là một vầng tròn sáng, tịch chiếu bất khả tư nghì. Rồi chợt một mầm móng cực vi (một niệm thiện hoặc một niệm ác) gợn lên, cái mầm móng, cái niệm đó so với cái lớn không ngần mé của cái vầng tròn sáng kia chẳng đáng kể vào đâu, vậy mà nó đủ sức tạo sự mất thăng bằng trong môi trường tịch chiếu đó. Rồi niệm này sinh niệm khác, trùng trùng duyên khởi, sự thăng bằng rã tan, tốt ở chỗ này, xấu ở chỗ kia; chỗ tốt là thiên đàng, là Cực Lạc, chỗ xấu là cõi uế độ là địa ngục.

Cùng với tư tưởng thấm nhuần lý thuyết nhà Phật kia, Kim Đính rất sợ sự cuồng tín sợ sự quá khích. Chủ nghĩa Cộng sản mà trước kia nàng không bao giờ tìm hiểu, giờ đây đến miền Nam tạo nhiều sự mất thăng bằng, gây nhiều xáo trộn, nàng không còn tin tưởng nó nữa. Nàng đã viếng một vài người bạn ở phường khóm khác, đã chứng kiến những cảnh đốt sách. Ôi những bìa sách, những trang sách khi gặp mồi lửa! Sức nóng đột ngột, tình trạng đột biến còn làm cho những vật vô tri, vô giác kia quằn quại, huống hồ là đối với con người có linh hồn, có trái tim, có tri giác? Những ngọn lửa vàng lạt ửng màu xanh ở gốc liếm tới đâu, chất giấy trắng xám dần, co lại, duỗi ra, vật vã như một con vật bị thương trong phút lâm chung. Hình ảnh đó đội sâu vào tâm hồn Kim Đính. Ôi xã hội nào mà chẳng có một vài điều xấu, điều tác tệ. Dựng nên một xã hội mới có cần hủy diệt hoàn toàn xã hội cũ như đường lối *"cách mạng"* đề ra không? Một cái nhà có vài chỗ hư, anh có cần đem mìn giật sập để cất nhà mới đẹp hơn, trong khi anh không có sẵn tiền bạc dồi dào, không có có một kiến trúc sư giỏi không? Hay thôi, chi bằng anh sửa một vài chỗ hư đó, quét nước vôi mới, mua thêm đồ ngoạn khí mới về trang hoàng thì dễ dàng hơn không?

Suốt thời gian bốn tuần học tập chính trị, Kim Đính chỉ muốn cho mình khỏi bị phường khóm dòm hành, khỏi đi dân công thủy lợi, khỏi đi họp bốn buổi tối hàng tuần. Đầu óc nàng bị dị ứng với các lý thuyết Cộng sản rồi, nàng còn can đảm đâu nữa mà mơ có ngày cầm bút viết những trang sách thần tiên trong cái thiên đường ảo mộng của người Cộng sản vạch ra?

Vào mùa mưa, những cây tràm trồng chung quanh trụ sở Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng toát ra mùi thum thủm. Vào những trưa lạnh ráo và oi bức, vào lớp học, Tổ Văn lẫn tổ thơ và tổ điện ảnh uể oải, lừ đừ. Văn nghệ sĩ phe bại trận tới đây cốt để được an thân, để khỏi bị bọn an ninh phường khóm dòm ngó, chớ đâu có phải hạ quyết tâm học để thấm nhuần tư tưởng Mác Lê? Đầu óc của họ đã bị cuộc đổi đời giật sập những dự định, những then chốt trong hệ thống nhân sinh quan, họ mất thăng bằng, họ lảo đảo, họ tè quị mà gượng đứng dậy trở nên dị ứng với cái chủ thuyết mới do ông Các Mác đề xướng ra; nó đâu phải chỉ có vẻ xa lạ, mà còn không thực tiễn, được viết ra do một kẻ mất thăng bằng, mất sáng suốt, nắm chặt khư khư ở đầu này, buông lơi thả lỏng ở đầu kia.

Cô Thiên Kim rốt cuộc lót tót trở về thành phố, mang theo bịnh sốt rét lẫn bệnh ghẻ lở. May là trước khi về quê, cô giao nhà cho cha cô làm chủ, vì cha cô vốn là dân nằm vùng cũ... Cô về thành phố, ở đậu ngay trong ngôi nhà cũ của mình. Cha cô hồi nào mê sa chủ thuyết cộng sản như lậm bùa, bây giờ đã *sáng mắt Văn Vĩ*" nên viện cớ mình già yếu, không tham gia một hoạt động nào trong khóm, trong phường. Có cô Thiên Kim về, có cùng học chung tổ văn trong khóa Bồi Dưỡng, ông thầy Bàn và Kim Đính có nhiều cơ hội gặp nhau, trò chuyện nhau. Ông tính sai một nước cờ nên ông bị kẹt. Có bị kẹt, ông càng sáng suốt chuyện nhân tình thế thái hơn. Cô Thiên Kim đau nặng, ông dấm dúi hai lạng vàng lá cho ba cô để cô được nằm nhà thương. Và người đàn ông góa vợ thể tháo gia có tật hay bình luận kia đã có nhiều dịp đi sâu vào trái tim Kim Đính hơn. Một cô gái trẻ măng yêu người đàn ông góa vợ tuổi bốn mươi ngoài, chân còn dẻo, lưng còn thẳng, bụng còn thon kia, giữa một xã hội chông chênh mà còn dân chúng đầu đêm vào giường ngủ thường tự hỏi sáng mai mình sẽ kiếm sống bằng cách gì, thì có chi mà người bàng quan phải nhăn nhó, càu nhàu hoặc nguýt háy, nhọn mỏ chìa môi? Trong căn phòng riêng của ông thầy Bàn, sau cuộc ái ân, Kim Đính ôm chặt lấy tình nhân:

— Anh dạy cho em giữ một nếp sống quân bình bất cứ ở mọi hoàn cảnh nào, có vậy mới vượt được tai ương, hoạn nạn. Nhưng được làm tình nhân của anh, em không ao ước gì hơn. Em cần có một đứa con với anh. Có lẽ đứa con sẽ dựng cho em một nền móng thăng bằng hơn.

Cô Hai Xuân Đào và cô Ba Hạ Huệ thường đến chơi nhà bà Hai Điểm, thường tức rảy bên tai Kim Đính:

— Thằng Năm Râu Kẽm cùng lũ lòng tong lục chốt của nó mướn xe ba bánh chở sách ra chợ Bến Thành.

— Tụi cán bộ ở ngoài Bắc vào Nam bỏ tiền ra mua sách ngụy không tiếc tay.

— Sách chưởng Kim Dung giờ đây bán mắc như vàng và đắc như tôm tươi.

Tiểu thuyết của Quỳnh Dao, La Lan, Từ Tốc, Y Đạt cũng được tụi Bắc Kỳ chiếu cố hết mình.

Thầy Bàn đưa Kim Đính ra buôn bán ở chợ trời trên đường Đồng Khởi. Họ mua đi bán lại dàn âm thanh, ti vi, máy giặt, quạt máy, máy sấy tóc, tủ lạnh... Và một hôm, dừng chân gần bên một chiếc drap trải rộng để bày sách, tình cờ Kim Đính gặp hai cuốn Tự Điển Việt Pháp và Pháp Việt của Đào Đăng Vỹ mà cái bìa da, hàng chữ mạ vàng trên bìa trước và trên gáy của hai quyển sách đó gợi cho nàng sự tò mò. Nàng thử lật ra trang đầu: hàng chữ *"mua ngày..."* và cái tên Kim Đính của nàng đã bôi kỹ bằng mực tàu, bày hai vết đen trơ trẽn trên trang giấy. Ông bà ông vải ơi! Ngó xuống mà coi thằng Năm Râu Kẽm! Hèn gì mà phường khóm của nàng không có vụ đốt sách. Sách phản động, sách đồi trụy giờ đây tràn đìa trên drap. Lũ cán bộ miền Bắc đứng thản nhiên lật xem từng cuốn, và cò kè trả giá.

Kim Đính tối hôm đó về nhà thuật chuyện cho mẹ và anh nghe, khóc ròng... Nàng sẵn có tiền nên muốn thực hiện lại một tủ sách khác, giấu kín đáo ở trong buồng, nên hôm sau nàng trở lại chỗ bán sách cũ. Hai cuốn Tự Điển đã bán từ xế hôm qua rồi. Đang lúc Kim Đính ngẩn ngơ thì thằng bé đứng gác lũ an ninh áo vàng chạy lại báo tin cho người bán sách:

— Bò vàng tới!

Người bán sách cùng bà vợ túm tấm drap gói gọn mớ sách rồi phóng vào một ngõ hẻm. Kim Đính đớn dác, ngó mông, đầu óc trống rỗng kỳ cục. Bỗng có một bàn tay đặt lên vai Kim Đính. Nàng quay lại. Năm Râu Kẽm láu lỉnh nhìn nàng:

— Lâu quá, mới gặp em đó, em Kim Đính à. Nghe nói lúc này em làm ăn phát tài, muốn mua lại Tự điển Pháp Việt, Việt Pháp, Anh Việt, Việt Anh. Em có ý định vượt biên nên mới học sinh ngữ của tụi Thực dân, Đế quốc phải không?

HỒ TRƯỜNG AN

Ba bài thơ của Alexander Solzhenitsyn

Lời người dịch : Nói đến Alexander Solzhenitsyn người ta thường nhắc đến những tác phẩm văn xuôi (tiểu thuyết cũng như hồi ký) đã đưa ông lên địa vị một trong những nhà văn quan trọng nhất của văn học Nga hiện đại. Thơ của ông hình như ít được nhắc đến mặc dù năm 1977, ông có cho xuất bản tập "Đêm Prussia" dưới hình thức thuật truyện. Trong thi ca, Solzhenitsyn tỏ ra nhẹ nhàng hơn, nhưng đầy ngậm ngùi, chua xót. Ông gói ghém nỗi đau trước cảnh tượng suy tàn của quê hương ông dưới chế độ cộng sản bằng một thứ ngôn ngữ tuy giản dị nhưng gạn lọc và trong suốt.

Ba bài tản văn dưới đây được trích dịch từ "Tuyển tập thơ văn Solzhenitsyn" do nhà Farrar, Straus & Giroux ở New York xuất bản năm 1971 khi ông chưa bị chính quyền cộng sản sô viết tước bỏ quyền công dân và trục xuất ra khỏi nước Nga.

1. Tự Do Hít Thở

Đêm qua mưa và bây giờ từng tảng mây đen
lờ lững trôi trên bầu trời, thỉnh thoảng
đổ xuống một làn nước mỏng.

Tôi đứng dưới tàn cây táo xum xuê hoa trái.
Cây táo và đám cỏ chung quanh lóng lánh ướt;
thực không có ngôn ngữ nào diễn tả được
mùi thơm dịu ngọt đang chan hoà trong không khí.

Tôi hít mạnh một làn hơi và thấy hương thơm
lan dần khắp châu thân; tôi thở với hai mắt mở to,
với hai mắt khép kín - và không thể phân biệt được cách nào
làm tôi thống khoái hơn.

Có tự do nào quí giá hơn tự do hít thở không khí như tôi đang làm ? Thế mà nhà tù đã cướp đi điều đó từ chúng ta.

Không một món ăn nào, một thứ rượu nào, ngay cả nụ hôn của người con gái, có thể ngọt hơn làn không khí đang ngấm đầy hương thơm tươi mát.

Dù đây chỉ là khu vườn nhỏ xíu, lọt thỏm giữa dãy nhà lầu năm tầng chồng chất lên nhau như những cái chuồng trong vườn bách thú.

Không còn tiếng rú của chiếc xe gắn máy nữa; không còn tiếng rên rỉ của chiếc máy hát nữa; không còn tiếng lải nhải của những ống loa phát thanh.

Khi vẫn còn không khí trong lành để thở dưới tàn cây táo sau cơn mưa rào thì chúng ta vẫn còn hy vọng sống thêm chút nữa.

2. Ngọn Lửa Và Đàn Kiến

Tôi ném thanh củi vào đống lửa và không biết trên thanh củi có một tổ kiến.

Thanh củi cháy nổ lốp bốp. Đàn kiến quýnh quáng túa ra trong tuyệt vọng.

Chúng chạy trên thanh củi và bị ngọn lửa thiêu chết rụm.

Tôi lôi thanh củi ra ngoài. Nhiều con thoát thân được chạy xuống cát.

Nhưng lạ thay, chúng không chạy tránh xa ngọn lửa.

Khi vừa qua khỏi cơn kinh hoàng, chúng quay lại, đảo vòng, và như có một động lực nào đẩy chúng trở lại chốn cố địa bất hạnh.

Chúng leo trở lại thanh củi đang cháy, chạy loanh quanh, và tan biến dưới ngọn lửa.

3. Chuyến Đi Về Oka.

Có đi trên những con đường quê ở
miền trung nước Nga bạn mới hiểu ra lý do
tại sao phong cảnh đồng quê ở đây làm tâm hồn
bạn nhẹ nhàng thơ thới lạ.

Đó là nhờ những ngôi nhà thờ nằm rải rác
khắp nơi. Có ngôi nhô trên đỉnh đồi. Có ngôi nằm dưới con
dốc thoai thoải đổ xuống dòng sông rộng.
Trông chúng giống như những nàng công chúa mặc
xiêm y trắng đỏ. Những tháp chuông chạm trổ
cao ngất ngưởng vươn lên trên những căn nhà chòi bằng gỗ
mái lợp rơm. Từ xa chúng như đang chào hỏi nhau,
cùng đứng chung dưới một bầu trời.

Dù bạn đang lang thang trên cánh đồng lúa chín
hay trên miền thảo nguyên bát ngát cách biệt
với nhà cửa trại ấp, bạn sẽ không bao giờ
thấy cô đơn: trên những rặng cây dày đặc,
trên những đống cỏ khô, và ngay cả trên đường
cong của mặt đất xa tắp, bạn sẽ luôn luôn
bắt gặp nóc tháp chuông của một ngôi nhà thờ
nào đó đứng chờ đón bạn; dù ở Borki Lovetskie,
Lynbichi hay Gavrilovskoe.

Nhưng khi vừa bước chân vào cổng làng bạn sẽ
nhận ngay ra một điều khác lạ là ngôi nhà thờ
từ xa chào đón bạn giờ trông buồn thảm như đã
chết. Cây thánh giá xiêu vẹo hoặc đã rơi đâu mất;
nóc tháp chuông loang lổ sơn để lộ ra những
mảng tôn rỉ sét; cỏ dại mọc đầy trên mái và
từ những kẽ nứt trên tường; khu nghĩa trang không
người chăm sóc, thánh giá gẫy đổ nằm ngổn ngang
trên các mộ phần; mộ bia mờ nhạt vì mưa nắng ,
mang đầy hình vẽ chữ viết bậy bạ.
Dưới cổng nhà thờ chiếc xe máy cày lắc lư kéo đi
những thùng muối, hay chiếc xe vận tải đứng chờ
nhân công chất lên những bao tải hàng hoá.
Trong nhà thờ, tiếng máy tiện, máy khoan chạy
rầm rì. Nhiều nơi khác được biến thành chỗ hội họp

(Nhất định đạt chỉ tiêu sản xuất sữa), hay làm nơi chiếu phim: Bài Thơ Cho Biển, Cuộc Phiêu Lưu Kỳ Thú.

Con người vốn luôn luôn ích kỷ và đôi khi độc ác.
Nhưng xưa kia chúng ta có các thiên thần
giống tiếng chuông vang dội khắp làng mạc
ruộng đồng. Tiếng chuông nhắc nhở chúng ta
tạm gác công việc thường ngày để dành một giờ
cho những ý tưởng về đời sống vĩnh cửu.
Tiếng chuông khi đêm tối xuống đã nâng địa vị
con người lên trên con vật, bây giờ được
thay thế bằng những bài hát cộng đồng.

Tổ tiên chúng ta đã đổ bao công lao - tất cả
tài năng và đức tin của họ - vào những
khối đá này, vào những tháp chuông này.

Này Vitka ơi, tươi tỉnh lên đi chứ ! Đừng ủ rũ
mãi như vậy. Buổi chiếu phim bắt đầu
vào lúc sáu giờ, và tám giờ sẽ có khiêu vũ....

***Trịnh Y Thư** dịch*
dịch từ ấn bản Anh ngữ của Michael Glenny.

Nguyễn Hiền Thảo

Ngủ không được.

TIẾNG ĐỘNG : Đêm khuya không thanh vắng. Ở đây, đêm khuya tràn ngập tiếng động. Gần nhất là tiếng vo ve nhỏ như sợi chỉ của mấy con muỗi ngay bên tai, tiếng rét rét của vài con dế ở trong góc phòng. Ngoài ra còn có tiếng gió, tiếng rù rù của mạch điện đang khắc khoải, và tiếng chim.

Chim ban đêm kêu nghe thật buồn thảm; chúng rú lên như vừa bị trúng đạn. Cứ tưởng tượng cái nhúm lông lá tả tơi từ trên trời rớt thẳng xuống. Lúc đụng mặt đất, nó sẽ kêu "thịch" một cái, rất bình thường, như tất cả mọi thân xác khác.

Cũng có tiếng mèo. Người ta nói mèo vô nhà là xui tận mạng. Người ta cũng nói mèo kêu ở nhà nào là nhà đó có người chết. Tôi nghe tiếng tru tréo như khóc lóc đã thấy buồn thảm hơn cả cái chết.

Và tiếng rao hàng lê thê nhắc nhở sự cô quạnh vô cùng trong bóng tối.

Đặc biệt là không có tiếng thở nào hết. Có ai thử để ý nghe tiếng thở chưa? Nó thân mật lắm kìa. Tiếng đều đều, âm ấm, thật quyến rũ. Nó tha thiết như chính từ trong thân thể mình thoát ra. Nó luôn luôn làm cho ta thấy phấn khởi hơn một chút.

Ngủ không được. Nằm ngáp vặt mà nghĩ hai lỗ tai mình đang nở to bằng cả trời đất.

Mấy con mèo thật khốn nạn. Không biết mèo đâu mà nhiều dữ. Làm như cả xóm nhà nào cũng phải nuôi ba bốn con vậy.

Giang sơn của chúng là những mái nhà liền lạc, cách nhau bằng khoảng sân nhỏ bằng nhau, có cái giếng nằm sát tường giống y nhau. Những mái ngói màu nâu đỏ cũ kỹ đã từng che chở những gia đình công chức trước kia vẫn nhô lên như những đồi núi trùng trùng điệp điệp. Từ trên đó, tiếng gào thét rền rĩ vang dội khắp đêm đen.

Ngoài ra còn "rào rào": đó là tiếng chúng rượt nhau chạy trên mái nhà. Những miếng ngói bể vụn thì nhau lăn xuống mái hiên

lợp tôn kêu lộp độp. Bên dưới kê cái giường của tôi. Nước mưa theo chỗ bể đã đi nhiều vệt vàng khè trên trần nhà và trên tường. Những vết đi nhìn lâu người ta có thể thấy được rất nhiều hình ảnh khác nhau.

Và "rầm".

Tất cả ngừng lại. Ban đêm căng cứng vừa bật nổ.

Rồi tiếng chạy rộn ràng trên mái hiên, vượt lên trên mái ngói, rồi nhỏ dần.

Mỗi đêm cứ như vậy, ba bốn lần.

CẢM GIÁC : Thật quen thuộc, nhưng tôi không nhớ trong trường hợp nào mình đã thấy như vậy. Hình như nếu mình nhìn một tấm ảnh gửi về từ nước ngoài, mình cũng có thể sẽ có cái cảm giác kỳ quặc đó. Nó hình như tê mê, nhưng rõ ràng là rất xót xa. Đâu cần biết những người trong tấm hình đang cười cợt thay nghiêm trang kính cẩn. Chỉ độc một ý nghĩ: trong một thời gian và một không gian nào đó, có những ngón tay đã chạm vào cùng một chỗ mà ngón tay của tôi đang đặt lên. Cái cảm giác làm tôi run rẩy. Trời! Giống thật quá. Thật đến nỗi tôi dám chắc chắn tất cả mọi thứ như tiền bạc, cơm nước, và ngay cả chuyện sống chết... tất cả đều chỉ là ảo giác.

Rồi tôi xem hình của gia đình anh tôi ở Mỹ vừa gửi về.

Tôi có cái khả năng như vậy. Giản dị thôi, tôi chỉ nhắm mắt lại, và tôi thấy.

Tôi có thể thấy chim, rất nhiều chim. Tôi có cảm tưởng cả một sự cảm thông đặc biệt giữa tôi và bầy chim đang nhốn nháo chung quanh. Có gì không? Sắp sửa đi xa, hàng năm vẫn như vậy. Vượt biển, đi xuống đảo Nam Dương, hay Phi Luật Tân, để trốn lạnh. Tôi gật gù. Quát quát. Đồng ý. Dang đôi cánh, tôi cất mình lên bay lượn lung tung. Thật tuyệt vời. Thật là cảm động. Tôi hoàn toàn tự do. Từ trên cao, tôi có thể lao vút xuống mặt nước. Chờ cho tới khi gần, thật gần. Vút. Tôi uốn mình một cái. Cả người lạng đi. Còn nguyên cả cái cảm giác ran rát ở bụng khi chạm mặt nước.

Tôi cũng có thể thấy mình chỉ là một đứa nhỏ đang dang hai tay ra giả làm máy bay. Cả thân hình tôi chúi nhủi, đâm xầm vô đụn cát. Cái cảm giác không đến nỗi tệ như mọi người thường tưởng. Tai tôi còn nghe rõ cả tiếng cát lạo xạo xước đi trên da. Rồi tôi chìm vào cát mất dạng.

Bây giờ tôi có thể là cát trong một bãi cát mênh mông. Và nếu Liên có trở lại tìm tôi, nàng cũng không thể nào nhận ra tôi được nữa.

Hình như trong bóng tối, tất cả mọi ý nghĩ dù vụn vặt đến đâu đều có một âm hưởng kỳ lạ; và tất cả mọi cảm giác, to nhỏ lớn bé, đều bỗng nhiên sắc bén hơn thêm.

Thật ra, nếu Liên có trở lại, tôi cũng không biết phải làm gì, nghĩ gì. Tôi có cảm tưởng chính tôi đã đổi thay, và tất cả chung quanh tôi cũng đều đổi thay. Một khúc phim được ráp nối dù hay đến đâu cũng không thể nào hoàn toàn liền lạc được. Huống chi cả hai đứa đều không còn cảm giác gì nữa. Biết như vậy. Hiểu như vậy. Nhưng...

Mẹ tôi nói : Tất cả đều do trời định thôi. Và mẹ tôi là một người rất dễ ngủ.

NHỮNG LÚC NGỦ KHÔNG ĐƯỢC : Tôi ngồi yên lặng nhìn lên khoảng mái hiên hở ra giữa hai căn nhà. Khoảng cách thật lem nhem vì bức tường của nhà bên cạnh nhấp nhô không đều, thêm vô bên này mái tôn đã bị sét rỉ rụng đi đâu mất mấy mảng. Tôi ngồi co ro trên giường, nhìn lên trời như một người ngồi bên bờ suối mà nhìn dòng nước chảy... trên mái nhà — Hay là tôi đang ở dưới đáy nước, trên kia mới thực sự là bờ? Có lẽ như vậy mới đúng, bởi vì tôi vẫn có thể thấy thấp thoáng một cái bóng đang di động ở trên bề tường. Mèo không chịu nước, người ta nói như vậy. Nhưng kìa, trên cao kia có biết bao nhiêu tinh tú; ở đó không gian mới rộng rãi bao la làm sao!

"Rầm."

Tiếng đập thình thịch loạn xạ. Đứa nhỏ hàng xóm khóc thét lên. Tiếng à ơi kéo lê: *À ơi... ờ... Chim quyên nà... mà nó xuống đất ơ...* Tiếng ru đứt ngang. Ở đây người ta phải ngủ vội vã, những lúc nào còn ngủ được.

Không nhớ câu ca dao đó ra làm sao nữa.

NHỮNG LÚC TRẺ EM NGỦ KHÔNG ĐƯỢC : Con nít chắc đứa nào cũng bị nghe đi nghe lại một vài câu ru, hoặc một hai câu chuyện cổ tích xưa rích xưa rác, như chuyện con Tấm con Cám, Thạch Sanh Lý Thông. Tôi may mắn được nghe thêm rất nhiều chuyện mà tôi nghĩ đã ảnh hưởng đến đời sống về sau này của tôi.

— Nha Trang. Ban đêm mùa thu. Chiếc võng đu đưa, kéo theo làn gió phất phơ. Thân người ấm áp, êm như một cái nệm. Tôi co người nằm gọn lỏn trong lòng. Tai tôi còn nghe cả tiếng tim đập đều đều, tiếng thở êm êm.

"Ai ăn bánh ú...u hông..." tiếng rao hàng kéo lê qua ngõ tối.

"Đố Thành biết trong bánh ú có gì?" giọng nói vang vang trong lồng ngực dội vào lỗ tai tôi đang ép sát.

"Có thịt. Dễ ợt," tôi trả lời.

"Thịt gì chớ?"

Tôi im lặng.

Giọng nói lại vang vang dội trong lỗ tai của tôi.

"Thịt người. Hồi xưa lúc đói quá người ta lấy thịt người gói bánh ú đem bán. Có người ăn thấy còn y chang bàn tay con nít trong nhân bánh. Ghê chưa?"

Giọng nói là của chị Sáu, người có nhiệm vụ ru tôi ngủ mỗi tối. Chị làm cho gia đình tôi cho tới năm tôi sáu tuổi (một sự trùng hợp kỳ cục) thì chị thôi việc, về quê lấy chồng.

Đôi khi tôi thắc mắc tại sao chị Sáu? Cũng như vậy, tại sao lại là tôi?

Tôi còn nhớ thời tôi còn nhỏ, mỗi lúc có khách, nhà hay bày những đĩa trái cây trên bàn ăn. Những trái cây mập mạp căn mọng chất ngọt. Và người lớn sẽ nói "Thành, lấy trái cây ăn đi con." Nhưng tôi đâu bao giờ được lựa chọn. Một quả chuối hay một lát xoài sẽ được chuyển đến tôi từ tay của dượng Hoàng hay mẹ tôi.

Mà hình như chưa bao giờ tôi lấy chuyện bánh ú nhân thịt người làm ghê. Hình như tôi chưa bao giờ trả lời câu hỏi bâng quơ của chị Sáu. Tôi không biết lúc đói quá tôi có dám ăn hay không.

Có rất nhiều điều mà ta không cảm được nếu không ở trong đúng hoàn cảnh đó.

TÔI THẤY : Liên. Liên vẫn mặc áo màu vàng nhạt. Mái tóc vẫn xõa dài xuống ngang vai.

" Liên mạnh giỏi không ?"

Liên cười với tôi nhưng không trả lời. Đôi mắt của nàng không còn tươi trẻ như lúc xưa. Mí mắt thâm quầng không thèm che giấu sự mỏi mệt. Tôi cười rạng rỡ nói tiếp, giọng làm ra vẻ ngạc nhiên dù tôi đã biết rất rõ, "Ủa, Quân đâu rồi?"

Tôi có thể thấy cả đồng tử của nàng giao động, co giãn. Vết tích đau khổ vừa bị châm chích.

"Anh Quân... có vợ rồi."

Ba chữ sau, nàng nói rất nhỏ, giọng nghẹn ngào. Nước mắt đã mấp mé ở mí. Tôi rút chiếc khăn tay trắng tinh còn thơm nồng mùi nước hoa đưa cho nàng. Lúc đón lấy, nàng cố ý để những ngón tay của nàng chạm nhẹ vào bàn tay của tôi.

"Anh Thành, Quân chỉ là một tên... vô lại," Liên ngập ngừng. Điều này tôi đã rõ từ lâu. Tôi biết Quân từ hồi còn đi học chung trường tiểu học Tân Phước kia mà. "Anh biết không, chính ảnh đã chứng kiến cảnh em bị hải tặc hiếp trong lúc cả ghe chỉ ngồi ngó. Chính ảnh biết nhờ vậy mà cả ghe không ai bị giết. Vậy mà.... (Liên nấc lên) qua đến đảo, ảnh chê em, ảnh bỏ em một mình không cha mẹ, không anh em...".

Nước mắt nàng ràn rụa. Tôi hơi thấy xấu hổ khi đã hả hê trước sự lầm lẫn của nàng về con người của Quân, nhưng chỉ một

chút thôi. Và người ngoại quốc ngồi chung quanh đã bắt đầu tò mò để ý. Tôi vội vàng kéo Liên đứng dậy.

"Đi Liên, để anh đưa Liên về."

Quên. Tôi còn phải trả tiền nữa chớ. Tôi móc bóp, từ tốn lấy một tờ giấy năm đô la mới tinh quăng xuống bàn. Hy vọng có đủ một món tiền hoa hồng cho người hầu bàn.

Chiếc xe hơi mới toanh làm Liên xuýt xoa quên cả khóc. Suốt cả đoạn đường về nhà, tôi làm bộ như không biết Liên đang len lén nhìn tôi.

Trước khi đi, anh tôi có nói ở Mỹ người ta tắm bằng Coca-Cola mà.

NHỮNG LÚC KHÁC NGỦ KHÔNG ĐƯỢC : Tôi kê cái lồng nuôi thỏ lên trên miệng giếng. Khoảng cách giữa hai nhà đủ rộng để tôi nghĩ đôi lúc nhảy từ bên bờ tường này qua, con mèo cũng có thể trật chân, té xuống và lọt vô cái lồng bằng lưới mắt cáo.

Miệng lồng, tôi đã niệt hai sợi lò xo rồi chống lên bằng cây đũa ăn cơm. Chỉ cần động nhẹ một cái là cây đũa sẽ trật qua một bên và nắp lồng sẽ ập chặt xuống.

Tiếng mẹ tôi kéo lê đôi dép ra cửa phòng.

"Thành, chưa đi ngủ sao con?"

"Chưa mẹ. Để con làm cho xong cái bẫy này đã."

Không nghe tiếng dép nữa, tôi quay lại. Mẹ tôi đang đứng ngang bậc thềm, bất động.

"Con bẫy mèo," tôi thấy mình cần phải nói tiếp. "Mấy con mèo cứ nhảy qua nhảy lại rầm rầm hoài, ồn quá, con ngủ không được."

"Xui lắm à nghen Thành. Con còn nhớ dượng Hoàng bị..."

"Con biết rồi, mẹ khỏi nói nữa mà," tôi cắt ngang. Tiếng dép lại lẹt xẹt kéo lê lại phía bàn ăn. Rồi tiếng kéo ghế.

"À, con đọc cái thơ của thằng Trung mới gởi về chưa?"

"Rồi mẹ."

Ánh trăng thượng tuần chiếu xuống tận dưới đáy giếng. Chắc chỉ có mặt trăng là đời đời không bao giờ thay đổi mà thôi.

"Nó có nói gì không con?"

"Chả có gì hết, mẹ... Ảnh thì muốn hỏi thùng thuốc Tây ảnh gửi về để mẹ ăn Tết đã tới chưa thôi." (Khi người ta ăn tết bằng thuốc tây là phải biết cơn bịnh cũng đã nguy kịch lắm rồi.) Tôi cười một mình trong bóng tối.

"Tội nghiệp!"

Tôi quay lại, "Tội nghiệp cái gì hở mẹ ?"

Mẹ tôi thở dài, "Ờ, thì tội nghiệp con chị mày chớ gì. Không biết con gái con lứa mà đi làm gì cho ra nông nỗi như vậy."

Tôi nhớ hồi anh Trung và chị Hằng đi, mẹ thức cả năm sáu

đêm liền chỉ để... lo ra. Mẹ nói làm như mẹ có linh tính sẽ có chuyện gì đó.

Còn tôi tới hôm nay đã ba ngày chưa ngủ.

CỨ NHẮM MẮT, LÀ THẤY : Lần cuối cùng tôi ngủ, giấc ngủ chập chờn ở biên giới tỉnh mê như một cánh cửa bị sét, mở không ra hết, mà đóng cũng không chặt. Vậy mà tôi cũng thấy.

Tôi thấy cảnh chạy loạn từ Nha Trang vô Sài Gòn năm 1975. Con đường quốc lộ cong queo như đang oằn oại dưới đoàn voi đang vội vã kéo qua. Trời tháng ba đã bắt đầu có hơi nóng. Tôi ngồi thẳng người. Thằng con trai mười lăm tuổi đang quan sát cảnh loạn lạc như một cuộc phiêu lưu mạo hiểm kỳ thú.

Người ta nói ở trước mặt người chết nhiều vô số kể. Người ta nói mới vừa đụng nhau đêm hôm qua. Đêm hôm qua, có nghĩa là không phải hôm nay. Cái chết vẫn còn phải chờ cả chục năm nữa.

Tôi nhìn xuống đường. Đôi mắt của tôi dường như bị mê hoặc, dù trong phút giây, mở toạc để in rõ xác người đàn ông — hay đúng ra chỉ cái đầu của người đàn ông, vì phần thân thể bị khuất dưới lườn xe. Nội khuôn mặt. Trời. Thật là ghê gớm. Cũng mắt, cũng mũi, cũng miệng. Nhưng sao kỳ quái. Nó phành ra như một quả cam bị ép mạnh xuống. Đỉnh đầu còn nguyên đường tét bầy nhầy những bệt tóc đen đỏ lẫn lộn. Và đôi mắt còn mở. Cái miệng còn hé. Tất cả đều như muốn gào lớn để tự tố giác. Ta là cái chết đây, chính ta đây.

Tôi càng cảm thấy cả thây người của hắn khi bánh xe dằn ngang. Chiếc xe run bắn lên như bị điện giật.

Tại sao tôi lại cảm thấy buồn mửa đến như vậy? Tôi gớm? Hay là tôi sợ? Tôi cảm thấy hèn nhát trước một cái gì quá to lớn, và đột nhiên quá gần. Cái mùi vị lạnh lẽo của tử thi như chờn vờn quanh tôi. Nó là hai bàn tay đang từ từ xiết quanh cổ tôi ngột ngạt, từ từ, như không cần gì phải vội vàng.

VẪN CHƯA NGỦ : Hầu như đêm nào cũng như đêm nấy, giữa bóng tối ẩm ướt đặc sệt như đông sương, những tiếng nổ toé lên làm vạn vật trăn trở. Vạn vật bực dọc. Vạn vật bất bình vì những ý tưởng, những hình ảnh bị đứt khúc, xáo trộn loạn xạ. Nhưng nếu yên tĩnh quá thì vạn vật cũng khắc khoải chờ đợi, vì không biết lúc nào nó sẽ xảy ra. Thật là một cảm giác rất khó chịu.

Cuối cùng, vạn vật đến cầu xin Thượng đế, và Thượng đế chấp nhận.

"Hãy tiêu diệt loài mèo, một giống vật bội bạc, ăn ở không tình không nghĩa," ngài phán.

Quyền phép của ngài không thể nào lường được, và đời sống của ngài thì bất diệt.

NHỮNG HÌNH ẢNH BỊ XÁO TRỘN, VÀ NHỮNG THỨ KHÁC : Nguy to, lũ hải tặc đen đúa đã nhìn thấy giữa đám người nằm bò trong khoang thuyền một người con gái mặc áo vàng. Người con gái có mái tóc dài ngang vai, và đôi mắt trong như ngọc. Nắng biển rám hồng đôi má nàng một màu lựu đang chín. Nguy to. Người con gái cũng hiểu như vậy. Nàng níu chặt cánh tay gã thanh niên ngồi bên cạnh. Đôi mắt nàng, nếu ai nhìn thật gần, sẽ thấy cả mầu biển xanh bao la vô tận.

Bất thình lình, một cánh tay lông lá chụp lấy vai nàng. Người con gái ú ớ không nên lời. Những ngón tay của nàng lại càng quắm sâu vào cánh tay gã thanh niên, nhưng hắn chỉ cúi gầm mặt xuống mà không dám nhìn nàng.

Những cảnh thương tâm bắt đầu ngay trên sàn ghe...

Đêm vẫn dày. Dưới ánh trăng, chiếc lồng vẫn nằm tênh hênh lõa lồ. Tiếng ngói vụn lạo xạo rơi trên mái tôn.

Người ta đang chen đẩy nhau lên tàu. Cảnh tượng thật là náo nhiệt, trông thật vui, mặc dù tôi biết đáng lẽ phải buồn mới đúng, thật là trêo cẳng ngỗng. Tôi nắm lấy tay Liên.

"Em nghĩ sao?"

Liên cắn chặt môi dưới. Mấy ngón tay nàng xương xẩu níu chặt lấy tay tôi.

"Liên sợ..."

"Sợ cái gì chớ," tôi nổi sùng. "Người ta sống được thì mình cũng sống được. Hơn nữa, mình cũng biết tiếng Anh mà."

"Nhưng mà... lỡ ở nhà đi tìm mình thì sao? Lúc nãy Liên nói mình chỉ đi chơi thôi chớ đâu có nói mình đi luôn đâu."

"Thì ai có định đi đâu mà nói."

Một cái giỏ tung lên. Một người đàn bà nhoài ra ngoài cầu tàu trong lúc đám đông vẫn ồ ạt dồn lại một điểm ở chiếc cầu tàu nhỏ xíu. Tôi nghe một tiếng "á" rồi một tiếng "bỏm". Người đàn bà không còn trên cầu tàu nữa. Một người đàn ông (chắc là người chồng) phóng mình xuống nước. Vậy là hai mạng. Liên níu cánh tay tôi chặt cứng.

"Anh Thành, anh nói mình sống ở đâu cũng được mà. Ở lại bộ ai cũng chết hết sao? Với lại còn ba me của em, còn mẹ của anh..."

Tôi nhướn người lên coi thử có thấy được dưới nước không. Nhưng người ta đông quá, đã tràn lấp mất tất cả. Hình như cũng chả có ai thấy chuyện gì đã xảy ra nữa.

"... miễn là có anh với em, với ba mẹ em, thì mình sống ở đâu lại không được hở anh?" Liên vẫn tiếp tục.

Gió sông buổi trưa ở bến Bạch Đằng hừng hực xua cơn nóng vào mặt ran rát. Tôi đưa tay ôm...

Cái bẫy vẫn còn y nguyên trên miệng giếng. Con vật khốn nạn vẫn còn thong dong trên nóc nhà, tiếp tục tru tréo quấy phá. Những tiếng rên rỉ kéo dài như bầy con nít dai dẳng từ đêm này qua đêm nọ, liên tu bất tận.

Dưới mái hiên, tôi nằm nghe tiếng mưa trên mái tôn lộp độp như những lời chửi tục tĩu. Tôi tưởng tượng cái khoảng cách mở ra bầu trời đã thu hẹp lại dần, sắp sửa cắt đứt khoảng trời cao thẳm của tôi. Nó như là một con kình không còn xài nữa, đất bồi sẽ lấp đi dần, và lũ mèo sẽ không còn phải lấy đà nhảy qua nữa, mà chỉ thong dong nhàn tản... bước qua.

Tôi cũng tưởng tượng mái ngói là những bàn tay đang cố nắm chặt lấy nhau, níu kéo, che chở, nhưng những ngón tay đã bắt đầu lỏng dần, lỏng dần.

Không biết còn được bao lâu nữa.

À, nhớ ra rồi. Câu ca dao như vầy :

Chim quyên xuống đất ăn trùn,
Anh hùng lỡ vận cũng đành khoanh tay.

CÂU CHUYỆN DƯỢNG HOÀNG GIẾT MÈO : Tôi không nhớ tại sao dượng lại đi giết mèo, nhưng đại khái dượng có bắn chết một con.

Một tháng sau, giữa lòng bàn tay trái của dượng sưng lên một cái nhọt. Một cái nhọt, đối với người đàn ông như dượng, chỉ là một cái khó chịu như trăm ngàn thứ khó chịu khác đã xảy ra trong suốt một quảng đời phong ba. Dượng từ chối nó bằng cách ngắt bỏ nó đi.

Mấy ngày sau, bàn tay của dượng bị làm độc, sưng tù vù. Lòng bàn tay rỉ ra nước vàng hôi thối.

Dượng đi nhà thương. Bác sĩ tuyên bố dượng cần phải cưa bỏ nguyên bàn tay trước khi quá trễ. Vậy là một cánh tay của dượng chỉ còn bằng ba phần tư cánh tay bên kia. Dượng không còn túm tóc mẹ để đánh nữa, mà chỉ đánh, bằng một tay.

Khoảng nửa năm sau, chất nước vàng lại rỉ ra từ chỗ da đã may túm lại thành những vết xẹo nhăn nhúm. Bác sĩ lại tuyên bố: Tay dượng cần phải cưa thêm một khúc nữa. Hình như chỗ ung thư chưa được cắt bỏ hết hoàn toàn trong lần giải phẫu trước.

Cánh tay của dượng lần này chỉ còn lại một phần ba chiều dài nguyên thủy, hay đúng ra chỉ là một khúc thịt thô bỉ, ngọ nguậy như một con quái vật kinh dị khủng khiếp.

Dượng thường bắt mẹ gãi nhè nhẹ chỗ cùi tay; điều này đối với tôi thật là gớm ghiếc. Dượng nằm nghiêng trên giường, gối đầu bằng cánh tay còn lại. Cái cùi tay hơi nhổng lên để mẹ dễ gãi. Những lúc như vậy, dượng im lìm bất động, đôi mắt trắng dã làm tôi phải nghĩ dượng đã chết từ lâu lắm rồi.

Ung nhọt vẫn không tha. Sau một năm gãi cùi, mẹ lại khám phá ra cái nhọt ở trong nách. Nó đã âm thầm lén lút tới cư ngụ giữa đám lông nách quăn queo như là một sinh vật thứ ba, sống bám vào sinh vật thứ nhất để hủy diệt sinh vật thứ hai. Sau khi xem xét, vị bác sĩ lắc đầu chịu thua. Không ai có thể cưa bỏ nguyên cả một nửa lồng ngực, nhất là cái nửa có chứa đựng cả trái tim.

Và cả ba sinh vật đều chết. Năm đó tôi được sáu tuổi. Mẹ để chị Sáu về quê lấy chồng.

ÁNH SÁNG CŨNG LÀM TA KHÔNG NGỦ ĐƯỢC : Mặc dù nhắm mắt, tôi vẫn biết rõ ánh trăng sáng trưng. Đêm nay chắc là đêm rằm.

Tôi tỉnh táo mở mắt mà cảm thấy giống như chưa hề nhắm, chỉ y như vừa nháy mắt thôi. Dưới ánh trăng, vạn vật bớt xấu xí đi một chút. Bức tường loang lở rêu xanh mang một nét hay hay. Cái lồng thỏ làm bằng lưới mắt cáo sáng ngời những đường kẽm chằng chịt, trông như một bảo vật gì quý giá. Chắc hẳn ánh sáng phải phản chiếu lên từ dưới đáy giếng.

Tôi nhổm dậy, xỏ dép, đi đến bên thành giếng, nhìn xuống. Một vật tròn tròn màu đen cũng vừa hiện ra trong cái vòng tròn dưới đáy giếng, ngó giống như là nó nằm ngay trong cái bẫy. Nó, là cái bóng của cái đầu tôi. Thật ra, chính vầng trăng cũng đã bị lọt bẫy. Và như vậy, tôi đã túm được cả vũ trụ càn khôn vào một cái lồng nuôi thỏ, trong đó, có cả cái đầu của tôi.

Một bóng chim chạp lướt qua, không hề vướng lại. A, lưới trời cũng có những thứ lọt ra được.

Cái bẫy mèo vẫn còn trống không. Kẻ thất bại không phải là con mèo.

Tôi nổi khùng, đá cho thành giếng một cái.

Cái lồng như chồm lên, táp một táp trong không khí, làm văng cả chiếc đũa ăn cơm rơi tõm xuống nước. Những vòng nước làm bể cả bầu trời lợn cợn bóng đen. Ánh sáng lăng quăng chiếu lên bề tường nhảy múa lung linh.

Thôi đúng rồi. Cũng có thể nhờ ánh sáng luôn luôn phản chiếu từ dưới đáy giếng mà con mèo có thể thấy được khoảng cách giữa hai mái nhà. Hèn chi từ hồi nào tới giờ vẫn chả có con ma nào lọt bẫy hết.

Trong lòng tôi thấy phấn khởi. Tôi kéo cái nắp giếng đậy lại, rồi mới vô bếp lấy thêm que đũa và trở ra lượm cái lồng chống lên trên mặt giếng. Chả bao lâu nữa, nhân loại sẽ được ngủ yên trong sự chăm sóc của Thượng đế nhân hoà và bao dung.

NGƯỜI GIÀ THƯỜNG MẤT NGỦ : Nhưng đây không phải trường hợp của mẹ tôi. Mẹ tôi mất ngủ vì một lý do: mẹ vừa

nhận được tin đám cưới của Liên và Quân. Ngồi bên bàn ăn, mẹ nói với tôi trong bóng tối, "Thành à, con Liên sắp lấy chồng rồi đó."

Tôi làm như không nghe thấy gì, chỉ chăm bẩm ngó cái bẫy.

"Nghe đâu nó lấy thằng nào hồi xưa cũng ở Nha Trang," mẹ vẫn tiếp tục, "kể cũng như là trời định vậy. Con với nó không có duyên vợ chồng thì có ở với nhau cũng chả có ích lợi gì. Hai đứa nó định cưới nhau xong là đi vượt biên đó."

"Thằng Quân chớ ai. Ghê, cái thằng Quân sún hồi xưa ở gần nhà mình chớ ai đâu."

"Ủa!" giọng mẹ ngạc nhiên, "Con cũng biết chuyện nữa à?"

Tôi không trả lời. Mẹ ngồi im lặng một lúc lâu rồi thở dài.

"Tội nghiệp con Hằng. Phải chi nó đừng đi hay đừng bị hải tặc... giờ này còn sống thì nó cũng đã lấy chồng rồi..."

TIẾNG ĐỘNG : Tiếng động làm tôi bàng hoàng, tim tôi đập loạn xạ. Tiếng động mà tôi không dám tin hai lỗ tai của mình. "Thịch" một cái, và tiếng chiếc đũa văng xuống nền xi-măng.

Mẹ tôi đang nấu nước sôi pha trà trong bếp lật đật đi ra.

"Cái gì vậy con? Cái gì vậy?"

"Con mèo đó mẹ."

"Trời đất, vậy mà làm tao hết hồn."

Con vật thấy người chùn chân lại. Chiếc đuôi dỉnh lên cao. Nhe hàm răng trắng ởn, nhọn hoắt. Nhất là đôi mắt, đôi mắt quắc lên của một loài vật hung hăng.

Bỗng nhiên trong một giây lát, có một chuyện xảy ra.

Bếp lửa hun đúc hơi nóng. Bếp lửa hắt những cơn nóng rát lên da thịt. Bình nước sôi reo hò.

"Thành, Thành, trời đất thiên địa ơi, mày làm cái gì vậy...?" giọng một người đàn bà la lên thất thanh.

"Mẹ đi vô nhà đi." Có tiếng nạt ngang.

Bình nước nóng nghiêng xuống. Hơi nước bốc lên cuồn cuộn. Con vật chạy quấn lên trong chiếc lồng. Từng mảnh lông đụng phải nước sôi tuột đi để lộ ra phần da thịt đỏ hỏn trong ánh sáng lờ mờ buổi sớm. Cái lồng run lên như giận dữ. Không. Không phải mà. Tôi chưa muốn chết. Cho tôi một chọn lựa đi. Tôi không cần gì hết. Tôi chỉ muốn chết rục ở nơi này mà. Nước sôi trào ra cả ngoài nắp. Tiếng gào xoáy vào màng nhĩ, xóc vô tận óc não. Hơi nước bốc lên làm tôi mờ cả mắt. Cho mày chết, tao cho mày chết, cái đồ khốn nạn.

Cái lồng rung mạnh rồi rớt xuống đất. Sợi lò xo chịu không nổi đã bật ra khỏi chốt. Trời ơi, gớm quá. Tôi nghe tiếng kêu thất thanh. Con vật quái dị phóng ra hỏi lồng chạy tọt vô nhà bếp. Tôi

rượt theo. Cái thân hình xương xẩu, nửa lông nửa da, đỏ hỏn, đang luồn qua luồn lại dưới mấy cái kệ đựng mắm muối. Tôi chụp lấy con dao phay phang xuống xối xả. Tôi nghe hơi thở khò khè, hơi thở hổn hển, hơi thở từ lâu tôi đã không nghe thấy. Chất nước âm ấm nhầy nhụa làm cán dao trơn lùi. Con vật vẫn tiếp tục lê lết dưới từng phát dao phập xuống. Màu máu đỏ tươi văng tùm lum. Đống da thịt bầy nhầy rã rời vẫn không ngớt rung động. Từ trên cao, cao lắm, nhìn xuống, tôi chợt nhận ra rằng cái chất sống tươi rói đã vừa đổ ra tung toé bừa bãi trên nền xi măng xám xịt.

NGUYỄN HIỀN THẢO

KHAI TRƯƠNG THỨ BẢY 7.11.87

BÁC SĨ

PATRICK TRẦN LƯƠNG HOA

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ CHUYÊN TRỊ DỊ ỨNG

MAGNOLIA CLINIC

14571 MAGNOLIA AVE. # 207 WESTMINSTER CA 92683

(Góc Magnolia và Hasard)

TELEPHONE : (714) 895-7145

* *Tốt nghiệp chuyên khoa nội thương tại St. Barnabas Medical Center, New Jersey.*
* *Tu nghiệp bệnh dị ứng và miễn nhiễm (Allergy and Immunology) tại Creighton University.*
* *Nguyên Bác sĩ Giám đốc Pennhurst Center, Pennsylvania*
* *Bác sĩ điều trị các bệnh viện Fountain Valley. Doctor Hospital Santa Ana, Martin Luther Hospital, Anaheim.*

CHUYÊN TRỊ

* Bệnh dị ứng : Đau mũi kinh niên, sổ mũi, ngứa ngứa, nổi mề đay, hen suyễn, bệnh dị ứng với phấn hoa, cây cỏ , cát bụi..v.v và thử nghiệm dị ứng(Allergy Testing).
* Chuyên trị bệnh nội thương :

- Bệnh tim : đau ngực, hồi hộp, ngất xỉu, choáng váng
- Bệnh phổi : ho kinh niên, khó thở, sưng phổi, ho lao
- Bệnh áp huyết cao : thiếu máu, dư máu
- Bệnh tiêu hoá : đầy bụng, ăn không tiêu, táo bón, loét bao tử, đi cầu ra máu, bệnh sạn mật, bệnh gan, ói mửa
- Bệnh ngoài da : mụn, trứng cá, lang ben, rụng tóc, phong
- Bệnh tiểu đường , bệnh bướu cổ
- Bệnh nhiễm trùng, bệnh hoa liễu, bệnh phong thấp

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM

Bùi Bảo Trúc

James Arthur Baldwin : Dứt một bản Blues.

Tôi đã biết những dòng sông
Tôi đã biết những dòng sông cũ như thế giới,
và xưa hơn cả dòng máu trong huyết quản loài người.
Tâm hồn tôi đã mọc sâu như những dòng sông,
Tôi đã tắm trong dòng Euphrates khi trời đất còn tinh mơ.
Tôi dựng lều bên dòng Congo, dòng nước ru tôi ngủ.
Tôi đã đứng ngó dòng Nile và xây lên những kim tự tháp
cao ngất trên bờ sông.
Tôi đã nghe tiếng hát trên dòng Mississippi khi Abe Lincoln
xuôi xuống New Orleans, và tôi đã thấy lòng sông
đầy bùn vàng óng lên trong ánh chiều.
Tôi đã biết những dòng sông :
Những dòng sông cũ đầy bóng tối.
Tâm hồn tôi đã mọc sâu như những dòng sông.

Langston Hughes

James Arthur Baldwin cũng biết những dòng sông, những dòng sông cũ đầy bóng tối. Những dòng sông như trong bài thơ "The Negro Speaks Of Rivers" của Langston Hughes, những dòng sông lâu đời như nỗi khổ nhọc của những người có mầu da cùng với ông. James Baldwin đã đứng nhìn những dòng sông, và cũng như trong bài thơ của Langston Hughes, tâm hồn ông cũng mọc sâu như những dòng sông đó, để từ đó, đơm hoa, kết nụ thành những trái cây đau khổ, cay đắng, nhưng cũng mãnh liệt nhất trong văn học Hoa Kỳ. Sáu cuốn tiểu thuyết, bốn vở kịch và khoảng vài chục bài essay mà các nhà phê bình văn học cho là đã giúp người đọc cảm thấy được thân phận của người có một mầu da đen trong cái thế giới của những người da trắng. James Baldwin đã viết bằng một giọng văn diễm lệ, bằng tình cảm, bằng phẫn nộ, bằng tất cả những đớn đau chất chứa trong huyết quản, nhưng cũng bằng tất cả sự chân thành của ông, để vẽ lại mọi khía cạnh của đời sống Mỹ, của kỳ thị, của tình dục, của tôn giáo và của bạo động. Văn chương của ông đã trở thành một tiêu chuẩn của chủ thuyết hiện thực trong văn học Mỹ. Những bài essay ông viết về nước Mỹ đã dựng lại những nơi chốn, những thời gian và những tình cảm không khác gì những thế giới được chạm khắc tinh vi của

các tiểu thuyết gia. Trong cái hỗn mang đầy ắp thù hận, giả dối của xã hội Mỹ, việc Baldwin viết lại được bằng những câu văn chân thành của ông, cũng đủ để coi là một thành tích lớn.

Sự chính xác trong cách viết của James Baldwin là chìa khoá của thành công. Trong những tác phẩm của ông, độc giả như nghe được những tiếng động âm vang từ cuối phố, như muốn vỡ tung lồng ngực theo với cơn phẫn nộ của những người da đen bị chối bỏ mọi quyền căn bản của con người trong xã hội Bắc Mỹ mà Baldwin đã viết xuống giấy. Những người da đen cùng mầu da với ông biết ông đã viết sự thật. Người da trắng khi đọc văn của ông cũng cảm nhận được sự thật mà ông viết về cuộc đời của những người da đen, cũng như những tội lỗi của một xã hội kỳ thị.

Trong những năm 1950 và 1960, viết bằng thứ ngôn từ sống sượng chuyên chở đầy mầu sắc chủng tộc, Baldwin được nhiều người coi là đại diện cho người Mỹ da đen trong địa hạt văn chương vào lúc thiểu số da đen đang vùng dậy để đòi bình đẳng. Nhưng James Baldwin không bao giờ chấp nhận vai trò phát ngôn viên đó mà nhiều người khoác cho ông. Có lần ông nói rằng: "Tôi chẳng phải là phát ngôn viên cho ai hết. Tôi chỉ nói cho chính tôi. Tôi là một người da đen khó tính, khắc khổ, tham vọng một cách bất thường, thông minh một cách kỳ lạ. Tôi không phải là một người da đen. Tôi là một con người. Vậy thôi."

Không nhận vai trò phát ngôn viên của phong trào đòi nhân quyền, James Baldwin cũng không nhận danh hiệu lãnh tụ mà người ta gán cho ông. Ông chỉ coi mình có một sứ mạng là đóng vai của một nhân chứng cho sự thật, mặc dầu ông đã giữ một vai quan trọng trong phong trào tranh đấu của người da đen: Baldwin viết, nói vận động, tổ chức hội họp, hội thảo, biểu tình để đòi tự do và bình đẳng cho ông, cho những người cùng mầu da với ông trong cái xã hội mà ông trước đó đã phải tự ý từ bỏ để trốn tránh những con mắt kỳ thị, những bàn tay xa lạ mà ông cho là không chấp nhận ông. Trong những năm cuối của thập niên 1940, James Baldwin bỏ Hoa kỳ sang sống tại Pháp. Mặc dù nước Pháp trở thành quốc gia thường trú của ông, nhưng Baldwin thích coi mình là một người thường xuyên đi về nước Mỹ chứ không bao giờ coi mình là một người Mỹ lưu vong. Ông nói rằng chỉ có những người Mỹ da trắng mới có thể tự coi họ là những người sống lưu vong khi ra khỏi nước Mỹ. Còn ông, ông vẫn thấy mình sống một lúc ở cả hai bên bờ đại dương, vì khi rời nước Mỹ, sang sinh sống ở bên kia bờ Đại Tây Dương, Baldwin bỗng nhìn thấy nơi chốn ông vừa từ bỏ rất rõ. Ông thấy ông đã mang theo với ông ngôi nhà ông đã ở. Ông thấy ông không thể chạy trốn khỏi những quá khứ ở bên Mỹ của ông. Ông không thể xoá bỏ ý thức ông là cháu chắt của những

người nô lệ. Đồng thời ông cũng còn là một nhà văn, và ông phải sống với cả hai thực tế đó.

Trong hai vai trò đó, ông không thể nhân danh những người khác. Ông chỉ nói được về những điều liên quan tới chính bản thân. Trong một cuộc phỏng vấn, Baldwin trả lời trên tờ New York Times hồi năm 1984 rằng phát ngôn viên là người cho rằng mình có thể thay thế những người khác để phát biểu. Riêng ông, ông không thể tự coi mình có khả năng làm chuyện đó. Ông nói rằng điều mà ông cố gắng để làm, để diễn dịch, để nói cho rõ là điều, theo đó, không một xã hội nào có thể đập vỡ cái xã ước (social contract) mà không phải gánh chịu những hậu quả của việc làm đó. Và cái hậu quả là những xáo trộn, bất ổn cho tất cả mọi người trong xã hội đó.

James Baldwin sinh năm 1924 tại Harlem, Nữu ước. Ông là con lớn trong một gia đình gồm 10 anh chị em. Cha ông làm công nhân trong một nhà máy, cuối tuần, làm công việc giảng đạo tại một nhà thờ Báp-tít. Mẹ ông làm nghề chùi cọ nhà cửa cho những gia đình da trắng. Baldwin mô tả cha ông là một người chủ gia đình mà bầy con không bao giờ vui mừng khi thấy trở về nhà vào mỗi buổi chiều. Cha ông mất năm 1943, trong một bài essay nhan đề "Notes To A Native Son, James Baldwin viết rằng "chúng tôi không hề hay biết rằng cha mình đang bị chứng hoang tưởng (paranoia) gậm nhấm, đục khoét, và thái độ tàn ác của cha chúng tôi chính là những triệu chứng của căn bệnh của ông...".

Một trong những thất bại của cha ông là không nuôi nổi các con. Hai mươi năm sau, Baldwin nói lúc còn nhỏ, ông không ý thức được điều đó. Những hình ảnh đó vẫn trở lại trong những đoạn văn Baldwin viết về những năm thơ ấu tại Harlem, nơi ông sống cho tới năm 17 tuổi.

Là con lớn trong gia đình, Baldwin phải đóng vai của cả cha lẫn mẹ. Trong nhiều năm, ông đã phải một tay bế em, một tay cầm cuốn sách. Ông đọc đi đọc lại cuốn "Uncle Tom's Cabin", tác phẩm của Stowe và cuốn "The Tale Of Two Cities" của Charles Dickens. Năm 14 tuổi, James Baldwin trở thành một người thuyết giáo tại một nhà thờ Tin Lành Harlem, nhưng sau ba năm, Baldwin bỏ bục giảng. Về sau, ông nói rằng một trong những lý do đưa tới việc ông từ bỏ công việc này là vì ông tin rằng tôn giáo cũng một phần nào phải chịu trách nhiệm đưa tới tình trạng những người da đen bị ngược đãi ở Hoa Kỳ.

Học xong trung học ở trường Dewitt Cinton ở Bronx, ông xin được việc làm tại một số những xưởng máy sản xuất chiến cụ ở New Jersey, làm bồi bàn và rửa bát chén tại Nữu Ước trong khi viết điểm sách và sáng tác vào buổi tối. Mới ngoài hai mươi tuổi,

Baldwin đã có những bài điểm sách đăng trên những tập san văn học danh tiếng như The New Leader, The Nation, Commentary và Partisan Review. Ông cũng giao du với những tên tuổi đã có tiếng trong văn giới thời đó như Randall Jarrell, Dwight MacDonald, Lionel Trilling, Delmore Schwartz, Irving Howe và William Barrett...

Năm 1948, Baldwin được một học bổng sang học ở Pháp. Ông rời nước Mỹ còn với một lý do khác nữa: đó là bỏ trốn cái xã hội mà ông nghĩ là áp bức và kỳ thị nhắm vào ông, không phải chỉ vì ông là một người da đen, mà còn bởi vì ông là một người đồng tính luyến ái.

James Baldwin nổi tiếng là một ngòi bút essay. Nhưng danh vọng chỉ thực sự đến với ông sau cuốn "Go Tell It On The Mountain". Cuốn sách xuất bản năm 1953 là cuốn tiểu thuyết đầu tay và đồng thời cũng là tiểu thuyết hay nhất của ông trong đó, Baldwin viết về thời tuổi trẻ của ông. Cuốn sách có thể coi là nghiêng về phía tự truyện hơn là một tiểu thuyết, nhưng lại rất thành công khi nhìn dưới góc cạnh của một cuốn tiểu thuyết. Cuốn truyện tả lại thời niên thiếu của một thanh niên con một mục sư ở Harlem lớn lên trong cảnh nghèo túng hồi những năm 1930 dưới bàn tay nghiêm khắc của người cha rất ghét con. Trả lời một cuộc phỏng vấn năm 1985, Baldwin nói rằng trong nhiều khía cạnh, cuốn "Go Tell It On The Mountain" vẫn là một khúc quanh quan trọng của đời viết văn của ông. Ông nói: "Cuốn sách đó là cuốn tôi phải viết ra nếu tôi muốn ngồi xuống viết những thứ khác."

Ba năm sau cuốn "Go Tell It On The Mountain", Baldwin viết xong cuốn "Giovanni's Room", một câu truyện về một người Mỹ trẻ tuổi khám phá ra mình là một người đồng tính luyến ái trong khi sống tại Pháp và chuyến đi tìm lấy cho mình một thái độ chấp nhận lối sống đó.

Trong khi sống tại Paris, Baldwin cũng viết vở kịch đầu tay của ông. Vở kịch được đặt tên là "The Amen Corner" nói về những nỗ lực trong chuyến đi tìm bản thể của mình. Bản kịch được các nhà phê bình khen ngợi nhiệt liệt, phần đối thoại được mô tả là phong phú và lôi cuốn. Nhưng vở kịch ông viết hồi đó, năm 1954, đã bị quên lãng trong suốt 10 năm, mãi tới năm 1964 mới được đem trình diễn tại một rạp hát ở Beverly Hills, California.

Năm 1957, James Baldwin trở về Hoa Kỳ. Năm 1960, ông cho in một tập essay tựa đề là "Nobody Knows My Name". Những bài essay trong tập này viết về những ngày tháng cuối cùng sống ở Âu châu cùng những kinh nghiệm và những nhận xét của ông sau chuyến trở về nước Mỹ. Một bài kể lại chuyến đi hãi hùng mà ông thực hiện ở miền Nam nước Mỹ và chứng kiến tận mắt những hoạt

động trong những lúc sơ khai của phong trào dân quyền. Ông cho biết chuyến đi đã khiến ông lao đầu vào cuộc đấu tranh đòi dân quyền trong những năm sống tại Hoa Kỳ.

Những bài essay ông viết trong giai đoạn này đều đề cập tới những mảnh đời mà ông chứng kiến. Những mảnh đời chung quanh ông, những mảnh đời đen, trắng, giầu, nghèo. Những hiểu biết sâu sắc của ông không bao giờ thấy hiện ra một cách lộ liễu. Những điều đó được dệt vào những chữ ông dùng và trở thành một thứ hình ảnh sống động mà ông dùng ngôn ngữ để vẽ ra. Ông không bao giờ phải vận dụng những thống kê, những chuyên viên, những tài liệu biên khảo. Ông đứng riêng một mình một cõi. Người đọc được mời ghé coi cái thế giới mà ông đã nhìn thấy. Ông chứng kiến như thế nào thì viết xuống như vậy. Khả năng mô tả cái thế giới mà ông sống là một khả năng phi thường. Nhưng mức độ phi thường đó còn thêm phi thường hơn nữa bởi cái khả năng trực diện với chính mình ở tư thế một người da đen sống trong một xã hội mà mầu da đen bị coi là đần độn, xấu xa, không thích hợp với trào lưu của xã hội, của nền văn hoá da trắng, mắt xanh, tóc vàng. Không những Baldwin có thể viết bằng những giọng diễu cợt chính cái tâm trạng bối rối của ông, một người da đen, mà ông còn có thể viết một cách chân thật khi tự đối diện với điều ông là một người đồng tính luyến ái. James Baldwin có được cái khả năng hiếm hoi của một người có thể làm nhân chứng cho chính mình. Thế nhưng thái độ thành thực không phải lúc nào cũng hợp thời trang. Hồi cuối những năm 1960, James Baldwin bị những thành phần chủ trương tranh đấu trong phong trào dân quyền chỉ trích mãnh liệt, nói là ông không "đen đúng mức" vì ông không chịu uốn ngòi bút của mình theo lối hùng biện nẩy lửa của thời đó. Một số nhà văn da đen cũng bất đồng với thái độ chỉ viết xuống những sự thật của ông khi thái độ viết lách đó của ông không chịu theo với chiều hướng muốn hình thành một chủ trương văn học mệnh danh là "Black Is Beautiful" của thời đó.

Năm 1962, ông viết cuốn "Another Country" trong đó ông viết về vấn đề chủng tộc và tình dục ở Harlem và khu Greenwich Village. Sau vụ mục sư Martin Luther King Jr. bị ám sát năm 1968, Baldwin bỏ sang Pháp sống và ít khi trở lại Hoa Kỳ. Ông nói nước Pháp đã cho ông một chỗ để trú ẩn, tránh cái điên dại của nước Mỹ. Baldwin tiếp tục viết, nhưng những tác phẩm của ông trong những năm 1970 và 1980 không còn được đón nhận nồng nhiệt như những năm trước nữa.

Một trong những chủ đề tiềm ẩn ở sâu dưới tất cả mọi tác phẩm của Baldwin là người da trắng cũng như người da đen đều là nạn nhân của cái bất công của nạn kỳ thị, bởi vì chính cái huyền

thoại cho rằng người da trắng thông minh, tài giỏi hơn người da đen đã khiến cho người da trắng không dám đối diện để giải quyết chính những yếu kém và thiếu sót của họ. Nhà phê bình văn học Martin Fagg một lần đã viết rằng James Baldwin có một cái tài đặc biệt có thể khơi động được, không phải chỉ những thái độ đối nghịch, đối đầu của đen và trắng, mà còn cả cái ẩn ức không nguôi lẩn quất dưới những hàng rào của mầu da, của những hành động bóp méo tất cả mọi thiện chí của cả hai bên nữa.

Trong bài tựa của vở kịch nhan đề "Blues For Mister Charlie" viết năm 1964, James Baldwin viết: "Điều ghê tởm và tuyệt vọng nhất trong xã hội kỳ thị của chúng ta ngày nay là những tội ác mà chúng ta nhúng tay vào thì khủng khiếp và to lớn đến nỗi rằng nhận thức ra được điều đó cũng đủ để đưa chúng ta tới một tình trạng điên loạn. Thế rồi, loài người để tự vệ, sẽ nhắm mắt lại, tái phạm những tội ác đó, và bước vào một bóng đêm của thần trí mà không ai có thể tả được." Vở kịch được viết dựa trên một chuyện thật xảy ra hồi năm 1955 tại Mississippi tả lại vụ một thanh niên da đen tên là Emmett Till bị một đám đông da trắng giết chết. Trong vở kịch này, nhân vật Meridian Henry có nói: "Tôi không muốn thấy những người da đen hạ mình thấp xuống ngang những kẻ sát nhân. Tôi muốn chúng ta phải đứng ngang hàng với chúng ta. Để trở thành những người tự do tới độ không còn phải sợ những kẻ khác nữa và không còn thấy cần phải giết người nữa."

Nhận xét về James Baldwin, Langston Hughes, một nhà thơ da đen của Hoa Kỳ viết rằng: "Ít có nhà văn Mỹ nào khác có thể sử dụng chữ nghĩa một cách tài tình như James Baldwin. Theo tôi nghĩ, ông có nhiều khả năng khơi động tư tưởng người đọc trong những bài essay của ông hơn là khả năng đánh thức tình cảm con người trong những tiểu thuyết của ông."

James Baldwin từ trần hôm 1 tháng 12 năm 1987, hưởng thọ 63 tuổi. Ông mất tại nhà riêng ở St. Paul de Vence ở miền Nam nước Pháp.

Nghe tin ông chết, tiểu thuyết gia Ralph Ellison nói rằng nước Mỹ đã mất đi một trong những nhà văn lỗi lạc, tài giỏi nhất. Nhà văn da đen này ca ngợi Baldwin là một cây viết essay quan trọng nhất của văn học Mỹ đen cũng như trắng.

Lúc sinh thời, Baldwin là một người nói năng nhỏ nhẹ, phản ảnh cái văn phong rất phức tạp của ông. Vóc dáng thấp bé, trong nhiều năm ông coi mình là một con người xấu xí, và viết một cách hết sức cảm động về cố gắng của chính ông để chấp nhận cái vóc dáng bề ngoài đó của mình. James Baldwin đã chết. Bản nhạc Blues cũng dứt theo.

BÙI BẢO TRÚC

Nguyễn Mạnh Trinh

Buổi chiều ở phố núi

Buổi chiều ở Pleiku không có mặt trời
Câu thơ Kim Tuấn hôm nay về ký ức
Những dốc lên của sợi nắng rơi
đã tan loãng trong ngày tỉnh thức.

Buổi chiều ở Pleiku dường có nỗi buồn
Của ngọn núi Hàm Rồng muôn năm đá xám
Ly cà phê nhỏ giọt cô đơn
Mây đã bay cuộc đời rất tạm

Buổi chiều ở Pleiku có mưa từng hạt
Poncho choàng trên phố bùn lầy
Có góc căn hầm giữa ngày nước tạt
Những trái pháo rơi gọi nỗi sầu vây.

Buổi chiều ở Pleiku có những chuyến bay
Ta phiêu du trên trời một dòng sông đỏ
Nhìn nước Biển Hồ lấp lánh mầu mây
Tiếng nói yêu em thầm thì ngực vỡ

Buổi chiều ở Pleiku góc khuất phi trường
Ở kho bom nhìn ngày vừa hết
Thắp giùm ta hoả châu khói sương
Làm ngọn nến hai mươi năm mỏi mệt.

Buổi chiều ở Pleiku mưa bay rất vội
Ngọn cây dương đầu cư xá rưng rưng
Vẫy tay chào cánh chim lạc lối
Khi ngôn ngữ buồn đã mọc như rừng.

Buổi chiều ở Pleiku có giấc ngủ dưng không
Một buổi chiều ngồi bên hiên phát khóc
Nghe tiếng phi cơ mất hút vào mênh mông
Chuyến xe gầm ở khúc quành đầu dốc.

Buổi chiều ở Pleiku lạ những buổi chiều
Những miếng cơm ăn dường như sỏi đá
Đã mất hút rồi tiếng gọi em yêu
Của cấm trại cấm quân những ngày mệt lả.

Buổi chiều ở Pleiku đắng như giọt cà phê
Nhoà nhạt áo hồng áo xanh giấc mơ tuổi trẻ
Lái chiếc xe bồng bềnh ngọn dốc đi về
Bỗng mọc cánh trên vai làm con chim sẻ...

Nguyễn Hoàng Nam

Mưa, nhớ người phía Bắc

ở đâu đến một cơn mưa
sớm mai chợt mỏng, ướt vừa thấm vai
cả ngày như bỗng nhớ ai
khi không lất phất dằng dai bắt nguồn...

mưa buông êm điệu mưa chung
mưa hai thành phố mưa cùng...thân thương

xa nhau xa mấy đoạn trường
(cũng trong mãi cuộc sống thường, thờ ơ
mấy hạnh ngộ, mấy tình cờ
dù Nam Bắc chỉ vài giờ...kẹt xe)

sớm mai mưa kể anh nghe
giọt vương vấn đọng bờ mi của nàng

xa nhau tuần lại qua tuần
(vòng cơm áo trói bước chân đi tìm
quên quên nhớ nhớ, trái tim
còn nhau trong một bóng chim ngút ngàn...)

đưa tay hứng hạt tần ngần
nhờ mưa mới được một lần nhớ nhau

mưa dài xa lộ chung nào
để hai cô cậu nhờ trao thư tình
rồi mai trên tóc nắng hanh
còn long lanh nét mực xanh thiệt thà

sớm mai mưa kể anh là
mưa trên đường phố nàng qua cũng buồn

Võ Kỳ Điền

Bút pháp của Kiệt Tấn qua "Nụ cười tre trúc".

Đã không biết bao nhiêu lần tôi cầm viết lên định ghi lại một vài nhận định về Kiệt Tấn cuối cùng rồi lại để xuống, do dự đắn đo. Tập giấy trước mặt vẫn còn trắng bong. Một tuần, hai tuần rồi ba tuần qua, cứ hẹn lần hẹn lữa, lòng dặn lòng là nhờ thời gian để suy nghĩ chín chắn hơn. Hồi nhỏ đi coi cải lương gặp được một tuồng hấp dẫn tôi thường khoa chưn múa tay bắt chước điệu bộ của các đào kép, miệng thì tía lia khoe với bạn bè. Bây giờ chứng nào tật nấy không chừa, khi coi một phim hay một cuốn sách hay, hễ mỗi lần gặp ai, tôi cũng trầm trồ suýt soa giới thiệu khoe khoang. Vậy đó làm sao mà im hơi lặng tiếng cho được khi cầm cuốn Nụ Cười Tre Trúc của Kiệt Tấn vừa được in ra do nhà Văn Nghệ phát hành vào khoảng cuối năm 1987. Nhưng viết về một tài năng cao như Kiệt Tấn, tôi có đủ sức không? Nhận định về một người thường đã là một điều khó vì mỗi người là một thế giới sâu kín, kỳ bí nhiệm mầu muôn hình muôn vẻ. Nói chi đến nhà văn mà lại là một nhà văn tài hoa tuyệt vời như Kiệt Tấn mà cõi lòng là một vũ trụ đầy ắp thương yêu, đầy ắp suy tư khắc khoải, đầy ắp rung động thiết tha. Nói như vậy không phải là tôi không dám gồng mình liều gan viết để giới thiệu cái tài bay của con phượng hoàng Kiệt Tấn, hiện đang trú ngụ ở khu Bagnolet bên trời Tây. Tôi muốn được cùng độc giả bốn phương chia sẻ niềm vui đang tràn ngập trong tim óc, khi đọc được một quyển sách hay như Nụ Cười Tre Trúc.

Học giả Trung Hoa nổi tiếng Lâm Ngữ Đường đã nhận định một câu thú vị: "Một số tác giả luôn luôn kích thích độc giả như một chiếc áo đầy rận của người ăn mày. Ngứa ngáy là một cái thú trên đời. Một người biết đọc sách, xét kỹ tác giả từ trong ra tới ngoài như người ăn mày lột áo ra để tìm rận".

Vậy thì tôi sẽ tìm ra được bao nhiêu con rận trong Nụ Cười

Tre Trúc đã làm cho tôi ngứa ngáy một cách thích thú? Chắc là không thể tìm ra cho hết đâu. Bởi vì như Nguyễn Mộng Giác đã nhận định trong bài Bạt: *Kiệt Tấn đã sống hết mình và đã viết hết mình. Khi sự chân thành đã đến độ giống như tự khỏa thân trước cuộc đời, thì cái Tâm Thành đó cộng với Tài Ba phải thành Nghệ Thuật. Kiệt Tấn đã thực hiện được lời của Dostoievsky khi văn hào Nga này nói: "Tôi đã viết hết những điều mà thiên hạ chỉ nói có phân nửa".*

Cho nên cũng xin dè dặt mà ghi chú thêm: những điều tôi viết về Kiệt Tấm chỉ là một vài nhận xét cũng có phân nửa mà thôi vì e rằng không đủ sức để nhìn để nghe được hết cả cái con người mà "đẻ ra, ăn uống, giỡn cười, la khóc, yêu đương. Yêu gà vịt thớ dai, yêu bà già quê hương, yêu cải lương Vọng cổ, yêu dâm nữ hồ ly. Rồi thất tình nổi điên khùng tưởng chết". Tôi tin chắc rằng sẽ có rất nhiều nhà phê bình văn học sẽ nhận định về Nụ Cười Tre Trúc, nhận định về Kiệt Tấn (tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật...) Riêng tôi, cái gì của Kiệt Tấn viết ra tôi cũng ái mộ, cũng say mê hết mình. Đặc biệt là Kiệt Tấn sử dụng một bút pháp không giống ai. Nghệ thuật hành văn của Kiệt Tấn là điểm đặc biệt mà tôi tìm thấy trong hàng chục, hàng trăm điều đặc biệt ở trong con người văn thơ đặc biệt, nói ra không bao giờ hết này.

Từ lâu tôi vẫn thường tự hỏi tại sao một nhà văn hay một nhà thơ được nổi tiếng. Họ hay ở điểm nào? Trong đám trăm ngàn ngòi bút vẫy vùng trên văn đàn, nhờ vào điểm nào mà họ ngoi lên được, đứng lấp lánh soi sáng ở một góc trời văn học? Nhờ vào tư tưởng cao xa chăng? Tôi ngờ lắm. Vì cho tới bây giờ những khám phá mới nhứt của con người về phương diện tư tưởng hình như vẫn còn thua xa thời cổ. Cái thời mà bên trời Tây có Chúa Jésus, các hiền triết Platon, Socrates, Descartes... Bên phương Đông có các thánh hiền như Đức Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão, Trang nhứt là Đức Phật Thích Ca. Nhờ vào tình cảm nồng nhiệt sôi nổi, đam mê phong phú chăng? Tình yêu tân tiến mang nhiều màu sắc mới chăng? Tôi cũng ngờ lắm. Vì vẫn tin rằng từ hai ngàn năm sau nữa, dẫu trai gái có dắt tay nhau lên cung trăng mà hẹn hò thì con người cũng rung động, cũng say đắm giống hệch bây giờ. Ở trên trái đất cũ xì bốn tỉ rưỡi năm này, không có cái gì mới lạ hết. Người xưa đã từng nói "cái nơi mà ta ngồi ngày hôm nay, thì người xưa đã ngồi trước ta lâu lắm rồi."

Có lần tôi đã viết thơ hỏi Kiệt Tấn về điểm này, trong thơ phúc đáp nhân về bài Năm Nay Đào Lại Nở, tác giả đã trả lời như vầy: "Như hiền hữu đã thấy, cũng đồng thời một câu truyện, dưới ngòi bút của một tác giả thì lại khác nhau. Cái hay, cái dở của mỗi người là ở chỗ đó chăng? Lấy tỷ dụ mấy bà già quê hương, hiền

hữu chỉ muốn viết về một bà già độc nhứt. Hồ Trường An muốn để bà già tự thuật, tôi đưa ra một số hình ảnh để người đọc nhớ lại bà già quê hương nào đó mà chính mình đã gặp và bồi hồi. Dĩ nhiên ba lối viết sẽ gây xúc động ở độc giả rất khác biệt nhau. Hiền hữu đưa ra cái cảm xúc "bủn rủn" rất gần quan niệm của tôi về truyện ngắn. Tôi thường tưởng tượng độc giả là người nữ nên có quan niệm dâm ám như sau: "Khi viết truyện ngắn, tác giả rủ rê độc giả làm tình. Nếu cả hai đều đã đời, truyện ngắn thành công; nếu chỉ một bên đã đời, truyện ngắn thất bại, nếu chẳng có bên nào đã đời, truyện ngắn thảm bại".

Tôi hoàn toàn đồng ý về nhận định trên của anh, nên thường để ý đến cái khác biệt của những nhà văn. Tư tưởng của họ có cao, có thấp, tình cảm có cạn, có sâu nhưng tựu trung đại khái nó giống nhau, không có gì mới lạ hết. Đã là con người, dù Đông Tây Nam Bắc, da trắng, đen, vàng, đỏ thì suy nghĩ, rung cảm như nhau. Cái đặc biệt của mỗi nhà văn là ở nghệ thuật diễn tả, cách sắp xếp tình ý, cách dùng chữ, cách lựa lời. Y như người thợ hớt tóc ngắm nhìn những sợi tóc so le của khách, nghĩ trong bụng tìm cách đưa cái bào, cái kéo làm sao cho đều và thẳng để tóc được hớt ngay ngắn, gọn gàng, cái đầu tròn trịa, không sọc rằn, không trơ chìa lởm chởm như trái chôm chôm. Càng gọn gàng, nhanh nhẹn, ngọt ngào càng hay càng khéo. Cũng như người kiếm sĩ, khi rút kiếm ra múa may quay cuồng tiến tới, thụt lui, đỡ gạt, mục đích là gì? Họ lựa chỗ sơ hở của đối thủ, chém một nhát cho đứt ngọt. Kết thúc trận đấu. Nhà văn nhà thơ cũng như ông thợ hớt tóc, cũng như người múa kiếm phải sắp xếp tư tưởng tình cảm dùng chữ, lựa lời bằng đủ mọi cách làm sao để đánh mạnh vào cảm giác, gây được xúc động tận cùng của từng tế bào tim óc người đọc.

Cho nên trong văn chương người nào có được bút pháp đặc sắc, riêng biệt nổi bật, người đó thành công. Còn trái lại, không tạo được một bút pháp cho riêng mình, người đọc lầm lẫn văn của người này với của người kia, hoặc đọc xong cả bài mà không tìm thấy cái nét riêng của tác giả, thì nhà văn đó thất bại.

Bằng vào cái quan niệm trên, nhà văn Kiệt Tấn với ngòi bút ngoạn mục đã đưa ta vào cái thế giới riêng tư của anh với biết bao điều kỳ thú. Ta đâm ra ngỡ ngàng, ngạc nhiên, say mê theo dõi.

Lần giở từng trang, từng trang ta thấy ngòi bút anh tung hoành như sóng nước sông Tiền, sông Hậu cuồn cuộn tuôn ra biển lấp lánh lớp lớp phù sa. Phải có một cá tánh mạnh mẽ, một bút pháp mạnh mẽ mới phô diễn được như vầy:

"Tôi bị ghẻ cả năm, máu mủ rỉ ra tùm lum, chỉ có má tôi mới dám rớ tới tôi, kỳ dư ai ngó thấy cũng nhợn. Tưởng đâu tôi đã rụng hết hai cái vành tai và đi đứt luôn cái vòi nước." (tr 12, NCTT)

Hình như trong nền văn chương chúng ta, chưa có ai để ý đến nhiều điều như Kiệt Tấn đã để ý. Một nhà văn can đảm là trình bày sự thực điều gì đã sống qua mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, tay sờ, không được giấu giếm cái xấu mà lại đi khoe cái hay cái đẹp, không sợ người chê cười mình nghèo khổ, mà lại cố nói mình giàu sang.

"Tôi dãy dụa, bà lấy gáo dừa có cán khõ lên đầu tôi... (tr 13, NCTT)

Cái chữ "khõ" được tác giả dùng ở đây vừa tượng âm vừa gợi hình, thiệt là tuyệt diệu. Cái hình ảnh đó tôi cũng được sống qua thời còn nhỏ xíu. Ở thôn quê nhà nào cũng có cái lu nước để dưới giọt mái tranh. Cái gáo dừa mòn lẫn có cán máng lên cây cột nhà đen thui dựa bên lu nước đóng rêu đầy cặn với lăng quăng. Mỗi khi chiều đến anh em đứng sắp hàng ở truồng để má tắm cho. Nhưng hình như tôi chưa bao giờ bị khõ đầu như tác giả, có lẽ tôi hiền lành đứng im, không có khóc la dãy dụa chăng? Mà tác giả khóc la là tại mấy con kiến lửa (Phải chi tụi nó xúm lại cắn thêm nhiều hơn nữa cho đứt luôn cái vòi nước thì đỡ phiền người em xóm học, người em bến đò Rạch Miễu, người em bến Bắc Mỹ Thuận, bao nhiêu)

Cái cá tánh mạnh mẽ đó rõ ràng là Kiệt Tấn đã thừa hưởng cái dòng máu của thân phụ. Một người cha xuất thân từ hai bàn tay trắng, với nghị lực cương cường, gầy dựng sự nghiệp nuôi bầy con lớn khôn, tất cả đều nên người hữu dụng.

"... ba tôi thì trái lại từ ghe nhảy lên bờ xách gươm xấn ngược dòng người chạy ngược ra chợ. Ông nói bây giờ ngoài chợ đồ ăn mới rẻ..."

"... Ba tôi giận quá tuốt gươm ra khỏi vỏ. Đó là lần duy nhất tôi được thấy gươm cổ tổ của dòng họ ngời ngời ánh thép. Ông trỏ gươm lên bờ mà hét rổn rảng:

— Đ.M, đứng lại. Giặc tới tụi bây phải ở lại giữ trật tự cho đàn bà con nít rút lui, cớ sao tụi bây bỏ chạy trước.

Một gã du kích chõ miệng xuống ghe, trả lời ba tôi ngon lành:

ĐM, gia tài có mấy cây súng quèn, ông biểu tụi tui ở lại cắn tụi nó hả? (tr 18 NCTT)

Ôi, cái chữ "cắn" tuyệt vời. Chỉ có Kiệt Tấn mới dùng được cái hình ảnh đặc sắc đó mà thôi.

Cũng vậy, chúng ta hãy lắng nghe anh lý luận khi ở trong nhà thương tâm thần:

"... ít ra lời nói của ông già điên này không giết người và hợp lý hơn so với cái phi lý vì muốn quá sức hợp lý, độc quyền hợp lý, nghe một lời muốn... đi la cho nhẹ bớt" (tr 118 EĐXT)

Từng chữ từng lời được tuôn ra trôi chảy. Cuồng nhiệt, mạnh mẽ, không thèm sửa chữa cho trang nhã, khéo léo hoa mỹ. Tác giả nghĩ sao nói vậy không quanh co trau chuốt. Người đọc sách

ngang qua sững sờ, nín thở coi lại coi đọc có lộn không, nhìn tới nhìn lui cho rõ là mình đọc đúng, xong rồi thấy "đã" quá, bật cười ào ào. "Đã" là cái chữ mà tác giả thường viết đi viết lại trong các thơ gởi cho bạn bè "... muốn độc giả thưởng thức một truyện hay... làm sao họ đọc tới đâu vỗ đùi la lên tới đó "đã", "đã" quá..."

Cái đặc tính thứ hai của Kiệt Tấn là sự thành thật. Tất cả 8 truyện trong Nụ Cười Tre Trúc phần lớn là tự truyện. Anh tường thuật không sót một góc cạnh nhỏ nhoi của đời anh và gia đình. Nếu đọc kỹ từ truyện đầu Nụ Cười Tre Trúc đến truyện cuối Vườn Chanh Miệt Biển thì ta có thể làm bản lý lịch của chính anh, cùng vợ, con và cha mẹ anh em. Điều đó có gì quan trọng chăng? Văn thơ là sản phẩm của tưởng tượng mà. Nhưng tưởng tượng mà không gắn liền với sự thực thì văn vô sinh khí như cái xác chết không có hồn. Có nhiều bài văn ta đọc mà lòng dửng dưng vì tác giả đã tưởng tượng nhiều quá, tác giả suy nghĩ giùm cho nhơn vật A xong rồi than khóc giùm cho nhơn vật B, rồi cười giỡn giùm cho nhơn vật C, rồi nhảy đầm với ăn nhà hàng giùm cho nhơn vật D... Do đó mà câu chuyện đánh mất sự thực hiển nhiên của đời sống, thiếu mất cái rung cảm chơn thành của con tim. Cho nên đa số các tác phẩm hay đều là những câu chuyện thật phát xuất từ đáy lòng. Kiệt Tấn đã không ngần ngại sợ sệt e dè gì mà không viết hết những gì anh đã cảm, đã nghĩ, đã thương, đã khóc.

"Hết đông tới Xuân, hết Xuân tới hè, vẫn thất nghiệp dài dài. Đứa con trai nhỏ theo trường đã cắm trại miền biển, còn lại tôi và đứa con gái, cha con mỗi ngày ngồi ngó nhau chờ má về. Nó học ở trường biết thổi sáo chút đỉnh, mấy bản ru em. Tôi mượn được cây lục huyền cầm, gảy lăng tăng. Mùa hè hai cha con tính xuống métro song tấu kiếm chút cháo của hành khách xuôi ngược. Nhưng sợ má bắt gặp bắt tử nên thôi. Tôi nghĩ nếu một mai tôi chết, khi viết hồi ký, con gái tôi chắc sẽ bắt đầu như sau: "Ba tôi là một người hết sức buồn rầu..." (125, EĐXT)

Hoặc:

"Có hôm đứng ngó mình trong kiếng tôi ngỡ thấy một thằng điên. Tóc tai rũ rượi mắt nổi gân đỏ, da mặt vàng ẻo. Tôi chợt hối hận ăn năn vô cùng. Đâu dễ gì tôi xuất hiện trên trái đất này dưới lốt một con người. Phải bao nhiêu vạn kiếp, bao nhiêu cơ duyên... (tr 125, EĐXT)

Kiệt Tấn đã thương đã khóc, cảm nghĩ cho ai? Không cho ai khác ngoài anh. Anh là nhơn vật chánh. Mặc dầu viết về mẹ, về cha, về vợ, về con, về bạn bè, lúc nào anh cũng ở ngôi thứ nhứt với chữ "tôi". Anh là người cảm nghĩ, suy tư, những người còn lại chỉ có nói năng, hành động. Cái mà tác giả nhìn, ngắm, thương yêu cũng giống hịch cái mà độc giả nhìn, ngắm, thương yêu. Tác giả và

độc giả hòa làm một.

Cái đặc tánh thứ ba của bút pháp Kiệt Tấn là sự giản dị.

Muốn viết văn kiểu cách thì rất dễ. Người ta chỉ cần tìm chữ cho khéo, đặt câu cho kêu là có thể tạo được một bài văn bóng bẩy, óng chuốt. Nhưng muốn viết được những câu giản dị thì thiệt là khó. Văn giản dị mà hay thì cũng như người con gái đẹp không cần tô son điểm phấn, má vẫn hồng môi vẫn xinh. Văn bóng bẩy hoa mỹ trau chuốt như người đàn bà mặt nám, da nhăn thành ra phải nhờ phấn tô, son trét...

"... Khóa hai xe dính lại, tôi dìu nàng ra mấy cái mả đá bên hông chùa có xẻ lối đi trải sỏi, có mấy khuỷnh đất nhỏ trồng chuối, trồng mía và vài bụi sả. Và một tấm bảng sừng sững giữa lối đi, sơn chữ đỏ". Xin đừng lợi dụng chốn tôn nghiêm mà làm điều thất giáo". Bốn bề vắng ngắt (tr 80 BĐTT). Hình như trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử nói câu này "Pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu". Pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng sinh nhiều. Có lẽ tại nhà chùa để cái bảng cấm, mà học sinh ở hai tỉnh Mỹ Tho với Bến Tre thường rủ nhau lại đó để hẹn hò chăng?

hoặc:

"Sau khi chứng kiến vô số tai nạn -một lần trái tim người bị cán văng ra còn đập nhảy trên mặt đường nhựa, tôi thường ê ẩm hàm răng, tóc tai dựng đứng, nổi da gà khiếp vía khi thấy bà Lượm Lon đi ngang qua nhà tôi, quẹo trái, chập sau có tiếng xe vận lương rầm rộ, súng nổ lốp bốp, rồi tiếng phanh xe khịt khịt, tiếng bánh cao su chợt đứng sững nhưng còn trớn còn xiết trên đường nghe rát ruột. Tôi sợ rồi một ngày nào đó cái khăn mỏ quạ, đôi dép Nhật Bổn, mấy cái lon vừa lượm được sẽ văng tung tóe dưới lườn của một khung sắt đồ sộ. Người ta sẽ thu nhặt những gì còn lại của chiếc lưng còng, của hàm răng đen, của cặp kiếng đen, của một thuở bình yên bên bờ sông Hồng, của những tình tự một thời với ông Đa..."

Cái đặc tánh thứ tư là bút pháp trôi chảy. Kiệt Tấn viết như gió táp mưa sa, đầy sức sống cuồng nhiệt đam mê. Đây là điểm sở trường nhất trong các điểm sở trường khác. Anh sống hết mình và anh viết cũng hết mình. Thành ra cái nỗi thương yêu, giận hờn, đau xót dưới ngòi bút của anh nó tuôn trào cuồn cuộn. Thương yêu ngút ngàn, cảm xúc chất ngất, run rẩy, bồi hồi, tham lam cuống quýt.

"Tôi gẫy quặp người tới trước hai tay cấu lấy bụi cỏ lông gà, ghịt kéo để cố dằn tiếng khóc ngất đang cướp mất hơi thở của mình. Bụi cỏ trốc gốc tôi lại té ngửa ra sau, một chơn lọt xuống mương nước, tôi nấc liền mấy tiếng bứt ngang hô hấp, miệng không thể nào khép lại được nữa, tôi nhăn hàm răng xiết ăn ngó

trời, lệ tuôn đầm đìa lai láng, trời mây trên cao tan loãng thành vũng nước mắt không còn hình thù gì nữa, tất cả mờ run mịt mùng, lung linh nhòe nhoẹt. Hết rồi! Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi! Em đã chết bỏ tôi thiệt rồi! (tr 46 EVVNCTƠ).

Sau khi phớt nhẹ môi tôi lên môi nàng, tôi chẳng còn dính dáng với trời đất này nữa. Khi tôi bước đi, mặt đất cũng mất hiệu lực đối với tôi. Khi nằm xuống và khép mắt, tôi bay bổng la đà, nhẹ hổng, từ từ bay ra khỏi gác trọ rồi lượn lên lượn xuống trên mặt sông Định Tường như cánh chuồn chuồn, buổi trưa say nắng. Tôi bay bổng trên mặt đất như các vị thiền sư Tây Tạng lúc tham thiền. Tôi chóng mặt rên ư ử (tr 64 BĐTT)

Các văn nhân Trung Hoa ngày xưa thường cho rằng văn thể ưu mỹ nhứt là văn thể giống như nước chảy mây bay (hành vân lưu thủy). Hơi văn anh toát ra mạnh mẽ, ngòi bút anh thoan thoát trơn tru, không rụt rè, không vấp váp.

Đọc Kiệt Tấn, ta tưởng chừng như thấy được ngòi bút anh đưa đẩy thoăn thoắt, tai như nghe tiếng giấy rào rào, từng câu, từng ý tuôn ra không ngừng nghỉ. Nếu ta có thể ví bút pháp như những đường gân trong cơ thể, thì tư tưởng, tình cảm có thể được như xương thịt. Xương thịt cử động được nhịp nhàng là nhờ gân dẻo dai khỏe mạnh. Nhìn chung toàn thể tám truyện ngắn, cái gì là xương thịt của Nụ Cười Tre Trúc? Cái gì đã làm nên giá trị của tác phẩm? Cái gì đã làm cho Kiệt Tấn được mọi người nhắc nhở? Theo tôi đó là cái tình thương vô bờ bến của người nghệ sĩ tài hoa. Cái tình thương đó bàng bạc ở từng chữ, từng câu. Trái tim của Kiệt Tấn có rất nhiều ngăn. Một ngăn cho cha, một ngăn cho mẹ, một ngăn cho con, một ngăn cho những người tình, một ngăn cho những bà già quê hương, một ngăn cho con vịt vàng, một ngăn cho con chó nhỏ, một ngăn cho những câu ca dao, một ngăn cho ngôn ngữ quê mùa... và còn rất nhiều ngăn nữa dành cho kẻ khổ đau trên đất nước này. Làm sao kể cho hết cái tình yêu bao la, ngút ngàn của tác giả Nụ Cười Tre Trúc.

Người đọc cảm thấy nghẹn ngào xót thương cho bà mẹ già móm mém bên vuông nắng cả đời hy sinh cho con. Thương con vịt vàng nhỏ "Em đã cho tôi con tim thơ dại, tôi đã cho em tuổi ấu thời. Dù vẫn còn phưởng phất ở Xóm Mới mỗi độ xuân về, con tim thơ dại và tuổi ấu thời đã có lần vỗ cánh thơ ngây bay tìm mùa Xuân trong trắng ở một vùng trời tuyệt nhiên không nhuốm một chút dấu vết hận thù". Thương Hoa bến đò, thương "em điên xõa tóc"; thương bà già lượm lon, thương bà già bán đậu phọng lép... kể sao cho xiết.

Tác giả đã thương chơn thành hay thương theo kiểu tiểu thuyết? Trong một thơ đã gởi cho tôi đề ngày 2.10.1985, Kiệt Tấn

đã viết như vầy:

"Bà xã tôi sau khi đọc xong truyện nói: Thiệt tội nghiệp em điên biết chừng nào. Bây giờ cô đó ra sao hả anh?

Nhiều bữa ngồi trên đồi cỏ sau nhà mùa hè đã hết, buổi chiều đã hết, tôi cũng tự hỏi y chang như vậy, và không khỏi ngùi thương...

Tôi nghĩ cái lồng ngực nhỏ bé của Kiệt Tấn không đủ sức để chứa con tim thương yêu bao la vạn dặm đó. Chỉ có bút pháp tuyệt vời của Kiệt Tấn tựa như đôi cánh con phượng hoàng xòe rộng mới chở nổi cái khối tình thương to lớn kia mà bay lượn trong bầu trời cao xanh thăm thẳm.

Xếp quyển sách lại, cái dư hương còn phảng phất ngạt ngào, cái tình thương xúc động rạt rào tràn ngập trong tim, thấy rằng trên cái cõi đời ô trọc tranh giành này, còn có những tâm hồn đẹp đẽ sáng ngời. Tôi tin rằng khi con người còn thương mến con người, thương mến loài vật khi ấy cuộc đời vẫn còn đáng yêu hết sức, đáng sống hết sức.

Tôi còn muốn viết nhiều hơn nữa để cố nói lên cho hết cái hay của bút pháp Kiệt Tấn nhưng lại e dè không dám vì tác giả đã nhắc khéo trong bài cuối Vườn Chanh Miệt Biển: "Đi vào Kinh Pháp cũng như nghệ thuật, con đường trực giác và cảm xúc là con đường thẳng. Đi vào Kinh Pháp cũng như nghệ thuật, con đường trí tuệ và phân tích là con đường mê cung (tr 84 VCMB).

Kết luận lại, bằng trực giác và cảm xúc, tôi liều gan cho rằng Nụ Cười Tre Trúc của Kiệt Tấn là một tác phẩm vượt trên mọi tác phẩm có từ trước đến nay mà tôi đã được đọc.

Montréal 19/Fev/1988
VÕ KỲ ĐIỀN

Thế Uyên

Vài nhận xét về cuốn "Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam" của Phạm Cao Dương

Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam, quyển I: *Thời kỳ lập quốc* của Phạm Cao Dương do Truyền Thống Việt xuất bản năm 1987 tại California, USA. Hình bìa của Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. Khổ sách thông dụng, 275 trang với 5 sơ đồ và hai trang chụp các cổ vật. Giá US$14.00. Người phát hành: Mr. Vu Pham, P.O. Box 9526 Fountain Valley, CA 92728-9526, USA.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc cổ cựu, từ lâu đã có sử và những cuốn đầu tiên này cũng vào loại cổ cựu trên thế giới. Và vì thuộc nền văn minh Đông Á chịu ảnh hưởng Trung-hoa, những cuốn sử này đều soạn theo lối biên niên và cương mục. Cách thế ghi chép, diễn giải cũng như phê phán sử liệu đều bị chi phối bởi các quan điểm cũng như giáo điều của Khổng Giáo. Cuốn sử cuối cùng của loại này là do Hoàng Cao Khải soạn. Về văn tự, tất cả đều viết bằng chữ Hán.

Đến thế kỷ 19, văn minh văn hoá Tây phương, chủ yếu là văn hoá Pháp đã xâm nhập và củng cố ảnh hưởng tại Việt Nam mỗi ngày một sâu đậm, thông qua hai con đường. Con đường thứ nhất là con đường truyền Đạo Công Giáo, con đường thứ hai là con đường xâm chiếm Việt Nam làm thuộc địa của thực dân Pháp.

Các nhà truyền giáo Tây phương hồi đó phải giải quyết một bài toán gay go về thứ văn tự cần thiết để dịch kinh sách cũng như truyền đạo. Nếu dịch sang chữ Hán thì chỉ một thiểu số sĩ phu đọc được. Nếu dịch sang chữ nôm thì cũng chỉ khá hơn một chút: người đọc được cũng vẫn chỉ là thiểu số trên, chỉ có thêm chút đền bù là đọc lên thì mọi người Việt đều có thể hiểu. Bởi thế một số nhà truyền giáo giỏi ngữ pháp đã cùng nhau soạn thảo ra chữ quốc ngữ, là thứ chữ dùng các mẫu tự la-tanh, biến cải và thêm bớt các dấu, để ghi âm lại tiếng Việt. Với thứ chữ mới này, trở ngại về ngôn ngữ và văn tự kể như tạm được giải quyết.

Với thời gian, giáo hội truyền giáo thấy có nhu cầu cần có một cuốn sử Việt-nam bằng quốc ngữ để giúp cho các nhà truyền giáo thế hệ sau có một khái niệm về lịch sử của dân tộc mà họ phải truyền đạo. Cuốn sử bằng chữ Việt đầu tiên được soạn thảo theo quan niệm Tây phương đã được hoàn thành và sau này do nhà xuất bản công giáo Tân-định, Sài-gòn ấn hành.

Sau khi đã chiếm xong Nam-kỳ làm thuộc địa, chính quyền Pháp cần đào tạo gấp một thành phần trí thức mới người bản xứ có khả năng phụ giúp cho việc cai trị, đồng thời để phổ biến nền văn hoá Pháp. Họ bắt đầu mở các trường học theo kiểu Pháp, và do sự kiện này, lại nẩy sinh nhu cầu một cuốn sử Việt để hướng dẫn học viên. Ông Trương Vĩnh Ký đã đứng ra thỏa mãn nhu cầu này bằng cách soạn một bộ sử giáo khoa hai tập, nhan đề là *Cours d'Histoire Annamite* bằng Pháp ngữ. Cuốn sử bằng quốc ngữ của nhà Tân-định không dùng được trong trường vì quá sơ lược về thời kỳ trước khi có việc truyền đạo, và phần còn lại lại ghi chép theo một cái sườn chính là quan điểm cũng như việc truyền đạo công giáo tại Đàng Trong.

Cuốn sử giáo khoa của Trương Vĩnh Ký soạn rất khá, nhưng không được sử dụng lâu vì hai lý do chính. Lý do thứ nhất là đã viết bằng Pháp ngữ, lý do thứ hai là soạn giả Trương Vĩnh Ký đã viết với tư cách một người trí thức yêu nước — điều mà dứt khoát về sau chính quyền Pháp không thể chấp nhận được. Một trí thức đầu hàng thực dân Pháp đã được trao cho nhiệm vụ soạn một cuốn khác thay thế. Cuốn này dĩ nhiên thuộc loại ấu trĩ và phản động nhất, và cũng vì thế được sử dụng khá lâu trong các trường học Việt-nam mở trong mấy chục năm đầu sau khi Việt-nam trở thành thuộc địa của Pháp... Dĩ nhiên các sĩ phu Việt có Âu học không thể chấp nhận mãi truyện này. Một người trong giới này là ông Trần trọng Kim đã soạn ra một cuốn sử mới cho dân tộc Việt-nam, đó là cuốn *Việt-nam sử lược* khoảng năm 1923. Kể từ nay thành phần trí thức trẻ được đào tạo bởi các trường mới do chính quyền Pháp tạo dựng — Họ đều giỏi Pháp văn và quốc ngữ nhưng không biết Hán tự hay biết rất ít — đã có một cuốn sử Việt-nam tốt đẹp để tham khảo.

Sau 1954 ở miền Nam, sau khi tạo dựng ra quốc gia Việt-nam Cộng-hoà, cuốn Việt-nam sử lược của Trần trọng Kim từ bao năm chỉ được coi như sách tham khảo, kể từ nay được coi như cuốn sử chính thức sử dụng trong học đường cũng như chính quyền. Các sách giáo khoa về sử soạn thảo cho các cấp trung tiểu học đều dựa trên cuốn này làm căn bản. Nhưng Việt-nam sử lược cũng có những hạn chế cũng như khuyết điểm. Hạn chế thứ nhất là vì soạn dưới thời Pháp thuộc soạn giả Trần trọng Kim đã không thể nào

viết hết những điều ông biết cũng như nghĩ, phê phán về phía Pháp. Ngoài ra cũng có hạn chế thứ hai là tự bản chất ông Trần trọng Kim vẫn là một nho sĩ, dù một nho sĩ đã Âu hoá và rất tiến bộ, cách thức phê phán của ông vẫn còn chịu ảnh hưởng nhiều của Khổng Giáo. Nhìn thấy các điều đó, nhiều người viết sử khác ra đời viết theo, lối thiên hẳn về phương pháp sử của Tây phương, trong đó thành công nhất là Trần văn Sơn.

Tại miền Bắc, sau 1954, chính quyền CSVN phủ nhận hoàn toàn Việt-nam sử lược của Trần trọng Kim, kết án là cực kỳ phản động. Sau ngày 30 tháng 4, 1975, họ đã cho cán bộ lùng kiếm tịch thu và đốt sạch cuốn sử này ở miền Nam. Họ thay thế bằng hai cuốn khác, dĩ nhiên soạn theo duy vật sử quan của chủ nghĩa Mác Lê. Cuốn thứ nhất soạn khá công phu và là một công trình tập thể, nhưng lần này đặc biệt có đề tên tác giả cho mỗi tập. Mỗi thời kỳ lịch sử, do một số tác giả viết. Cuốn này thì có vẻ sử hơn là cuốn đầu tiên của chính quyền miền Bắc, tài liệu phong phú hơn, nhưng cách thế ghi chép sự kiện cũng như phê phán bị chi phối bởi giáo điều Mác Lê quá nhiều, nên nhiều đoạn có tính cách khiên cưỡng. Đọc những đoạn ấy người đọc có cảm tưởng như đang chứng kiến cảnh một người đang ngồi mài chân mình cho vừa đôi giầy lỡ mua quá nhỏ, hoặc cảnh một người vụng về đang gói bánh chưng lần đầu, đậu thịt lá lạ cứ tung toé méo mó không ra hình thù gì gọi là vuông.

Sau 30-4-75, trong dân tộc Việt-nam xuất hiện thêm một yếu tố mới; cộng đồng Việt-nam tị nạn tại nước ngoài. Tính chất căn bản của cộng đồng này là phủ nhận, khước từ chế độ *xã hội chủ nghĩa* do Đảng CSVN mang lại cho quốc nội, về nhiều phương diện. Do nhu cầu bảo trì và phát huy văn hoá của mình tại quốc ngoại, cuốn Việt-nam sử lược của Trần trọng Kim đã được tái bản. Nhưng như trên đã trình bầy, cuốn này đã có những hạn chế, không thỏa mãn được hoàn toàn nhu cầu tinh thần của những người Việt ly hương nữa. Tình hình đòi hỏi cần phải có một cuốn sử mới, do lớp trí thức mới soạn thảo. Cuốn *Lịch sử Dân tộc Việt-nam* của Phạm Cao Dương ra đời, đáp ứng đúng nhu cầu của cộng đồng người Việt hải ngoại. Sự xuất hiện của cuốn này không làm ai ngạc nhiên, nếu ngạc nhiên chăng, thì chỉ vì nó xuất hiện hơi lâu một chút so với lòng mong đợi của mọi người.

Dưới đây chúng ta cùng thử xét qua công trình của Phạm Cao Dương, trong ý thức rằng đây mới chỉ là cuốn thứ 1 của một bộ sử dài nhiều cuốn.

Trước hết chúng ta xét tới mục đích của tác giả, căn cứ vào những mục tiêu của chính tác giả đề ra, để xét xem ông có đạt được hay không và đạt được tới mức độ nào. Trong *Lời mở đầu*, Phạm

Cao Dương biết:

> Bộ lịch sử dân tộc Việt-nam này được soạn thảo nhằm cống hiến cho người Việt ở hải ngoại, *đặc biệt là giới trẻ*, những tài liệu căn bản cần thiết cho những nỗ lực bảo tồn và phát huy văn hoá của dân tộc, đồng thời cũng để phần nào thay thế cho những tài liệu đã được soạn thảo từ nhiều chục năm trước không còn hợp thời nữa.
>
> Với mục tiêu này, người viết một mặt cố gắng bổ khuyết những gì thiếu sót của các tài liệu cũ, điều chỉnh những gì không được chính xác, giới thiệu với người đọc những tài liệu liên hệ tới từng sự kiện, từng biến cố, từng giai đoạn, một mặt vẫn duy trì một trình độ *có tính cách phổ thông* của một *tác phẩm nhập môn* hướng vào quần chúng hay những người mới bước chân vào ngưỡng cửa của ngành học.

Nếu mục tiêu của Phạm Cao Dương là nhằm vào giới trẻ — nghĩa là những người lớn lên ở ngoại quốc, ở trường chỉ được học sử của quốc gia bố mẹ mình đã chọn làm nơi định cư — bằng cách soạn một cuốn sử Việt-nam loại nhập môn và có tính cách phổ thông, thì mục tiêu đó đúng là phù hợp với nhu cầu của cộng đồng Việt hải ngoại. Nhưng đáng tiếc soạn giả lại quan niệm sự *nhập môn* ấy ở một trình độ quá cao — điều mà tiền bối Trần trọng Kim đã tránh được. Trước hết, trong loại biên khảo nhập môn cho mỗi bộ môn văn học, không cứ gì sử, thì phần các tài liệu tham khảo không cần ghi chú quá chi tiết và đầy đủ. Lý do rất giản dị: những người trẻ tìm sử để đọc cho có một khái niệm về quá khứ dân tộc mình, đâu có thì giờ cũng như khả năng và phương tiện để tìm đọc những sách báo tài liệu tham khảo mà soạn giả đã đề ra. Trần trọng Kim hiểu như thế nên ông chỉ liệt kê có 26 cuốn sách, in gọn trong một trang và để ở cuối sách. Có lẽ ông Phạm Cao Dương cũng nên làm như thế sau này, chỉ giữ lại ở mỗi cuối chương phần chú giải. Và về chú giải này, không những nên giữ, mà còn cần tăng cường thêm nhiều, nhất là về các chức tước thời xưa, các từ ngữ cũ. Thí dụ khi nói tới Phó Vệ-úy Lê văn Khôi sau này, tác giả nên chú giải chức phó vệ úy tương đương với cấp trung tá hiện nay; (Vốn chữ nghĩa tiếng Việt của lớp trẻ hải ngoại hiện nay đâu có nhiều cho lắm).

Ai cũng nhận thấy ngay ông Dương đã kiếm ra được nhiều nguồn tài liệu mới, đầy đủ hơn Trần trọng Kim, do đó soi sáng thêm nhiều khía cạnh của lịch sử. Nhưng trong một cuốn sử nhập môn, thì người có quyền chọn lựa tài liệu nào mình cho là đúng nhất, chính là soạn giả. Người đọc sẽ đương nhiên tín nhiệm ở khả năng của soạn giả. Ông Dương còn quá khiêm tốn, đôi khi đã trình

bày những sự kiện đó như tài liệu tham khảo, làm rối trí người đọc thông thường, nhất là lớp trẻ, không những chỉ lớp trẻ, mà ngay cả lớp lớn tuổi hơn nhưng không chuyên về sử. Và ngay cả những tài liệu soạn giả trích dịch nguyên văn, in riêng với phần chữ nghiêng để mở rộng thêm tầm kiến thức của độc giả, dù đa số là hữu ích, nhưng đề nghị soạn giả cũng nên bớt đi những tài liệu không cần thiết cho lắm. Thí dụ *Nguyên văn thư của Hán Văn-đế gửi Nam-Việt vương* hay *Nguyên văn lời sớ của Tiết Kính Văn*. Nếu soạn giả muốn duy trì, xin đưa những tài liệu như thế xuống phần phụ lục ở cuối sách...

Ngoài ra, trong phần chú giải, cũng có một khuyết điểm cần nêu cùng soạn giả: đó là chú giải về Phật giáo. Đạo này gia nhập đời sống cùng xã hội Việt-nam đã từ quá lâu, ảnh hưởng sâu đậm, nhất là trong các triều đại độc lập của Việt-nam từ thế kỷ thứ 10 trở lại. Vậy mà giải thích của tác giả chỉ là:

> Căn bản của Phật giáo là các thuyết *luân hồi nhân quả*. Sở dĩ người ta phải gánh chịu những khổ não là vì mắc vào vòng luân hồi, do đó muốn giải thoát phải làm sao thoát khỏi vòng này, thoát khỏi bằng cách chánh tâm theo đạo để cắt đứt những nhân duyên nó ràng buộc mình với những khổ đau của trần thế để không còn sinh tử nữa và tới cõi nát bàn (nirvâna) (trang 169).

Giải thích như trên thì cũng đúng là Phật giáo, nhưng không phải Phật giáo chỉ là như vậy. Triết lý của Phật giáo không giản đơn như thế — mong soạn giả trong lần tái bản, sẽ viết lại cho rõ và chính xác hơn nữa.

Trên đây là những nhận xét sơ khởi, về các khuyết điểm — và đó là những khuyết điểm có thể sửa đổi được dễ dàng, nếu soạn giả đồng ý như thế. Những khuyết điểm đó không hề làm hại tới khả năng viết sử của Phạm Cao Dương. Ông đã có những cách phân tích sự kiện, dẫn giải sự kiện theo nhận thức mới hiện nay. Ngoài ra ông còn vượt được Trần trọng Kim bằng cách nêu ra những vấn đề, nghiên cứu những khía cạnh của nhân dân cùng đời sống xã hội của họ một cách khá chính xác. Xin liệt kê dưới đây vài thí dụ điển hình.

Về cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng rất nhiều sử gia đã cũng nêu lên tinh thần độc lập của dân tộc Việt, rồi ngưng ở đó. Riêng Phạm Cao Dương đi xa hơn, trình bày thêm được hậu quả của sự thất trận của hai Bà:

> Những cố gắng cải tổ của Mã Viện trong tổ chức cũng như đường lối cai trị... đã đưa tới sự kiểm soát các sinh hoạt của người bản xứ một cách trực tiếp, chặt chẽ hơn và đã làm cho văn hoá Trung-hoa được truyền bá sâu

> rộng hơn trong quần chúng Giao-chỉ. *Vai trò của giới quí tộc thời xưa không còn nữa...* Các quan lại người Tàu trong chiều hướng này đã mặc tình thao túng với sự ủng hộ nhiệt thành của các di dân người Tàu. Lịch sử dân tộc Việt-nam từ sau năm 43 đã rẽ sang một hướng khác hẳn trước... (tr 89-90).

Cách lý giải về cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng tương đối đúng nhất là: thành phần quí tộc địa phương, giòng giống Giao-chỉ, đã mưu toan quật ngược để giành lại độc lập. Tô Định ra tay trước, giết Thi Sách, châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa. Không có vụ án này, thì cuộc khởi nghĩa cũng vẫn có thể sẽ xảy ra và vai trò lãnh đạo chưa chắc đã thuộc về hai bà Trưng. Và khi đã thất trận rồi, thành phần quí tộc Giao-chỉ bị tiêu diệt,chế độ bảo hộ chấm dứt, thay thế bằng chế độ Trung-hoa trực trị. Phạm Cao Dương cũng đã cung cấp một dữ kiện mới: Không phải Mã Viện chỉ đúc một cột đồng lớn đề hàng chữ "đồng trụ triệt, Giao-chỉ diệt" như trước đây chúng ta thường biết. Mã Viện thực ra đã thu hết vũ khí, bằng đồng, của phe chiến bại mà đúc ra những cột đồng, khá nhiều, làm cột biên giới.

Một đặc điểm tiến bộ nữa trong cách lý giải thời kỳ này của Phạm Cao Dương là ông sử dụng lại một phần cách diễn giải của sử gia Pháp Henri Maspero để nêu ra khía cạnh tích cực của công cuộc trực trị đất Việt của người Trung-quốc — các sử gia trước đây quá chú trọng tới khía cạnh tiêu cực, thí dụ như sự hà khắc, tham ô bóc lột của các quan lại Tàu.

> Từ sau cuộc viễn chinh của Mã Viện, xứ này đã trở thành một tỉnh thực sự của Trung-quốc. Sau này, khi được giải phóng, nếu xứ An-Nam có thể đương đầu với sức mạnh của người Tàu trong nhiều thế kỷ trong khi các xứ kế cận như Da-Lang, các nước Diễn, Nam-Chiếu đã bị tiêu diệt dần dần thì đó là vì An-Nam là xứ duy nhất đã được đặt dưới một chế độ hành chánh bình thường của người Tàu. Chế độ này đã làm tiêu tan những định chế riêng biệt của người bản xứ hay những nhóm bản xứ, đồng thời đã đưa tới sự du nhập các tư tưởng, các hình thức tổ chức xã hội theo lối của người Tàu vào sinh hoạt của người bản xứ. Tất cả đã làm cho hàng ngũ họ trở nên chặt chẽ và có sức mạnh, điều các dân tộc kế cận không có... Có điều đúng như Maspero nói, nó đã giúp cho người Việt có những khả năng mạnh mẽ và vững chắc để đóng những vai trò chủ yếu trong lịch sử của miền Đông bán đảo Đông-dương về sau này mà sự thành công của người Việt trước người Chàm là một bằng chứng. (tr 95).

Cách lý giải như trên cũng đúng về sau này trong thế kỷ 20: dân tộc Việt đã theo hai cách thể chính để giành lại độc lập từ thực dân Pháp. Cách thứ nhất là của các đảng phái phe quốc gia: theo phương thức tổ chức đảng phái và cách thế đấu tranh của Âu-châu kiểu cách mạng 1789 biến cải. Cách thứ hai là của đảng Cộng-sản, cũng xuất phát từ Âu-châu — dù là Mác hay Lê-nin thì cũng là người của phần đất này — theo mô thức của cách mạng vô sản 1917. Cách nào thì cách, cũng không thể chối cãi là chúng ta đã học hỏi qua người Pháp một cách trực tiếp và gián tiếp.

Trên đây là những nhận xét về các chi tiết và những sự kiện của lịch sử của dân tộc Việt thời kỳ lập quốc. Khả năng soạn sử của tác giả Phạm Cao Dương bộc lộ rõ nét hơn trong chương chót: *Hậu quả của Thời Bắc thuộc*. Trong phần đầu chương này, ông viết:

> Kéo dài 1.050 năm, từ năm 111 tr.T.C. đến năm 939 sau TC, thời kỳ Bắc thuộc đã có ảnh hưởng rất lớn tới sự hình thành của quốc gia, dân tộc và của văn hoá Việt Nam về đủ mọi phương diện. Dưới sự thống trị của người Tàu, Cổ Việt đã biến chuyển theo một chiều hướng khác hẳn với các xứ Đông Nam Á khác. Trong khi các vương quốc Phù-Nam, Lâm Ấp, Srivijaya, Pagan, Khmer... hấp thụ văn hoá Ấn-độ và bị Ấn-độ hoá thì Cổ Việt đã tiếp nhận văn hoá Trung-hoa và chuyển sang quĩ đạo Á-Đông, trở thành ít nhiều đồng văn với các nước Nhật-bản, Triều-tiên và Trung-quốc.

Sự hình thành của quốc gia Việt-nam này, ông Dương trình bầy qua các yếu tố:

1. Một lãnh thổ có giới hạn rõ ràng.

2. Một dân tộc khác biệt với các dân tộc kế cận: Dân tộc này, ông Dương xác định là *không còn là người Lạc Việt thuần túy Đông-nam-Á* như xưa nữa:

> ... Trong non mười thế kỷ, đã đưa tới sự hình thành trên lãnh thổ tương xứng với đồng bằng của các châu thổ sông Mã và sông Nhị một nhóm người không giống những giống người kề cận như người Chàm ở phía Nam hay sắc dân miền núi, đồng thời cũng khác với người Tàu về đủ các phương diện từ thể chất, tiếng nói, tinh thần...

3. Một ý niệm và một hệ thống tổ chức chính quyền chặt chẽ:

> Chế độ quận huyện do người Tàu thiết lập ngay từ những ngày đầu của thời Bắc thuộc cũng đã đem lại cho người Việt một tổ chức chánh trị và hành chánh có hệ thống chặt chẽ và một ý thức về tập trung quyền hành trong đó mệnh lệnh đã được ban bố, nhân sự đã được phân phối

> từ một kinh đô tuy xa xôi nhưng duy nhất xuyên qua những hệ thống đường xá, kinh rạch được mở mang từ thời Mã Viện. Ý niệm và hệ thống tổ chức này sang thời tự chủ đã trở thành sức mạnh của dân tộc Việt...
>
> Sự thiết lập một nền hành chánh tập trung với những phương tiện giao thông kể trên và sự du nhập những kỹ thuật nông nghiệp mới, đặc biệt là đồ sắt và sử dụng trâu bò, sự khám phá ra những sản phẩm đặc biệt của Cổ Việt mà Trung-quốc không có, sản phẩm thiên nhiên cũng như sản phẩm công nghệ vị trí đặc biệt của Giao-chỉ.... đã giúp cho kinh tế Cổ Việt phát triển mạnh mẽ... Ở xứ Giao-chỉ thì dân cư được trù mật, kinh tế phát triển hơn Quảng-châu rất nhiều.

4. Một nền văn hoá Á-đông Hán-Việt: Về nền văn hoá này, ông Dương có nhắc tới bốn nguyên nhân Dương Quảng Hàm đã đưa ra trong *Việt-nam Văn học sử yếu* để cắt nghĩa là:

1. Các quan lại Tàu loại Tích Quang, Nhâm Diên;
2. Các sĩ phu Tàu tị nạn chính trị thời Vương Mãng;
3. Các du học sinh Việt tốt nghiệp bên Tàu về;
4. Các sư Tàu sang truyền bá Phật giáo như Vô Ngôn Thông, Thảo Đường...

Ông Phạm Cao Dương cho rằng cắt nghĩa như vậy còn thiếu sót nhiều, do đó ông bổ túc như sau:

> Ngoài bốn nguyên nhân kể trên, ta phải kể thêm những nguyên nhân có tính cách chính trị, hành chánh như sự bãi bỏ các luật pháp của người bản xứ, cách thức trưng thâu thuế má, lao dịch, sự hiện diện và lưu lại của các thành phần không phải là quan lại hay nho sĩ người Tàu như các viên chức cấp dưới, các thương gia, binh lính... sự du nhập của những sản phẩm Trung-quốc cần thiết cho cuộc sống của họ... ở những nơi xa cách với miền đất phát xuất của văn hoá Trung-quốc... Tất cả đã tạo nên những điều kiện phức tạp cho một sự tương giao văn hoá giữa những người bản xứ bị qui phục dưới sự thống trị của người Tàu, những người Tàu chọn lựa cuộc sống vĩnh viễn trên đất Cổ Việt và con cháu họ cùng với quan lại hay những thành phần khác....
>
> Trong những điều kiện và hoàn cảnh này nền văn hoá Hán-Việt đã hình thành và phát triển như một hậu quả đương nhiên của những thái độ văn hoá vừa có tính cách kỳ thị hay kiên cường chống đối, mâu thuẫn, hận thù vừa có tính cách chấp nhận, bắt chước, học hỏi nhằm vào nhu cầu sống còn của cả ba nhóm người sống chung với nhau

> trên một lãnh thổ nằm rất xa với triều đình Trung-quốc do đó nhiều khi phải tự tồn tự túc, phải dựa vào nhau để chống lại những kẻ thù tự nhiên hay từ các xứ ngoài tới như người Chàm, người Nam Chiếu... Tất cả đã đưa tới một sự Hán hoá bất đắc dĩ và có điều kiện của người Việt và Việt hoá của những người Hán... Cổ Việt từ đó trở thành một nước Á đông đứng về phương diện văn hoá nhưng vẫn giữ được những sắc thái riêng của mình và tồn tại như một quốc gia bắt nguồn từ thái độ dung hợp tuyệt vời đó. (trg 157-168).

Đọc đến đây có thể có một số độc giả am hiểu lịch sử Việt cho rằng trình bày như trên, Phạm Cao Dương chỉ khai triển và bổ túc thêm một vài tiền đề mà trước ông đã có người đưa ra, theo nhận thức hiện đại. Nhận xét này có thể là đúng nếu xét theo một khía cạnh nào đó. Nhưng qua cuốn I của *Lịch sử dân tộc Việt-nam*, Phạm Cao Dương đã chứng tỏ được, xét chung, khả năng của một sử gia — hiểu theo nghĩa là sáng suốt và khách quan, có can đảm nói ra sự thật mặc dù sự thực này có thể làm mất lòng cộng đồng đương thời. Tiêu biểu là phần nhận định sau đây về khuyết điểm của dân tộc Việt-nam:

> Cùng về thời Bắc thuộc, ta phải nói tới khả năng sinh tồn của người Việt như một sự kiện nổi bật nhất... Có điều trong mười thế kỷ tiếp theo, do hoàn cảnh địa lý đặc biệt, khả năng này đã luôn luôn bị dân ta khai thác và làm thui chột những khả năng khác. Dân tộc Việt vẫn tiếp tục tồn tại, vẫn tiếp tục học hỏi từ đối thủ ghê gớm nhất của mình để chống lại y *nhưng chỉ có thể làm được đến thế*. Trong suốt mười thế kỷ độc lập, người Việt đã không sao vượt được người Tàu dù là trong vài phạm vi nhỏ, đã luôn luôn để mắt theo dõi những biến chuyển ở phương bắc để bắt chước theo, coi như nguồn mẫu mực duy nhất của thế giới đương thời. Những con đường do các tu sĩ Phật giáo mở ra ở những thế kỷ đầu của tây lịch về phía Nam và về phía Tây đã không được những thành phần khác ngay cả giới trí thức Phật giáo sau này bảo trì và mở rộng.
>
> Nó đã bị cỏ dại và rừng cây bao phủ để cuối cùng chỉ còn là con đường mòn ít người qua lại. Người trong nước muốn nhìn ra thế giới bên ngoài còn chỉ thấy một cánh cửa duy nhất mở về hướng bắc. Con đường lịch sử của dân tộc Việt đã được vạch sẵn ngay từ thời này vậy (tr. 166).

THẾ UYÊN

Đỗ Khiêm

Lỗi tại vì đêm

Đêm để vài phút thanh toán nhau bằng lời nói
Đêm nhìn thẳng vào mắt nhau mà không nhìn ra
Em chạy quanh ngọn đèn trong phòng không đủ rọi
Nên đâm hụt hoài hụt mãi ta tâm vào ta.

Ta đâm vào ta ta chảy máu
Ta đâm vào em em chẳng sao

Đêm để vài phút đòi kể nhau cả một đời
Đêm nhìn thẳng vào mắt nhau mà không nhìn sâu
Em bảo chưa bắt đầu ta bảo ta nghỉ chơi
Nên ta lạy quì van xin em đừng đùa lâu

Em đừng đùa nữa chịu không nổi
Em đừng đùa nữa ta hụt hơi

Đêm để vài phút muốn hiểu nhau từ đầu đuôi
Đêm nhìn thẳng vào mắt nhau mà không hiểu thêm
Em vẫn vậy bất di bất dịch ta ngược xuôi
Nên ta mệt nhoài ta đổ lỗi tại vì em

Lỗi tại vì em em màu xám
Lỗi tại vì ta ta màu than

Lỗi tại vì đêm.

Triều Khê

Góp ý bài "Bể dâu trong tiếng Việt"

Tôi rất mừng vì đã có ông Thế Uyên lên tiếng giùm về sự thay đổi kỳ lạ trong tiếng Việt hiện nay ở bên nhà. Tôi đang làm nghề dạy tiếng Việt cho người ngoại quốc ở đây. Nơi tôi làm việc, người ta muốn chúng tôi dạy thứ tiếng Việt của xã hội chủ nghĩa bây giờ, người ta cho rằng nó uptodate, nó authentic. Tôi đang tìm hiểu, theo dõi thứ ngôn ngữ đó, vậy xin có một vài ý kiến thô thiển với ông Thế Uyên và quý bạn đọc.

Nói cho cùng thì ngôn ngữ là một ước hiệu, một ký hiệu người ta tự thỏa thuận với nhau để xử dụng trong một không gian và thời gian nào đó. Ngôn ngữ của cộng đồng nào mạnh về kinh tế và chính trị, quân sự sẽ lấn lướt hay ảnh hưởng đến ngôn ngữ cộng đồng khác. Ngôn ngữ tự nó, đã có biến đổi theo đà tiến của xã hội theo nhu cầu của số đông, như vậy nó không ngừng thay đổi theo năm tháng theo nơi chốn.

Bể dâu trong ngôn ngữ xảy ra vì có bể dâu đổi đời về thể chế chính trị, lôi kéo đến văn hóa, nghệ thuật, dĩ nhiên ngôn ngữ cũng không tránh khỏi. Có điều sự thay đổi đó quá đột ngột, khiến cho dân chiến bại bị ngỡ ngàng để rồi sau đó châm biếm đùa cợt bày tỏ thái độ chống đối tiêu cực, ngấm ngầm.

Những sự khác biệt đơn giản về từ, và cũng từ khác trong nghĩa (vocabulary) của tác giả đưa ra ví dụ để rồi chúng ta sẽ thấy những lãnh đạo đảng đã không thành công trong chiến dịch trường kỳ "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt". Chiến dịch này do chính Phạm Văn Đồng phát động để chấn chỉnh những sai lầm tối tăm trong ngôn ngữ của xã hội cộng sản. Khởi xướng nôm na hóa tiếng Việt là Hồ chí Minh, song song với công tác diệt giặc dốt, nhằm mục đích dễ bề tuyên truyền trong khối nông dân, công nhân. Đại khái họ Hồ bắt cán bộ phải cố tránh từ Hán-Việt, càng

ngắn gọn càng dản dị càng hay. Vì thế, xảy ra cách dùng những từ thuần Việt (thuần tương đối) rất ngây ngô thô tục:

Nhà đái, nhà ỉa, xưởng đẻ, chiến sĩ gái, xe đạp nữ, diễn binh, cầu lông (vũ cầu).

Trong khi đó, vẫn phải chấp nhận một số từ Hán-Việt mượn của nước bạn Trung quốc khi còn là môi hở răng lạnh với nhau, hoặc sáng tạo thêm như: *Khẩn trương, sự cố kỹ thuật, hợp đồng chiến đấu, nghiêm túc, bị vong-lục* (bạch thư) *nghiệp dư, viện sĩ, nghệ sĩ công huân* (nghệ sĩ nhà nước đã có sự nghiệp có huân chương)... khá lạ tai với người miền Nam vĩ tuyến 17.

Chưa hết, họ lúng túng xoay sang mượn những từ gốc Anh, Pháp như: *ôtô, lôgíc, cùi dìa, ô doa* (arosoir). Ô tô từ cổ, nguyên nghĩa *auto* đứng một mình không đúng hơn *xe hơi* quen dùng; *cùi dìa* (cuillière) từ cổ, trong khi miền Nam đã có muỗng, muỗng nhôm rất thông dụng; *lôgíc?* có lẽ nghĩa cao, rộng quá, bí hiểm quá dịch ra *hợp lý* không đủ?

Cách sử dụng từ, cấu trúc cách hành văn bừa bãi, nửa vời, quá khích, nên họ không sửa nổi cách dùng sai của cán bộ và dân chúng trong đời sống thường nhật. Xin đưa một vài ví dụ:

* *TRAO ĐỔI:* (échanger, exchange) trao đổi hàng hóa, trao đổi tù binh, trao đổi tư tưởng. Nhưng khi đi vào dân gian nó ngắn ngủn, tối mò. Ví dụ: *"Tiện đây, tôi muốn trao đổi với anh chị"* Ý nói "Tiện đây, tôi muốn nói chuyện với anh chị" Một đứa cháu ngoài Thái Bình viết thư cho ông chú di cư vào từ năm 54: *Cháu nhờ thư này để TRAO ĐỔI với chú....* Ông chú tức giận: "Trao đổi cái con khỉ, mày muốn xin đồng hồ bút máy tao cho, trao đổi cái gì?" Ông đâu hiểu TRAO ĐỔI đây là đứa cháu muốn thưa chuyện, hỏi thăm ông chú.

* *KHÍA CẠNH* (angle, side, aspect) một mặt nào, dùng một phương tiện một góc độ của sự việc. Dân gian đã hiểu sai, dùng như nói cạnh, nói khóe. Ví dụ: *Do đồng chí ấy khía cạnh tôi, tôi đánh đồng chí ấy.*

* *TỌA ĐỘ*: Cordinate, lấy kinh tuyến và vĩ tuyến để định tọa độ. Trong chiến tranh vừa qua, danh từ quân sự có "ném bom theo tọa độ" (co-ordinate bombing). Đi vào lối nói chuyện của chú bộ đội thì TỌA ĐỘ là NÉM BOM, bất kể loại đó là target bombing hay co-ordinate bombing. Ví dụ: *Máy bay Thần Sấm của Mỹ đã tọa độ trúng lán của ta".* Chúng ta không thể chấp nhận sự rút gọn này được.

* *TỒN TẠI* (exist, be exist: hiện hữu, có mặt. Nói theo thi sĩ Bùi Giáng là tồn sinh, tồn lưu (xin đừng nói lái TỒN LƯU) Nhà nước định dạy *"chúng ta phải sửa chữa các khuyết điểm tồn tại.* Nhưng dần dần tồn tại có nghĩa là shortcoming mistake: khuyết

điểm. Ví dụ: *Chiến sĩ gái Tèo còn rất nhiều tồn tại"*

* *GIÁO DỤC* (educate, bred): dạy chỉ bảo. Trước 75 ngay cả 54, giáo dục gần có nghĩa như "dậy cho hiểu về chính trị cộng sản". Vì thế có cậu công an phường mới hạ một câu xanh rờn cho người vợ cựu sĩ quan, chồng mới tù cải tạo trở về.

Bây giờ chị phải về giáo dục để anh ấy nhận thức được chính sách khoan hồng của nhà nước". Bà vợ về nhà nếu nhắc lại câu mới đó, chắc chắn gia đình sẽ xào xáo.

Ông Thế Uyên đã đưa ra những sự khác biệt về từ (vocabulary) và nhắc lại cách giải nghĩa từ ***TỰ DO*** của cán bộ giảng. Đó là cách giải nghĩa chầy cối, trơ trẽn. Kiểu như tam đoạn luận: *Yêu nước là yêu chủ nghĩa CS: yêu CS là yêu nước: không yêu chủ nghĩa CS là phản quốc!!* Các cán bộ giảng, ta tạm chia làm hai loại. Quá say mê chủ nghĩa và tin những điều mình giảng là đúng hoặc hiểu rằng mình giảng sai, nhưng nhắm mắt nhắc lại như vẹt để có cơm ăn để gia đình mình được yên thân.

Chế độ ***HỘ KHẨU*** là chế độ kiểm soát dân đinh và liên bảo khất khe của Vệ Ưởng tướng quốc Trung Hoa ngày xưa. Đến khi thất thế ngã ngựa, Vệ Ưởng chạy trốn, nhưng bị bắt vì chính pháp lệnh hà khắc của mình chế ra. (Tôi còn nhớ ông cựu Đô trưởng Sàigòn, bác sĩ họ Văn mới chỉ định đưa ra kế hoạch Liên gia để loại trừ cán bộ CS hồi đó, đã bị báo chí nhao nhao phản đối).

Tôi xin ghi thêm về cách dùng những cấu trúc (structure) ngôn ngữ báo Nhân dân, tờ báo chính thức của đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu có gọi là một flyer chuyên đăng pháp lệnh, chỉ thị, thông cáo, điện văn, bản kê thành tích, chỉ tiêu cũng không sai lắm.

1.- Cấu trúc dùng cho tuyên truyền, gọi là văn thông tin, biểu ngữ cũng được.

Ví dụ: *Trong những ngày qua, các tầng lớp nhân dân Nam Triều tiên vẫn tiếp tục các cuộc mít tinh biểu tình...*

Hay:

Căm phẫn trước những hành động độc ác của nhà cầm quyền Nam Triều Tiên, đông đảo học sinh đại học xuống đường ở thành phố Xê un...

Chưa bàn về kỷ thuật tuyên truyền, vì các tầng lớp nhân dân trên đây chỉ là giới trẻ, sinh viên và phe đối lập, cũng như đông đảo ở đây không biết là số lượng bao nhiêu 100, 1,000, 10,000? Hãy nói đến cách viết "biểu ngữ", chỉ cần thay đổi đại danh từ, địa danh, cấu trúc trên có thể dùng được mãi.

2.- Cấu trúc rườm rà, khó hiểu, ảnh hưởng Pháp, Mỹ. *Hai bên đã bàn khả năng xây dựng những khu hậu cần lớn* (Hai bên đã bàn về chuyện sẽ xây dựng những kho tiếp vận nữa) *Chiều mai dự báo sẽ có khả năng mưa)* (chiều mai, tiên đoán sẽ có mưa).

3. Cấu trúc bí hiểm để làm khó người đọc, làm nhẹ đi những sai lầm của "ta", để che giấu sự thực:

"Khó khăn ta đang gặp phải là trước mắt, nhưng thuận lợi là lâu dài, có cơ sở

Diễn nghĩa như sau: (Bây giờ ta đang đói khổ, ngu dốt chậm tiến, kiệt quệ thì cũng chỉ là tạm thời thôi, nhưng về sau này chúng ta sẽ giàu mạnh, giỏi giang văn minh lắm vì chúng ta có nhiều triển vọng...)

Cấu trúc sau đây để khoa học hóa chuyện phải ăn độn:

Sau khi các chuyên gia của ta đã nghiên cứu sâu, ta quyết định đưa màu vào cơ cấu bữa ăn... Chà, cái gì ghê gớm quá vậy? Nói nôm na ra chỉ là (Ta thiếu gạo, ta phải ăn cơm độn với bắp, khoai, sắn)

4- Đưa quan điểm chính trị vào ngôn ngữ:

Họ dùng *Ri-gân* trống không những năm đầu của tổng thống Mỹ, mấy năm nay tiến đến *Ông Ri-gân* và đã có *tổng thống Ri-gân*. Họ dùng *Lầu năm góc, nhà trắng, giặc lái, lính thủy đánh bộ Mỹ*. Nhưng *Điện Kemlin, Cung Văn hóa, Cung Thiếu nhi*... Giả thử đã có liên hệ ngoại giao với Mỹ, họ sẽ nói: Lầu Pen-ta-gôn, Dinh Trắng, binh chủng thủy bộ Mỹ, phi công Mỹ. Giả thử quá thân thiết với Mỹ sẽ sáng chế ra: Đại Lầu ngũ giác, Đại Bạch Cung, phi công Mỹ thân thương, bộ đội hải binh bộ chiến Hoa Kỳ kính mến.

Tôi viết vậy dựa theo bằng chứng. Trước 80 khi được Trung cộng tiếp tế, ủng hộ thì trong các bài học về Sử chỉ dám viết *"Bọn phong kiến phương Bắc"* vì sợ phạm húy Trung hoa. Sau khi nhận lĩnh "bài học thứ nhất" ở sáu tỉnh biên giới Hoa-Việt thì: *"kẻ thù số một của chúng ta là Trung quốc"*. Trước thì: *"Ta với Trung quốc thân thiết môi với răng"*.Sau thì: *"Bọn bành trướng bá quyền nước lớn Bắc kinh là kẻ thù độc ác nhất"*

5- Dùng xảo thuật từ ngữ để lừa dối dân. Trong một bài đăng trên báo Nhân dân, bàn về dinh dưỡng một phó tiến sĩ miền Bắc đã dõng dạc viết: Từ nay, nên dùng từ *"ăn trộn"* chứ không nên dùng *"ăn độn"* nữa. Phó tiến sĩ giảng dạy loay hoay một hồi, rút cục lại cũng vẫn hiểu là ăn độn. Đại khái "Ngài" phán: Ăn trộn có nghĩa là ta dùng những chất dinh dưỡng ngoài cơm gạo ra, pha chế thêm vào với gạo, có nghiên cứu, có quá trình thử nghiệm, có tính khoa học. Ăn trộn là tính toán sao cho các chất trộn như ngô, khoai lang, khoai tây, sắn các loại đậu đưa vào cơ cấu bữa ăn hợp lý, đúng liều lượng!... Nghe cũng đủ no, nhân dân ta khỏi cần ăn nữa!.

* Trở lại cách dùng từ Hán-Việt hay thuần Việt (nghĩa tương đối) các vị ở cái gọi là Ủy ban khoa học xã hội, Viện ngôn ngữ học, còn đang lúng túng, loay hoay.

Chúng ta có thể nhận những thay đổi vô hại mà họ cố dùng

cho khác đi với miền Nam, chẳng hạn:

Miền Nam	*Miền Bắc*
Ngừa thai	Tránh thai
Bài lao	Chống lao
Sâu xa	Sâu sắc
Phòng hỏa cứu hỏa	Phòng cháy chữa cháy*
Phi cơ trực thăng	Máy bay lên thẳng *
Hàng không mẫu hạm	Tàu sân bay *
Đơn giản	Giản đơn
Bản văn	Văn bản
Cảm thông	Thông cảm
Bảo đảm	Đảm bảo
Kỹ nghệ	Công nghiệp
Liên hiệp quốc	Liên hợp quốc
Phố Huyền Trân công chúa	Phố Công chúa Huyền Trân *
Âu Châu	Châu Âu *
Giải phẫu	Phẫu thuật
Phòng hậu giải phẫu	Phòng hậu phẫu.

Tôi nghĩ theo đà sống của xã hội, thế hệ con em chúng ta sẽ ưa những từ có dấu (*) hơn vì nghe thuận tai, nhẹ nhàng tránh được từ Hán Việt mà chúng ta thế hệ trước, phải mất công giải nghĩa thêm một lần nữa cho con em.

Cũng có một số từ ở Việt nam hiện dùng, tôi nghĩ là họ đã dùng đúng, chúng ta nên theo (Tôi khen mà không sợ bị chụp mũ). Ví dụ: *Bóng đá, giáo viên, giáo sư.*

Bóng đá: Soccer môn thể thao người Việt ưa thích. Gọi là bóng tròn không đúng. Bóng để chơi bóng rổ, bóng chuyền cũng tròn vậy! (trừ football Mỹ, rygby Pháp, bóng bầu dục)

Giáo viên: Instituteur, teacher. Giáo sư: Professeur, Professor. Giáo viên dạy trung học gọi là GIÁO SƯ là sai. Có lẽ ảnh hưởng Pháp: Professeur de l'enseignement secondaire, giáo sư cấp trung học và professeur de l'université, giáo sư cấp đại học. Bây giờ nên theo cách sắp xếp Assistant professor, Associated professor và professor (full) tiếng Việt có thể tạm dịch: giáo sư phụ, giáo sư tập sự hay bậc 1, bậc 2, bậc 3 nếu có Ph.D với một số năm dạy học nào đó, gọi là giảng sư.

Khen xong thì chê, sự thực có một số từ họ dùng có thể chấp nhận được, chính xác hơn hợp lý hơn cách dùng trước 75 ở miền Nam. Nhưng đó chỉ là thiểu số còn đại đa số thì phải chê

Trước 75	*Sau 75*
Y khoa đại học	Đại học Y
Dược khoa đại học	Đại học Dược
Nha khoa đại học	Đại học Nha

Nhi khoa	Khoa Nhi *
Sản khoa	Khoa Sản
Bệnh viện Nhi đồng	Bệnh viện Nhi *

Những từ có dấu (*) nghe hụt hẫng, cụt ngủn, nôm na nghe tức như bò đá. Còn phụ khoa sao không gọi là Khoa Phụ (có lẽ dùng Khoa Phụ nghe như một Khoa phụ thuộc, khoa phụ tá nên không thể dùng được). Tại không dùng Đại học Thuốc, Đại học Răng? Tại sao không gọi là Nhà Trẻ em. Có khoa Hàm Mặt, khoa Tai Mũi Họng rồi, tại sao không có Răng? Tại sao không dùng *"Phòng sau khi mổ"* mà cứ phải *"Hậu Phẫu? Bài soạn trước* nghe dân dị, đầy đủ ý tại sao phải là *giáo án?*

Trong phần thông tin về liên lạc ngoại giao, hiện nay họ dùng những từ thật ngắn. Ví dụ:

Cuộc gặp: cuộc gặp gỡ, cuộc tiếp xúc. *Buổi đón:* Buổi đón tiếp phái đoàn. *Buổi tiễn:* buổi tiễn đưa, từ biệt. *Bài nói:* bài nói chuyện, diễn từ, diễn văn.

Họ luôn luôn tự nhận là đại diện cho giới nông dân, công nhân, giản dị hóa từ ngữ cho tuyệt đại đa số dân chúng dễ hiểu. Khốn nỗi, bố cu Tí mẹ đĩ Tèo, dì Năm Trầu bác Chín Tàng của chúng ta thì không bao giờ nói *cuộc gặp, buổi đón, buổi tiễn, bài nói...* cả

Sau đây là vài ví dụ khác chứng minh họ không có dân tộc tính, mà vay mượn sống sượng hơn ai hết.

* *Ta đã tranh thủ để giải phóng hàng nhanh...* (Chúng ta đã cố gắng bốc rỡ hàng cho nhanh) Xưa nay *giải phóng*: libérer, liberate, theo cách dùng rất Việt Nam, chỉ áp dụng cho người và quốc gia, không bao giờ dùng cho loài vật, đồ dùng cả. Các cụ ta không bao giờ nói: *"Chúng ta đã giải phóng con chó* (chỉ nói để phóng sinh con chim, con cá) cũng như không nói: *Tôi tranh thủ giải phóng nhà trả anh* (tôi cố gắng dọn nhà đi để trả nhà anh).

* *Nồi nấu rượu trên là loại thiết bị chỉ chịu được áp suất thấp, lại được chế tạo trong hoàn cảnh không có thiết kế...* (Nồi nấu rượu trên là loại nồi chỉ chịu được áp suất thấp, khi chế tạo lại không có bản thiết kế). Tại sao lại cố nhét condition hay situation hay circomstance vào đó? Đó là cách dùng của Pháp của Mỹ không phải của Việt Nam.

* *Vấn đề trung tâm của các cuộc thảo luận là cuộc đấu tranh vì hòa bình...*

(Vấn đề chính của các cuộc thảo luận... hay trọng tâm của vấn đề) The main topic (the central subject...

* *Đảng lãnh đạo, Nhà Nước quản lý, Nhân dân làm chủ*

Câu kinh này thường bị người dân miền Nam chế nhạo. Theo tôi hiểu đó là ba verb: lãnh đạo, quản lý, làm chủ. *Làm chủ:* to

master (không phải là noun: the owner,the master) Nhân dân tự làm chủ vận mệnh của mình (People master their own lives). Khổ nỗi cán bộ không giảng được cho dân hiểu LÀM CHỦ là thế nào nên họ chỉ muốn *làm ĐẦY TỚ*. Đấy cũng là một sự hiểu lầm. Làm đầy tớ nhân dân: To serve, to be devoted to, có nghĩa là phục vụ. Bị chế diễu, chửi ngầm, hiện nay họ bỏ câu "Làm đầy tớ nhân dân". Như đã nói, tiếng nói chữ viết cùng tiến theo đà tiến của cộng đồng của xã hội, có những từ được đặt thêm ra, có những từ mà cố văn sĩ Bình Nguyên Lộc gọi là "chết" ít được dùng đến nay bị loại hẳn.

Một ông bạn già của tôi sống ở ngoại quốc trên ba mươi năm, một hôm ông vui chuyện nói: Thằng đó "lọ" lắm! Lọ một coloquial được dùng cách đây 30, 40 năm. Tôi nghe giật mình và bật cười. Bây giờ cộng đồng Việt Nam ta ở Hoa kỳ cũng sáng chế ra nhiều từ mới và bỏ nhiều từ cũ nhất là về địa lý, địa danh. Chẳng hạn tiểu bang California chỉ gọi là *"Cali"*; Los Angeles: *Lốt*. Bây giờ ít người dùng Hoa Thịnh Đốn, chỉ nói *Oa sinh tôn* hay *Đi-xi*. Tôi có người bạn Mỹ học tiếng Việt cách đây 15 năm, mới đây ông ta dùng chữ *"Cựu Kim Sơn"* để chỉ San Francisco làm con tôi và mấy đứa bạn trẻ cười quá vì chúng chỉ dùng *"Xăng-Phăng"* thôi. Những từ đó đã được tiêu hóa và chấp nhận như *"nhà ga"*, *"ti-vi"*, *"Bin-đinh"* rồi vậy.

Ở bên nhà, ngôn ngữ theo thời gian và nhu cầu chính trị, ngoại giao, cũng đã thay đổi, thải hồi từ cũ và dung nạp từ mới. Thời 45-50 dùng "dân tộc thiểu số" thời 60 họ đổi thành "dân tộc ít người" thời 70-80 lại là "đồng bào miền núi". Thời 54-60-70 dưới chế độ XHCN không bao giờ báo chí nhà nước dám dùng những từ như: LÍNH, CÁC VỊ, TƯỚNG LĨNH, PHU NHÂN..., nhưng thời 80 trên báo Nhân dân, Quân đội nhân dân dùng đến rất thường để đúng với giai đoạn và tiện lợi cho dân chúng. Ví dụ: *"Tiến sĩ Mốc-ta Cu-xu-ma Át-ma-gia và phu nhân và các vị khách quý đã đến sân bay Gia Lâm, ra đón đoàn có các đồng chí... và các tướng lĩnh...* Những thập niên trước, "LÍNH" là tiếng khinh bỉ, chỉ binh lính địch. Còn lính của cộng sản là "bộ đội" là "bộ đội cụ Hồ". Bây giờ dung nạp cách dùng ở miền Nam, LÍNH được dùng lu bù: *đời lính, cậu lính trẻ, anh lính mới.*

Ông Thế Uyên có nhắc đến, cái âm sắc nhọn vào cao của người miền đồng bằng và trung du Bắc Việt. Trước khi tìm tự do tôi cũng đã được nghe họ hàng Hà Nội vào nói chuyện. Giọng the thé, eo éo, nghe đến rởn da gà. Đó không phải là giọng Hà Nội 36 phố phường của Thạch Lam, không phải giọng:

Đêm mơ Hà nội dáng kiều thơm

mà chỉ còn là một Hà nội "chân vò đít vại" vì đói khổ nhọc nhằn, dáng kiều thơm của Quang Dũng bị chế nhạo: "Áo trắng

quần đen, dáng điệu con sen, là người Hà lội" Tại sao lại có hiện tượng kỳ lạ vậy? Nhiều người đã thắc mắc tự hỏi và hỏi nhau. Có một giải thích như sau không hiểu có chấp nhận được không: Người gốc Hà nội vì chiến tranh đã di cư vào Nam một số, một số lớn khác đã phải tản cư (sơ tán) khỏi thủ đô phân tán đi các tỉnh. Ngược lại, một số lớn người các tỉnh bắc trung phần Thanh Nghệ Tĩnh, và miền đồng bằng Hà nam ninh, Thái bình... tràn lên, những người từ Sơn tây, Bắc giang, Phú thọ... kéo xuống, trải qua hơn 30 năm tiếng Hà nội ngọt ngào thanh tao đã biến thành thứ tiếng như lấy dao sắc cạo vào thanh tre tươi.

Qua báo chí XHCN và qua sự tiếp xúc với thanh niên miền Bắc vào Nam rồi sau đó vượt biên, tôi nhận thấy họ đã dùng những ngôn ngữ miền Nam phát âm trầm hơn và đã "lai" giọng miền Nam dần dần.

Do đó tạm kết luận là: Dù chế độ chính trị đã dùng ngôn ngữ, văn chương chỉ thị, tuyên truyền trên sách báo đã đương nhiên lôi kéo cách ăn nói hàng ngày của người dân và vòng ngôn ngữ đó trở thành một nếp sống không dễ gì tẩy xóa nổi. Ngược lại sinh hoạt trong môi trường cộng đồng ở xa (tuy cùng một quốc gia) với sự giao lưu, người thắng trận cũng sẽ phải dung nạp một số ngôn ngữ địa phương (dialect) trong khi đã buộc người thua trận phải chấp nhận ngôn ngữ chính trị hành chánh của mình.

Những bảng hiệu như "Công ty công trình Thủy" Công ty cung ứng vật tư Y tế" "Cửahàng trung tâm tổng hợp bán lẻ" chúng ta không thể "diễn nghĩa" lại được, đúng ra không cần phải sửa đổi cho dễ hiểu. Chỉ còn cách tẩy xóa hẳn nó đi, vì nó là một sản phẩm, là con đẻ của chế độ. Chỉ còn cách tẩy xóa sao cho kỳ được chế độ mới sạch được những bảng hiệu đó.

Bàn thêm với ông Thế Uyên.

Tôi nghĩ theo ngữ pháp Việt Nam bây giờ ở quốc ngoại có thể chấp nhận được:

1/ Verb *giải quyết* (solve, settle) có thể là transitive hay intransitive tạm gọi là ngoại động từ và nội động từ nên không cần có thể bổ túc từ đứng sau. Noun *vấn đề* (problem, trouble) cũng tương tự, nó có thể là một danh từ đứng một mình, vì nó không là mạo tự.

2/ Từ Nhà nước đã được dùng rất khôn khéo, mánh lới thời Pháp thuộc đã có "Nhà Nước dịch đùa là maison de l'eau rồi. Ong phán, chú tham nhà tôi làm việc cho nhà nước" Nhà nước: état, state để khỏi dùng từ QUỐC GIA là từ họ rất kỵ. Họ dùng "nhà nước" áp đảo, mạnh mẽ hơn là "chính quyền". Administration.

3/ Chung cư họ gọi là Nhà tập thể, nếu có nhiều tầng lầu "Nhà cao tầng".

Hoàng Liên

Ánh sáng và Bóng tối

Đoạn XXI : Trại Phú Sơn IV (tiếp theo)

Ăn cơm xong được một lúc thì trời bắt đầu tối. Từng đợt gió cuồn cuộn hú lên ở bên ngoài như muốn dồn bóng đêm bao vây và uy hiếp kẻ tù nhân cô độc đang co ro trong tấm chăn đơn. Cái cảm giác rơn rợn một mình phải đối phó với bao nhiêu nỗi khó khăn giữa một môi trường thù nghịch trở lại trong lòng tôi. Không còn ai giúp đỡ, khích lệ tôi trong cuộc chiến đấu vô hạn định chống lại đói rét, bệnh tật và một chế độ bạo tàn và xảo quyệt. Mấy năm trước, mỗi lúc cần nhận định một tình trạng, lựa chọn một thái độ, giải quyết một vấn đề, tôi còn có một vài người bạn để hỏi han, thảo luận. Từ ngày lên Thái Nguyên, nỗi cô đơn dai dẳng càng đè nặng hơn lên tâm trí tôi. Tôi chợt nhớ đến một phương pháp huấn luyện đặc biệt mà quân đội Anh quốc áp dụng để đào tạo những toán binh sĩ hoạt động trong các vùng rừng núi hẻo lánh. Họ buộc người tân binh phải ngồi hàng giờ chờ đợi trước một bức tường mà không được cho biết trước là sẽ phải làm gì. Cái lối điện bích trong cô đơn ấy có mục đích tập cho các binh sĩ giữ được sự trầm tĩnh để đương đầu với mọi biến cố bất ngờ. Giờ đây, suốt ngày và ngày nọ qua ngày kia, tôi cũng ngồi nhìn bức tường trước mặt mà không đoán được việc gì sẽ xảy ra cho hôm nay, cho ngày mai. Tôi cố gắng giữ cho lòng mình được bình thản. Nhưng làm sao quên được những tiếng la hét tuyệt vọng trong đêm khuya của những tù nhân Mỹ ở Thanh Liệt, khi họ bị khủng hoảng tinh thần? Có phải về mặt tinh thần, người Á Đông có sức chịu đựng bền bỉ hơn? Riêng trường hợp cá nhân tôi, có lẽ những lời giáo huấn của Phật giáo đã giúp tôi duy trì được sự yên tĩnh tương đối của tâm thần và tôi trở nên kiên nhẫn hơn các tù nhân Mỹ. Tôi cũng nghĩ đến những phi hành gia vũ trụ: khi bay vào không gian mênh mông, họ

phải đối phó với một tình trạng cô đơn hoàn toàn. Họ sống một mình trong vệ tinh nhưng được nhìn thấy cả một thế giới bao la và tráng lệ, còn tôi thì sống mòn mỏi trong bóng tối của xà lim chật hẹp.

Chiều nay, khi đưa cho tôi bao thuốc lá Tam Đảo và một gói bánh kẹo, người cán bộ trực tiếp, mà tôi được người y tá của trại, trong một lần khám bệnh, cho biết tên là Đoàn, vừa cười vừa nói:

— Đây là quà Tết của trại biếu anh.

— Hôm nay là mấy âm lịch rồi, cán bộ?

— Ba mươi Tết rồi. Các anh được ăn tiêu chuẩn Tết trong 3 ngày.

Ngọn đèn điện được bật sáng. Tôi kéo chăn trùm kín đầu để tránh ánh đèn và để dễ dàng chìm sâu vào những suy tư không dứt của đêm trừ tịch. Lại một năm nữa sắp tàn. Ba năm trong tù mà chưa có một dấu hiệu nào cho thấy thời gian bị giam cầm sẽ được kết thúc. Ngày về còn là một ước mơ chưa biết đến bao giờ mới thực hiện được. Trong giờ phút này, ở miền Nam, trong bầu không khí rộn rịp cuối năm, mọi gia đình đang chuẩn bị cúng giao thừa và đón một mùa Xuân mới. Nhưng cha mẹ già, vợ con và em gái tôi sống chết ra sao sau biến cố đau thương vào dịp Tết năm ấy? Những nỗi lo âu về hoàn cảnh gia đình vốn thường xuyên ám ảnh tôi suốt trong những năm tháng bị lưu đày, trong lúc này càng trở nên day dứt.

Trong tiếng gió gào, tôi bỗng nhận ra tiếng chìa khoá xoay trong ổ khoá. Tấm cửa được mở ra. Tôi ngồi dậy, khoác tấm chăn vào người. Đoàn bước vào, tay cầm một cái khay nhỏ đựng một cái bình và hai cái chén con. Anh đặt cái khay xuống giường, rút trong túi quần ra một chai rượu nhỏ và ngồi xuống:

— Hôm nay tôi uống trà với anh để mừng năm mới.

Tôi chỉ ngạc nhiên trong một phút rồi ngồi dịch qua một bên, với tay lấy gói bánh để ở đầu giường, mở ra và đặt vào cái khay. Đoàn rót nước trà từ trong bình ra hai cái chén:

— Anh uống đi. Trà này của trại ta sản xuất.

— Cám ơn cán bộ. Tôi nghe nói trà ở vùng này ngon lắm.

— Cũng tùy cách chế biến nữa.

Nhận thấy Đoàn có vẻ cởi mở, không kín đáo lầm lì như mọi ngày, tôi hỏi luôn, vì sợ mất cơ hội:

— Đây có phải là trại Phú Sơn IV ở Thái Nguyên không?

Tôi chờ đợi một câu trả lời mơ hồ hay một sự im lặng kéo dài. Nhưng Đoàn đáp ngay không do dự:

— Đúng.

Anh cũng không hỏi tại sao tôi biết được tên của Trại. Cán bộ Việt Cộng đã được huấn luyện để cư xử với tù nhân cho đúng

đường lối của "Đảng và Chính phủ", thì đêm cuối năm này, Đoàn vào xà lim ngồi uống trà với một tù nhân đối lập, tất nhiên là do sự bố trí của trại giam để chấp hành chỉ thị của Chính phủ miền Bắc. Dù Đoàn là một người vốn ôn hoà, thái độ nhã nhặn của anh ta không phải là ngẫu nhiên mà có. Một giả thuyết sáng loé lên trong đầu tôi. Trong dịp Tết, theo phong tục cổ truyền, mọi người Việt Nam đều tạm thời xoá bỏ hận thù và quên đi những mâu thuẫn đã xảy ra giữa người với người trong cuộc sống thường nhật. Nhưng cũng có thể một biến cố nào đã ảnh hưởng đến tình hình chính trị — ví dụ như cuộc hoà đàm ở Ba Lê đã tiến triển khả quan — nên Việt Cộng thay đổi chính sách đối với tù nhân chăng? Dù sao, với tinh thần cảnh giác cần thiết, tôi nghĩ nên lợi dụng buổi gặp mặt này để đặt một vài câu hỏi.

— Cán bộ quê ở vùng này ?

— Không, tôi gốc ở Lạng Sơn.

— Cán bộ có định về quê thăm nhà trong dịp Tết không?

— Không. Tôi đã nghỉ phép dạo hè vừa rồi. Tết, không về thăm nhà được cũng buồn.

— Riêng tôi, xa nhà đã 3 cái Tết. Thế mà chưa biết đến bao giờ...

— Thông thường, những người bị án tập trung thì phải cải tạo ít nhất là 3 năm. Sau đó, sẽ xét lại. Nếu cải tạo tốt, có thể được tha. Nếu cải tạo chưa tốt, phải ở thêm 3 năm nữa. Cũng có thể được tha về trong những dịp đặc xá, đại xá. Nhưng trường hợp anh thì khác... Đối với các anh từ trong Nam ra, trại này chỉ biết giam giữ. Trung ương gửi anh ở đây, và chúng tôi chỉ có nhiệm vụ nuôi dưỡng anh. Mọi quyết định về tương lai của anh đều do Trung ương cả.

Tôi tin rằng, phần nào, Đoàn đã nói đúng khi xác định cương vị và trách nhiệm của một trại giam có tính cách địa phương. Nhấp xong một ngụm nước trà, tôi quay người lại :

— Tôi mong cho hội nghị Paris sớm có kết quả.

— Tôi cũng mong như thế. Nhưng cho đến nay, vẫn chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ cuộc hoà đàm sẽ kết thúc sớm.

Đoàn ngừng nói, nghiêng người cầm chai rượu lên:

— Anh uống với tôi một chén nhé !

— Cám ơn cán bộ. Tôi không biết uống rượu.

Đoàn lộ vẻ ngạc nhiên :

— Tôi tưởng các anh ở trong Nam.. Loại rượu mơ này rất nhẹ.

Có lẽ Đoàn đọc báo hay nghe nói xã hội miền Nam đồi trụy, người nào cũng bê tha rượu chè. Anh gặng hỏi lần nữa:

— Có thật anh không biết uống rượu không ?

— Nếu tôi uống được thì cán bộ không phải mời đến hai lần.

Đoàn im lặng một lúc rồi nhìn tôi :

— Ở trong Nam, anh ăn theo tiêu chuẩn nào?

Trên đường ra Bắc, một hôm Thuần có đề cập đến tiêu chuẩn ăn uống ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa: tiểu táo, trung táo, đại táo; mức ăn được quy định rõ ràng và có một chế độ cung cấp thực phẩm riêng biệt cho các cán bộ cao cấp, trung cấp, viên chức và công nhân. Tôi giải thích:

— Ở trong Nam, không có tiêu chuẩn, không quy định mức ăn và không có chế độ cung cấp lương thực, thực phẩm. Cũng không có những ưu đãi dành cho viên chức, sĩ quan... Ai muốn ăn thế nào cũng được, tùy theo túi tiền của mình. Vả lại thực phẩm không thiếu, nên không đặt vấn đề ăn uống theo tiêu chuẩn.

— Anh có xe không ?

Tôi cẩn thận hỏi lại :

— Cán bộ muốn nói loại xe gì ?

— Xe đạp ấy mà.

— Ở những thành phố nhỏ hay ở nông thôn, xe đạp được dùng nhiều, nhất là trong giới học sinh, công nhân. Các viên chức thường sử dụng xe gắn máy hoặc xe hơi. Tại những thành phố lớn như Sàigòn, Đà Nẵng, Huế, Nha Trang, Đà Lạt, Cần Thơ... có nhiều loại xe gắn máy và xe hơi.

— Xe hơi là xe gì ?

Tôi chợt nhớ ra :

— Xe hơi là xe ô tô.

— Xe đạp, xe gắn máy và xe ô tô có theo chế độ phân phối không?

— Không, ai muốn mua thì mua, và mua bao nhiêu chiếc cũng được, không hạn chế và không có tiêu chuẩn, miễn là có tiền.

Đoàn đăm chiêu suy nghĩ, có vẻ không tin những lời tôi vừa nói. Rồi anh nhìn tôi, cố lấy một thái độ thản nhiên:

— Tôi không hiểu đời sống trong Nam, cũng như anh không hiểu đời sống ngoài Bắc này.

Tôi chưa kịp nhận ra ẩn ý của lời phát biểu, nhưng tiện dịp, tôi nói luôn:

— Trong hoàn cảnh hiện tại, tôi nghĩ rằng chỉ có đọc sách báo mới hiểu được miền Bắc.

— Khi nào có điều kiện, tôi sẽ cho anh mượn sách báo.

Rồi Đoàn đứng lên :

— Năm mới, chúc anh được mạnh khoẻ. Phải giữ gìn sức khoẻ, đó là điều quan trọng nhất.

— Cám ơn cán bộ. Tôi cũng chúc cán bộ và gia đình, qua năm mới được nhiều may mắn và mọi sự an lành.

Đoàn đút chai rượu vào túi quần, thu dọn mâm chén và bưng cái khay bước ra ngoài.

Người cán bộ đi rồi, tôi ngồi tựa lưng vào tường, lắng nghe những tiếng động của đêm đang tàn dần và suy nghĩ về cuộc gặp gỡ vừa rồi. Nếu quả thực hội nghị Ba Lê chưa đem lại một kết quả cụ thể nào, và tình hình vẫn chưa có gì thay đổi, thì buổi viếng thăm của Đoàn chỉ là một vụ "chiêu đãi" giống như vụ chiêu đãi tù nhân Mỹ ở Thanh Liệt vào dịp lễ Giáng Sinh năm nọ. Nhưng đối với tôi, về mặt tâm lý, sau những ngày cô đơn tuyệt đối, được nói chuyện với một con người cũng là một sự đổi thay, một biến cố đáng kể, dù con người đó là đối thủ chính trị của mình, và dù cuộc tiếp xúc được tổ chức với mục đích tuyên truyền. Chỉ tiếc một điều: Đoàn ra về hơi sớm nên tôi không đủ thời gian trình bày thêm cho anh ta hiểu cuộc sống ở miền Nam, tính chất của một xã hội dân chủ trong đó con người được tôn trọng và những giá trị tinh thần cố hữu của dân tộc được duy trì và phát huy dưới nhiều hình thức. Tôi sẽ không tuyên truyền mà chỉ mô tả một thực trạng tốt có, xấu có để Đoàn tự mình nhận xét và kết luận. Tôi dự định làm việc ấy với niềm tự hào của một người công dân Việt Nam Cọng Hoà, đồng thời tôi nhận chân được sự dị biệt giữa hai người Việt Nam cùng sống trên một đất nước và cùng một thời gian.

*
* *

Tiếng cười nói xôn xao mỗi lúc một gần. Có việc gì xảy ra? Từ trước đến nay, khu vực này yên tĩnh quá, nhất là về đêm. Không nghe được bước chân người, nhưng căn cứ vào tiếng nói chuyện ồn ào, tôi đoán biết có một số đông người đang di chuyển, rồi tập trung lại ở một chỗ nào đó ở ngoài bức thành cao. Bỗng có tiếng quát lớn:

— Các anh các chị ổn định chỗ ngồi và giữ trật tự!

Tiếng cười nói im bặt. Một buổi họp hay một buổi chiếu bóng được tổ chức đêm nay chăng? Tôi chờ đợi và lắng nghe. Cơn mưa nhỏ đã tạnh hẳn từ chiều và không khí đêm Xuân lành lạnh như còn nuối tiếc cái giá rét cuối Đông. Trong làn gió nhẹ luồn qua cành lá bên ngoài, chợt nổi bật lên mấy tiếng hô "hai, ba"... rồi giọng đồng ca cất cao. Nghe xong một đoạn, tôi nhận ra một bài hát được phổ biến nhiều lần trên đài phát thanh Hà Nội, một ca khúc tán dương cánh đồng sản xuất 5 tấn thóc: "năm thóc góp phần đánh Mỹ". Chắc là trại đang cho nam nữ tù nhân tập dượt để tham dự một buổi văn nghệ. Các trại giam thường tổ chức những đêm nhạc kịch vào dịp Tết Nguyên Đán hay nhân những ngày lễ lớn.

Bản đồng ca được hát đi hát lại bốn năm lần rồi ngừng hẳn.

Một lát sau, tiếng Tây-ban-cầm bập bùng trỗi lên để đệm cho một giọng nữ hát một bài quen thuộc khác ca tụng cuộc sống tươi đẹp trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa: "có bao giờ đẹp như hôm nay"... "người nữ tù nhân được nhiều lần từng đoạn một nhưng vẫn chưa bắt đúng giọng. Trong lúc đó tiếng nói chuyện lao xao vẫn chưa chấm dứt. Một giọng nói oang oang vang lên:

— Các anh các chị phải nghiêm túc tập dượt!

Im lặng một lúc rồi có tiếng vĩ cầm nổi lên réo rắt. Nương theo tiếng đàn, một vài giọng nam hát một bài hô hào "toàn dân chống Mỹ cứu nước" và liên tiếp hai ba bài đề cao chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc. Lại có tiếng cười đùa, la ó và cãi nhau. Có lẽ những tù nhân đang nghỉ giải lao. Một lúc sau, một trật tự đã được vãn hồi, qua tiếng vĩ cầm, tôi ngạc nhiên nhận ra bản "Nhạc Chiều" rồi "Dòng Sông Xanh". Không ai hát theo nữa và hình như mọi người cùng lắng nghe. Không biết họ có thưởng thức nhạc Tây phương không, nhưng có lẽ họ tìm thấy ở những âm điệu ngoại lai này một phong vị mới, một sự thay đổi mong ước sau khi phải nghe mãi đến nhàm chán những bài hát tuyên truyền. Riêng đối với tôi, từ lâu, cùng với nhu cầu đọc sách báo, tôi thèm nghe nhạc và nhiều lần cố gắng nhẩm lại trong đầu những ca khúc cũ. Và cũng nhiều lần tôi đâm ra bực bội và bị ray rứt vì không nhớ lại được âm điệu hoặc lời ca quen thuộc... Lòng tôi dịu hẳn lại và như cất được một gánh nặng, Áp lực của nỗi cô đơn dằng dặc vụt tan biến đi và hồn tôi chơi vơi cùng với suối nhạc tuôn trào. Quả thực âm nhạc có tác dụng làm giảm bớt nỗi đau khổ của con người.

Nhưng tại sao người nhạc sĩ ấy lại chơi nhạc Tây phương mà, nói chung, chế độ miền Bắc cấm đoán và thường bị lên án là đồi trụy? Tại sao, ở trong tù, anh ta lại mạo hiểm như thế? Có lẽ anh biết chắc rằng những tù nhân và cán bộ có mặt trong buổi tập dượt hôm nay không biết rõ xuất xứ của các bản nhạc ấy. Mặt khác, tôi đoán anh là một nhạc sĩ thời tiền chiến bị bắt giam vì một lý do nào đó.

Tiếng đàn tiếp tục nỉ non rót vào tai tôi đang để sát vào cái ô vuông ở tấm cửa lớn. Bản Mơ Mộng của Schumann đang được tấu lên; tiếp theo là vài đoạn trong mấy bản nhạc bán cổ điển Tây phương. Tiếng đàn đưa tôi ra khỏi xà lim, dẫn tôi đến những thành phố cổ kính và hoa lệ ở Âu châu của thế kỷ trước với những con đường lát đá và những cỗ xe song mã, những pho tượng đồng ở các quãng trường, những lâu đài tráng lệ và những công viên cây cỏ được chăm sóc rất công phu. Nó giải thoát tôi khỏi hố thẳm, khỏi cái xã hội ô trọc đầy rẫy man trá trong đó tôi phải kéo dài những ngày vô tận. Cùng với giai điệu trầm bổng, tôi mơ một chân trời khoáng đạt, một mảnh đất hiền hoà, nơi mà tình cảm và tư

tưởng được tự do biểu lộ và phát triển.

Có lẽ đám tù nhân đã lề tề ra về. Tiếng vĩ cầm vẫn còn vang lên trong đêm cô tịch. Tôi tưởng như thấy người nghệ sĩ đang nghiêng đầu say mê đưa ngọn vĩ lướt trên những giây đàn và gửi cả tâm hồn mình vào những nốt nhạc trác tuyệt. Chắc hẳn anh ấp ủ một tâm sự u uất không biểu lộ ra được nên phải lợi dụng một buổi tập dượt, mượn tiếng đàn để giải toả nỗi lòng. Anh đang tìm một lối thoát cho chính anh. Và tôi bỗng nhận ra rằng mình đang thông cảm sâu sắc với một người đồng điệu. Tôi chia sẻ với anh những đắng cay tủi nhục của một kiếp tù đày và hiểu rõ nỗi khổ tâm của anh: thiếu tự do sáng tác và trình diễn, anh không thể nói lên những tình cảm và suy tư lắng đọng trong phần sâu kín nhất của tâm hồn. Hơn thế nữa, tôi nghĩ rằng anh thuộc thành phần những nghệ sĩ bất mãn với sự thống trị của cộng sản trên miền Bắc và đang âm thầm chống lại chế độ dưới nhiều hình thức khác nhau.

*
* *

Giữa mùa hè năm nay, khí hậu đột ngột thay đổi. Vào gần cuối tháng Bảy dương lịch, sau những cơn mưa rào ngắn ngủi, từ hai tuần nay, những đợt mưa lớn kéo dài không dứt như những trận mưa dầm liên miên của mùa Đông xứ Huế. Tiếng mưa đổ rào rào xuống mái nhà lợp bằng lá cọ nghe đều đều buồn thảm suốt ngày đêm như muốn chôn vùi kẻ tù nhân trong một khoảng không gian mỗi lúc một chật hẹp hơn. Ngoài sân, một màn mưa xám bạc rủ xuống trước bức thành ẩm đạm. Từ mái cọ, nước mưa không ngừng chảy dồn xuống mép thềm như một dòng nước lũ. Cái bể nước đã bị tràn ngập từ lâu. Xà lim có mát dịu hơn, nhưng trở nên vô cùng ẩm thấp. Giường chiếu mốc meo; hơi ẩm nặng nề toát ra từ bốn bức tường dày và đè lên hai tấm phổi làm cho tôi nghẹt thở. Thỉnh thoảng, giữa hai cơn mưa, mặt trời le lói sáng vào khoảng xế trưa. Nhưng sức nóng của ánh nắng mong manh rơi rớt ngoài sân không đủ đánh tan bầu không khí đầy hơi nước đọng lại trong xà lim. Nhạc mưa bi sầu triền miên dìm tâm trí tôi vào một nỗi buồn chán não nề. Còn đâu cái thú nghe mưa rơi của những ngày xa xưa...? Những trận mưa này phũ phàng tàn bạo quá và chỉ gợi nhớ đến những cơn mưa rừng da diết trên dãy Trường Sơn độ nào.

Chiều nay, lúc lấy cơm vào xà lim xong, tôi nhìn lại tấm cửa lớn và ngạc nhiên nhận thấy nó chỉ được khép hờ, không đóng kín và khoá lại như mọi lần. Có lẽ Đoàn còn quay trở lại lần nữa. Đã quen lề lối làm việc của các cán bộ Việt cộng, tôi nghĩ rằng chưa cần tìm hiểu lý do của sự kiện mà chỉ nên chờ đợi, theo dõi rồi sẽ biết. Vừa ăn cơm tôi vừa nhìn qua khe hở giữa tấm cửa và bức tường

phía trước, nhưng chờ mãi đến khi ăn xong, vẫn chưa thấy bóng dáng Đoàn. Tôi nhớ rằng cánh cửa thông bên phải đã được đóng lại và có lẽ đã được khoá từ bên ngoài. Mưa vẫn rơi đều trên mái lá cọ vào những đợt gió lộng ào ạt lọt vào trong sân. Tôi mở rộng cánh cửa để đón ngọn gió luà vào xà lim hầu thay đổi bầu không khí tù hãm, rồi ngồi trên giường, chờ đợi. Nhưng cho mãi đến lúc bóng tối bắt đầu tràn ngập mảnh sân trước mặt và ngọn đèn điện được bật sáng lên, vẫn chưa thấy Đoàn quay trở lại. Chùm chìa khoá vẫn còn nằm yên trong ổ khoá, thật lạ lùng. Đối với các cán bộ phụ trách trại giam, đóng và mở cửa xà lim là một công việc hàng ngày, một thói quen, một động tác máy móc. Làm sao họ có thể quên được?

Nhưng tại sao tôi không lợi dụng hoàn cảnh bất ngờ này? Có thể nói rằng trong thời gian bị giam cầm, ý nghĩ đào thoát vẫn lẩn quẩn trong đầu óc tù nhân và vụt trỗi dậy khi có cơ hội. Tôi nhanh chóng cân nhắc những thuận tiện và khó khăn của một chuyến vượt ngục. Cửa đã mở sẵn. Đợi đến lúc tối sầm, lúc các cán bộ đang ăn cơm — tù nhân đã vào hết trong các phòng giam từ lâu rồi —, có thể trèo ra ngoài thành mà không sợ ai bắt gặp. (Gần đây, vào buổi trưa, một vài lần tôi thoáng thấy một tù nhân trèo qua mặt thành để vào khu xà lim. Đoàn cho biết là các người tù hình sự muốn liên lạc với những tù nhân trong xà lim để mua bán, đổi chác hoặc ăn cắp vặt khi không ai để ý). Nương theo bóng tối, tránh các nơi có vọng gác, tôi sẽ trèo qua bức tường bao quanh trại giam và lọt ra ngoài. Nhưng từ đây tôi sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với một vụ vượt ngục không được chuẩn bị kỹ lưỡng từ trước. Xung quanh đây không có làng mạc nên rất khó tìm nơi ẩn nấp. Nếu có tìm được một thôn xóm nào, thì cũng không có tiền để mua thực phẩm. Bộ quần áo màu xám của tù nhân có đóng dấu hai chữ C.T., có nghĩa là cải tạo, sẽ tố cáo tôi với dân chúng và họ sẽ báo cáo ngay với trại giam hoặc cơ quan chính quyền gần nhất. Ngoài ra lại có mạng lưới tình báo vây quanh các trại giam và những con chó berger đã được huấn luyện để truy lùng những người vượt ngục.

Tôi lắng nghe tiếng mưa rơi mỗi lúc một nặng và nhớ đến trận mưa lớn đã làm cho chuyến trốn khỏi trại giam của ông Minh bị thất bại ở vùng Trường Sơn. Mưa liên tục trong hai tuần qua, chắc các con đường mòn đã bị ngập nước và sự giao thông có thể bị gián đoạn. Một nỗi ngờ vực thoáng nhanh qua trong đầu tôi: Đoàn cố ý bỏ quên chìa khoá và không đóng cửa xà lim, và đây là một vụ gài bẫy. Có lẽ có người đang chờ đợi tôi ở bên ngoài. Mà nếu tôi thoát được ra khỏi trại giam thì trong hoàn cảnh đường sá cầu cống bị hư hỏng, nước suối dâng lên cao, chắc chắn tôi sẽ không đi xa

được và sẽ bị bắt lại. Việt cọng sẽ nhân đó mà buộc tội tôi, và tôi sẽ chịu những hình phạt tàn khốc không lường trước được. Phải, làm sao cán bộ có thể quên khoá cửa được?

Mưa vẫn không dứt và gió giật mạnh. Tôi bước xuống giường, đóng hẳn cửa lại và chuẩn bị đi ngủ. Nhưng giấc ngủ không đến, và tôi thao thức trong chờ đợi, mơ màng nghe ngóng động tĩnh bên ngoài cho mãi đến khuya mới chìm hẳn vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau, thức dậy sớm, tôi đẩy tấm cửa ra; chùm chìa khoá vẫn còn treo lủng lẳng ở mép cửa. Lúc Đoàn bước vào, tôi đã ra ngoài, đứng dưới mái hiên. Anh thản nhiên nhìn tôi, rồi rút chùm chìa khoá:

— Đêm qua anh ngủ có ngon không ?

— Từ lâu ngủ trong phòng cửa khoá kín đã quen, nay cửa mở, cứ như là lạ nhà, nên hơi khó ngủ.

Có lẽ Đoàn hiểu rằng câu nói ngụ ý mỉa mai, nên quay đi ngay, không đứng đợi như mọi ngày.

HOÀNG LIÊN

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này . Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo .

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm .

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank
UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive
PO Box 19557
Irvine, California, 92713

MAI KIM NGỌC.

MUÔN KIẾP CÔ LIÊU.

(Trích đoạn truyện dài)

CHƯƠNG IV.

Thấm thoát mấy tháng hè đã trôi qua, và Huân trở lại Huế học tiếp năm cuối ban tú tài. Vỹ Dạ cũng không thay đổi bao nhiêu. Chỉ có Hồng Thủy là lớn hơn và xinh đẹp hơn. Huân vẫn tận tâm chỉ bảo Thủy học. Sự kèm trẻ của Huân năm nay nhiều phấn khởi, vì Hồng Thủy đã biết chăm học và tự lo liệu bài vở.

Huân cũng có nhiều dịp gặp cô Trúc trong những sinh hoạt hội kín của hai người với đoàn học sinh cứu quốc nội thành. Thật ra nhiệm vụ Huân cũng không có gì nguy hiểm, ngoài việc thỉnh thoảng lén lút rải một xấp truyền đơn ở trường hay thảo mấy tin chiến sự cho tờ bích báo của tổ chức. Huân nghĩ ra được một vài tiểu sảo để rải truyền đơn mà anh em cho là hiệu quả. Còn chuyện viết tin chiến sự cho tờ bích báo học sinh lại có cái hứng thú riêng của nó. Thường thường Huân mở đầu mục *"Người Phóng Viên Tiền Tuyến"* bằng câu nhập đề tổng quát:

" Tuần qua Vệ Quốc Quân đã đánh bại giặc Pháp và bầy lũ chó săn trên khắp mọi mặt trận."

Rồi giặc chết bao nhiêu bị thương bao nhiêu là hoàn toàn do Huân định đoạt. Súng ống bao giờ cũng tịch thu được đủ loại. Có lần để đổi món, Huân chế biến thêm những chi tiết mới. Trận đánh công voa Pháp gần đây trên Việt Bắc, kháng chiến tịch thu được mấy ngàn lít sữa tươi. Các anh Vệ quốc không thèm uống, các chị cán bộ và đám nữ cứu thương phải dùng làm kem rửa mặt mấy tháng mới hết.

Địa chỉ tòa soạn tất nhiên là được giữ bí mật, vậy mà hộp thư bạn đọc cũng rất nhộn nhịp. Nào là lá thư tiền tuyến của người anh bộ đội gửi về em gái nữ sinh hậu phương, nào là mẹ nuôi chiến sĩ nhắn con hãy yên tâm giết giặc nơi xa trường. Lại còn lá thư Nam bộ của học sinh Pétrus Ký từ Sài gòn gửi ra, hồi âm lá thư học sinh Chu Văn An từ Yên Mô gửi vào...

Thỉnh thoảng báo cũng có những tin chính xác và nóng hổi. Vụ cậu ấm Bernard De Lattre De Tassigny tử thương trong trận đánh Ninh Bình, giặc Pháp dấu nhẹm đã hơn một năm, báo Huân loan tin trước báo hàng ngày cả tuần lễ... Huân cũng được dự những buổi họp nội bộ tương đối khá cao của đoàn

thể.

Chuyện đáng ghi nhớ nhất cho Huân là hôm Huân được chỉ định viết mục quan điểm, trả lời diễn văn của tướng De Lattre De Tassigny đọc tại trường trung học Chasseloup Laubat ở Sài gòn. Ông tướng thực dân kêu gọi, hô hào, thách đố thanh niên Việt nam đứng lên đối phó với thời cuộc, và tòng quân cho đại binh Liên Hiệp Pháp. Những người sành tiếng Pháp hết lời ca ngợi bài diễn văn như một khuôn mẫu cho thể văn hùng biện. Họ nức nở khen văn chương đại tướng, và suy tôn giá trị siêu đẳng của trường St Cyr nơi tạo ra biết bao nhân vật văn võ toàn tài, với tầm vóc quốc tế.

Bài diễn văn đọc đã lâu rồi, nhưng đề tài trở lại nóng hổi với bọn Huân vì tướng Navarre vừa đưa ra chính sách mới để chống cộng sản tại mặt trận Đông Dương. Điểm chính của kế hoạch Navarre là trao trả thêm thực quyền cho chính phủ Việt Nam Quốc Gia, trong đó có vụ tổ chức quân đội Việt Nam. Và trong nỗ lực này tất có động viên sinh viên học sinh để đào tạo sĩ quan cho quân lực mới.

Huân được chỉ định công tác này vì anh chủ bút, một học sinh ban cổ điển, lại hơi kém Pháp văn nên đã lúng túng với cách đánh vần một vài chữ Pháp liên hệ đến đề tài. Huân thức một đêm trắng để thi hành công tác. Hôm đó cô Trúc tới nhà Hồng Thủy ngủ lại để giúp Huân, còn Hồng Thủy thì phụ trách ấm cà phê giải lao cho mọi người.

Huân miệt thị hai tướng De Lattre và Navarre là đạo đức giả, và gian hùng, với âm mưu trắng trợn dùng người Việt giết người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Huân khinh bỉ tính hèn nhát của người Pháp nói chung và tướng De Lattre nói riêng, định nấp sau lưng học sinh Việt Nam hòng tránh mũi súng của kháng chiến. Để kết luận, Huân tuyên bố sinh viên học sinh Việt Nam không đời nào làm bia đỡ đạn cho thực dân đế quốc.

Cô Trúc ca ngợi bài quan điểm của Huân với tất cả nhiệt thành. Và ban biên tập tấm tắc khen hay, phân tích từng câu từng chữ tác phẩm của Huân. Chỉ tiếc là tướng De Lattre đã qua đời từ năm trước và không được đọc bài quan điểm nẩy lửa này để có dịp giác ngộ mà hiểu được những tội ác của Pháp cũng như những sai lầm chính trị và chiến lược của chính bản thân.

Tướng Navarre, đương kim tư lệnh quân đội viễn chinh, cũng không được thưởng thức áng văn chính trị đầu tay của Huân. Tờ bích báo của Huân chỉ ra có một bản độc nhất do

toàn ban biên tập cặm cụi viết tay suốt đêm mới xong. Sáng hôm sau, tờ báo dán trộm trên bảng cáo thị của trường kê gần cầu thang chưa được hai giờ đã bị bác khán tuân lệnh thày hiệu trưởng bóc bỏ thủ tiêu.

Huân thầm trách thày hiệu trưởng quá nhát gan. Huân không biết rằng ông đã nhân từ giúp Huân, vì ông đã nhận ra nét chữ cũng như cách hành văn của Huân qua những bài luận được thưởng mà thầy giáo Huân thường nạp cho ông xem.

Về sau nghĩ lại Huân ngạc nhiên là bọn Huân đã không bị bắt một cách chu đáo hơn. Bạn trong lớp còn nhận ra mặt chữ của từng đứa một trong ban biên tập, huống chi những chuyên viên giảo nghiệm của sở an ninh. Có lẽ ngay cả trong sở an ninh cũng có người như ông hiệu trưởng, âm thầm xót xa cho tuổi trẻ của đám học sinh yêu nước, và thấy hành động hành động liều lĩnh của bọn Huân thực ra không phản ảnh xu hướng chính trị đệ tam quốc tế.

Tuy nhiên cũng có những người bị bắt và tra tấn tàn nhẫn, đến nỗi khi được thả ra thì kể như tàn phế... Giang bạn Huân là một thí dụ điển hình. Anh chàng hiện học cùng lớp với Huân, nhưng khi chưa bị bắt thì hơn Huân hai lớp. Anh chàng đã bị tra tấn dã man, và khi thả ra thì bại một bên cẳng. Giang phải nghỉ học suốt năm đó để chữa trị. Niên khóa tiếp theo, Giang vẫn chưa bình thường để trở lại tiếp tục học hành. Hắn bỏ về nhà ông ngoại trong một làng nhỏ ven dẫy núi Trường Sơn để tiếp tục dưỡng bệnh. Khi hắn bình phục trở lại trường thì việc học đã trễ mất hai năm.

*

Huân hội họp thường xuyên với cô Trúc, thỉnh thoảng để lo nội dung tờ báo, nhưng phần lớn là để bàn về những chuyện văn học thời sự. Mỗi lần, cô Trúc tới nhà Hồng Thủy để gặp Huân. Hồng Thủy cũng hay dự phần vào những cuộc họp này. Nhưng cô bé chỉ ngồi nghe, hay pha cà phê cho mọi người, và kể như không bao giờ phát biểu ý kiến. Giang cũng thỉnh thoảng đến chơi, nhưng không trực tiếp tham gia vào ban biên tập.

Miệt mài với sinh hoạt kháng chiến, Huân sung sướng như tìm được một lẽ sống mới. Chút nguy hiểm liên hệ không làm Huân lo âu mà còn đưa cay cho cuộc đời, như vị bia đắng mang chút đậm đà cho những hôm họp bạn của chàng trai mới lớn.

Thói quen làm việc và suy nghĩ có ngăn nắp làm Huân khám phá ra một thú vui mới là đọc sử ký.

Huân đọc sử ký để viết lách được chính xác hơn. Huân thấy

văn chương thuần túy bớt hấp dẫn. Trái lại, Huân tò mò về thời thế, về Cựu Hoàng, tên Việt gian số một mà lại mang trong huyết quản giòng máu của những chúa Nguyễn, những anh hùng đã mở mang bờ cõi và khai phá non nửa đất nước Việt Nam. Huân tò mò tìm hiểu lý do nào đã đưa Cựu Hoàng đến chỗ cộng tác với Pháp. Đi với ngoại bang thật là điều đáng trách.

Nhưng bác Hồ cũng đã có hồi muốn cộng tác với Pháp. Huân bỗng nhớ lại nỗi thất vọng của cha Huân khi ông đọc bản tóm tắt hiệp định sơ bộ Pháp Việt ký kết với tướng Sainteny, cũng như nguyên văn hiệp định Fontainebleau.

Tò mò về hai văn kiện này, Huân vội vã ra thư viện tìm đọc. Và Huân ngạc nhiên là những điều bác Hồ mong đợi thu hoạch được của Pháp qua những văn kiện ấy thật ra còn thua xa những gì Cựu Hoàng đã đạt được. Vậy mà Pháp cũng không chịu nghiêm chỉnh thi hành những thỏa hiệp ấy với Bác.

Và Huân thắc mắc là nếu những cam kết Pháp Việt đó đã được nghiêm chỉnh thi hành thì cuộc đời xung quanh Huân và cô Trúc có đẹp đẽ hơn không. Huân chắc là không, vì theo những hiệp định đó, Bác Hồ vẫn phải chấp nhận sự hiện diện của quân đội Pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Huân thoáng nghĩ sẽ đem chuyện này bàn với cô Trúc nhưng sau cùng lại đổi ý. Cô Trúc sẽ lấp liếm trả lời là những hiệp định đó chẳng qua chỉ là những bước đường chiến lược giai đoạn để tiến tới giải phóng toàn diện cho quốc gia.

Tuy nhiên với kiến thức thu lượm được qua những tài liệu sử ký kim cổ, văn chương đấu tranh của Huân càng ngày càng tiến bộ. Những bài xã thuyết của Huân làm cô Trúc ngạc nhiên thích thú. Có lần cô hỏi Huân có muốn gửi bài cho tờ Cứu Quốc, cơ quan ngôn luận đầu não của đảng. Cô ngạc nhiên khi Huân từ chối.

Khi đề nghị chuyện này, cô mong văn chương Huân được phổ biến rộng rãi. Cô tiên đoán văn tài Huân sẽ được nhiều anh chị ủy viên chỉ đạo văn hóa để ý, và cô sẽ hết mình để bạt Huân đi du học đông Âu hay Nga sô, đất hứa của những người làm văn học xã hội chủ nghĩa. Nhất là Nga Sô, quê hương những nhà văn lớn quốc tế như Tolstoi, Dostoievski, và gần hơn nữa, như Maxime Gorki... Với năng khiếu của Huân, với đam mê của Huân, Huân sẽ tiến bộ rất nhiều trong một môi trường như vậy.

*

Cô đâu ngờ rằng chính lúc văn chương đấu tranh của Huân đạt được kỹ thật cao, thì lập trường Huân lại bắt đầu lung lay, và tin tưởng của Huân vào xã hội chủ nghĩa lại bắt đầu nghiêng ngả. Cô không ngờ cuốn sách của Philippe De Villers về lịch sử Việt nam (1940 – 1952) nhà sách Du Seuil mới xuất bản năm ngoái mà cô cho Huân đọc lại có ảnh hưởng bất lợi cho kháng chiến đến thế. Và cô cũng không ngờ bản dịch Pháp văn của bộ sử Tư Mã Thiên lại tạo ra mầm mống phản cách mạng nơi Huân.

Không phải những bộ sách đó đã đầu độc Huân với những quan điểm phản động. Nhưng sự công bằng của các sử gia làm Huân xấu hổ. Huân thấy ngòi bịa đặt ra những tin chiến sự giật gân không còn là một trò chơi tinh nghịch thích thú nữa. Những sử gia Pháp thẳng thắn phê bình hành động của chính quốc gia mình, những sử quan cổ Trung Hoa không những không sợ mất danh vọng, mà còn liều cả tính mạng để chép đúng sự thật. Và Huân suy nghĩ về ý nghĩa công việc đang làm.

Tuy nhiên Huân vẫn chưa hoàn toàn thay đổi lập trường. Huân vẫn tiếp tục viết lách chăm chỉ cho hiệu đoàn học sinh cứu quốc, và bề ngoài vẫn tỏ ra hăng hái và nhiệt tâm. Huân vẫn còn thấy ngột ngạt đến phù tạng vì sự hiện diện của đoàn quân chiếm đóng kiêu căng và áp bức. Huân vẫn thấy khó thở vì những bất hạnh của xã hội xung quanh. Huân vẫn nhìn về dẫy núi Trường Sơn mờ sương phía tây thành phố, nơi có những người Việt siêu nhân, sống trong nhiệt thành, trong hy sinh, trong gian khổ vì chính nghĩa, và Huân thấy ấm áp trong lòng.

Nhưng Huân không nghĩ Cựu Hoàng là Việt gian nữa. Câu chuyện không một chiều hay đơn giản như vậy. Tất nhiên là Pháp muốn chính phủ của Cựu Hoàng mãi mãi thụ động, và cam phận đóng vai bù nhìn cho tấn tuồng chính trị quốc tế của Pháp cho đến mãn kiếp. Nhưng gọi Cựu Hoàng và chính phủ của ông là bù nhìn thì thực quá đáng. Những thắng lợi Cựu Hoàng dành lại từ tay Pháp không phải là nhỏ.

Huân thấy cả chuyện bắt lính và động viên học sinh vào những trường sĩ quan cũng không phải là một chuyện hoàn toàn xấu như Huân đã viết trong bài quan điểm của tờ bích báo. Quân lực này nếu thực hiện được sẽ thật sự đem lại chủ quyền cho chính phủ Việt Nam mà bên kia vẫn cho là bù nhìn tay sai cho giặc. Không, nếu thật là bù nhìn thì không bao giờ Cựu Hoàng lại tha thiết đòi hỏi một sức mạnh võ trang đến như vậy...

Cả đến những chính khách tham nhũng, thối nát hay thân Pháp cực đoan cha Huân thường nói đến cũng dần dần mất ảnh hưởng hay bị giải nhiệm. Và hoàng thân Bửu Lộc chưa có triệu chứng gì là tham nhũng hay bất tài. Trái lại, ông đã thành công trong việc quy tụ các nhân sĩ trong nước để thành lập Quốc Dân Đại Hội với lập trường quốc gia rõ ràng. Rõ ràng đến nỗi Pháp phải khó chịu vì đề nghị cứng rắn Đại Hội trình lên Cựu Hoàng đòi Việt nam tách rời khỏi Liên Liệp Pháp, đồng thời xét lại căn bản của liên hệ Pháp Việt.

Ảnh hưởng của hoàng thân Bửu Lộc và của nhóm Quốc Dân Đại Hội càng ngày càng mạnh, và ít lâu sau Nguyễn văn Tâm bị sa thải. Nhưng mà sao Cựu Hoàng ở mãi bên Pháp không chịu về nước sống một cách thường xuyên. Giá Cựu Hoàng và hoàng gia sinh hoạt gần với quốc dân hơn, Huân bỗng thầm ao ước.

Câu chuyện thực là rắc rối. Rồi sự việc càng ngày càng khó hiểu hơn. Huân thấy dấu hiệu đáng mừng của một nước Việt Nam quốc gia, đứng sau Cựu Hoàng, đang thu hồi thực quyền, đang bớt lệ thuộc Pháp, kể cả quyền tổ chức quân lực riêng. Chỉ có điều là mọi chuyện hình như quá trễ. Nước Việt Nam do kháng chiến lãnh đạo cũng đang lớn mạnh, với sự trợ giúp của Trung Cộng. Hồng quân Trung Hoa đã thống nhất Hoa lục cho đến biên thùy Hoa Việt, mở đường cho một tiếp vận khổng lồ cho kháng chiến Việt Nam.

Và song song với sự trợ giúp mỗi ngày mỗi lớn của Trung Cộng, Huân cũng nhận thấy những nét lý thuyết đượm màu triết học vô sản quốc tế xuất hiện trong những tài liệu cô Trúc đưa cho Huân học tập gần đây.

Thật là trớ trêu. Khi Nhật mới thua trận, Việt Nam cũng như Đông Dương không có lấy một hệ thống hành chánh để an dân. Vậy mà giờ đây, Việt nam lại có những hai chính phủ một lúc, với quân đội riêng, ngoại giao riêng, tiền tệ riêng, hành chánh riêng, và nhất là phe đảng quốc tế riêng. Huân không biết rồi tương lai xứ sở sẽ đi về đâu.

Huân giở mấy pho sử cũ mà cũng không tìm thấy một trường hợp tương tự. Chỉ có điều là mọi chuyện sẽ vô cùng rắc rối. Huân thấy trong tương lai sẽ có hai quân lực Việt Nam với sức mạnh ngang ngửa. Khi ấy dù cho có phép lạ làm cho Pháp biến đi, câu chuyện sẽ giải quyết sao đây. Huân nhớ lại câu *"nước không thể hai vua"* nhắc đi nhắc lại trong những pho sử tầu. Huân muốn sửa lại là *"nước không thể có hai quân đội"*... Và những suy nghĩ kiểu đó ám ảnh Huân trong mấy tháng cuối

năm 53. Tới lễ Giáng Sinh thì Huân hoàn toàn mất phương hướng.

•

Thời gian qua mau. Thấm thoát Tết Nguyên đán đã tới, và Huân lại sửa soạn về Nha trang ăn Tết với gia đình. Sau khi làm xong tờ đặc san *"Xuân Giết Giặc"*, Huân khoan khoái xoa tay. Bây giờ thì chàng có thể nghĩ đến những chuyện riêng tư như đi sắm quà Tết cho bố mẹ, cho bà Định, cho Hồng Thủy và cho cả cô Trúc nữa. Cả Huân cũng không ngờ đây là số báo cuối cùng mà Huân cộng tác với anh em...

Hôm Huân tạm biệt Huế, Hồng Thủy như thường lệ theo xe ca lên phi trường Phủ Bài tiễn Huân. Bây giờ thì Thủy đã quá thành thạo trong việc đưa đón. Lúc tới quầy hàng của hãng hàng không, thấy hai tay Huân đều bận bịu hành lý, Thủy đã lanh lẹ rút tấm vé cùng giấy phép chu lưu ở túi áo trên của Huân để đưa cho nhân viên hàng không làm thủ tục.

Khi đợi máy bay cất cánh, Huân ngồi tại quán nước phi trường nói chuyện với Hồng Thủy. Thủy mặc chiếc áo dài trắng cổ điển của nữ sinh Huế. Mái tóc thề óng ả đóng khung khuôn mặt chữ điền với cái cằm hơi vuông và quả quyết. Thủy ngồi yên lặng giây lâu. Rồi Thủy hỏi Huân:

" Giờ này sang năm Huân sẽ ở phi trường nào và ai sẽ đi tiễn Huân?"

Câu hỏi làm Huân lúng túng. Từ đầu niên học đến giờ, Huân đã khá bận rộn và không có dịp nhận định đây là năm cuối cùng Huân còn ở Huế. Huân trả lời đại:

" Anh chưa biết. Nhưng có điều là nếu hỏng tú tài hai phải ở lại lớp, thì Thủy còn có dịp đi tiễn anh về quê ăn Tết thêm một năm nữa. Chắc Thủy sẽ nghĩ *thật là sốt ruột, không biết bao giờ ông ấy mới chịu đi cho*".

Thủy sốt sắng cải chính:

" Đừng đổ oan em. Nếu muốn mà được, chắc Thủy muốn Huân rớt tú tài kinh niên để không bao giờ rời Huế."

Câu nói đùa không có gì quá đáng, nhưng có chút nghẹn ngào làm Huân lúng túng. Huân chưa tìm ra chuyện nói, thì Thủy đã cười cười:

" Mấy con bạn vẫn cảnh cáo em. Không nên thân với Bắc Kỳ vì trước sau gì thì Bắc Kỳ cũng ra đi..."

Huân chỉ thấy tính cách bằng dẳng của câu nói đùa, nên hơi khó chịu. Huân định chỉnh cô bé là trong sáu tháng tới Thủy vẫn còn phải coi Huân như thầy giáo. Nhưng loa phóng thanh đã nhắc mọi người đến lúc lên phi cơ.

Lúc sắp bước vào máy bay, Huân thấy Thủy vẫn còn đứng vẫy tay chào. Huân vẫy tay chào lại và thầm nghĩ Thủy có lúc cứng đầu và biếng học, nhưng thật ra là một đứa trẻ nhiều tình cảm và dễ thương.

*

Về đến nhà, Huân thấy không khí Tết vui vẻ khác thường. Mẹ Huân đang bận rộn gói bánh chưng, và nhà ngoài đầy gạo nếp, lá dong, và đỗ xanh đã đãi vỏ. Có mùi thịt heo sống ướp hành và hồ tiêu để làm nhân bánh chưng, cái hương vị quen thuộc của những ngày cuối năm. Huân nhìn quanh nhà ngoài. Có ông khách đang ngồi tại bàn nước nói chuyện với cha Huân bên ấm trà. Huân vui mừng chào hỏi cha mẹ, rồi nhìn lại khách lần nữa. Lần này thì Huân hoàn toàn ngạc nhiên và mừng rỡ. Ông khách lạ chính là bác Thức, anh ruột cha Huân. Đã lâu lắm Huân chưa được gặp lại bác.

Qua cậu chuyện hàn huyên, Huân được biết bác từ ngoài bắc vào thăm và ở lại ăn Tết với gia đình Huân. Bác Thức hơn ba Huân năm tuổi. Hai anh em rất thân nhau, nhưng tính tình và sở thích lại hoàn toàn khác nhau. Bác tồn cổ, và khi cha Huân lên tỉnh học thì bác quyết ở lại làng trau dồi tứ thư ngũ kinh. Cả hai cùng lớn lên trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ, khi người Pháp vừa đặt xong nền đô hộ trên đất nước. Cả hai cùng bị ảnh hưởng sâu đậm của ông nội Huân, cụ Tiết và nỗi bất mãn của cụ với thời thế.

Huân không biết mặt ông nội, vì khi Huân mới đầy năm thì cụ đã qua đời. Tất cả những chuyện Huân biết về cụ là do bác Thức kể. Bác Thức biết rất nhiều về lịch sử của giòng họ Lê, và bác đã ấp ủ đã nhiều năm dự định viết lại gia phả.

*

Sự tích ông nội đánh Tây là một trong những giai thoại bác Huân thích kể lại nhất. Tối giao thừa khi hai bác cháu ngồi canh nồi bánh chưng bác lại kể cho Huân chuyện này. Thực ra bác cũng không được mục kích trận đánh, mà ông nội Huân cũng tuyệt đối không muốn nhắc đến.

Theo như bà nội Huân lén kể lại cho bác, thì sự việc xẩy ra ít lâu sau khi Thăng Long thất thủ. Cụ Tiết bấy giờ mới hai mươi ba tuổi và mới cưới vợ. Như những thanh niên đầy nhiệt huyết cùng thời, cụ Tiết uất ức khi thấy nước nhà bị bạch quỷ xâm lăng. Cụ tụ tập thanh niên trong làng thành một đội nghĩa binh để đánh Pháp. Hôm điểm binh, cụ đếm được 32 người.

Giáo mác cũ có lẽ từ thời chúa Trịnh được lấy ra chùi bóng

lại. Một số võ khí khác mới hơn, hình như được rèn khi các cụ tổ làng này theo chân cụ Nguyễn Công Trứ, vâng chiếu vua di dân ra vùng biển thành lập hai quận mới là Kim Sơn và Tiền Hải. Ngoài ra lại còn ba khẩu súng hỏa mai mới nguyên cụ đã đổi được bằng hai con gà giò với đám tàn quân của tướng Hoàng Diệu, khi chúng đói khát chạy về làng hôm Thăng Long thất thủ.

Võ khí đã sẵn sàng, cụ chỉ còn cần một chiến lược để phá giặc. Xuất thân thư sinh, cụ thấy mình thật mơ hồ với việc binh đao. Nhưng cụ đã có cách. Cụ lấy binh thư Tôn Tử ra đọc.

Và như những tư lệnh cổ kim đã đọc binh thư Tôn Tử, cụ mê say với bí kíp này. Nhờ cuốn cổ thư cụ đã nhận ra điểm bất lợi đầu tiên của Pháp. Chúng từ xa xôi đến tất người mỏi ngựa mệt. Bây giờ cụ chỉ cần nghiên cứu thêm về chiến thuật. Cụ còn học được một điều quan trọng hơn nữa, là nguyên tắc biết mình biết địch.

Biết mình thì quá dễ. Ba mươi hai nghĩa binh đều là bạn cùng làng, biết nhau từ thủa ấu thơ thả diều đánh đáo. Vậy là chỉ còn có việc biết địch nữa là xong. May mắn thay trong đám tàn quân của tướng Hoàng Diệu có mấy đứa còn tá túc tại làng. Chúng an phận làm thuê gánh mướn qua ngày, và luôn tìm cách thoái thác việc gia nhập nghĩa binh. Tuy nhiên chúng vẫn hết lòng chia sẻ với cụ những kinh nghiệm hiểu biết của chúng về giặc Pháp. Cả bọn đều đồng thanh công nhận ưu điểm của giặc là súng thần công bắn vừa xa vừa mau, và súng tay nạp hậu xoắn lòng. Hỏa lực của chúng thật là khủng khiếp.

Nhưng giặc Pháp có một nhược điểm mà quân Nam chưa tận lực khai thác. Chúng không có đầu gối, và hay đi giày ống thật cao để che dấu chỗ cơ thể dị thường này. Bây giờ thì cụ sẵn sàng. Cụ suy ra một chiến thuật mới.

Chiến thắng trong tầm tay, cụ năn nỉ với cụ bà, thủa ấy mới mười tám, cho cụ mượn tạm con trâu để thết đãi nghĩa quân trước khi ra trận. Cụ cũng về nhà cha mẹ, cho đào mấy vò rượu cụ cố chôn sau vườn để tiếc ra quân thêm phần thịnh soạn.

Tiệc tàn cụ xuất quân.

Từ nửa tháng trước, cụ đã ra lệnh cho nghĩa quân đi hái găng, một thứ ổi dại thường trồng làm hàng dậu vùng quê Bắc Việt. Cụ cho trải găng trên đường cái quan rồi mai phục nghĩa binh hai bên chờ giặc.

Sau cùng giặc tới. Cụ cho bắn một loạt hỏa mai rồi ra lệnh rút lui chiến thuật để dụ giặc. Cụ hy vọng giặc sẽ đuổi theo, và dẫm phải những quả găng vừa cứng vừa tròn mà té ngã. Một khi ngã rồi, không có đầu gối, chúng chỉ còn nước nằm chờ

chết. Lúc đó là lúc nghĩa binh trở lại phản công. Chiến thắng sẽ giống như trận thủy chiến Bạch Đằng Giang, khi tổ tiên ta bẫy quân Tàu vào vùng sông có đóng sẵn cừ.

Phần đầu của cuộc phục kích xảy ra đúng như cụ tiên đoán. Vừa thấy nghĩa binh khai hỏa, giặc ỷ mạnh nhất tề xung phong. Chúng ham đuổi theo nên chạy thẳng vào quãng đường trải găng. Chỉ có điều là chỉ có vài đứa đạp găng té ngã. Nhưng ngã rồi, chúng chỉ suýt soa rồi lại nhỏm dậy tức thì, không tỏ ra chút gì lúng túng vì cái đầu gối bất thường của chúng.

Chúng vừa truy kích đám nghĩa binh vừa nổ súng liên hồi. May mắn thay có đám cỏ tranh rậm rạp bên đường cho anh em nghĩa binh kịp thời lẩn trốn. Tuy nhiên cũng có ba người tử thương, trong đó có Trần Văn Duệ, người phó quan tin cẩn mà cũng là bạn thân nhất của cụ.

Sau sai lầm chiến thuật này, cụ dẫn đám tàn binh về nhà, đào nốt mấy vò rượu còn lại để mọi người uống một bữa quên sầu trước khi giải giáp. Cụ uống nhiều hơn ai hết, và cụ cũng say hơn ai hết. Buổi tối hôm đó, khi anh em đã ai về nhà nấy, cụ vẫn say ngủ li bì. Ngày hôm sau, và ngày hôm sau nữa, cụ vẫn còn say.

Đúng ba ngày, một đêm và bốn giờ sau, cụ tỉnh rượu. Cụ ra ao tắm rửa rồi sai gia nhân xúc lúa lên thuyền chở ra chợ bán. Tiền bán lúa cụ ghé chợ huyện mua một con trâu trắng dắt về trả vợ để sửa soạn mùa cầy sắp tới. Cụ thu dọn những sách đèn bút nghiên dồn lại một đống rồi châm lửa đốt. Cả tập thơ cụ sáng tác cũng chịu chung số phận hỏa thiêu.

Ít lâu sau, khi thánh chỉ từ Huế gửi ra kêu gọi các đám nghĩa binh đầu hàng cho muôn dân được hưởng thái bình dưới chế độ bảo hộ của người Pháp, thì cụ đã trở thành một nông dân chỉ biết đến ruộng vườn, còn thế sự thì mũ ni che tai.

Mặc dầu đã cặm cụi hơn mười năm đèn sách, cụ nhất định không màng tới chuyện trường thi nữa. Mấy người bạn học cũ về sau đỗ đạt hiển vinh tới thăm viếng, cụ vẫn tay bắt mặt mừng, nhưng ai bàn đến chuyện công danh khoa mục, thì cụ chỉ cười cho qua chuyện mà không bắt lời. Về sau dân làng bầu cụ làm lý trưởng. Cụ nhận chức nhưng giữ sự liên lạc tối thiểu với các quan phủ huyện. Cụ chỉ chuyên chú về nghề nông để tự tạo cho mình và cho thân quyến một tư thế độc lập về kinh tế... Ít năm sau, cụ cũng thôi chức lý trưởng, và hoàn toàn lui về chăm sóc ruộng vườn. Năm đó cụ mới vừa ba mươi tuổi.

Tất cả những sinh hoạt văn học cũ, cụ chỉ còn giữ lại một thói quen, là thỉnh thoảng ngâm thơ. Nghe đến đây, Huân tò

mò ngắt lời bác:

" Thưa bác, ông nội thích thơ của ai."

Không ngần ngừ, bác Huân trả lời:

" Ông thích nhất là thơ của Đặng Dung. Cháu có biết bài đó không? Bác bỗng quên mất tên. Để bác đọc cho cháu nghe xem cháu có nhớ không nhé."

Rồi bác Huân hắng giọng, và bắt đầu ngâm:

" Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca,
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa,
Trí chúa hữu hoài phò địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà,
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch,
....."

Bác Huân ngưng lại. Giọng ngâm như lỡ làng ngưng lại cuối câu bẩy. Rồi lúng túng nhìn Huân, bác nói:

" Bác quên mất câu kết rồi. Mà ông nội cũng ít ngâm đến hai câu kết lắm..."

Huân đã nghe bác kể trận đánh *quả găng* này của ông nội nhiều lần khi còn ở quê nhà. Huân chỉ nhớ hồi ấy phục ông nội vì ông cả gan đánh Tây. Nhưng bây giờ khôn lớn, Huân thấy ông nội mình thật là khẩu khí và đại ngôn. Tất cả chỉ có vỏn vẹn 32 nghĩa binh, lại còn thua xiểng liểng. Gì đâu mà:

"Trí chúa hữu hoài phò địa trục"

hay:

" Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà..."

Huân thấy ngộ nghĩnh và mỉm cười một mình. Nhưng Huân lại thấy ân hận vì nụ cười phạm thượng. Rồi Huân thấy có gì xót xa cho ông nội. Mọi lần khi bác Thức kể giai thoại này, Huân thích nhất là vụ ông đem trâu của bà nội ra giết để khao quân, bất kể mùa cầy sắp tới. Huân cũng thích chí về vụ ông nội thua trận rồi mà còn đào nốt mấy vò rượu tăm của cụ cố lên uống để giải sầu trước khi giải giáp.

Nhưng Tết năm nay, ngồi canh nồi bánh chưng với bác, Huân chợt nhận thấy những chi tiết mới của câu chuyện mà trước kia Huân đã không để ý tới. Huân thắc mắc về cuộc sống của ông nội sau lần ra quân độc nhất và thất bại đó. Và thái độ yên lặng của ông từ đấy về sau. Nghe nói ông trở nên ít nói, và tuyệt nhiên không đụng đến sách vở nữa. Cả đến bổn phận quan trọng của người trưởng tộc là viết tiếp cuốn gia phả đời trước để lại, ông cũng không chịu làm.

•

Hơn nữa, tối hôm nay Huân còn được bác Huân kể những chi tiết bác chưa từng kể cho ai. Có lẽ bác thấy Huân đã trưởng thành, hay bác linh cảm thấy câu chuyện có gì liên hệ đến những thắc mắc riêng tư của Huân. Có lẽ bác thấy thái độ phê phán hay bất kính trong mắt Huân đối với cách xử thế của cụ Tiết.

Và bác kể cho Huân nỗi u uẩn của ông nội mà ít người hay.

Đó là chuyện hồn ma của Trần phó quan, bạn thân của ông nội. Ngay trong cơn say rượu vĩ đại để giải sầu trước hôm giải giáp, phó quan đã hiện về báo mộng. Hồn ma vẫn còn mặc bộ võ phục hôm tử trận, máu mê lênh láng. Có vết đạn sướt trên vai, và có vết gươm đâm nơi bụng trên. Tay trái hồn ma đỡ mớ ruột thòng ra ngoài, còn tay phải đang rán nhét từng khúc ruột trở lại trong bụng. Ông Tiết biết bạn đã chết, nhưng ông không sợ. Để giúp bạn chóng siêu độ, ông quắc mắt nói:

" Phó quan, ngươi đã thành quỷ rồi, sao còn nấn ná lại chốn trần gian. Ta với ngươi vì nước đã chọn việc hiểm nghèo mà làm, thì giết giặc hay bị giặc giết đâu có thể gọi là bất ngờ hay oan uổng. Trần phó quan, mi phải lập tức siêu thoát. Đó là lệnh của ta."

Hồn ma không tỏ oán thoán hay buồn bã, mà chỉ than phiền là hoàn cảnh mới làm y lạnh lẽo đến ruột gan. Y cũng xin là chiến cuộc đã tàn rồi, xin đừng lấy quân cách đối đãi với bạn cũ. Ông Tiết đồng ý, và chỉ vò rượu còn lưng, ông mời bạn uống. Nhưng hồn ma từ chối, vì ngay từ lúc sinh thời, hồn ma chỉ ham văn chương mà không bao giờ đụng tới rượu chè. Nhưng hồn ma lại xin cái nút vò rượu để nút vết thương ở bụng cho khỏi thòi ruột ra ngoài. Rồi hồn ma cũng xin chút ít rượu thừa để rửa máu xung quanh vết thương.

Lát sau tươm tất hơn, hồn ma ngồi xuống trò chuyện với cụ. Y cho biết sở dĩ còn lưu lại dương thế là để hoàn tất một hai chuyện dở dang. Thứ nhất là báo cáo cho bạn biết Tây có đầu gối như người thường. Và thứ hai là phải trừng trị thằng San, tên quân của tướng Hoàng Diệu đã cho cụ Tiết và ban tham mưu nghĩa quân những tin tức sai lầm, làm hư cả đại sự.

Hồn ma rủ cụ Tiết cùng đến nhà thằng San thủ phạm để trị tội. Cụ Tiết không chịu đi và hồn ma tỏ ý không vui, nhưng không dám trái lệnh. Trước khi biến đi, hồn ma còn nhắc chuyện mua trâu đến cho cụ bà để lo mùa cầy sắp tới, như hai anh em đã hứa trước khi ra trận. Chết rồi mà hồn ma vẫn còn

cư xử như lúc sinh thời, yêu kính cụ Tiết như anh ruột, và cụ bà như chị dâu.

Khi cụ Tiết tới chợ trâu, hồn ma cũng hiện về chọn trâu giùm cụ. Ruột gan lại thòng lòng ra ngoài, và hồn ma lại xin cụ Tiết một món đồ và nhờ cụ ban cho một đặc ân. Món đồ là một cái nút mới để bịt vết thương bụng, vì hồn ma đã sơ ý đánh mất cái nút cũ. Còn câu chuyện thỉnh cầu lại là đi trừng phạt thằng San.

Cụ cho bạn cái nút rượu mới, nhưng nhất quyết từ chối việc trả thù.

Cụ nhận hết trách nhiệm của người chỉ huy, và thất bại là lỗi cụ không biết phối kiểm tin tức. Cụ khuyên hồn ma nên rộng lượng với nhân sự, và quả thật thằng San chỉ vì ngu dốt mà thưa càn, chớ không có dụng tâm làm phản.

Đến khi cụ lập đàn cầu siêu cho ba tử sĩ, thì phó quan lại hiện về cho hay là một khi thằng San chưa đền tội thì hồn ma chưa thể siêu thoát được. Hồn ma lại xin một cái nút mới, vì lại đăng trí đánh mất mất cai nút cũ cụ mới cho y hôm ở chợ trâu. Cụ Tiết nhất định không siêu lòng về việc trả thù, và phó quan đành cam chịu số phận vất vưởng của những hồn ma chưa toại nguyện.

Về sau bác Thức đã chín tuổi rồi, hồn ma phó quan vẫn thỉnh thoảng hiện về. Y không nài nỉ cụ Tiết đi xử tội thằng San nữa, biết không ai có thể lay chuyển nổi cụ về việc này. Nhưng y vẫn đăng trí như lúc sinh thời, và luôn luôn đánh mất cái nút rượu để đóng vết thương. Thật ra hồn ma rất kín đáo, mỗi khi hiện về chỉ tìm gặp riêng cụ Tiết. Nhưng lần nào cụ bà cũng biết vì những dịp đó, cụ ông lại mở vò rượu mới uống vội uống vàng cho chóng hết để có nút chai cho bạn.

Năm bác thức mười tuổi thì thời cuộc lại trở nên sóng gió. Ở Huế, triều đình vô cùng hỗn loạn. Pháp đặt vua rồi phế vua như người thay áo. Quốc thể bị dầy vò ở chốn kinh đô làm chấn động kẻ sĩ bốn phương. Nhiều người lại gia nhập hội kín này, hội kín nọ để mong diệt ngoại xâm. Cả hồn ma phó quan hình như cũng bị ảnh hưởng. Lo ra vì thời cuộc hình như làm y đăng trí hơn, và hay đánh mất nút chai hơn.

Cụ Tiết vẫn không đả động đến chuyện quốc sự và vẫn yên phận làm ruộng. Nhưng bà nội Huân vẫn lo ngại, vì hồn ma hiện về thường xuyên hơn và cụ Tiết lại uống rượu nhiều hơn. Nhiều hôm cụ ở lì trong phòng cả ngày không tiếp ai, công việc nông trại không người trông nom. Trong nhà âm khí nặng nề, đến cả cụ bà cũng thấy hồn ma phó quan nữa.

Có hôm giữa ban ngày ban mặt, hồn ma tới tìm bà nội. Hồn ma dẫn tay bà nội vào nhà kho chứa lúa nơi bác Thức đang say rượu nằm ngủ li bì. Bác Thức đã bắt chước ông nội rượu chè, và đã trộm rượu của cha uống. Bà dựng con dậy dắt đến tìm chồng, thì cụ Tiết cũng đang say, và đang nghêu ngao ngâm:

" Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa...
Trí chúa hữu hoài phò địa trục,
Tẩy binh vô lộ vấn thiên hà..."

Cụ quá say để đánh đòn bác Thức, và việc áp dụng kỷ luật cho con cái lần này rơi vào tay cụ bà. Cụ bà không phiền hà, nhưng cụ ông không uống nữa, và hôm sau cụ ra khỏi phòng sinh hoạt như thường lệ. Cả hai cụ không nhắc lại chuyện bác Thức say rượu. Nhưng đám gia nhân vẫn thỉnh thoảng kể lại thành tích oai hùng của bác, mới mười tuổi mà khi uống rượu thì quỷ thần cũng phải khiếp đảm.

Ít bữa sau là rằm tháng bảy, ngày xá tội vong nhân. Đêm mười bốn, cụ bà thấy phó quan lại ruột gan thòng lòng ra ngoài, đang moi trong đống rác góc sân tìm kiếm vật gì. Bị cụ bà gạn hỏi, y lúng túng thưa:

" Chị ơi, em lại làm mất cái nút anh vừa cho rồi."

Cụ bà nghĩ thương tình, vào thưa chuyện với cụ ông. Rồi cụ chong đèn thức suốt đêm đó để làm một cái nút đặc biệt, có giây buộc vào khuy áo để nút khỏi bị thất lạc. Đêm sau là rằm tháng bảy, cụ bỏ cái nút trong một túi gấm treo lên cây thị sau nhà. Sáng hôm sau, cái túi gấm biến mất. Từ đó hồn ma không hiện về nữa. Và cũng từ đó cụ ông cai rượu hoàn toàn.

*

Khi bác Huân kể hết chuyện ông nội đánh tây thì bếp lửa đã tàn, và nồi bánh sắp chín. Huân nhìn những tảng than hồng trong bếp mơ màng. Huân nghĩ đến Trần phó quan. Huân không mê tín dị đoan. Hồn ma phó quan chắc chỉ là do niềm ân hận của ông nội Huân tạo ra.

Nhưng còn bà nội, chính bà cũng trông thấy phó quan hiện hồn về mách tội bác Thức say rượu. Lại còn việc khâu chiếc nút chai đặc biệt cho hồn ma nữa. Huân ao ước giá bà nội còn sống để Huân hỏi thêm về chuyện này.

Nhưng Huân lại nhớ đến mẹ Huân, với lối giải quyết sự việc thực tế và uyển chuyển của bà. Và Huân bỗng nhớ đến tất cả các bà vợ, bà mẹ Việt nam, bề ngoài yếu đuối èo ỉa, nhưng thực ra vô cùng can trường và đảm đang. Tình yêu bền bỉ và thực

tiễn của họ đã giúp chồng con vượt qua bao nhiêu chông gai hiểm nghèo trên đường đời.

Chỉ bà nội Huân với cái túi gấm đựng chiếc nút chai có cột sợi giây an toàn mới cứu được phần nào ông nội Huân khỏi cái ám ảnh thê lương của hồn ma Trần phó quan. Bây giờ thì cả ông nội lẫn bà nội đều qua đời đã lâu rồi.

Những cụm than hồng trong bếp đã phủ một lớp tro trắng và sắp tàn. Huân bỗng thấy thương ông nội. Chắc đến khi thua trận *quả găng* thì ông nội mới ghi nhận được thời đại của ông đã qua rồi. Và khi tỉnh cơn rượu vĩ đại đó, thì đời ông nội kể như đã hết thời, như những cụm than hồng đang tàn trong bếp lửa.

Buồn hơn nữa là những cụm than hồng chỉ tàn khi đã cháy hết thành tro, và nồi bánh chưng đã chín. Còn ông nội Huân đã không còn tham vọng nữa, khi tuổi chưa đầy ba mươi. Còn lại chăng chắc chỉ là niềm ân hận của người chỉ huy thất bại, và mơ hồ trong tiềm thức một chút đổ lỗi cho kẻ khác sự thất trận của mình.

Không biết những năm làm ruộng về sau, ông Huân suy nghĩ những gì. Không biết nỗi ân hận còn theo đuổi ông nữa không. Bao giờ ông mới thật hết cái cám dỗ đi trị tội thằng San đã bầy đặt chuyện Pháp không có đầu gối. Bao giờ ông mới thực tình tha lỗi cho nó.

Và quan trọng hơn nữa, bao giờ ông mới thực tình tha thứ cho ông.

Ông uất ức bao nhiêu vì sự lạc hậu về kỹ nghệ và khoa học của ông và của người Việt nói chung, để đến nỗi thua trận một cách thảm hại vì nghĩ rằng Pháp không có đầu gối. Rồi những năm dưới thời Pháp thuộc, ông nhận định thế sự như thế nào, ông nhận định thân phận như thế nào. Khi cha Huân nhất quyết bỏ nhà lên tỉnh học trường Pháp, thì ông suy nghĩ gì.

Huân bỗng nghĩ đến cô Trúc với lời cô nói đã lâu về số kiếp long đong của những người vì lý do này hay lý do khác đã chọn cho mình một cuộc sống đầy dẫy vò khắc khoải. Giá ở Huế bây giờ thì Huân sẽ chạy đến bàn với cô về ông nội.

Bất giác, Huân ước ao là cuộc sống ông nội không trống trải như câu chuyện bác Huân kể. Rồi Huân ước mong là ông nội đã được đời đãi ngộ một chút gì đặc biệt. Đãi ngộ gì bây giờ, Huân thầm nghĩ. Rồi Huân cao hứng ước mong là giữa ông nội và bà nội Huân có một mối tình tuyệt vời, vĩ đại như những thiên tình sử nổi danh kim cổ. Huân muốn ông nội thông minh như

vậy, và đã có hồi nhiệt thành như vậy, đam mê như vậy, phải được Trời Phật ban cho chút gì đặc biệt, để đền bù cho những nỗi niềm cô liêu của cuộc sống đơn độc mà ông đã chọn lựa về sau. Huân buột miệng hỏi bác:

" Bác. Bà nội yêu ông nội lắm phải không bác."

Bác Huân đang ngủ gà ngủ gật chợt dụi mắt. Huân nhận thấy đầu bác đã bạc trắng, và vừng trán bác đầy nét nhăn. Mới tối qua bác còn kể cho ba Huân những nỗi bất an ở làng, những cái chết oan nghiệt của những người quen biết cũ vì cộng sản đấu tố. Và chút nữa bác cũng chung số phận với những địa chủ trong vùng, nếu đảng đã không nghĩ đến thân phận góa bụa của bác, và đứa con trai độc nhất đã hy sinh cho kháng chiến.

Bác hỏi lại Huân:

" Cháu vừa nói gì."

Huân nhận thấy câu hỏi của mình lăng mạn một cách vô ý thức. Có tiếng mẹ Huân đang bước xuống bếp để rỡ nồi bánh chưng. Huân đánh trống lảng:

" Dạ, cháu nói để mẹ bóc chiếc bánh đầu nồi để hai bác cháu mình nếm..."

Cây củi cuối cùng cũng vừa cháy hết, không có chân dựa, xụm xuống đống than hồng đáy bếp. Đồng hồ chỉ mười một giờ rưỡi. Có tiếng pháo lác đác gần xa. Chỉ còn nửa giờ nữa là sang năm mới. Vậy mà còn bao nhiêu chuyện năm cũ Huân chưa gói ghém xong. Huân khó chịu khi nhận thấy năm nay đón giao thừa với một trạng thái tâm hồn không chút an bình ổn định.

*

Mai Kim Ngọc.

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ : BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

** Bệnh nội khoa ; Tiểu đường, Máu cao..v.v..*
Bệnh phổi : Ho, Suyễn, Đau ngực, Lao, Khó thở...

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường : 9-12 AM và 1-6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St. Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Tel : (714) 641. 0263

PHƯỢNG 'S

GENERAL MERCHANDISE

TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
** Cần đại lý ở các tiểu bang* *Kính mời*

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St, Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Danh lòn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego và ngoài L.A County xin gọi Collect*

BÁC SĨ TRẦN TIỄN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
* Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
* Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
* Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

* *Các bệnh trĩ và mạch lươn bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
* *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
* *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
* *Tầm ung thư ở vú và ngực*
* *Các loại bướu ở đầu và cổ*
* *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
* *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
* *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
* *Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683

By Appointment Only : ***(714) 898.1177***

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706

(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN

SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu. Tune-up

Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM

Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

TRUNG THANH NGÔ MD

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA, PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

14571 Magnolia Ave. Suite # 110
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 895-1133

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

REX
INSURANCE AGENCY

VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP

TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI

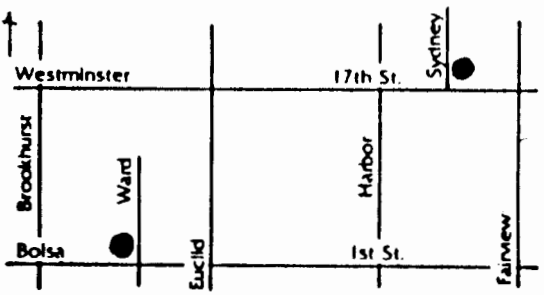

Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quí thân chủ một năm Mậu Thìn như ý.

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

VĂN-BÚT

Một đóng-góp quan-trọng
của Trung-Tâm Văn Bút VN
tại Gia-nã-đại
cho sinh hoạt văn nghệ lưu vong

VỚI SỰ GÓP BÚT CỦA :

Bắc Phong—Bảo Vân—Đỗ Khánh Hoan
Đỗ Quý Toàn—Hoàng Xuân Sơn—Luân Hoán
Nguyễn Đức Bạt Ngàn—Nguyễn Ngọc Ngạn
Phan Ni Tấn—Trang Châu—Vũ Kiện
Võ Kỳ Điền v.v...

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU :
LÀNG VĂN
P.O. Box 676 Station "C"
Toronto, Ont. M6J 3S1 Canada

ĐẠI DIỆN VĂN HỌC Ở ÂU CHÂU

Bạn đọc Văn Học ở Âu châu, nhất là tại Pháp muốn mua thường xuyên báo Văn Học, để tránh những phiền phức trong thủ tục chuyển ngân, có thể liên lạc với đại diện của Văn Học tại Âu châu là :

Mr Lê Tất Luyện
15 Place Souham
75013 Paris, FRANCE
Điện thoại : 45831912.

TẬP SAN HOA SEN

TRỤ SỞ: CHÙA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Cố vấn : T.T. Thích Trí Chơn, T.T. Thích Minh Tâm, T.T. Thích Nguyên Đạt, Đ.H. Tôn Thất Niệm.

Chủ trương : Đ.Đ. Thích Pháp Châu, Đ.H. Trần Ngọc Ninh, Đ.H. Châu Văn Kiệt, Đ.H. Trần Văn Đôn, Đ.H. Ngô Trọng Anh, Đ.H. Võ Văn Tùng, Đ.H. Trần Sĩ Lâm, Đ.H. Bùi Đồng, Đ.H. Vũ Quang Bân, Đ.H. Lê Đức Xuân Tô, Đ.H. Nguyễn Thị Kim Chi, Đ.H. Nguyễn Thị Xuân Nhạn, Đ.H. Võ Đình Hữu.

Chủ bút :

* Đ.Đ. Thích Pháp Châu : phụ trách phần Phật pháp, Phật sự.)

* Nguyễn Mộng Giác : phụ trách phần văn học, nghiên cứu khoa học nhân văn)

Tổng thư ký : Hà Trung

Cộng tác : Huỳnh Trung Chánh, Trúc Chi, Nghiêu Đề, Phan Tấn Hải, Nghiêm Xuân Hồng, Như Hùng, Trần Văn Kha, Nguyên Khai, Nguyễn Đức Lập, Lê Khắc Lý, Viên Lý, Linh Linh Ngọc, Nguyễn Tất Nhiên, Tâm Như, Nguyễn Thuyết Phong, Nguyễn Tường Quí, Nguyễn Khoa Tần, Đỗ Hữu Tài, Nhật Tiến, Minh Đức Hoài Trinh, Trần Bình Trọng, Tôn Thất Tuệ, Trần Văn Tích, Phạm Công Thiện.

Thư từ bài vở và tiền bạc : Xin gửi về :

Đ.Đ Thích Pháp Châu
12292 Magnolia St., Garden Grove, CA 92641
Điện thoại : (714) 534-7263

** Bài của cộng tác viên cũng như độc giả không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Hội đồng Cố vấn và Ban Chủ trương tập san Hoa Sen.*

** Bài gửi cho Hoa Sen xin đánh máy hoặc viết trên một mặt giấy. Ngoài bút hiệu xin ghi tên thật, địa chỉ và điện thoại liên lạc. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu muốn được trả nhuận bút xin ghi rõ "Bài có nhuận bút".*

** Trích dịch và in lại của Hoa Sen phải có sự thoả thuận trước và phải ghi rõ xuất xứ.*

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM

TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.

Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số: .....đến..... .....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

Tìm mua ngay tại các hiệu sách
hoặc liên lạc mua thẳng tại nhà xuất bản

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301 Westminster, CA. 92683 USA

Phone : **(714) 832.8445**

bốn tác phẩm mới nhất của năm 1988:

NỤ CƯỜI TRE TRÚC

tập truyện ngắn xuất sắc và độc đáo
của nhà văn Kiệt Tấn
Giá tại Hoa Kỳ 11 MK

YÊU CON

DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT

Cuốn sách giáo dục cần thiết
cho mọi gia đình tại hải ngoại
của nhà thơ Đỗ Quí Toàn
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

CON SUỐI MÙA XUÂN

Tập truyện của Võ Hồng
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

TÌM PHẬT Ở ĐÂU

của Minh Tâm
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

Bạn đọc ở các nước ngoài Hoa Kỳ muốn mua sách thẳng từ nhà xuất bản Văn Nghệ, xin gửi thêm 1 MK cước phí, và tiền mua sách trả bằng Mỹ Kim gửi theo lối International Money Order.

Sách sẽ phát hành trong tháng 4.1988:

TÙ NGỤC

VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY

tập thơ của Nguyễn Ngọc Thuận
Tựa của Đào Trường Phúc
Văn Nghệ xuất bản và phát hành

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ: 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC
MIỀN NAM 54 - 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 13 MK

KỶ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHU CHI
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN
VĂN CHƯƠNG
của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

HÓA RA NÉT CHỮ LÊN
ĐÀNG QUẦN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

HỢP LƯU
Truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 13 MK

XUÔI DÒNG
Tập truyện của
NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
Truyện dài LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập CAO TẦN
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
Tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ: 9 MK

TẠP LUẬN
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 14 MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 9 MK

TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

XỨ SẤM SÉT
tuyển tập VÕ ĐÌNH
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

VÒNG ĐAI XANH
tiểu thuyết của
NGÔ THẾ VINH
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

Ngoài nước Mỹ thêm 1$00

Giá tại Hoa Kỳ 3 MK.